



Wu Ming-Yi

Nguyễn Phúc An dịch

người
mắt
kép

Tiểu thuyết

複眼人

Copyright © 2011 by Wu Ming-Yi

Vietnamese edition © 2021 Phanbook

Published by agreement with the author, through The Grayhawk Agency, Ltd.
All rights reserved.

e-Book này được thực hiện trên tinh thần thiện nguyện, phi lợi nhuận và phục vụ cộng đồng người đọc chưa có điều kiện mua sách giấy.

Thông tin eBook

Tên sách:
Người Mắt Kép

Nguyên tác:
複眼人

Tác giả:
Wu Ming-Yi

Dịch giả:
Nguyễn Phúc An

Phát hành:
Công ty TNHH Phan Lê & Friends

Xuất bản:
NXB Hội Nhà Văn

ISBN:
978-604-319-921-5

Số trang / Khổ giấy:
360 / 16 x 24 cm

Giá bìa:
336.000đ

Ngày phát hành:
06/2021

Tạo eBook:
@huyetleid0907, 03/2024



WU MING-YI (Ngô Minh Ích) sinh năm 1971; là nhà thiết kế, nhiếp ảnh gia, giáo sư văn chương, nhà sưu tập bướm, nhà hoạt động môi trường; từng giảng dạy văn chương Trung Hoa và môn Viết sáng tạo tại *National Dong Hwa University* (2000-2006).

Từ 2007 trở đi, ông dành nhiều thời gian cho sáng tác và trở thành một nhà văn gây chú ý qua các tiểu thuyết: *Routes in the Dream* (2007), *The Man with the Compound Eyes* (*Người mắt kép*, 2011), *The Stolen Bicycle* (*Chiếc xe đạp mất cắp*, 2015)... và các tuyển tập tiểu luận: *So Much Water So Close to Home* (2007), *Above Flame* (2014)...

Phanbook đã ấn hành:

- *Chiếc xe đạp mất cắp* (2020).

Một hòn đảo rác khổng lồ ập vào bờ biển Đài Loan đã làm biến đổi vĩnh viễn số phận hai con người xa lạ tưởng chừng không bao giờ có cơ hội gặp gỡ: một thiếu niên mười lăm tuổi từ một hòn đảo trên Thái Bình Dương và một nữ giáo sư có chồng và con trai bị mất tích trong một chuyến leo núi khát khao được kết liễu mạng sống của mình.

Kết hợp nhuần nhuyễn và táo bạo chủ nghĩa hiện thực huyền ảo với dụ ngôn về môi trường, *Người mất kép* là câu chuyện lạ thường về mối quan hệ trong gia đình, ý nghĩa của tình yêu, và những tác hại lâu dài của việc phá hủy thiên nhiên của con người.

"Chúng ta chưa từng đọc thứ gì như cuốn tiểu thuyết này. Chưa bao giờ. Nam Mỹ đã trao cho chúng ta chủ nghĩa hiện thực huyền ảo - còn Đài Loan thì trao cho chúng ta gì đây? Một cách kể mới về hiện thực mới của chúng ta, đẹp đẽ, thú vị, đáng sợ, phi lý, chân thật. Hoàn toàn không ủy mị nhưng cũng chưa bao giờ tàn bạo, Wu Ming-Yi đối xử với sự yếu ớt của con người và của thế giới bằng sự dịu dàng đầy can đảm."

_ Ursula K. Le Guin

Người Wayo Wayo không hỏi tuổi tác của người khác, họ cao lớn lên như những ngọn cây, phơi bộ phận sinh dục của mình ra như những bông hoa, lẳng lặng đợi chờ thời gian trôi qua như những con sò, và chết đi trong nụ cười hoen trên mép như những lão rùa biển. Tâm hồn họ già cỗi hơn một chút so với hình hài, và lại do lẳng nhìn biển trong một thời gian dài, ánh mắt họ mang vẻ ưu tư. Người già mắc chứng cườm khô.

_ Người mất kép

Đây là một cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng... giống như những tác phẩm hay nhất của Margaret Atwood cũng là tiểu thuyết khoa học viễn tưởng... Đồng thời, nó cũng nằm trong truyền thống chủ nghĩa hiện thực huyền ảo của Gabriel García Márquez.

_ Jason Sheehan, NPR

Người
mắt
kép

Wing above wing, flame above flame



CHƯƠNG MỘT

Người Wayo Wayo không hỏi tuổi tác của người khác, họ cao lớn lên như những ngọn cây, phơi bộ phận sinh dục của mình ra như những bông hoa, lẳng lẳng đợi chờ thời gian trôi qua như những con sò, và chết đi trong nụ cười hoen trên mép như những lão rùa biển. Tâm hồn họ già cỗi hơn một chút so với hình hài, và lại do lẳng nhìn biển trong một thời gian dài, ánh mắt họ mang vẻ ưu tư. Người già mắc chứng cườm khô.

1.

Hang động

TRONG TIẾNG RÓC RÁCH CỦA DÒNG NƯỚC trong khe nứt, ngọn núi bỗng phát ra một tiếng rền vang động nhưng âm hưởng lại giống như được vọng về từ một nơi xa xôi.

Mọi người bỗng chốc lặng đi một lúc.

Lý Vinh Tường hét to. Đó không phải là tiếng nước chảy, không phải; chắc chắn cũng chẳng phải là tiếng đá lăn hay vách núi sạt lở, đương nhiên cũng không phải là tiếng nói vọng lại. Nó giống với tiếng rảng rắc của một bình chứa bằng thủy tinh tuyệt mỹ, đột nhiên bị một vật gì đó va phải, thoát nhìn chẳng chút vết tích nào, nhưng kỳ thực đã âm thầm xuất hiện một vết nứt nhỏ ở một góc nào đó. Nhưng âm thanh tức thì ẩn bật, tiếp theo đó mọi người ở dưới lòng đất và phòng chỉ huy chỉ còn nghe được tiếng thở của nhau, ngoài ra là tiếng xè xè của vô tuyến điện.

Detlef Boldt thở dài đánh thượt, hỏi một câu bằng tiếng Anh giọng lơ lớ: "Mọi người có vừa nghe thấy tiếng gì không?" Không ai đáp lại, nhưng thực chất mọi người đều có nghe thấy, chỉ không biết phải miêu tả như thế nào thôi. Ngay lúc ấy, hệ thống điện đột nhiên bị cắt đứt hoàn toàn, hang động nằm sâu trong núi này phút chốc trở nên đen kịt. Tất cả mọi người đều chỉ nhìn thấy bóng đen trước mắt, nhưng thực chất là không thấy gì cả. Khi đó, âm thanh kia lại một lần nữa xuất hiện, giống như có một vật khổng lồ đang tiến đến gần hoặc rời khỏi ngọn núi.

"Im lặng! Im lặng chút nào!" Lý Vinh Tường cố tình nói thật nhỏ, hòng tránh tình trạng sóng âm tạo nên chấn động cho vách núi, lại gây ra sạt lở. Nhưng kỳ thực thì mọi người đã im lặng từ lâu rồi.

2. Đêm cuối của Atile'i

NGƯỜI DÂN TRÊN ĐẢO WAYO WAYO cho rằng thế giới là một hòn đảo.

Hòn đảo nằm ngay trên một vùng biển rộng lớn vô biên, cách xa lục địa. Trong ký ức còn có thể nhớ được của dân đảo, tuy người da trắng từng lên đảo, nhưng chưa có người nào sau khi rời khỏi đảo mà mang về lại một chút ít tin tức gì từ lục địa. Người Wayo Wayo tin rằng thế giới là biển, và Kabang (nghĩa là "thần" trong tiếng Wayo Wayo) đã tạo ra hòn đảo này cho họ. Giống như một cái vỏ sò rỗng nho nhỏ được đặt vào một chậu nước lớn, đảo Wayo Wayo trôi dạt đi khắp nơi theo thủy triều lên xuống, biển chính là nguồn lương thực cho người dân Wayo Wayo. Nhưng có một số loài là hóa thân của chính thần Kabang, ví dụ như loài cá có màu sắc pha trộn giữa trắng và đen có tên là Asamu, do thần Kabang cất đặt đến để dọa thám, giám sát người Wayo Wayo bất cứ lúc nào, vì vậy được người Wayo Wayo kể vào loài không được ăn thịt.

"Ai mà bất cẩn ăn phải loài cá này, một mảng vảy cá sẽ mọc ra ở bên cạnh rốn của họ, suốt đời không thể nào bóc ra được." Bước từng bước đi khắp khiêng, tay chống một chiếc gậy bằng xương cá voi, vào mỗi buổi chiều tà, thầy Quản biển thường ngồi dưới gốc cây kể cho bọn trẻ nghe những câu chuyện có liên quan đến biển trên đảo Wayo Wayo, cho đến lúc mặt trời đã lặn sâu vào lòng biển, kể cho đến khi bọn trẻ trở thành những thiếu niên thông qua buổi lễ thành nhân. Lời của ông mang đậm mùi vị biển, mỗi một làn hơi phả ra đều mang vị mặn của muối.

"Mọc vảy cá rồi sẽ ra sao?," một cậu bé hỏi. Những đứa trẻ ở đây đều có đôi mắt to giống như mắt của loài động vật đi đêm.

"Ây da, con của ta ơi, loài người không thể mọc vảy được, cũng giống như loài rùa không thể nào nằm ngửa bụng lên trời mà ngủ vậy đó."

Một hôm khác, thầy Quản đất dất đám trẻ đến mô đất giữa hai thung lũng, nơi đó mọc đầy akaba, loài thực vật có hình dạng như bàn tay. Trên đảo có rất ít loài thực vật có thể cung cấp tinh bột, akaba chính là một trong số ít đó. Chúng mọc thành bụi dày trông giống như đang thò vô số những cánh tay lên không để xin xỏ. Do hòn đảo quá nhỏ, cũng không có công cụ gì để sử dụng, khi trồng loài thực vật này dân trên đảo sẽ chắt đầy những viên đá vụn, để vừa chắn gió, vừa giữ ẩm cho đất. "Phải có tình yêu, rào bọc đất đai lại bằng tình thương yêu, đất là thứ quý giá nhất ở trên đảo Wayo Wayo này, như nước mưa và trái tim của phụ nữ vậy." Thầy Quản đất dất bọn trẻ đi và chỉ cho chúng nó học cách đắp đá, da ông như lớp đất bùn khô nứt nẻ, sống lưng gù lên

như một mô đất: "Trên thế gian này chỉ có Kabang, biển và đất là đáng được tin tưởng thôi, các con ạ."

Ở phía Đông Nam của hòn đảo có một vùng trũng được bao bọc bởi một dãy san hô vòng, đây là nơi thích hợp cho dân đảo bắt cá bằng vợt nhỏ và mò bắt các loại sò. Bên ngoài chũng "mười vỏ dừa" (tức là khoảng cách ném vỏ dừa đi mười lần) về phía Đông Bắc của hòn đảo, có một dãy san hô vòng, và nó sẽ lộ ra rành rạnh khi thủy triều rút hết, đây chính là nơi tụ tập của loài chim biển. Dân đảo dùng một công cụ bắt chim có tên là *gawana* được làm bằng các nhánh cây. Xét về hình dạng thì *gawana* cũng đơn thuần như một chiếc gậy chuốt nhọn, dân đảo đục một cái lỗ ở đầu không vót nhọn, xỏ một dây thừng được bện bằng cỏ keiskei. Người Wayo Wayo mang theo *gawana*, cõi một chiếc *talawaka*¹ con đến gần dãy san hô vòng, rồi mặc cho dòng chảy cuốn họ men theo đường nước. Họ cố tình tỏ vẻ không để ý gì đến bọn chim biển, cầu nguyện với thần Kabang tận đáy lòng. Thế là trong khoảnh khắc mà dòng chảy đưa *talawaka* đến gần những chú chim thì họ đột nhiên cố hết sức tung *gawana* ra. Những vòng dây thừng được thần Kabang ban phước sẽ khéo léo tròng vào cổ những con chim biển, và chỉ với một cái trở tay, thì họ có thể dùng đầu nhọn *gawana* đâm chết chúng, máu sẽ từ mũi nhọn ấy rỏ xuống, giống như chính *gawana* mới là thứ bị tổn thương. Hải âu mày đen, chim điên, cốc biển, hải yến và mòng biển... đều chống chọi với *gawana* bằng chính sức sinh sản của mình, vào mùa xuân chúng dừng lại làm tổ và đẻ trứng trên đảo. Do đó vào mùa này người dân Wayo Wayo được ăn trứng mỗi ngày, nụ cười mãn nguyện nhưng tàn khốc hằn lên khuôn mặt.

Cũng giống như bất cứ hòn đảo nào khác, ngoài nước mưa và một hồ nước ở trung tâm đảo Wayo Wayo, ở đây thường xuyên thiếu nước ngọt. Và lại thực phẩm chính là chim và cá mang hàm lượng muối rất cao, khiến cho dân đảo Wayo Wayo trông vừa đen vừa gầy, thường mắc chứng táo bón. Dân Wayo Wayo mỗi buổi sáng sớm quay lưng ra biển mà đại tiểu tiện vào những cái lỗ tự đào, nhiều người chảy cả nước mắt vì cố sức rặn.

Hòn đảo không lớn, bằng quãng đường đi bộ của một người bình thường thì đại khái có thể đi giáp một vòng đảo với khoảng thời gian từ bữa sáng đến quá bữa trưa một chút. Cũng chính vì hòn đảo không lớn, cho nên dân đảo quen nói tiếng lóng bằng cụm từ "mặt ra biển" hay "lưng ra biển," tiêu chuẩn của việc mặt ra biển hay lưng ra biển được xác định bằng ngọn núi trọc ở giữa đảo. Lúc tán gẫu thì mặt ra biển, lúc ăn cơm thì lưng ra biển, khi cúng tế thì mặt ra biển, lúc làm tình thì lưng ra biển, hồng tránh xúc phạm đến thần Kabang.

¹ Talawaka là một loại thuyền con, thuyền độc mộc.

Đảo Wayo Wayo không có tù trưởng, chỉ có những trưởng lão, trong số những trưởng lão có một người được gọi là "trưởng lão đại dương" có trí tuệ. Cửa của những ngôi nhà trưởng lão đại dương từng sống sẽ được day mặt ra biển, như một chiếc xuống con lật úp, hai bên lườn được trang trí bằng vỏ sò hoặc điêu khắc. Vách nhà được dán da cá, phía trước nhà được dân đảo lấy san hô dựng thành một bức tường hòng chắn gió cho ngôi nhà. Dân đảo không cách nào có thể đi đến một nơi mà không nghe được tiếng của biển, không cách nào có thể nhả ra một câu nói mà không có biển. Vào buổi sáng sớm gặp nhau thì họ nói: "Hôm nay ra biển chứ?," buổi trưa thì hỏi: "Ra biển hóng gió lành không?," thậm chí vào ngày sóng to gió lớn không thể nào đi biển được, buổi tối gặp nhau thì họ vẫn cứ nheo nhéo: "Chốc nữa tôi muốn nghe anh kể chuyện biển." Hằng ngày dân đảo ra biển bắt cá, gặp ai đó họ sẽ đứng trong bờ mà hét to: "Đừng để Mona'e đánh cắp tên mình đi mất nhé!." Mona'e có nghĩa là sóng biển. Gặp nhau thì chào nhau bằng câu: "Hôm nay thời tiết trên biển trong lành không?," cho dù biển đang động sóng to, thì người kia cũng được trả lời chắc chắn rằng: "Rất trong lành." Âm điệu của tiếng Wayo Wayo giống như tiếng kêu của loài chim biển, the thé và trong trẻo; như đôi cánh chim biển, gặp lúc đảo liệng có chút run rẩy, khi dứt câu sẽ phát ra một tiếng đuôi tùm giống như chim biển phóng vào lòng nước.

Thỉnh thoảng dân đảo Wayo Wayo thiếu lương thực, đôi lúc vì thời tiết quá xấu khiến họ không đi biển được, hoặc nhiều khi hai bộ lạc dấy lên xung đột, nhưng bất luận là sống qua ngày như thế nào, thì ai ai cũng giỏi kể muôn vàn câu chuyện về biển. Họ kể trong lúc ăn cơm, nói trong khi chào nhau, trong khi tế bái, trong lúc làm tình, thậm chí cả khi nói mớ trong giấc ngủ. Tuy là chưa có những ghi chép hoàn chỉnh nào, nhưng nhiều năm sau hoặc nhiều nhà nhân loại học đều biết rằng đảo Wayo Wayo là nơi chứa đựng nhiều câu chuyện về biển nhất, mỗi người trong số họ đều có một câu cửa miệng rằng: tôi kể cho anh nghe một câu chuyện về biển. Người Wayo Wayo không hỏi tuổi tác của người khác, họ cao lớn lên như những ngọn cây, phơi bộ phận sinh dục của mình ra như những bông hoa, lẳng lẳng đợi chờ thời gian trôi qua như những con sò, và chết đi trong nụ cười hoen trên mép như những lão rùa biển. Tâm hồn họ già cỗi hơn một chút so với hình hài, và lại do lặng nhìn biển trong một thời gian dài, ánh mắt họ mang vẻ ưu tư. Người già mắc chứng cườm khô. Những người già đã mất đi thị lực từ rất sớm trước khi chết thường hỏi con cháu bên cạnh rằng: "Hôm nay thời tiết trên biển trong lành không?." Người Wayo Wayo cho rằng được nhìn thấy biển trước khi chết là một ân huệ của thần Kabang. Họ mong ước trong đời, cho đến trước lúc nhắm mắt vẫn khát khao được lưu giữ hình ảnh của biển vào tâm trí.

Bé trai trên đảo Wayo Wayo khi mới sinh ra đời được cha mình chọn cho một gốc cây, mỗi chu kỳ chết đi rồi sống lại của mặt trăng, họ khắc lên thân cây một vạch làm dấu, cho đến khi được một trăm vạch, thì đứa bé trai phải làm một *talawaka* cho chính

mình. Vài năm trước đây, có duy nhất một nhà nhân loại học người Anh tên là S. Percy Smith từng ở lại trên đảo một thời gian và đã ghi chép lại về *talawaka* bằng cái tên là thuyền độc mộc. Kỳ thực không phải vậy, nó giống một loại thuyền cỏ hơn. Do hòn đảo quá nhỏ, và không có nhiều loại cây thân gỗ với đường kính thân cây đủ lớn để có thể làm ra thuyền độc mộc, ghi chép của Smith có thể nói là một chuyện hài trong lịch sử nhân loại học, nhưng không đến nỗi là một chuyện hài ngu xuẩn, vì bất cứ người nào thoát thấy *talawaka* đều sẽ tưởng rằng nó được làm ra từ một thân cây. Trước tiên, người Wayo Wayo lấy nhánh cây, mây và ba bốn loại cỏ lau bện thành khung sườn, rồi dùng nước để phân hủy sợi thực vật thành một loại hỗn hợp giấy, tước lên đó, lặp lại việc này những ba lần; sau khi hoàn thành, những khe hở sẽ được lấp đầy bằng một loại than bùn lấy từ đầm lầy, lớp ngoài cùng được phết một lớp nhựa cây nhằm chống thấm nước. Thoạt nhìn bề ngoài, *talawaka* thực sự rất giống một thân cây to được khoét rỗng bên trong một cách chắc chắn và hoàn hảo.

Chàng trai trẻ ngồi bên bờ lúc này, sở hữu một chiếc *talawaka* đẹp đẽ và chắc chắn nhất hòn đảo. Khuôn mặt cậu mang đậm đặc trưng của người Wayo Wayo, mũi tẹt, tròng mắt sâu hoắm, da sáng như ánh mặt trời, sống lưng buồn bã và tứ chi như những mũi tên. "Atile'i, đừng ngồi ở đây, quý ở dưới biển sẽ nhìn thấy cậu đấy!" Một người già đi ngang qua, hét to về phía chàng trai trẻ.

Atile'i đã từng giống như những người Wayo Wayo khác, cho rằng thế giới là một hòn đảo, như một vỏ sò rỗng trôi dạt trên biển.

Atile'i học được cách làm thuyền từ cha cậu. Người trong tộc khen cậu là người làm thuyền có kỹ thuật cao nhất trên đảo, thậm chí còn qua mặt cả anh mình là Nale'ida. Tuy tuổi còn nhỏ, nhưng cơ thể của Atilèi rất thích hợp làm cá, với một hơi lặn dưới nước cậu có thể bắt được ba con cá nục heo cỡ. Tất cả các cô gái trên đảo đều mến mộ Atile'i đến tận đáy lòng, mơ mộng có một ngày nào đó sẽ được Atile'i chặn lại ở giữa đường, vác mình vào trong bụi rậm. Sau đó đợi cho ba lần trăng tròn, sau khi biết chắc rằng mình đã mang thai, cô sẽ lén báo với Atile'i, rồi về nhà tỏ vẻ như không có chuyện gì xảy ra và đợi Atile'i mang một con dao làm từ xương cá voi đến để cầu hôn. Thậm chí, kể cả Rasula là cô gái đẹp nhất đảo cũng mong vậy.

"Số phận của Atile'i nằm ở chỗ cậu là con trai thứ, con trai thứ có giỏi lặn cũng chẳng ích lợi gì, vì Thần Biển mới cần con trai thứ, chứ đảo Wayo Wayo không cần." Mẹ của Atile'i thường nói như vậy với mọi người chung quanh. Mọi người cũng gật đầu đồng tình, sinh ra một đứa con trai thứ xuất sắc là nỗi khổ tâm nhất của người Wayo Wayo. Mẹ của cậu nói từ sáng, cho đến tối, đôi môi dày cộm của bà cứ mấp máy, cứ

như thế nói mãi đi rồi lâu dần Atile'i sẽ có thể rũ bỏ được cái số phận là con trai thứ của mình vậy.

Trừ khi con trai trưởng yếu mệnh, con trai thứ trên đảo Wayo Wayo rất ít khi kết hôn, sau đó thì trở thành "trưởng lão đại dương." Vì sau khi sinh ra được một trăm tám mươi lần trăng tròn, họ sẽ được giao phó trách nhiệm thực hiện một chuyến đi biển không ngày trở lại. Trong chuyến đi biển này họ chỉ được mang theo một lượng nước uống trong vòng mười ngày, và không được quay đầu trở lại. Vì vậy mà đảo Wayo Wayo có một câu ngạn ngữ có liên quan đến con trai thứ, rằng "Đời con trai thứ của nhà anh chị quay về hầy tính." Rất đơn giản, có nghĩa là "chuyện ấy tuyệt đối không thể xảy ra."

Mi mắt Atile'i máy động, tinh thể muối bám trên cơ thể từ nước biển đã khô phản chiếu lấp lánh, trông cậu tựa như con trai Thần Biển. Ngày mai cậu phải cỡi chiếc *talawaka* ra biển. Cậu leo lên mỏm đá ngậm cao nhất của đảo Wayo Wayo, dõi mắt nhìn từng đợt từng đợt sóng biển mang theo những nếp gấp trắng tinh từ đằng xa xô lại. Bọn chim biển bay là đà men theo bờ, khiến cậu nghĩ về Rasula dịu dàng như hình ảnh của những cánh chim đang bay. Cậu cảm giác như thể tim mình đã bị sóng vỗ đập vài triệu năm ròng, sắp sửa vỡ tan tành ra vậy.

Trời chập tối, những cô gái say đắm cậu ở trong tộc vẫn cứ ẩn nấp như thường lệ. Hầu như chỉ cần Atile'i áp mé bụi rậm là y như rằng cậu bị chặn lại, còn cậu thì hằng mong rằng cô gái nấp trong bụi ấy là Rasula, nhưng Rasula thì bất không xuất hiện. Atile'i lần lượt làm tình với từng cô gái khác nhau lần trốn ở từng bụi rậm khác nhau, và đây chính là thứ mà cậu còn có thể lưu giữ được chút gì cho đảo. Khi bị một cô gái kéo vào trong bụi rậm, bạn buộc phải làm tình với cô ta, đây là luật lệ của người Wayo Wayo, đạo đức của Wayo Wayo, cũng chính là cho mình một cơ hội để lưu lại một đứa con Wayo Wayo. Cũng chỉ có duy nhất một đêm trước ngày người con trai thứ ấy ra biển, thì những cô gái Wayo Wayo mới được phép chủ động mai phục bắt lấy người tình của mình. Atile'i tiếp tục đi về phía bụi rậm hướng nhà của Rasula, cố hết sức làm tình, không phải vì khoái cảm xác thịt, mà vì muốn đến được gần nhà Rasula hơn trước khi trời sáng, vì dự cảm của cậu cho biết rằng nhất định sẽ gặp được cô. Tất cả các cô gái đều cảm giác được mặc dù Atile'i đã đi vào trong mình, nhưng lại vội vã rút ra, vì vậy mà bọn họ đã buồn bã hỏi:

"Atile'i, sao anh không yêu em?"

"Cô biết mà, tình cảm của con người không cách nào có thể kháng cự lại với biển đâu."

Mãi đến khi bầu trời sáng lên như màu bụng cá thì Atile'i mới đến được gần nhà Rasula. Một đôi tay từ trong bụi rậm thò ra nhẹ nhàng kéo cậu vào trong. Atile'i run

lên như một con chim biển ngồi xổm bên tảng đá tránh sét, hầu như không thể nào cương cứng, không phải vì quá mệt mỏi, mà vì ngay lúc cậu trông thấy đôi mắt của Rasula, thì cảm giác như tim mình vừa bị sửa đốt.

"Atile'i, sao anh không yêu em?"

"Ai nói thế? Tình cảm của con người không cách nào có thể kháng cự lại với biển đâu."

Họ ôm nhau một lúc lâu. Tuy mắt đang nhắm, nhưng Atile'i có cảm giác như cơ thể đang lơ lửng, cúi nhìn một hải vực sâu vô tận. Cơ thể cậu dần tỉnh lại, cậu thử quên đi việc chốc nữa đây mình sẽ phải ra biển, chỉ muốn nhân lúc còn cương cứng, cố gắng cảm nhận hơi ấm bên trong Rasula. Trời vừa sáng, tất cả người trong làng đều ra cửa biển để tiễn cậu. Ngoài thầy Quản biển và thầy Quản đất ra, thì dân đảo Wayo Wayo không ai biết cả, kỳ thực thì những linh hồn của những người con trai thứ ra đi trước đây đều đã quay về. Họ sẽ đi cùng với Atile'i có làn da sáng lấp lánh như con trai Thần Biển này, cỡi trên chiếc *talawaka* do chính tay cậu làm, mang theo "chiếc sáo biết nói" mà Rasula tặng cậu, hướng theo con đường biển vận mệnh chung của mọi đứa con thứ mà ra đi.

3.

Đêm cuối của Alice

VÀO MỘT SỚM MAI THỨC DẬY, Alice quyết định tự sát.

Thực ra thì hầu như cô đã chuẩn bị sẵn sàng tất cả mọi thứ cần cho việc tự sát. Có lẽ không nên nói như thế, mà là bản thân Alice đã không còn điều trở ngại nào, cũng không cần phải đem bất cứ thứ gì để cho bất cứ ai, chỉ là một người muốn chết mà thôi; một người muốn chết đơn thuần, không có tài sản gì đáng nói.

Nhưng Alice là người cố chấp, cô quan tâm đến tất cả mọi người cô quan tâm. Những người và việc mà cô quan tâm còn sót lại trên thế gian này, chính là Toto và bọn sinh viên đã đặt những mơ mộng vào cô. Cô đã từng biết rất rõ tương lai của mình cần những gì, nhưng giờ đây mọi thứ đều mơ hồ.

Alice đưa đơn thôi việc, trao trả thẻ công tác, cuối cùng cũng có thể thở phào nhẹ nhõm. Đó không phải là cái thở phào của ngày thường, mà nó giống với cái thở phào của việc kiếp này đã phải chịu đựng quá nhiều thử thách, rốt cuộc cũng đến được lúc có thể chuyển thế đầu thai kiếp khác. Hồi trẻ, vì muốn trở thành nhà văn nên Alice đã chọn học ngành nghiên cứu văn học, rồi thông dong êm ả bước vào nghề giáo, thêm điểm ngoại hình của Alice thanh mảnh và nhạy bén, rất ăn nhập với cái mẫu hình con người văn chương trong xã hội bảo thủ này, do đó rất nhiều người đều ngưỡng mộ cô đã đi theo con đường ổn định nhất là học ngành văn. Nhưng chỉ có mỗi Alice mới biết, đừng nói là trở thành một nhà văn giỏi, những năm gần đây, đôi lúc cô còn không ngửi thấy mùi của văn chương nữa. Hằng ngày việc giáo vụ và nghiên cứu đã khiến cô bận đến nỗi không có thời gian viết lách. Đến lúc cô tắt đèn phòng nghiên cứu ra về thì trời đã rạng sáng.

Cô quyết định mang hết tất cả sách vở và vật dụng trong phòng nghiên cứu tặng cho sinh viên, cố gắng hết sức để dùng bữa ăn từ biệt với từng sinh viên mà cô hướng dẫn bằng vẻ mặt không chút biểu cảm gì. Ngồi trong nhà ăn của trường với thức ăn khó nuốt đến lạ thường, cô lần lượt nhìn từng đôi mắt của mỗi một đứa trẻ.

"Còn trẻ quá!" cô nghĩ thầm.

Những đứa trẻ này còn đang cho rằng chúng sắp sửa bước vào một vùng đất thần bí nào đó, nhưng kỳ thực không có gì trong đó, chỉ là một nơi trống không, một tầng hầm dùng để chứa đồ linh tinh mà thôi. Cô cố gắng giữ cho ánh mắt mình phát ra một tia sáng le lói ấm áp cuối cùng, để chúng nghĩ rằng cô đang nghe chúng nói, vẫn đang

rất hào hứng với chúng. Còn về phần mình, hiện tại Alice chỉ là một cái xác để không khí chui vào chui ra, mọi lời nói giống như đá được ném vào một căn phòng trống rỗng đến cả cửa sổ cũng không có. Những suy nghĩ thoáng qua trong đầu cô phần lớn là ký ức về Toto, và cách làm thế nào để tìm đến cái chết.

Cô nghĩ lại thì cảm thấy chuyện đó cũng hơi thừa thãi. Trước mặt nhà mình là biển, chẳng phải sao?

Hầu như Alice chẳng nói lời từ biệt nào với đồng nghiệp. Cô chỉ sợ lúc nói chuyện vô tình để lộ tâm trạng chán đời đang đan xen rối rắm trong lòng mình. Khi lái xe qua thị trấn, đột nhiên cô phát hiện ra cảnh vật nơi này chẳng khác lắm so với lúc cô mới chân ướt chân ráo đến đây hồi cách đây chục năm. Có khác chẳng là chính ngay lúc này, cô cảm thấy rằng nó đã không còn là thị trấn nhỏ và hẻm núi đã từng hấp dẫn cô đến. Những chiếc lá bụi chẳng, những đám mây đột ngột kéo đến, những mái tôn lượn sóng trên những ngôi nhà vách tôn, cứ đi một đoạn là có một con suối ráo hoảnh nước, những bảng hiệu phô trương kiểu nhà quê... những thứ mà ban đầu có vẻ rất thân thiết, giờ đây đều teo tóp lại, và giả tạo, từng bước xa lạ với chính cô. Cô nhớ cái năm đầu tiên mình đến miền Đông, lúc ấy bụi rậm ven hai bên đường và thảm thực vật còn gần gũi con người lắm, phong cảnh và loài vật có vẻ như chẳng sợ loài người mấy, còn giờ đây núi và biển đã bị đường lộ đẩy ra một nơi rất xa.

Alice nghĩ, nơi này vốn là của dân bản địa, sau đó là của người Nhật, rồi người Hán, rồi khách du lịch. Giờ thì chẳng biết nó thuộc về người nào, có lẽ là của những người mua đất xây biệt thự sân vườn, bầu chọn một tên huyện trưởng mà trong đầu chỉ nghĩ đến những miếng mồi béo bở, cuối cùng mở thông đường sá mới chẳng. Sau khi đường sá được xây xong, bờ biển và thung lũng mọc lên vô số những tòa kiến trúc với vô số kiểu dáng của nhiều quốc gia, mà lối nào cũng lai tạp. Nói một cách khác, nơi này trông giống như một khu văn hóa dân tộc thế giới xây cất theo lối hài hước, mà bọn nhà giàu này thường chỉ xuất hiện vào những kỳ nghỉ, còn khắp nơi đều là những mảnh ruộng hoang phế và những ngôi nhà trống trơn. Một số phần tử trong giới văn hóa bản địa thường hay đàm luận theo kiểu cảm tính rỗng tuếch cổ lỗ, khen huyện H là miền tịnh độ trên đảo, trong bụng cô chỉ nghĩ đến kiến trúc và cơ sở hạ tầng công cộng của huyện thị Haven, ngoài một số ít kiến trúc dân bản địa dùng làm triển lãm và những tòa nhà thời Nhật trị còn giữ lại, thì phần lớn những cảnh quan nhân tạo đều trông có vẻ như chúng được làm ra để cố ý phá hoại phong cảnh vậy.

Một lần vào giờ nghỉ ăn trưa của một hội thảo khoa học, đồng nghiệp của cô là giáo sư Vương lại khoác lác với cô bằng lời lẽ rất dối dả về chuyện "đất đai huyện Haven rất quên người," Alice bèn đáp bằng giọng cau có, "Thầy không cảm thấy nơi này đâu đâu cũng toàn là những biệt thự sân vườn giả, những homestay giả, đến cây cối ở trong

khuôn viên biệt thự cũng giả thủy sao? Những ngôi nhà này, chà, toàn quên bọn người giả thích những thứ như thế thì có ích gì chứ?"

Thầy Vương như bị chặn họng, nhất thời quên mất rằng mình cần phải tỏ ra là một giáo sư kỳ cựu trước mặt một cô giáo đàn em. Với đôi mắt cụp mí, mái tóc điểm sương và khuôn mặt bóng hời, ông ta thoát nhìn giống như một doanh nhân hơn. Thật vậy, nhiều lúc Alice còn không phân biệt được sự khác nhau giữa hai điều này. Một hồi sau, ông ta mới tiếp lời: "Vậy theo như cô nói, thì lẽ ra nó phải như thế nào?"

Lẽ ra nó phải như thế nào? Alice vừa lái xe, vừa suy đi nghĩ lại câu hỏi này.

Hiện tại là tháng Tư, khắp nơi đều ngửi thấy một mùi ẩm thấp và uế oải, như mùi của tình dục. Alice nhìn sang bên phải thấy toàn là núi cao, là dãy núi Trung Ương, biểu tượng đặc trưng nhất của hòn đảo. Cho đến nay thì thỉnh thoảng, không phải, mà mỗi ngày cô đều nghĩ về hình ảnh hôm ấy Toto đã thò đầu ra khỏi cửa nóc để nhìn ra ngoài, đầu đội chiếc mũ rằn ri, như một người lính nhỏ. Trong ký ức, có khi thằng bé mặc chiếc áo gió, có khi không, có lúc vẫy tay có lúc không. Cô tưởng tượng ra hình ảnh chiếc ghế xe chắc đã bị thằng bé giẫm lún thành một lỗ sâu. Đó là ký ức của cô, hình ảnh cuối cùng của Toto và Jakobsen.

Khi Alice mất liên lạc với cha con họ, Dahu là người đầu tiên mà cô gọi điện nhờ trợ giúp. Anh là bạn leo núi của Jakobsen, cũng là một thành viên trong đội cứu nạn ở nơi này, biết rất rõ về những ngọn núi ở chung quanh.

"Tại Jakobsen cả, tại Jakobsen cả!" cô nói với Dahu trong trạng thái bị kích động.

"Bình tĩnh, chỉ cần họ còn ở trong núi, thì tôi chắc chắn sẽ tìm ra được," Dahu trấn tĩnh cô.

Thom Jakobsen đến Đài Loan từ Đan Mạch, một vùng đồng bằng không có lấy một ngọn núi thực sự. Không lâu sau đó anh bắt đầu đi leo núi khắp nơi. Sau khi lần lượt leo từng tuyến đường đặc biệt cùng với Dahu, anh bèn ra nước ngoài để tham gia huấn luyện riêng, chuẩn bị thử leo ngọn núi cao trên 7.000 mét bằng phương pháp leo núi Alps. Kể từ đó, Đài Loan trở thành nơi anh thường xuyên lui tới. Alice cảm thấy tuổi tác mình ngày càng lớn, đã sắp sửa hết sức chịu đựng bởi cuộc sống không biết được liệu Jakobsen sẽ trở về hay không. Huống hồ, cho dù Jakobsen có ở bên cạnh, thì tầm mắt anh cũng luôn dõi về một nơi rất xa.

Phải chăng cũng vì lẽ đó, nên trong những ngày gần đây Alice thường nghĩ về Toto trước tiên, rồi nghĩ về Dahu, sau đó mới nghĩ về Jakobsen. Không, cô cũng không nghĩ về Jakobsen gì cho lắm. Anh tự cho rằng mình đã quá hiểu núi non, hầu như quên rằng đất nước của anh vốn không có một ngọn núi nào. Sao anh lại có thể làm như vậy được? Sao lại có thể dắt con trai mình lên núi rồi không mang nó trở về? Cô cũng

thường tưởng tượng, nếu như hôm ấy Jakobsen ngã bệnh, quên sạc pin xe, hay thậm chí là ngủ thêm một chút nữa cũng được... thì mọi thứ chắc đã khác.

"Yên tâm nào, chẳng qua chỉ đi bắt côn trùng thôi mà. Anh không dắt con đến nơi nguy hiểm đâu. Không sao cả đâu." Jakobsen vỗ về Alice, nhưng Alice nghe văng vẳng trong đó điều bất trắc. "Vả lại còn là tuyến đường mà ai cũng biết."

Nhiều người còn không tin, tuy chỉ mới mười tuổi, nhưng Toto đã là một cao thủ về leo núi kể cả bộ môn leo vách đá, và kiến thức về núi rừng của nó e còn phong phú hơn cả một người tốt nghiệp đại học chuyên ngành. Toto thuộc về núi rừng, với cả, cô cố gắng nhắc nhở mình đừng cản trở Toto làm điều nó thực sự thích. Có lẽ giống như Dahu nói, thời khắc vận mệnh bởi chính nó là thời khắc vận mệnh, và thời khắc vận mệnh không đứng yên một chỗ, giống như một mũi tên đi tìm loài heo rừng vậy.

Dahu là bạn thân của Jakobsen và Alice. Anh là tài xế taxi kiêm đội viên đội cứu nạn, nhà điêu khắc nghiệp dư, thành viên bảo vệ và chăm sóc rừng đồng thời là tình nguyện viên của một số đoàn thể NGO. Cũng giống như bất cứ người Bunun nào, đáng người Dahu thấp mà khỏe mạnh, ánh mắt hớp hồn người khác, khi nói chuyện với Dahu tuyệt đối không được nhìn thẳng vào mắt anh, để tránh việc lầm tưởng rằng anh đã yêu mình, còn không thì chính mình sẽ bất cẩn phải lòng anh.

Vợ anh bỏ anh mấy năm trước, để lại đứa con gái tên là Umav và một tờ giấy, trong đó chẳng gởi gắm điều chi cả, chỉ nói rõ rằng mình đã mang theo bao nhiêu tiền, lấy đi những thứ gì, và cố ý viết chữ rất to: NHỮNG THỨ NÀY LÀ CỦA TÔI. Umav là một món tài sản được kê khai trong tờ khai để lại cho Dahu, giống như một con thú cưng bị chuyển nhượng. Có một dạo, Dahu có thiện ý đưa Umav đến ở nhà Alice vài ngày, nhưng sau đó phát hiện rằng điều này vốn không thể làm nguôi ngoai niềm u uất trong lòng cô, mà ngược lại niềm u uất của Umav và cả Alice còn hợp sức làm mỗi người trở nên khổ sở hơn. Bỗng dưng, Alice phát hiện ra mình đã không nói gì với Umav trong suốt buổi chiều, còn Umav cũng chỉ biết nhìn chằm chằm ra biển, mãi miết lấy kẹp tóc kẹp mở tóc trước trán lên, buông xuống, rồi kẹp lên lại buông xuống, như kiểu không thể nào điều khiển được mở tóc ấy, và chẳng cách gì cố định được mở tóc. Do đó, Alice thành thật bảo với Dahu đừng gởi con gái ở nhà cô nữa, và sau khi công tác cứu nạn kết thúc, cô cũng từ chối cuộc gọi thường lệ để an ủi cô của Dahu.

Alice quyết tâm sống như một bức tường, mong muốn duy nhất của cô là được ngủ. Tuy ngủ chỉ là nhắm mắt lại, nhưng có khi nó thực sự khiến mình thấy được nhiều hơn. Trước khi đi ngủ, cô tập thiền để có thể mơ thấy Toto, nhưng rồi cô lại cố gắng không mơ về Toto, sau đó Alice phát hiện ra không mơ thấy Toto còn đau khổ hơn là mơ thấy thằng bé. Cô đành phải chịu đựng sự đau khổ của việc mơ thấy Toto nhưng tỉnh giấc thì không thấy thằng bé đâu. Nhiều khi nửa đêm không ngủ được, Alice cầm

đèn pin rón rén đi vào phòng Toto như thường lệ, kiểm tra cái cơ thể đã không còn nằm trên giường, hơi thở trong lúc ngủ có nhịp nhàng yên ả hay không. Hồi ức giống như một tay đấm bốc cự phách, xuất chiêu như gió, khó mà tránh được. Nhiều khi cô mong rằng chẳng thà mình còn chút ham muốn, vì tất cả mọi người đã từng trẻ đều biết rằng ham muốn chính là chất đề kháng u uất tốt nhất. Ham muốn sẽ khiến cho hồi ức mất đi sức mạnh, tập trung hơn vào hiện tại. Nhưng Jakobsen ở trong giấc mơ đã không còn khiến cô ham muốn. Tay phải của Jakobsen cầm rìu leo núi, tay trái thì biến thành vách núi, anh lấy rìu leo núi bên tay phải mình, móc vào tay trái một cách mãnh liệt, nhưng chưa từng nói gì. Mỗi lần tin vào điềm báo trong giấc mơ, cô bèn gọi điện đến cục cảnh sát để hỏi đã có manh mối gì về Toto chẳng. "Không có, nếu có tin tức gì thì chúng tôi sẽ chủ động liên lạc với cô, thưa cô giáo." Cô từng cảm nhận được sự nhiệt tình của cảnh sát biến thành sự đồng cảm, nhưng giờ đây sự đồng cảm ấy cũng chẳng còn, tiếp điện thoại của cô chỉ là một công việc hành chính thông thường, có nhiều khi sau ngữ khí bình tĩnh kia ẩn chứa một niềm chán ghét. "Cô ấy lại gọi, thật là phiền." Sau khi gác máy, chắc hẳn họ sẽ nói như vậy với đồng nghiệp, Alice nghĩ bụng.

Tháng Tư năm nay mưa cứ rơi mãi, nhưng trời vẫn oi bức như thường. Buổi tối, dưới ánh đèn đường trong khuôn viên trường toàn là bọn bọ hung và đập té ngửa ra rồi không cách nào lật ngược trở lại được. Ngay lúc này, có một con bọ hung mắc kẹt trong tấm kính chắn gió phía trước xe, Alice tiếp tục lái, nó thì cứ va đập đập vào tấm kính. Rõ ràng Alice đã mở cửa kính ra nhưng nó cũng không tìm được đường để bay ra ngoài. Nó tiếp tục va rồi lại va, đôi cánh cứng ánh lên leo lét màu lam tối.

Trong vòng vài tháng gần đây, Alice phát hiện ra mình đã dựa dẫm quá nhiều vào Toto: nhờ Toto, mà cô mới nhớ được mỗi buổi sáng cần phải ăn sáng, ngủ đúng giờ, học nấu ăn. Alice đã học được cách cẩn thận, vì sự an toàn của mình chính là sự an toàn của đứa con. Cô còn lo đến việc lỡ không may ra đường đụng phải bọn ma men đáng chết lái xe, đâm vào khuôn mặt bé nhỏ nồng nàn của thằng bé, làm nó vỡ nát trên vỉa hè; còn phải để ý đến những đứa trẻ khác trong trường, luôn cả những thầy cô giáo khác, vì ở cạnh trẻ em thế này nhiều khi lại xảy ra những việc tàn nhẫn khó thể ngờ được. Alice nhớ hồi nhỏ, cô và một bạn học ngày nào cũng ăn hiếp một đứa bé mặc bộ quần áo mà hình như không bao giờ có thể giặt sạch. Họ trêu chọc, xô đẩy nó, trét xốt thịt của cơm hộp lên bộ quần áo vốn đã dơ cho càng dơ hơn, như thể làm vậy sẽ khiến quần áo mình càng thêm sạch vậy.

Xe đi qua một chiếc cầu mấy năm trước từng bị một cơn lụt xô gãy, sau khi sửa chữa nó đã được dời đi độ 3km vào trong phía núi. Một trận còi inh ỏi vang lên khiến Alice vội vã tập trung nhìn đường.

Vài phút sau, xe rẽ vào một đoạn bến cảng từng là nơi nổi tiếng nhất của huyện Haven. Nhiều năm trước đây, nhà đầu tư đã nhảy vào xúc đi một phần ngọn núi, để lấp vào khoảng trống ấy họ đã xây dựng công viên giải trí, đồng thời nhờ sự tiếp tay của một gã huyện trưởng nổi tiếng tham nhũng, họ đã tiếp tục khai thác vách núi bên cạnh. Nhưng khoảng hơn chín năm trước đây, sau một trận động đất lớn, nhiều công trình bị lệch vị trí đã không còn có thể sử dụng được nữa. Để thoái thác trách nhiệm bồi thường nên công ty đã tuyên bố phá sản. Lại thêm mấy năm gần đây mực nước biển dâng cao, đường bờ biển ăn lấn vào trong, vòng xoay khổng lồ và những trụ cáp treo nhìn từ xa toát lên một vẻ cô tịch ảm đạm. Trên tảng đá ở một bên (vốn là một phần của ngọn núi), một vài khách câu ngổi đẩy buồm cần thả câu, xuống con buộc vào trụ cáp treo. Giờ thì con đường cao ráo hơn này được mệnh danh là Đường Bờ Biển Mới. Từ xa xa Alice có thể trông thấy được căn nhà nhỏ dựa biển rất độc đáo của mình. Nắng rải lên mặt đất qua những giọt mưa phún lất phất, tuy là vẫn còn mưa, nhưng thế này cũng được xem là một ngày đẹp trời hiếm thấy gần đây nhất.

Căn nhà bên cạnh bãi biển, chỉ có điều là không biết tự lúc nào, biển đã mấp mé đến như vậy.

Alice mở cánh cửa từ lâu đã không còn ý nghĩa gì, ngó dáo dác chung quanh tất cả những gì cô có được. Sofa, bức tranh tường mà Jakobsen và cô cùng nhau vẽ, đèn treo do Michele De Lucchi thiết kế, chậu cây cảnh đã từng sống nhưng giờ đây đã chết khô quéo... Mỗi một món đồ trong căn nhà này đều do cô và Jakobsen chọn lấy; còn vết lún trên gối, khăn vuông nhỏ trong nhà tắm, sách thiếu nhi trên tường đều thấp thoáng hình ảnh Toto. Trong lần thăm viếng cuối cùng này, Alice phát hiện ra chậu cá cảnh vẫn chưa được giải quyết. Mình mà chết trước, bọn cá sẽ rất ngỡ ngàng, lẳng lặng chờ cái chết đến trong êm ả không làm gì được thì quá tội nghiệp. Cô ngồi trên sofa, nhớ ra một sinh viên rất thích nuôi cá cảnh tên là Mitch. Không chừng cậu ta sẽ chịu đến mang chúng đi. Nghĩ đến đó thì Alice cũng vừa phát hiện ra mình không còn điện thoại, mà internet đã bị cô cắt luôn. Suy tính hồi lâu, cô quyết định đến trường lần nữa, cho Mitch chậu thủy sinh và cá. Đương nhiên, nếu cậu ta muốn lấy các phụ kiện, thì cứ để cậu ta mang đi tất cả cho rồi. Alice ngồi vào xe, may quá, màn hình hiển thị cho thấy vẫn còn điện để chạy được khoảng 30km.

Alice lấy điện thoại ở văn phòng khoa gọi cho Mitch. Mitch nhanh chóng xuất hiện cùng một cô gái, ngồi vào xe của Alice. Mitch có thân hình của một vận động viên, nhưng lại có một ánh mắt rụt rè an phận. Cô có ấn tượng Mitch là kiểu người có lòng nhiệt tình với văn chương điển hình, nhưng lại không có năng khiếu. Mitch giới thiệu cô bạn gái mình tên là Jessie, một cô gái có ánh mắt tinh nghịch, thân hình tầm trung vắt đầy những đồ trang sức, làn da trắng muốt, và một nụ cười có thể nói là tươi tắn hiền hòa, chỉ có điều cũng chẳng khác mấy so với bất cứ một cô gái trẻ nào khác trên

phố. Jessie mặc chiếc quần đen bó sát cặp giò. Jessie nói mình từng học hai môn của cô, chẳng biết sao, cô có hơi ngờ ngợ, vừa không chút ấn tượng gì, vừa dường như có nhớ gì về cô bé. Suốt quãng đường xe chạy trong thinh lặng và ngột ngạt, Jessie và Mitch giả vờ ngắm cảnh qua cửa kính, né tránh việc phải tán gẫu với Alice.

Ba người lẳng lặng băng qua vườn hoa phía sau. Khi Alice mở cửa, Mitch đột nhiên hét ầm lên. Cậu cúi sấp xuống phía trước hồ thủy sinh, hỏi, "Đây là cá chép sinh ạ?"

"Uhm." Mấy con cá ấy, vài năm trước bạn của Dahu nuôi để thành công, ngoài số thả đi thì giữ lại vài con cho Toto.

"Woww... bây giờ ở ngoài tuổi cũng chẳng thể tìm được. Em có thể mở tủ xem được không?"

"Uhm."

Mitch mở hộc tủ phía dưới chậu thủy sinh, tỏ vẻ rất phấn khích, bảo: "Wowww, máy làm lạnh hồ và cả máy điều chỉnh độ kiềm, độ axit cũng có luôn."

"Em có thể mang đi hết." Alice cảm thấy phiền nhiễu bởi một cậu trai cứ luôn miệng woww woww.

Mitch hơi tỏ vẻ không dám tin, sau khi chắc chắn được nhận cá, cậu liền gọi điện cho bạn học của mình. Không bao lâu sau, ba cậu con trai cao lớn lái một chiếc xe du lịch con đến, ba giò bốn cặp khiêng vác toàn bộ thiết bị đặt lên xe. Alice để ý thấy Jessie chỉ lẳng lặng ngắm khung ảnh số treo tường, đọc các tựa sách trên giá.

"Em có thể lựa những quyển mình thích mang đi."

"Ôi, được hả cô?"

"Muốn lấy bao nhiêu cũng được." Alice quan sát thấy cuối cùng Jessie chỉ cầm đi một tập truyện ngắn Isak Dinesen bằng tiếng Đan Mạch. Alice nghiêng đầu hỏi: "Em biết tiếng Đan Mạch à?"

"Dạ không, chỉ lấy làm kỷ niệm thôi, tiếng Đan Mạch trông thật đặc biệt."

Trước khi đám người ấy lên xe, Jessie đến trước mặt Alice, nói:

"Cô, sau này cô sẽ còn vào trường nữa chứ?"

"Chắc là không."

"Dạ, vậy sau này em có thể gửi bài viết cho cô đọc chứ? Nếu không tiện cũng không sao đâu."

Alice gật đầu, rồi lại lắc đầu, cô nhớ ra cô gái này, nhớ ra mà chẳng cảm thấy gì cả.

Sau khi Mitch và Jessie ra về, Alice lại thững thờ đi vào phòng Toto, nằm vật lên chiếc giường đã từng bám mùi mà cô quen thuộc. Giờ thì cô chẳng còn lo bọn cá sẽ chết, chỉ cần suy nghĩ về việc mình nên chết như thế nào, mà nói thật ra thì, hình như cô cũng chẳng quan tâm mấy về việc mình sẽ chết như thế nào. Alice ngước đầu lên, nhìn tấm bản đồ đường núi mà trước đây Jakobsen đã từng dẫn Toto đi leo núi dán ở trên trần nhà. Tấm bản đồ cũng do hai cha con vẽ, những lúc cô nấu ăn ở dưới bếp, thì hai cha con thường hay rút trong phòng làm những chuyện rất bí mật. Leo núi là chuyện thuộc về hai cha con. Ngần ấy năm dài, cho dù Jakobsen có cố gắng cách mấy, thì Alice vẫn cứ không chịu leo núi, cũng không theo đạo. "Mỗi người sẽ có quyền từ chối một số việc mà." Alice nghĩ bụng.

Alice nhớ mãi trải nghiệm leo núi lần đầu tiên ấy. Nói là núi thì cũng chưa hẳn, nó chẳng qua chỉ là một nơi được gọi là Điện hoàng đế gần khu Thạch Đỉnh² mà thôi. Vào thời đó ở các trường đại học rất thịnh hành phong trào hội giao lưu, Alice bị bạn học lôi kéo tham gia. Alice vốn không thuộc kiểu người giỏi vận động, hồi mới đầu chẳng leo còn chịu đựng nổi, nhưng sau khi đi qua một ngôi chùa nhỏ, cô không những phải bám dây, bước lên cây, sau cùng còn đi đến một khu lăng mộ, hai bên chẳng có gì để bám víu. Lẽ dĩ nhiên, vì mắc cỡ nên Alice ngại không dám từ chối yêu cầu tiến lên của mọi người. Miễn cưỡng đi được vài phút đường, cô bắt đầu toát mồ hôi lạnh vì sợ hãi. Cô không hét toáng lên như những cô gái khác, để cho các bạn nam khác dịu dặt, mà chỉ lặng lẽ khóc rùng rùng khóc rã. Tại sao một hai phải đến nơi như thế này chứ? Cô không để cho một cậu bạn có vẻ ngoài thư sinh nhưng đầu óc rỗng tuếch (cô đã xác định được điều này từ khi cô ngồi trên xe của cậu) dìu cô, tự mình lom khom mò quay trở lại. Từ đó trở đi cô từ chối việc leo núi.

Tấm bản đồ trên trần nhà có vẽ hình lá cờ nhiều màu sắc, các đường màu đỏ và màu xanh da trời đan xen ngang dọc lẫn nhau. Cô chẳng hiểu nó có ý nghĩa gì. Còn có phong cảnh nào mà cô chưa từng nhìn thấy trước đây chứ? Có trời mới biết hai cha con đã làm việc này mất bao lâu và với ý tưởng điên rồ đến cỡ nào. Mắt cô dõi theo những tuyến đường ấy, tuy rằng không còn leo núi nữa, nhưng cô vẫn thường hay xem bản đồ với Toto, vạch kế hoạch leo núi, như thể đang chơi một trò chơi... Cô cũng thuộc những tấm bản đồ này lắm, nhưng không biết tại sao, cứ cảm thấy rằng có một số tuyến đường vẽ không được đúng lắm, còn không đúng ở chỗ nào, nhất thời không nói ra được. Alice quyết định nằm trên giường và quan sát tỉ mỉ hơn tấm bản đồ, không được bao lâu thì cảm thấy mắt mũi tèm nhem. Trời bên ngoài dần sẫm tối, những tuyến đường trên trần nhà cũng từ từ chìm khuất. Alice nhớ lại hình ảnh Toto ngồi trên chiếc ghế cao hay đập lên vai của Jakobsen mà vẽ bản đồ, cuối cùng ngủ thiếp đi trong khi thời gian cứ nhẹ trôi như thể không có khái niệm về thời gian.

² Khu Thạch Đỉnh thuộc thành phố Tân Bắc của Đài Loan.

Không biết cô đã ngủ khoảng bao lâu, nửa đêm đột nhiên xảy ra một trận động đất lớn kinh hồn, một trận động đất mạnh đến nỗi có thể đánh thức cả tuổi thơ của một con người. Khi trận động đất bắt đầu, Alice vẫn chưa tỉnh hẳn, dù gì thì cô cũng đã sống gần ấy thời gian ở huyện Haven là một nơi thường xuyên xảy ra động đất, thậm chí cô đã trải qua nhiều trận còn khủng khiếp hơn thế này. Nhưng hơn một phút trôi qua chấn động vẫn tiếp diễn, mà còn có vẻ nghiêm trọng hơn, nó khiến Alice phải đột ngột bật dậy theo phản xạ cơ thể, trực giác phân vân giữa việc nên tìm chỗ ẩn nấp hay phải lao ra khỏi căn nhà. Nhưng ngay lập tức cô bật cười với ý nghĩ này của mình. Một kẻ đang muốn chết, cần gì phải quan tâm đến việc sẽ chết bằng cách nào chứ? Alice lại nằm xuống, nghe văng vẳng ở đâu đó vọng lại tiếng ùng ùng vừa nặng nề u uất vừa mãnh liệt, giống như một ngọn núi đang chuẩn bị chuyển động. Nó khiến cô nhớ cái trận động đất khủng khiếp hồi còn nhỏ. Trận động đất ấy không cướp đi tính mạng của bất cứ người thân nào của cô, chỉ có điều nó đã làm sập ngôi trường cô đang học, và làm chết một cô giáo dạy môn tự nhiên tên là Lâm Lệ Quyên rất mực thương yêu cô, và một cậu bạn ngồi bên cạnh cô trên lớp, thường hay mời cô ăn hàng vặt, mang cặp kính viễn thị, với đôi mắt lúc nào cũng có cảm giác to hơn người bình thường. Ngày hôm trước khi xếp hàng tan học ra về với cậu ấy, cậu còn tặng cô năm con tằm. Năm ngày kể từ sau trận động đất, có lẽ do ăn phải lá dâu bẩn, bọn tằm thải ra những cục phân đen li ti rồi chết. Cơ thể của những con tằm chết trở nên khô sần. Đó là hai dòng ký ức quyến luyến nhất còn sót lại trong cô. Động đất chẳng cần phải cướp đi sinh mạng của chúng ta thì nó cũng khiến cho chúng ta cảm thấy thật sự kinh hoàng, chỉ cần nó cướp mất thứ gì đó trong cuộc đời của chúng ta, hoặc biến thứ gì đó trở nên khô sần là đủ rồi.

Tiếng vang ùng ùng cực lớn ấy diễn ra trong vòng vài phút đồng hồ, sau đó mọi thứ im bật trở lại. Vì quá sức mệt mỏi nên Alice lại chìm sâu vào giấc ngủ. Alice tỉnh dậy lúc trời còn chưa sáng, tiếng sóng biển nhịp nhàng vỗ bên bờ. Cô ngồi dậy nhìn ra bên ngoài cửa sổ, cảm thấy như mình đang đứng trên một hòn đảo chơ vơ giữa biển, sóng biển ở đằng xa mang theo vô số bọt li ti, bướng bỉnh, bổ nhào từng đợt từng đợt vào đất liền.



Mỗi ngày hai lần, Alice bị thủy triều nhốt chặt, vài giờ sau lại được thả ra. Vào thời điểm thủy triều dâng cao, biển nhẹ nhàng rào quanh hào ngăn nước của ngôi nhà, choàng ôm lấy nó, để lại vô số thứ ở cửa sau.

4. Hòn đảo của Atile'i

SƯƠNG MÙ NHƯ THỂ BỐC RA từ một nơi sâu thẳm nào đó dưới biển khơi, bao phủ khắp cùng, giống như Kabang vậy, chẳng nơi nào là không có. Atile'i có lúc ngỡ rằng mình đã chìm vào đáy biển. Nên cậu quyết định không khuấy chèo nữa, dưới cái trời mù mịt sương này, khuấy chèo còn có ý nghĩa gì nữa chứ? Sau bảy ngày rời khỏi đảo Wayo Wayo, cậu tin chắc như đinh đóng cột rằng, mái chèo là một thứ vô cùng yếu đuối so với đại dương mênh mông thật sự này. Chả trách dân đảo lại vạch ra một đường biên vô hình ở vùng nước đánh bắt cá, vì một khi vượt qua giới hạn đó, rất có thể sẽ không bao giờ quay về được. Mặt khác, cậu phát hiện ra một sự thật quan trọng, đó chính là lương thực và nước ngọt đều sắp cạn kiệt. Tuy về mặt lý trí cậu thấy tuyệt vọng, e là mình sẽ giống như tất cả mọi đứa con thú Wayo Wayo một đi không trở lại, nhưng trong cơ thể cậu vẫn chưa tuyệt vọng. Thế là cậu bắt đầu thử uống nước biển.

Vào khoảng thời gian chuyển giao giữa chiều và đêm thì trời bắt đầu mưa. Mưa và sương mù đã xóa mờ ranh giới giữa mặt biển và bầu trời. Trong cơn mưa Atile'i tưởng rằng mình đã bước qua cửa biển. Dân đảo truyền miệng rằng, ở đầu bên kia của màn mưa và sương mù có một cửa biển, bước qua khỏi cửa biển là "một hòn đảo thực," Kabang và tất cả vị thần thủy tộc sống trên đấy, Wayo Wayo chỉ là cái bóng của hòn đảo ấy. Bình thường, hòn đảo thực chìm sâu dưới đáy biển, chỉ trồi lên khỏi mặt nước vào những thời khắc định mệnh nào đó thôi.

Atile'i rút vào trong chiếc lều trú mưa được kết bằng lá cọ do chính tay cậu làm, trong lều nước vẫn nhều tí ta tí tách, chẳng khác bên ngoài cho lắm. Cậu lầm bầm: "Cá lớn trốn mất rồi, cá lớn trốn mất rồi." Câu này trong tiếng Wayo Wayo nghĩa là kẻ đi kẻ đi. Tuy chẳng phát ra thành tiếng, nhưng Atile'i đã báng bỏ trong lòng, trên biển, biển còn dữ dằn hơn cả thần, làm gì có chuyện thần năng thống trị biển chứ? Biển vốn dĩ đã là một vị thần.

Tờ mờ sáng, Atile'i phát hiện ra *talawaka* của mình đang chìm. Cậu bắt lực nhưng vẫn buộc phải tát nước ra khỏi *talawaka*, cho đến lúc *talawaka* gần như sắp sửa chìm vào lòng biển, cậu mới vứt bỏ *talawaka* để bơi. Atile'i là một tay bơi lợi hại nhất trong đám thiếu niên trên đảo Wayo Wayo, đôi chân uyển chuyển như đuôi cá, đôi tay như vây cá có thể thoăn thoắt rẽ nước biển tách làm đôi. Nhưng, con người ở giữa biển khơi còn yếu đuối hơn cả loài sứa, cho dù có là Atile'i. Trong lúc này, Atile'i cố hết sức để bơi, đến ý nghĩ buông bỏ cũng tan biến mất, cậu như một chú kiến ngã xuống ao nước,

không biết đến tuyệt vọng cũng không ôm hy vọng, chỉ còn biết thuận theo cơ thể mà cố gắng hết sức mình.

Tuy có bóng bở Kabang trong tâm tưởng, Atile'i cũng vẫn luôn miệng cầu nguyện với Kabang: "Kabang, vị thần duy nhất có thể khiến nước biển khô cạn của chúng tôi ơi, cho dù ngài sẽ bỏ mặc tôi, cũng xin ngài làm cho thi thể của tôi trở thành san hô, được trôi dạt về hướng quê hương xứ sở, để Rasula nhận được." Sau khi Atile'i dứt lời cầu nguyện, thì cậu cũng mất đi ý thức.

Lúc tỉnh dậy, Atile'i thấy mình vẫn nổi trên mặt biển, như vừa trải qua một giấc mơ. Trong mơ cậu dường như sắp sửa bước vào một hòn đảo. Một đám thiếu niên đứng ven đảo, ánh mắt họ u uất, chỗ đáng lẽ là tay thì lại mọc ra vây cá, trên mình nổi toàn đốm, giống như thể cả đời họ đã lăn lộn trên đám san hô. Khi *talawaka* của cậu áp gần sát họ, một thiếu niên có mái tóc màu xám tro nói với cậu rằng, "Vài hôm trước, cá ngừ vây xanh đã thông báo, cậu sẽ đến với bộ lạc chúng tôi, nhập bọn với chúng tôi." Những thiếu niên còn lại đồng loạt phát ra tiếng hát u uất, như một đợt sóng biển trầm mặc vỗ vào. Bởi đó cũng là một bài hát trên đảo Wayo Wayo người ta thường hát khi ra biển, nên Atile'i không kìm được cũng hát vang theo họ.

Nếu mà sóng biển vỗ vào

Chúng ta sẽ chống cự bằng tiếng hát

Nếu mà gió mưa nổi dữ dằn

Cô gái của tôi ơi, cô phải lo sợ cho chúng tôi biến thành cá ngừ, biến thành cá ngừ

Tiếng hát của các thiếu niên như những ngôi sao an ủi màn đêm, như mưa buồn bã thấm ướt biển khơi. Khi đó có một thiếu niên một mắt nói, "Mọi người nghe này, tiếng hát của cậu ấy không giống chúng ta, ý, tiếng hát của cậu ấy không giống chúng ta, tiếng hát của cậu ấy như sắp sửa mắc cạn trên đảo của chính cậu." Ngay lúc ấy, một đợt sóng vỗ vào, Atile'i đứng không vững, choàng tỉnh khỏi cơn mơ.

Sau khi tỉnh dậy, quả nhiên Atile'i đã dạt lên một hòn đảo. Thoạt nhìn hòn đảo mênh mông vô biên, không phải được hình thành từ đất, mà từ vô số những thứ kỳ quặc với vô số kiểu dáng và vô số màu sắc khác nhau trộn lẫn, một mùi kỳ quái bao phủ cả hòn đảo. Lúc này, mặt trời đã ló dạng, mọi thứ trên người của Atile'i kể cả đồ trang sức đều bị sóng biển mang đi, làm cậu gần như trần trụi trực, nhưng thứ khiến cậu tiếc nhất chính là bình rượu *kiki'a* do Rasula tặng cậu cũng đánh mất. Cậu nghĩ về bình rượu *kiki'a* của Rasula, cảm thấy khát khô cả miệng lưỡi. May mà kỳ lạ sao "chiếc sáo biết nói" vẫn còn đây, vì trong lúc mất ý thức thì cậu vẫn nắm chặt chiếc sáo trong tay. "Nơi

này chắc chắn là thế giới sau khi chết." Atile'i nghĩ thế. Cậu đi loanh quanh khắp nơi, phần lớn đảo đều không rắn chắc, nhiều nơi còn mềm nhão, cơ hồ như bầy, thậm chí nhiều chỗ còn lún xuống sâu bằng chiều cao của khoảng vài người lớn rồi lại phồng lên lại.

Atile'i bị một thứ tròn tròn hấp dẫn. Thứ này soi dưới ánh nắng khiến chói mắt lạ thường, phát ra một dãy quang phổ bảy màu. Nhưng nếu soi mình vào nó, Atile'i thấy một khuôn mặt r ám nắng, nổi đốm và đầy sẹo vết. Cậu nghĩ, thứ cứng như thế này chẳng lẽ được làm từ nước, nếu không phải thì sao nó có thể phản chiếu hình ảnh của mình chứ?

Không lâu sau, Atile'i lại phát hiện những chiếc túi nhiều màu sắc ở khắp mọi nơi trên đảo. Chúng không giống với loại túi bố đan trên đảo Wayo Wayo, trong những túi này đều chứa một ít nước, mặc dù có một vài cái khi cầm lên thì nước đã chảy re re ra ngoài, trong túi chứa vỏ sò, sao biển và nhiều thứ linh tinh kỳ cục. Đảo Wayo Wayo cũng có loại túi này. Những người già nói rằng chúng được người da trắng bỏ lại, nhưng thực ra vài năm trở lại đây họ cũng thường vớt được khi ra biển. Cư dân đảo dùng những thứ này để chứa nước, chúng còn bền bỉ hơn cả đá trước thử thách của thời gian. Cậu tách một ít sò, nuốt sống, và thử uống nước trong túi. Nước có mùi tanh, nhưng rõ ràng là nước ngọt, điều này khiến Atile'i cảm động sắp vỡ òa, có nước là còn sống sót.

Atile'i thám hiểm hòn đảo nhỏ cho đến khi mặt trời đứng bóng. Cậu tìm thấy một ít tôm và cá bị kẹt trong nhiều vật chứa khác nhau, và ăn sống mớ hải sản tươi này. Bất thành linh mặt trời đã bắt đầu ngả bóng. Cậu nhặt được một số đồ ẩm ướt, rách rưới te tua, trông giống như quần áo, chỉ có điều nó quá mềm mại, không như những thứ bằng bố đan quen thuộc với cậu, nhưng có vẻ như phơi khô thì sẽ mặc được lên người. Cậu cũng tìm thấy một số chai lọ, có thể nổi trên mặt nước. Do chúng có màu sắc rất sặc sỡ, Atile'i sưu tập một ít, nghĩ thầm chắc chắn mình sẽ dùng đến, chế thành một chiếc thuyền không chừng.

"Nơi này chắc hẳn là thế giới sau khi chết, thế giới sau khi chết có ai biết được sẽ phải cần gì?" Cậu gom những chai lọ nhặt được cùng với những thứ kỳ quái khác lại thành một đống, cầu nguyện cho biển đừng biến thành mưa, mong rằng ngày mai mặt trời sẽ hong khô toàn bộ những thứ này.

Khi màn đêm hoàn toàn bao trùm, Atile'i đoán rằng mình chưa chết, vì theo như truyền thuyết của người trên đảo Wayo Wayo, mặt trời ở cõi âm rọi đến nửa năm, màn đêm sẽ thống trị nửa năm còn lại. Còn nhịp thời gian trên đảo này cũng giống như trên đảo Wayo Wayo. Ít nhất thì buổi ban ngày vừa rồi cho cậu một cảm giác về thời gian không giống như là vừa trải qua nửa năm. Màn đêm trên biển không hoàn toàn tối tăm

như chúng ta thường nghĩ, ánh sao và ánh trăng sẽ rọi xuyên qua những áng mây, trên mặt biển thỉnh thoảng đột nhiên xuất hiện vô số dạ quang kỳ lạ, thậm chí chói sáng khó ngủ. Atile'i ngồi ven bờ đảo, vừa bị mê hoặc bởi cảnh sắc trước mặt, vừa mơ màng về tương lai của mình.

Khi mặt trăng bắt đầu chéch bóng, Atile'i hoảng hốt cảm giác như cậu không một mình. Cậu phát hiện ra đám thiếu niên từng xuất hiện trong giấc mơ đứng đầy chung quanh mình, với vẻ mặt tựa như đang cười, nhìn cậu và nỗi khổ tâm của cậu. Atile'i thể hiện động tác mà người Wayo Wayo cho là rất thân thiện, giơ bàn tay lên và những ngón tay hơi co lại. Khi cậu định bắt chuyện, một cậu thiếu niên mang một vết thương từ chỗ vai trái đến bụng mở miệng nói:

"Cậu đã đoán đúng, chúng tôi là những hồn ma, không phải người, tất cả mọi hồn ma con trai thứ của đảo Wayo Wayo đều ở nơi này."

"Mọi người đang đợi tôi?"

"Uhm..."

"Tôi đã sớm nghĩ nơi này là cõi âm. Hoặc là một hòn đảo trung chuyển của cõi âm?"

"Biển cả sẽ ban phước cho cậu. Nói thẳng ra là chúng tôi cũng không biết nơi này là nơi nào, chúng tôi trôi nổi lơ lửng, nhưng chưa từng biết có một hòn đảo như thế này trên biển. Hòn đảo này mới dạt đến gần đây," cậu thiếu niên có mái tóc màu xám tro trong giấc mơ nói.

"Vậy mọi người định mang tôi đi theo à?"

"Không, chúng tôi nào có phải tử thần. Chúng tôi chỉ đợi cậu nhập bọn với chúng tôi, nhưng giờ thì cậu vẫn còn sống, chúng tôi đành phải đợi thêm nữa," cậu thiếu niên có vết thương lớn nói.

"Bọn con trai thứ của đảo Wayo Wayo sau khi chết cũng vẫn không thể tách khỏi biển khơi," cậu thiếu niên tóc xám nói, những thiếu niên khác xôn xao đồng ý theo.

Những hồn ma con trai thứ của đảo Wayo Wayo không nói dối: chúng cũng chỉ mới phát hiện ra hòn đảo này lần đầu. "Mấy hôm trước chúng tôi mới hẹn nhau tụ tập ở chỗ đá ngầm đằng kia của đảo, chuẩn bị đón tiếp một thành viên mới, là cậu. Khi đó, mới phát hiện ra mé đảo trôi dạt này. Hôm mà cậu tiến hành nghi thức rời khỏi đảo, chúng tôi đã đến đảo Wayo Wayo, còn được nghe những người già hát khúc tống biệt, ca ngợi trí tuệ của Kabang, sự phì nhiêu của hòn đảo, sự dũng cảm của cậu và vẻ đẹp của Rasula. Ban ngày chúng tôi hóa thân thành đám cá nhà táng bám theo *talawaka* của cậu, cho đến khi *talawaka* chìm mất. Đừng trách chúng tôi, chúng tôi bị buộc phải tuân thủ theo quy tắc của người Wayo Wayo là không được tiếp tay cứu hộ và cũng

không cố ý làm hại, chỉ biết đứng nhìn mọi thứ diễn ra mà thôi. Nào ngờ thể lực cậu như một loài cá, không chết. Chúng tôi theo sát cậu suốt quãng đường, nhìn cậu bị một dòng hải lưu cuốn đến đảo này," cậu thiếu niên tóc xám hình như là thủ lĩnh của đám thiếu niên, nói.

Một cậu thiếu niên khác có dáng thấp khỏe, miệng không còn cái răng nào, trông như một cái hang lớn, tiếp lời: "Lúc đầu, chúng tôi cảm thấy hòn đảo này rất kỳ cục, còn nghĩ hòn đảo không chừng là thí nghiệm hoặc cái bẫy do Kabang tạo ra."

"Nhưng sau đó chúng tôi phát hiện một điều," cậu thiếu niên tóc xám nói.

"Điều gì?"

"Hòn đảo liên tục trôi dạt, nói không chừng sẽ trôi ra khỏi ranh giới mà những hồn ma của đảo Wayo Wayo có thể đến được."

"*Ranh giới* mà những hồn ma của đảo Wayo Wayo có thể đến được?"

"Uhm... hồn ma chỉ có thể đi xa khỏi đảo Wayo Wayo một khoảng cách nhất định, có một ranh giới vô hình."

"Ý của cậu là, nếu hòn đảo trôi ra khỏi ranh giới mà các cậu có thể đến được, và tôi còn chưa chết, thì *các cậu sẽ không còn được ở cạnh tôi nữa chẳng?*"

"Biển cả sẽ ban phước cho cậu. Đến lúc cậu chết đi rồi, linh hồn của cậu sẽ trở nên cô độc, chỉ còn cách trôi nổi trong đại dương mênh mông vô bờ."

"Thế thì tôi phải nhảy ngay xuống nước cho chết, mới có thể nhập bọn với các cậu à?"

"Nhất định không được, người Wayo Wayo tự sát sẽ biến thành sữa, bọn sữa thì không nhận ra được nhau, chắc cậu không muốn mình biến thành sữa đúng không?"

Atile'i không muốn mình biến thành sữa, còn bọn hồn ma trai thứ đảo Wayo Wayo thì không biết tính sao. Thế là bọn chúng ngồi rạp xuống đó chờ cho mặt trời ló dạng. Mặt trời có ló dạng hay không kỳ thực đã không còn ý nghĩa gì đối với những hồn ma. Ý nghĩa duy nhất đó là trong cái thời khắc tia nắng ửng lên, thì bọn chúng sẽ tạm thời lặn xuống biển, hóa thân thành cá nhà táng. Chờ cho đến lúc trời tối, chúng lại xuất hiện, trở về với thân hình hồn ma bóng quế, bơi lờn vờn trên mặt biển, ca hát, ngân nga, chờ một gã con trai thứ của đảo Wayo Wayo đến. Cá nhà táng do hồn ma hóa thành hầu như không khác gì với một con cá nhà táng thực sự. Sự khác biệt duy nhất đó là bọn cá do hồn ma hóa thành biết khóc.

Atile'i đành ngồi trên đảo đợi chờ, còn hòn đảo cứ lặng lẽ rời khỏi ranh giới mà bọn hồn ma con trai thứ của đảo Wayo Wayo có thể đến được, với tốc độ không thể nào có thể điều khiển, đến cả gió, mưa, thủy triều và giấc mơ cũng không cách gì ảnh

hưởng được. Sau ba lần mặt trời và mặt trăng thay thế nhau, hồn ma của bọn con trai thứ đảo Wayo Wayo hiện lên khỏi mặt biển chỉ thấy mé đảo, chúng hét ầm hét ỹ lên: "Atile'i! Atile'i!" nhưng âm thanh biến thành bọn cá chuồn, nhào xuống biển vang lên tum tùm.

"Chỉ sót lại có mỗi mình!" Sau khi tỉnh dậy, lại trải qua hai lần mặt trời và mặt trăng thay thế nhau, cuối cùng Atile'i cũng xác nhận được rằng để sống sót cậu phải hoạt động lên. Cậu tìm cách đánh bắt cá, tích nước mưa, đồng thời đan bện quần áo ấm cho mình bằng bất cứ thứ gì có thể. Tuy là con nhà nghề đánh bắt cá, Atile'i lại đan bện không giỏi. Cậu ráp nối lung tung loạn xạ các thứ đồ lại với nhau, rồi vắt vúi lên người, trông như một chú chim màu sắc sặc sỡ đến lố bịch.

Atile'i tìm thấy một chiếc gậy có độ đàn hồi. Vài hôm sau cậu nảy ra sáng kiến mài nhọn một đầu của nó, thêm vào một thứ đàn hồi cũng nhặt được, ráp lại thành một dạng súng bắn cá. Cũng với cách đó cậu đã tạo ra một chiếc *gawana* khác chất liệu, còn bền chắc và dẻo dai hơn cả chiếc *gawana* trên đảo. Cậu phát hiện ra một thứ hình quả cầu còn cứng hơn cả trái cây nhưng lại có tính đàn hồi, vừa vặn để dùng vào việc ném khi bọn chim bay quá cự ly mà *gawana* có thể tấn công. Atile'i học được tư thế ném từ một quyển sách tranh ảnh màu và viết nhung nhúc những "chữ" ở trên đảo. (Tuy rằng đảo Wayo Wayo không có chữ viết, nhưng thầy Quản đất và thầy Quản biển cũng có được vài "quyển sách"). Trong sách có trang vẽ một người cũng với nước da nâu. Atile'i cảm thấy tư thế ném của anh ta rất hoàn hảo, đôi tay như phát ra ánh sáng chói lọi.

Ban đêm là cơ hội tốt cho Atile'i bắt bọn chim biển và rùa biển bằng *gawana* tự chế. Mới đầu, Atile'i chỉ biết nện cho lũ rùa biển ngất, sau đó kéo cổ chúng ra để hút máu. Mãi đến một ngày kia cậu tìm thấy một con dao bén ngót sáng lấp lánh ở bờ kia của hòn đảo (người Wayo Wayo cũng có dao, nhưng họ dùng loại dao bằng đá), thì mới có thể ăn được thịt rùa một cách dễ dàng hơn. Thịt rùa ăn giống như hải sâm cứng. Nhiều lúc sau khi bị mổ bụng rồi mà bốn chân của chúng vẫn quơ động, như thể chúng còn đang ở dưới đáy biển vậy.

Nhưng sau đó Atile'i phát hiện, thực ra gần đảo có không ít xác rùa biển chết. Khi xẻ những con rùa biển chết này, cậu thường thấy trong dạ dày chúng chứa những thứ không bao giờ phân hủy ở trên đảo. "Chẳng lẽ bọn rùa biển này ăn những thứ trên đảo mà chết?" Atile'i nghĩ bụng, ngoài nước ra, mình phải tránh ăn bất cứ thứ gì ở trên đảo.

Sau nhiều lần lặn xuống biển, Atile'i phát hiện một hòn đảo phía dưới đảo còn to lớn hơn nhiều. Nó như một mê cung dưới biển, "lớn như một cái biển khác." Bó tay, Atile'i không thể nghĩ ra được cách miêu tả nào hợp lý hơn. Đối với cậu, hể cái thứ gì

to lớn đều có thể gọi là biển. Những thứ trôi dạt ở dưới biển quén kết lại với nhau, nhưng chỉ với một con sóng lớn thì có thể xô loạn xạ trật tự xếp đặt của những thứ này. Đây là một hòn đảo trong suốt biển đổi không ngừng, mỗi ngày lặn xuống, Atile'i luôn mất phương hướng tạm thời. Atile'i cố gắng mang những thứ có lẽ sẽ dùng đến từ dưới đáy biển lên đảo, đặt vào một chỗ. Không bao lâu, hòn đảo đã chất chứa không ít đồ lượm lặt của Atile'i. Có một số xài được, số còn lại chỉ đơn giản là vì cậu cảm thấy thú vị, lạ lẫm, hoặc là hấp dẫn cậu. Cũng giống như trên đảo Wayo Wayo, ai ai cũng nhặt vỏ sò, dán lên "bức tường trang trí" ở mặt nhà hướng về phía mặt trời mọc vậy. Mới đầu Atile'i treo những thứ này trên một "bức tường trang trí" do cậu làm ra, nhưng cậu phát hiện, bức tường không cách nào có thể hướng về phía mặt trời mọc, vì hòn đảo hình như đang xoay tròn, mỗi sáng mặt trời mọc lên ở khắp mọi vị trí của hòn đảo.

Trải qua một thời gian, Atile'i bắt đầu sưu tập những hộp mỏng. Hình ảnh trên hộp vẫn chưa bị nước biển ăn mòn hoàn toàn, vẫn còn có thể nhận ra một hình ảnh lõa lồ phái nữ. Họ để lộ ra cặp vú và nước da trắng muốt mà cậu chưa từng thấy bao giờ, nhìn cậu với vẻ cực kỳ quyến rũ. Rasula hẳn không kém những cô gái này. Cậu nhận thấy Rasula có một nửa giống họ, còn một nửa kia thì giống người Wayo Wayo. Nhưng đối với Atile'i lúc này, thì hầu như bất cứ một hình ảnh phái nữ lõa thể nào cũng khiến dương vật Atile'i cương cứng, làm muốn *kawalulu*. Cậu vừa nghĩ về Rasula vừa *kawalulu*, thường nghĩ có lẽ đó là một kiểu tình yêu.

Atile'i cũng sưu tập "sách". "Sách" là thứ mà cậu đã từng thấy ở chỗ thầy Quản đất, có điều "sách" khó kiếm hơn, thông thường sẽ được giữ trong một chiếc túi trong suốt, mới không bị rách nát hay mục rữa. Thầy Quản đất có vài cuốn "sách" nghe nói là do người da trắng bỏ lại. Ông nói người da trắng gọi những ký hiệu này là "chữ viết". Người Wayo Wayo không có chữ viết, vì họ cho rằng thế giới không cần được ghi nhớ lại thông qua chữ viết. Cuộc sống là một loại âm hưởng, tồn tại trong tiếng ca và câu chuyện là đủ rồi.

Những cuốn dày cộm hay những tờ giấy lẻ chứa đầy những ký hiệu khác nhau, có hình hoặc không có hình, chỉ cần có chữ thì Atile'i đều cho rằng đó là sách. Ký hiệu trong sách tuy không giống nhau, nhưng hình như đều ẩn chứa một quy luật. Có lẽ chính bản thân Atile'i không biết ai đã lập ra quy luật ấy, hay quy luật ấy được rút ra từ đâu, nên cậu nảy sinh một thái độ sùng kính kỳ lạ đối với những ký hiệu này. Cũng có một số thứ trên đảo mà Atile'i có thể hiểu được, như cây khô, cá chết, hòn đá... còn phần lớn đều thuộc về thế giới ngoài cảm quan và tri thức của cậu. Sách và những ký hiệu ở trong đó là điều khiến cậu ngạc nhiên nhất, vì rõ ràng các ký hiệu không chỉ là một loại. Tại sao bọn người da trắng và một loại người Wayo Wayo lại sáng tạo ra một thứ xem ra hoàn toàn *không có ích lợi gì* vậy chứ? Cậu nhìn những ký hiệu đó, cơ thể bỗng nóng ran lên, cảm giác có một cơn run nhẹ lẫn khuất trong người.

"Biển cả sẽ ban phước cho người, Kabang có lý riêng của ngài." Cậu lẩm bẩm một mình, và chất những cuốn sách nhật được vào một khu, do chỗ chất sách mỗi lúc một nặng, một số cuốn sách rơi lại xuống biển.

Lúc đầu Atile'i dựa vào cảm giác mới mẻ của việc lượm lật đồ vật để giữ vững tâm hồn đang dần mục rữa của mình, nhưng một người cô độc ở chết gí một nơi trong thời gian dài thì chắc chắn sẽ hiểu, khoảng trống giữa thời gian với thời gian giống như một rãnh đại dương, nếu chỉ dựa vào tâm hồn của một người thì không thể nào có thể vượt qua được. Lúc này, hồi ức là thứ duy nhất có thể khóa lấp được. Một kẻ mắc nạn trên biển như Atile'i, một mặt dựa vào ý niệm không muốn trở thành sứa để không tự tử, một mặt dựa vào ký ức để duy trì cuộc sống yếu ớt của mình. Cậu đã giải tỏa ham muốn bằng đêm mà hôm sau phải ra biển, hiểu về biển qua lời nói của cha và những cụ già, hiểu về tình yêu thông qua tiếng hát của dân đảo trong ký ức.

Atile'i hầu như sắp quên mất phương hướng của đảo Wayo Wayo.

Nếu như người Wayo Wayo gặp phải dòng chảy dữ dội hoặc tai nạn trên biển, thì họ sẽ nhắm mắt lại, cố gắng ngẩng cao đầu và vươn dài người ra, bởi nghe nói người có kinh nghiệm phong phú sẽ ngửi ra được phương hướng của đảo Wayo Wayo. Mới đầu Atile'i còn có thể xuyên qua mùi tanh của biển và mùi của mưa, ngửi thấy mùi đậm đặc của Wayo Wayo, nhưng sau khoảng thời gian của bảy bài hát, mùi Wayo Wayo đã yếu mảnh như một sợi tơ, thêm bảy bài hát nữa, Atile'i chỉ có thể đoán đại khái đảo Wayo Wayo nằm ở hướng mặt trời lặn. Và tất cả người Wayo Wayo đều biết rằng nơi mặt trời lặn xuống đều sẽ thay đổi, nên nó không phải là hướng chính xác của đảo Wayo Wayo.

Trong những ngày qua, Atile'i nhìn thấy tất cả các cảnh sắc của biển, và trải qua thời tiết quái dị mà trước đây chưa từng gặp phải bao giờ: nhiều lúc vừa mới đó nóng hừng hực như lửa, không lâu sau bỗng dưng trở lạnh đến khó chịu; nhiều khi trời trong veo veo, nhưng độ chừng khoảng thời gian câu được một con cá bỗng mây đen kéo đến ngút trời, gió thốc nổi lên. Có lúc màn đêm đột ngột giáng xuống, có lúc vừa bước qua giữa trưa bỗng nhiên màn đêm bao trùm, nhiều lúc ánh sao đang lung linh rọi sáng thì mặt trời đột nhiên mọc lên, làm khuất dạng những ngôi sao. Có một lần cậu trông thấy chín cơn lốc xoáy xuất hiện cùng lúc trên biển, sấm sét từng đợt này đến đợt khác liên tục nối đuôi nhau chớp nhoáng, tầng mây đen trông như mọc ra những cái chân nhỏ li ti, bước từ bầu trời xuống biển, nước biển vừa chạm vào những cái chân mây nhỏ đó, ngay lập tức chồm lên, tạo ra vệt nước xoáy. Cơn lốc xoáy vừa dứt, một trận mưa xối xả giội xuống, Atile'i không ngừng cầu nguyện Kabang để tiện thể mang cậu đi luôn cho rảnh. Đến khi trời quang mây tạnh, Atile'i trông thấy một vệt đen dài

trên biển, cậu bơi lại gần xem, thì phát hiện xác của một đàn bướm không biết từ đâu đến, nhiều vô số kể, kéo dài thậm thụt, cũng bí hiểm giống như sự trôi dạt của cậu, không biết điểm cuối cùng là nơi nào.

Atile'i dần mất đi khái niệm về sớm mai, giữa trưa, chạng vạng và đêm hôm, bỏ thói quen ngắm sao để xác định phương hướng của mình. Cậu buông thả mình như một chiếc lá rơi tự do, như xác một con cá mập bệnh trôi trên mặt biển, đói thì kiếm ăn, mệt thì lăn ra ngủ. Thậm chí cậu còn cho rằng đảo Wayo Wayo là ảo giác nặng nề của mình, là một câu chuyện hư cấu. Nhưng Atile'i tự hiểu, mình có một khát vọng là được trông thấy Wayo Wayo lần nữa, thậm chí là bất cứ một hồn ma nào. Vì Atile'i biết rằng ban ngày những hồn ma con trai thứ của đảo Wayo Wayo hóa thành loài cá nhà táng, nên mỗi lần nhìn thấy hình bóng của cá nhà táng, cậu cũng hướng ra biển khơi mà vẫy gọi. Tiếng gọi ấy bi thiết đến nỗi bọn chim đại bàng bay về phương Bắc cũng cảm nhận được. Nếu Rasula và mẹ cô ấy là Saliya có ở đây thì tốt biết mấy, Atile'i mơ ước. Vì tiếng hát của họ là sức mạnh duy nhất trên đảo có thể kêu gọi Masimaga'o (nghĩa là "một loài cá voi có cơ thể to như biển" trong tiếng Wayo Wayo), còn thầy Quản biển có thể quan sát tư thế của Masimaga'o để dự đoán tương lai. Nào ngờ vào một hôm sau khi Atile'i hát xong, một cặp Masimaga'o đang giao phối xuất hiện ở gần hòn đảo, chúng húc lưng một lỗ sâu hoắm vào chỗ yếu ớt nhất của hòn đảo. Chừng trời lên khỏi mặt nước cơ thể chúng vướng đầy những thứ màu mè lòe loẹt, giống như đến dự một cuộc lễ tế thần nào đó.

Có một lần, Atile'i dùng súng bắn cá của mình bắn trúng vào một con cá buồm bơi sát mé đảo, cá buồm mang vết thương bơi đi, Atiléi nắm chặt lấy súng bắn cá tự chế, bị nó kéo theo xuống biển. Ngay lúc Atile'i định từ bỏ, nhưng do bị kéo chìm xuống với tốc độ quá nhanh nên cậu nhất thời mất kiểm soát. Ý nghĩ bảo cậu buông tay, nhưng tay thì nắm chặt không thả. Lúc này cá buồm bơi vào trong mê cung của hòn đảo, lúc thì trời lên mặt biển, lúc thì chìm vào mọi thứ vật kỳ dị của hòn đảo. Tự nhiên Atile'i cầu nguyện: "Kabang, vị thần duy nhất có thể khiến nước biển khô cạn của chúng tôi ơi, cho dù ngài sẽ bỏ mặc tôi, cũng xin ngài làm cho thi thể của tôi trở thành san hô, được trôi dạt về hướng quê hương xứ sở, để Rasula nhặt được."

Chẳng biết mất bao lâu, cuối cùng thì cá buồm cũng không thoát khỏi hòn đảo dưới nước. Nó bị nhiều thứ sắc bén cắt bị thương, những đồ tạp nham quẩn chặt lấy đầu, thương tích càng lúc càng nhiều, không thể sống nổi. Còn phần Atile'i tay vẫn nắm chặt súng bắn cá không buông, vội vàng thả ra, bám lấy một góc đảo, tìm được luồng không khí bị nhốt ở tầng dưới đáy đảo, lại một lần nữa được nhìn thấy trời đất bằng ý chí ham sống thuộc về bản năng. Cậu chỉ ăn được một miếng thịt cá buồm, hôm sau thì xác con cá mà cậu gửi lại ở đáy đảo ấy, đến một mảnh xương cũng không biết đã đi về đâu.

Atile'i nghĩ, không biết cho đến khi nào mình mới về được đảo Wayo Wayo, có khi mình phải sống một thân một mình như thế này ở đây mãi, nên cậu cần phải có một nơi ở chắn được mưa gió tốt hơn. Cậu tìm thấy một loại vải màu xanh da trời chống thấm nước tuyệt vời, thế là cậu kết hợp nó với một loại ống vừa mềm mại vừa chắc chắn, làm thành một túp lều nho nhỏ. Ít lâu sau, một cơn bão lớn đã phá hủy túp lều, thế là cậu quyết tâm phải cất cho mình một căn nhà nho nhỏ. Đương nhiên nó không tài nào cự nổi mưa bão (trên thế gian chắc không tồn tại thứ này đâu ha?) nhưng ít nhất là không yếu ớt như căn lều. "Sự yếu ớt của nhà ở chính là sự yếu kém của đàn ông," có một câu ngạn ngữ của đảo Wayo Wayo nói thế. Cậu quyết định chọn lấy những thứ mà cậu chắc chắn rằng mưa sẽ không làm mục nát, nước biển cũng không thể làm mục rữa, kết hợp chúng lại. Căn nhà của cậu sẽ trôi lênh đênh theo triều cường, không chừng sẽ có ngày sẽ trôi dạt về được đảo Wayo Wayo. Cho dù cậu có chết đi rồi, thì căn nhà ấy cũng vẫn còn tồn tại, giúp cậu mang về một tin tức từ biển.

Khi bắt đầu suy nghĩ nghiêm túc về việc xây nhà, Atile'i phát hiện hòn đảo này cung cấp không ít nguyên liệu khó hư hoại. Atile'i sử dụng lại những thứ bằng kim loại mà cậu dùng để cất lều lúc trước, kết hợp với xương hàm và xương sườn của các loại cá voi để ráp thành khung sườn nhà, dùng loại gậy mà cậu chế ra súng bắn cá làm sườn vách, và lấy một thứ nhiều màu sắc cho dù có cố hết sức xé cũng không thể rách nổi để làm vật liệu cột khung sườn. Lúc đầu cậu hạo hạo một kích cỡ chừng được ba người nằm, mặt trăng và mặt trời cứ thế lần lượt thay phiên nhau, ngôi nhà cũng dần dần ra hình ra dáng. Ngoài ra, Atile'i còn cất một gian phòng dùng làm kho chứa, cũng dành một nơi để trữ nước, Atile'i gọi nó là *sakaloma*, nghĩa là một cái "giếng trên biển." Vì căn nhà được xây nên từ những thứ tìm thấy được ở trên đảo, do đó từ xa xa nhìn vào nó cũng ăn nhập với bản thân hòn đảo như là một khối, tựa như nó cố tình nguy trang để lẫn trốn. Atile'i ngắm nghía ngôi nhà, cảm thấy mình thật giàu có.

Nhưng rồi Atile'i phát hiện có nhiều loài sinh vật biển chết ở chung quanh, đoán rằng lẽ nào chúng cũng ăn một phần nào hòn đảo rồi chết đi như bọn rùa biển. Việc này khiến cho hòn đảo lắm khi trông như một cái lồng khổng lồ trên biển, một bãi tha ma, một vùng đất u tối bị nguyên rủa và không gốc rễ. Ngoài một số ít rùa biển thỉnh thoảng lên đảo đào lỗ đẻ trứng ra, thì hầu như không có một sinh vật nào sống nhờ vào đảo. Còn bọn đã chết ráo vì ăn phải một phần nào đó của đảo lại trở thành một phần của hòn đảo. Cậu nghĩ rồi đây mình cũng sẽ trở thành một phần của hòn đảo. Thì ra địa ngục là như vậy, đây chính là cõi âm.

Atile'i từng trông thấy một chiếc thuyền to lớn hơn *talawaka* rất nhiều ở đằng xa, cũng từng thấy con chim sắt phát ra tiếng kêu kinh khiếp bay trên trời. Cậu tin rằng đó là thứ mà thầy Quản đất nói: "Chim địa ngục và thuyền ma của người da trắng."

Atile'i không có một chút hiểu biết gì về thế giới của một dạng người khác. Nghe đồn khi trông thấy người da trắng lần đầu tiên, người Wayo Wayo bèn hỏi họ rằng: "Có phải các người đến đây bằng đường ngang trời?"

Cầu vồng chính là đường ngang trời, thầy Quản đất nói: "Chỉ những linh hồn mới nhẹ đến nỗi đi được trên cầu vồng." Thịnh thoảng Atile'i ngẩng nhìn cầu vồng ở đằng xa, mơ màng lẽ một ngày kia gặp được người da trắng thì phải làm sao? Phải giao tiếp với họ như thế nào? Họ có thể đưa mình về đảo Wayo Wayo không? Atile'i nhớ đến lời nói lỡ của thầy Quản đất: "Người da trắng đến rồi lại đi, chúng ta sống bằng quy luật của đảo Wayo Wayo, không cần người da trắng. Món quà mà họ để lại đây chỉ là tổn thương và chiếm đoạt, chiếc đồng hồ đeo tay vô dụng này, vài quyển sách, và con gái giống như Rasula." Thầy Quản đất thở dài nói thêm: "Nhưng, một sớm mai kia, người Wayo Wayo cũng bị tiêu diệt bởi những người nào đó sống trên thế giới này cũng chưa biết chừng."

Những người nào đó sống trên thế giới này. Có lẽ giờ đây họ cũng đã quên mất cậu. Nhưng Atile'i biết rằng sự thật không phải thế, người Wayo Wayo biết cậu ra biển mà. Chỉ là họ quyết tâm quên cậu, cố ý quên cậu thôi. Nghĩ đến đó, Atile'i cảm thấy sống như thế này còn khó chịu hơn cả chết đi, giống như bị nhốt ở một thế giới còn lớn hơn cả thế giới thông thường, chịu một sự trừng phạt đáng sợ trong thinh lặng. Tại sao mình phải nhận lãnh sự trừng phạt này chứ? Đây là việc mà Kabang quyền năng muốn làm, là số phận của những đứa con trai thứ chẳng?

Nỗi khổ tâm này dai dẳng cho đến khi Atile'i tìm thấy một que ngắn có thể vẽ hình lên "sách" mới giải tỏa được. Thực ra cậu đã phát hiện ra không ít những que nhỏ này từ lâu lắm rồi, nhưng lúc đầu cậu chỉ tha chúng từ bên này qua bên kia trên đảo, hoặc lấy làm then chốt dùng cho việc xây nhà. Còn giờ thì chúng còn để lại được những hằn vết trên những thứ này, khiến cậu cảm thấy kinh ngạc. Ngày lại ngày qua, Atile'i phải chống cự với một kẻ thù cự phách của mình chính là nỗi cô đơn. Trên đảo không có ai chào cậu, không có ai tấm tắc ngợi khen kỹ năng bơi lội của cậu, không có ai đánh nhau với cậu, cũng không có ai bơi cựa với cậu. Nhưng kể từ khi có những que nhỏ này, cậu có thể vẽ lại những gì mà mình thấy hoặc mình nghĩ ra.

Atile'i lặng lẽ đi thu nhặt tất cả những que nhỏ có ở trên đảo và những thứ có thể dùng nó để tô vẽ lên. Cậu nhận thấy những que này có to có nhỏ, màu nọ màu kia, có loại vẽ cả buổi cũng không ra. Cậu cũng phát hiện ngoài sách ra, có không ít thứ có thể vẽ lên được, trong đó có cả cơ thể cậu. Một hôm nọ, đột nhiên Atile'i nghĩ ra một trò, bèn vẽ tất cả những gì mình nhìn thấy được lên lòng bàn chân, bắp chuối, bắp đùi, bụng, ngực, vai, cổ, mặt và chỗ trên lưng mà tay có thể thò tới được. Hình nọ chồng lên

hình kia, cho đến khi những hình vẽ bị nước mưa gội rửa trôi đi, Atile'i bèn vẽ những hình mới.

Vào một buổi sáng tinh mơ, Atile'i chạy vùn vụt trên đảo. Trông xa xa chẳng giống Atile'i chút nào, mà như một loài sinh vật nào đó, nói cách khác, như một bóng ma, hay như một vị thần.

5. Ngôi nhà của Alice

TOTO ĐƯỢC SINH RA sau khi Alice và Jakobsen biết nhau được ba năm. Gọi là lỡ dính bầu thì đúng hơn, hay là số mệnh đã an bài, vì cô và Jakobsen chưa từng nghĩ đến việc có con. Kể cả mặt tâm lý lẫn sinh lý, họ đều nghĩ là không thể, nên thằng bé không nằm trong kế hoạch cuộc đời của hai người họ. Tuy Jakobsen và Alice thường quan niệm khác nhau về nhiều thứ, nhưng họ có chung một suy nghĩ là cảm thấy việc lôi kéo một đứa trẻ đến cuộc đời này là một sự trừng phạt, một nỗi khổ dành cho nó.

Họ phát hiện có bầu Toto đúng lúc kế hoạch xây nhà cũng vừa được chốt, do đó tương lai có Toto cũng được tính luôn vào dự án căn nhà. Bản thiết kế do chính tay Jakobsen vẽ, mặt ngoài chủ yếu dựa theo Ngôi nhà Mùa hè của kiến trúc sư Erik Gunnar Asplund, rồi thay đổi một vài chỗ. Thay đổi lớn nhất nằm ở chỗ gian bên phải của Ngôi nhà Mùa hè được đẩy cao lên thành hai tầng, gian nhà chính cũng được nâng cao hơn một chút, do đó bề ngoài căn nhà của họ có hơi khác so với căn nhà ấm áp vốn lẫn khuất trong rừng sâu. Ngoài ra, kết cấu ngôi nhà của họ cũng khác, dù gì thì Ngôi nhà Mùa hè không day mặt ra hướng biển, không cần phải lo đến thủy triều đều đặn mỗi ngày và những ngọn gió biển bất thường.

Năm ấy Alice đi du lịch Thụy Điển cùng với anh chàng Jakobsen vừa mới quen, vào một buổi chiều ngày thứ ba ở Stockhoim, họ cất công đến tham quan thư viện thành phố Stockholm, một công trình kiến trúc khác của Asplund. Vừa bước vào thư viện, Alice bất ngờ kinh ngạc hít một hơi thật sâu. Giá sách được xếp đặt đẹp như những tiết nhịp trong tứ tấu đàn dây của Achille-Claude Debussy, tầng tầng lớp lớp, tầng tầng lớp lớp, như không có điểm dừng để có thể thẳng một mạch đến thiên đường. Đây có lẽ là một kho sách đẹp đẽ nhất mà cô từng thấy qua.

Phong cảnh thiên nhiên ở huyện Haven tuy có mỹ miều, nhưng về cảnh quan nhân tạo thì ngoài một số di tích cổ xưa ra, những tòa kiến trúc mà người ta mới xây sau này xấu kinh hồn, thư viện nằm gần ga xe lửa kinh khiếp lại càng kinh khiếp. Alice nhớ rằng ở Đài Bắc đã từng xây một thư viện Bắc Đẩu rất đẹp, nhưng chỉ có thể coi là một tòa chùa, vì đồ chùa đựng trong ấy thiếu thốn đến tội nghiệp. Rõ ràng Asplund hiểu rất rõ ý nghĩa của một thư viện, những bức tường sách tuy có vẻ đè nặng lên chúng ta như bản thân lịch sử, nhưng không làm ta cảm thấy nặng nề ngạo mạn, những tia sáng rọi vào từ cửa sổ vuông be bé được mở thông bên trên, khiến ta có một cảm giác mang tính nghi thức trong lúc đang nhón chân lấy sách, đến nỗi khi Alice lấy

sách cô có cảm giác như tay mình đang run, vừa tựa như là người hầu của ánh sáng, vừa tựa như là chủ nhân của sách vở vậy.

Alice thích mê thích mê Phòng Chuyện kể, như có năng lực xoay chuyển không gian và thời gian ấy. Nó nằm ở khu sách thiếu nhi thuộc tầng trệt, bước vào trong như bước vào một hang động của một vương quốc thần tiên, trên tường vẽ những bức tranh trong chuyện dân gian Thụy Điển, chính giữa đặt một chiếc ghế dành cho người đọc to (nó trông như một chiếc ghế mà nếu ngồi vào đó ta sẽ thêu dệt ra những câu chuyện có ma lực), bốn trẻ ngồi trên chiếc ghế hình vòng cung ở hai bên, hoặc ngồi bệt xuống đất. Ánh sáng leo lét rọi lên những bức tranh tường, tựa như chỉ cần một ngọn gió lướt qua thì những con yêu tinh trong tranh sẽ cất tiếng nói, ánh mắt mỗi đứa trẻ ngồi nghe kể chuyện quắc lên nhấp nháy. Cũng chính trong cái thời khắc ấy, Alice chợt có một ý nghĩ mà từ trước đến nay chưa hề có, rằng nếu có một đứa con cũng hay nhỉ.

"Linh hồn vốn chỉ xuất hiện ở những nơi như thế này, chẳng phải sao?" Alice nói với Jakobsen.

Jakobsen nhận thấy Alice đã bị Asplund mê hoặc, như chợt nhớ ra, anh hỏi: "Ngày mai em có dự định gì không? Em có muốn đi tham quan một tác phẩm phi công cộng khác của Asplund, một tòa nhà tư nhân?"

"Vốn dĩ có, nhưng giờ thì không rồi."

Hôm sau họ bắt đầu ra đi từ khu cắm trại, ngồi xe buýt độ hai tiếng đồng hồ, từ trạm dừng xe đi bộ thêm mười mấy phút nữa, tiến vào một con đường rừng, giữa buổi trưa hè, ánh nắng rọi xuống qua khe hở của cây rừng, con đường in lổ chỗ những đốm rằn ri ám thị, cái không khí ấy khiến khi đang đi bên cạnh Jakobsen, Alice cảm thấy mình trẻ trung biết mấy, như một thiếu nữ có khả năng đan dệt ra một cuộc sống mới để sống bằng nụ cười của người tình.

Đoạn ngút ngàn của khu rừng là một con đường quanh co dốc lồi lồi hướng lên, tuy đoạn đường không thể gọi là ngắn, nhưng nhờ cảnh đẹp, nên không làm cho người ta cảm thấy mệt. Đồng cỏ trải từ điểm dưới chân lan rộng ra xa theo tầm mắt, bên trái là núi đá kiên cường không hề nhân nhượng, bên phải là con đường thông ra một cái vịnh nổi tiếng, trước mặt chính là tòa nhà mang tên Ngôi nhà Mùa hè. Tuy nhiên, do chủ nhà đi vắng, nên Alice và Jakobsen đành phải lịch sự đứng ngẩn từ xa, nhưng mãi đến sau này khi nhớ về thời khắc đó, cô bỗng cảm giác như những điều trông thấy là chính bản thân cuộc sống, chứ không phải chỉ đơn giản là một tòa nhà.

"Sau này em sẽ được sống trong một tòa nhà như vậy chứ?" Alice hỏi với vẻ vừa có chút nham hiểm vừa có chút khiêu khích.

"Đương nhiên," Jakobsen trả lời với vẻ điềm nhiên như không. Ngay lúc đó Alice cảm thấy mình có chút không phải là mình, vì thông thường cô không bao giờ nói như thế với một cậu trai mà thoát trông đã biết là trẻ hơn mình.

Hiện giờ, thứ duy nhất có thể an ủi Alice được chính là căn nhà giữa biển này. Cô hồi tưởng lại những kỷ niệm thuở quen nhau của cô và Jakobsen, nhận thấy cũng chính bởi tính mơ mộng của cô đã làm hại cô. Mùa hè năm ấy, sau khi nhận được tấm bằng tiến sĩ văn học cực kỳ nhàm chán của mình, cô gửi thư xin việc mà không chút hy vọng nào, vác lều trại, máy ảnh và máy tính xách tay, đi du lịch châu Âu một mình. Thực ra Alice dự định viết một quyển du ký đượm chút mùi phượt thủ, bắt đầu cuộc đời viết lách của mình, biết đâu chừng thuộc hàng bán chạy, thì chẳng cần phải vào trường đại học làm gì.

Sau khi đáp máy bay ở Copenhagen, trạm đầu tiên cô đến là ngoại ô Camping Charlottenlund Fort. Đây là một khu cắm trại mang đậm tính lịch sử, ở đây còn lưu giữ một khẩu đại bác cổ xưa được trùm bằng vải chống thấm nước rần rỉ, thậm chí vẫn còn chuồng ngựa. Lúc đầu Alice muốn chọn nơi này làm địa bàn, lưu lại Copenhagen độ một tuần. Vào một đêm kia, Alice lỡ mất chuyến xe buýt đêm, đành phải đi bộ men theo dọc con lộ để về. Ban đêm đường về ngoại ô bóng người thưa thớt, khiến cô cảm thấy nơm nớp lo. Thảm hại hơn là cô đi lạc đường, đến nỗi phải đi xuyên qua một công viên mới có thể về được khu cắm trại. Tuy gọi là công viên, nhưng thực ra nó lớn hơn thông thường, nó giống như một khu rừng già thì đúng hơn (kỳ thực đó là một khu rừng già đúng nghĩa). Cây cối có lẽ cũng đã được vài trăm tuổi, thậm chí trên ngàn tuổi, và lại có nhiều cây đổ ngã trong đó, chặn các lối đi vốn đã lờ mờ âm u, vào giờ chạng vạng thì khu rừng già ấy khác hẳn ban ngày, không có người dắt chó đi dạo, không có người chạy bộ, chỉ nghe thấy tiếng cú vọ kêu rúc rúc. Ngay khi cô cảm thấy hoảng loạn, thì một luồng ánh sáng rọi từ đằng xa tới, có tiếng rằng rắc vọng lại.

Trực giác khiến cô nghi ngờ rằng thực sự có ai đó xuất hiện ở đây lúc này. Không tìm được tim mình đập mạnh, Alice vội vàng muốn tìm nơi nào đó trên đường để ẩn nấp. Bất ngờ, hơn cả tốc độ mà cô nghĩ, một cậu con trai cao lớn, mặt mày râu ria bờm xờm, nhưng rất cục mịch chạy chiếc xe đạp đến đỗ bên cạnh cô.

"Hey!"

"Hey!" Alice đành miễn cưỡng trả lời.

"Cô muốn về khu cắm trại à?"

"Uhm!"

"Lên nào, tôi chở cô."

"Không cần đâu."

"Đừng sợ, cô nhìn nè, đây là thẻ làm việc ở khu cắm trại của tôi. Hôm qua tôi có thấy cô, cô ở khu Camping Charlottenlund Fort, đúng không? Cô đi một mình thế này không ổn lắm. Trời tối rồi. Yên tâm, cô có thể tin tưởng tôi. Rừng già nhận ra xe đạp của tôi." Thực ra Alice biết được mùa này, sau 9 giờ thì trời mới bắt đầu tối, nhưng trống ngực cô vẫn cứ đập thình thịch, nó gây cho cô sự khó hiểu là do mình hoảng sợ hay vì lý do gì khác khiến cô không biết phải tính sao. Cô liếc nhìn xe đạp của cậu ta, nó là một chiếc xe cuộc đua ngang không có yên sau.

"Chiếc xe này, thì chở làm sao?"

Cậu trai lấy ra một cái giá đỡ phía sau từ trong balo, lắp vào cán yên xe, nói, "Chắc cô không nặng hơn 100 cân Anh đâu ha, chỗ này có thể chở nặng đến 140 cân Anh, không thành vấn đề."

Thế là cậu trai chuyển balo đeo ra trước ngực, chở Alice với mớ hành lý ở đằng sau. Alice gá nhẹ tay mình lên phần eo rắn chắc của cậu trai, trống ngực vẫn không có dấu hiệu giảm. Sau khi về đến khu cắm trại, hai người tiếp tục tán gẫu cho đến khi trời tối. Cậu trai về lều của mình mang ra một chiếc ghita, hát vài bài cho cô nghe, toàn những bài ca mang dấu ấn sâu đậm trong Alice khi lớn lên, cho đến khi những tua-bin gió phát điện chìm khuất, họ mới chịu về lều riêng của mình nghỉ ngơi.

Có biết sơ sơ về cậu trai người Đan Mạch tên là Jakobsen trước mặt (sau đó cô biết được rằng, Jakobsen là một cái tên phổ biến của người Đan Mạch), quả nhiên bộ râu chỉ là một thứ mặt nạ hóa trang, cô còn lớn hơn anh những ba tuổi. Nhưng nếu nói về kinh nghiệm sống thì ngược lại, anh từng đạp xe vòng quanh châu Phi, dong thuyền buồm không động cơ băng ngang Đại Tây Dương, giữa chừng thuyền gặp sự cố trôi dạt đến một hòn đảo nhỏ không biết tên tuổi là gì. Anh còn tập bát cực quyền, từng theo đội ultra-marathon băng ngang sa mạc Sahara, và mấy năm trước còn tham gia vào một cuộc thí nghiệm về giấc ngủ rất thú vị. Cuộc thí nghiệm là sự tái hiện lại nghiên cứu giấc ngủ trong hang động Midnight Cave ở bang Texas năm 1972, hoàn thiện một số điều kiện thực nghiệm lúc trước. Vì thế mà anh đã ở độ sâu hơn 30 mét dưới lòng đất tận nửa năm trời.

"Cảm giác dưới lòng đất như thế nào?"

"Thế nào ta? Thật ra thì tôi không thấy như đang ở dưới lòng đất, mà cảm giác giống như đang sống trong một vật đang sống nào đó vậy."

Jakobsen hiểu biết rộng, tinh thần mạo hiểm mạnh mẽ, lạc quan với những khó khăn trước mắt, đó chính là cá tính mà hầu hết bọn con trai ở hòn đảo cô sống cũng

thiếu mất, nó khiến Alice có chút say đắm. Đặc biệt là Jakobsen có một đôi mắt ngời sáng, ấm áp và dịu dàng.

"Anh đã làm quá nhiều việc rồi, thế giờ đây anh có dự định gì không?"

"Đan Mạch là một đất nước không có núi non, tôi dự định leo núi, vì vậy tôi đang theo học lớp leo núi ở Đức. Tôi hiện phải làm thêm để chuẩn bị mua một số đồ dùng leo núi, giờ thì mỗi tuần có ba ngày tập huấn chuyên nghiệp."

Alice không biết tí gì tiếng Đan Mạch, chỉ có thể nói chuyện với anh bằng tiếng Anh, cả hai đều không sử dụng tiếng mẹ đẻ, nên khi nói chuyện thường tỏ vẻ ngờ ngợ. Nhưng quan trọng hơn có lẽ không ở chỗ ngôn ngữ, cô cảm thấy khi nói chuyện với anh có cảm giác như lòng mình đi mất, không có mục tiêu, thậm chí còn mơ màng đôi câu thơ, " 'For shade to shade will come too drowsily', chết mất," Alice nghĩ, "chết mất, khổ quá, chết mất thôi".

Jakobsen cũng bị hấp dẫn bởi cô gái có thân hình mảnh mai dịu dàng này, thỉnh thoảng lăm bằm những câu tiếng Hoa một mình, nên anh quyết định từ bỏ kế hoạch kế đó là đi chèo thuyền độc mộc ở vịnh dốc đá. Về phần anh, gặp được Alice cũng kích thích và bất ngờ như đang mạo hiểm giữa thiên nhiên, vả lại còn có khả năng bị tổn thương. Jakobsen tự nguyện làm hướng dẫn viên cho Alice, anh vác lều của mình trên lưng, cô vác phần của cô, kiểu đi phượt này khiến hai người cảm thấy vừa hồi hộp vừa phấn khích, như một đứa trẻ. Ba tuần trôi qua, Alice rảo một vòng Bắc Âu quay trở về Copenhagen để đáp máy bay, ban đầu anh vốn chỉ đến đưa tiễn, nhưng khi cô kéo hành lý của mình chuẩn bị lên máy bay, thì anh cũng kéo hành lý của anh, Jakobsen quyết định thử đến tham quan một Đài Loan mà anh chưa từng đặt chân tới. Chuyến bay của Alice hết chỗ, thế là hai người phải lần lượt bay đến Đài Loan một trước một sau. Sau khi đáp xuống Đài Bắc Alice không vội vã về ngay nhà, mà cô ngồi lại phi trường chờ chuyến bay tiếp theo từ Copenhagen quá cảnh ở Bangkok rồi mới bay đến Đài Bắc, ngay cái khoảnh khắc mà họ phát hiện ra nhau ở vị trí lối ra, ý niệm vương vấn trong lòng đã được giải đáp, không còn nghi ngờ gì nữa.

Về Đài Loan, Alice phát hiện trong hộp thư đầy ắp có một lá thư thông báo rằng cô đã được nhận vào trường giảng dạy, không chần chừ, ngay lập tức Alice quyết định chuẩn bị khăn gói đến huyện Haven. Suy nghĩ về việc tại sao mình chỉ nộp hồ sơ xin việc cho mỗi một trường đại học này thôi, lại cũng vì cá tính mơ mộng của mình gây ra cả, một phần là vì biển, một phần vì cho rằng mình có thể tìm lại giấc mơ viết lách. Viết văn đương nhiên cần phải chọn một nơi hẻo lánh ít người, nhưng thực ra chỉ cần là một nơi có thể giữ khoảng cách đủ để có thể quan sát loài người. Vào một tuần trước khi

đến huyện Haven, Jakobsen đã tiếp cận được với đoàn leo núi ở Đài Loan, tiện đó tham gia luôn vào phái đoàn leo Tuyết Sơn lần ấy. Trở lại Đài Bắc, anh nghe Alice nói đủ mọi thứ về huyện Haven, và quyết định đi cùng với cô tới đó xem thử.

Alice và Jakobsen vốn ở ký túc xá của trường, nhưng do họ chưa có giấy kết hôn chính thức, nên chỉ được xếp vào ở một gian phòng đơn nhỏ hẹp. Và lại thông thường những ký túc xá do cơ quan nhà nước xây dựng đều không thích hợp cho người ở, sự ẩm thấp vào mùa hè thật sự ghê gớm, đến nỗi chần mền cũng ướt nhẹp lúc chạng vạng. Từ một quốc gia đồng bằng đến một sơn đảo nên Jakobsen đã đi khắp nơi leo núi, và bắt đầu luyện tập leo vách đá với những bạn bè người bản địa, nói đến chuyện trở thành một nhà leo núi chuyên nghiệp, thì Jakobsen bắt đầu quá muộn, nhưng anh leo núi với tâm thái làm được đến đâu thì cứ việc làm vậy.

"Nơi này thật ẩm thấp, không giống Scandinavia chút nào."

"Đương nhiên, ở đây là vùng nhiệt đới mà. Anh này, chẳng lẽ anh không lo lắng đến vấn đề tiền bạc sao?"

"Anh đã gửi bài viết của mình cho một tạp chí du lịch đăng ở Đan Mạch, tạm thời không có vấn đề gì. Chẳng lẽ em nghi ngờ rằng anh đến đây vì muốn gạt lấy tiền của em sao?" Jakobsen nháy mắt phải, Alice phát hiện, Jakobsen chỉ nháy mắt phải khi anh không hoàn toàn nói thật, do đó cô cũng không đòi anh đưa tạp chí ra xem, cũng không thèm hỏi tới tình trạng của Jakobsen và hoàn cảnh gia đình anh.

Thế này chẳng phải tốt lắm sao? Không biết về gia đình của một người nhưng vẫn có thể sống cùng với người ấy. Jakobsen hào hứng kể cho Alice lý do anh dần yêu thích bộ môn leo núi này: "Khi một người leo lên một vách núi, trước mắt họ chỉ có một bầu trời giới hạn, cảm nhận được sức lực yếu ớt nhỏ nhoi dưới chân mình, những ngón tay thò vào những khe đá hẹp, những gì nhìn thấy được, người thấy được thứ mà không cách nào có thể chia sẻ với người khác, em biết không? Em sẽ nghe được nhịp tim của mình, cảm nhận được hơi thở của mình càng lúc càng nặng nề, còn nếu leo ở độ cao vài ngàn mét, sự thực thì chúng có thể chết bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu, cảm giác ấy thật là..." đôi mắt của Jakobsen sáng quắc lên nhấp nháy, "cũng giống như ta có thể thấy được thần thánh bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu."

Alice nhìn anh, đôi mắt đã từng hợp hồn cô, đến bây giờ vẫn vậy. Nhưng không biết vì sao, đặc điểm hấp dẫn Alice nhất ấy của Jakobsen lại trở thành mối bận tâm cho cô.

Lâu dần, Alice nảy sinh một cảm giác lo âu nghiêm trọng rằng cái người đàn ông hấp dẫn này có vẻ như có thể vứt bỏ cô để ra đi bất cứ lúc nào này, cô nửa muốn bỏ anh, nửa lại bị cuốn hút bởi ánh mắt khi ngây thơ, khi huyền ảo, lúc lại u sầu của anh,

cơ hồ như tim cô sắp sửa rục rữa như căn phòng ký túc xá ẩm thấp này vậy, không biết làm sao cho phải.

Nhờ nghiên cứu tác giả Kee ở huyện Haven này trong một thời gian dài mà Alice đã trở thành bạn thân với cô vợ trẻ của ông ta. Vợ của Kee đắm vào sông tình này trong lần phỏng vấn tác giả năm ấy (đây là một câu chuyện khác). Là người nói chuyện chậm rãi, ưa mang giày xăng-đan, cắt tóc ngắn, không đẹp lắm nhưng toát lên vẻ tươi tắn, cô đặc biệt thích tiểu thuyết của Paul Auster. Cô và Kee chênh lệch nhau gần ba mươi tuổi. Tình yêu lúc nào cũng là thứ khiến chúng ta đưa ra những phán đoán kỳ quái, bao gồm việc cố vượt qua những trở ngại thực tế trong hôn nhân cũng như trong đời sống tình dục khi cách nhau ba mươi tuổi. Mới đầu, mọi người tưởng rằng hai người họ chỉ yêu đương thuần túy tinh thần thôi, nhưng điều khiến mọi người bất ngờ đó là nhà văn đã ly hôn vợ mình để cưới cô. Bạn bè đều cho rằng kết quả của cuộc hôn nhân này nhất định sẽ là Kee ra đi bỏ lại cô vợ sau trẻ trung cùng với một chồng bản thảo to đùng, hoặc cô vợ trẻ sẽ không thể chịu đựng nổi vì phải sống miết ở một chỗ với một lão già, cuối cùng tỉnh khỏi những mê muội văn chương. Nhưng mọi người không nghĩ đến việc cô vợ trẻ của nhà văn lại sớm lìa bỏ cuộc đời trước ông.

Trong một lần Kee và cô vợ trẻ của mình tản bộ dọc bờ biển, thì đột nhiên cô vợ trẻ bị một đợt sóng cuốn trôi đi. Nghe đồn là do hôm trước đó xuất hiện một cơn địa chấn không nhẹ ở ngoài biển, khiến bờ biển này xảy ra hiện tượng nước dâng cấp cục bộ. Đúng lúc Kee đi vệ sinh, thoát một cái thì nước biển đã tràn vào đến nhà vệ sinh công cộng tạm thời do Cục Tham quan xây, dâng lên đến đầu gối. Qua cửa sổ ông chứng kiến cô vợ trẻ đang đứng xa xa bên bờ biển bị một ngọn sóng đột ngột cuốn trôi, mang đi trong thinh lặng, không để lại một vết tích gì.

Vì ngay lúc đó không có ai ở đấy chứng kiến, cảnh sát lập hồ sơ, tiến hành điều tra gần hai tuần lễ rồi đột ngột khép lại vụ án luôn, nào ngờ ngay ngày hôm sau, Kee tự sát. Cách tự sát của Kee vừa có thể nói là không đặc biệt, cũng có thể nói là vô cùng đặc biệt, ông đóng chặt hết tất cả các cửa và cửa sổ của ngôi nhà, sau đó lần lượt đốt hết những bản thảo và thư tín của mình, cuối cùng hít khói và tàn tro bốc ra từ những văn bản do chính ông sáng tác, rồi chết đi vì suy kiệt.

Đứa con trai duy nhất của Kee tên là Văn Dương, anh vô cùng bất mãn về việc cha mình đã bỏ mẹ để cưới một cô vợ trẻ. Sau đó anh xem ông như kẻ thù, dắt mẹ mình rời khỏi miền Đông, đến Đài Bắc mở một tiệm buôn bán dụng cụ thể thao. Sau khi Kee tự sát, Văn Dương và Alice bàn bạc, quyết định xử lý cho xong toàn bộ tài sản của ông.

"Tôi thì không cần một thứ gì cả, nhà không cần, đất đai cũng không cần. Toàn bộ bản quyền xuất bản những tập tác phẩm đều giao hết cho giáo sư quyết định, chỉ cần

chuyển hết tiền bản quyền và tiền bán căn nhà đến chỗ mẹ tôi là được." Cậu để lại số tài khoản người vợ trước của nhà văn cho Alice. Thực ra giải quyết sổ sách vở mà nhà văn lưu giữ lại rất đơn giản, thuyết phục nhà trường dành ra một phòng nghiên cứu là xong ngay, còn căn nhà trong thành phố thì chỉ cần ký gửi cho môi giới bán đi thôi, riêng bản thân Alice rất thích khu rừng thú sinh mà thỉnh thoảng nhà văn hay đến, ở đó chỉ có một căn nhà tranh nho nhỏ. Cô rút hết tiền trong sổ tiết kiệm ưu đãi mà trường cho, mua miếng đất này, toàn bộ tiền được chuyển cho người vợ trước của nhà văn Kee.

Nhờ vậy, Alice đã đọc được nhật ký của cái ngày trước hôm nhà văn tự sát. Trong đó thuật lại tình hình cái hôm ngọn sóng đột ngột đến: "Thoạt nhìn nó không giống như một con sóng, mà như biển đột nhiên dâng lên một cách tĩnh lặng, trong khi ta chưa kịp nhìn cho kỹ, thì nó đã rút về vị trí cũ trong êm ái, hút chìm một số thứ. Chỉ có vậy mà thôi."

Lúc đó Jakobsen đang tham gia cùng một đội leo núi đa quốc gia đến Chamonix để leo lên đỉnh Mont Blanc mùa đông, vài tuần sau, anh đột nhiên xuất hiện ở nhà bếp ký túc xá trong tình trạng đang chuẩn bị bữa sáng.

"Hey!"

"Hey!"

"Ốp la thịt xông khói, thêm hành tây chứ?"

"Uhm..." Alice đã quen với kiểu gặp mặt này rồi, cô cố ý làm ra vẻ không quan tâm gì, song rất giận dữ về sự yếu đuối của mình. Trong lúc ăn sáng, cô vừa nghe Jakobsen kể về trải nghiệm mạo hiểm của anh suýt chút nữa bị một tia sáng cường độ mạnh phản chiếu làm mù mắt (cô nghi ngờ anh đã cố ý tháo kính trượt tuyết xuống, vì năm 1786 trong lần đầu tiên leo lên đỉnh Mont Blanc thì bác sĩ Michel-Gabriel Paccard suýt chút nữa mù mắt, lúc nào anh cũng muốn trải nghiệm những điều mà những nhà thám hiểm trước kia đã suýt chút mất mạng), vừa cố ý lái câu chuyện sang đề tài xây cất.

"Thế anh định khi nào sẽ dẫn em đến Chamonix?"

"Lúc nào cũng sẵn sàng mà."

"Kiến trúc nhà ở Chamonix đẹp không?"

"Chỉ có em mới có đủ tư cách ở trong những ngôi nhà như thế."

"Anh có nhớ Ngôi nhà Mùa hè không?" cô bất chợt xen vào.

"Có chứ, một căn nhà nhỏ xinh đẹp." Anh nhẹ nhàng lau sạch vết tương cà dính trên mép miệng cô bằng một nụ hôn.

"Em muốn cất một ngôi nhà nho nhỏ như thế."

"Thật chứ?"

"Em mua đất rồi."

"Em mua đất rồi? Có nghĩa là em đã mua một miếng đất có thể cất nhà đó hả?"

Miếng đất nằm bên cạnh rừng mé biển, trước mặt ở chỗ không xa ấy là biển. Đường bờ biển ở đây chủ yếu là đá, chỉ có một lớp đất không dày, do đó tuy về mặt đăng ký là đất nông nghiệp, nhưng thực tế thì khó thể trồng được thứ gì. Alice xem khắp cùng hết các bản thảo của Kee, vẫn không hiểu sao hồi đó ông lại mua mảnh đất này. Jakobsen đứng bên rìa miếng đất, tự dưng thả bộ về phía biển, sau đó đột nhiên bắt đầu lột đồ ra, cho đến lúc không còn gì trên người, phóng nhào xuống biển, giống như thể vừa phát hiện ra mình đã xa người yêu quá lâu, nên lần này về lại nhất định phải ôm chặt lấy cô ấy và làm tình thật nồng nhiệt. Alice lẳng lặng đứng ở khu đất nhìn mái tóc xoăn vàng óng của anh trôi hụp trong màu xanh của biển, tựa như một tín vật có thể đánh mất bất cứ lúc nào. Sau khi lên bờ anh hôn cô nồng nàn, và nói:

"Chúng ta sẽ xây một căn nhà dạng như Ngôi nhà Mùa hè vậy nhé."

Jakobsen đến thư viện mượn rất nhiều sách về kiến trúc, bắt đầu dùi mài nghiên cứu, hầu như không leo núi nữa. Alice hoàn toàn tin tưởng, tuy Jakobsen không phải thiên tài, nhưng có một khí chất mà chỉ cần anh quyết tâm thực hiện thì cho dù là việc gì đi nữa cũng đều có thể hoàn thành. Kiểu người như thế liệu cô có thể giữ được không chứ?

Jakobsen nói, "Mặt ngoài của tòa nhà có thể giống Ngôi nhà Mùa hè, nhưng về tổng thể thì không, anh sẽ xây một ngôi nhà mùa hè phù hợp nơi đây." Vì mặt hướng ra biển, nên anh đã xoay hướng của ngôi nhà, nói cụ thể hơn, mặt thay vì hướng ra vịnh hẹp thì giờ lại hướng ra Thái Bình Dương, nhưng có hơi chệch đi một góc khoảng 30 độ, không thể cho cả ba gian nhỏ lại hướng thẳng ra biển. Lý do phải chệch góc 30 độ là vì, gió biển rất mạnh, lại thêm ánh nắng sẽ phản xạ trực tiếp từ mặt biển vào, khiến người ta cảm thấy lo lắng, không thể tạo nên một bầu không khí thông dong vào mỗi buổi sáng sớm thức dậy. Và lại chệch góc 30 độ sẽ khiến cho ngôi nhà nhận đủ ánh sáng ở từng góc ngách, mà không chói mắt. Mé bên phải đổi làm căn hai tầng,

căn gác phía trên được nâng cao hơn một mét, như thế, từ trên cửa sổ chúng ta có thể nhìn ra xa trông về một Thái Bình Dương mênh mông.

Alice lắng nghe lời giải thích của Jakobsen, bắt đầu tưởng tượng ra viễn cảnh mình sẽ ngồi bên cửa sổ thế này viết văn, cô bảo cô muốn đặt tên cho khung cửa sổ này là "Hải Song." Jakobsen cũng quyết định tái hiện lại ý tưởng ban đầu của Asplund thiết kế cho ngôi nhà mùa hè rằng, giữa ba gian sẽ có một con hẻm nhỏ, vì vậy ba gian sẽ trông như độc lập với nhau, nhưng lại có cảm giác là bạn bè thân thiết. "Em sẽ ở gian bên phải, gian bên trái thuộc về anh. Anh sẽ mở rộng gian bên trái ra sau một chút, nhờ đó anh cũng sở hữu một khung cửa sổ có thể nhìn ra biển." Alice thích cái cảm giác giữ khoảng cách này.

Gian chính được thiết kế để có thể trồng được các loại cây từ ngoài vào trong, tạo nên một phòng khách hấp dẫn kiểu nhiệt đới. Jakobsen lên đi ra ở đủ các loại homestay bờ biển, nói với Alice bằng một vẻ đầy tự tin rằng: "Anh thấy có nhiều người xây nhà mà không hiểu được rằng xây nhà là để cho người ta sống trong đó, nhất là ở Đài Loan, một số người xây nhà cốt ý để làm homestay, vì phần lớn du khách chỉ đến tá túc một đêm. Còn ngôi nhà thực sự dùng để ở mười năm, hai mươi năm thì phải khác. Anh muốn cất một căn nhà mà mình có thể ở được rất lâu." Vì câu nói này mà Alice lại một lần yêu điên cuồng nồng nhiệt anh chàng trước mặt mình.

Do miền Đông Đài Loan ẩm áp, nên không cần phải có lò sưởi, do đó không cần thiết phải giữ lại chi tiết lò sưởi nổi tiếng của Ngôi nhà mùa Hè, rất nhiều homestay ở Đài Loan giả lập một lò sưởi đốt bằng củi, Jakobsen cảm thấy điều này vừa lố bịch vừa ngu ngốc. Nhưng dưới sự hướng dẫn của Alice, anh đã thích thú với nét văn hóa bếp lò từng rất phổ biến ở thôn quê Đài Loan, do đó ngoài một căn bếp hiện đại ra, anh còn quy hoạch một gian bếp truyền thống.

"Thứ này xài được đấy, nhà mà nấu được đồ ăn truyền thống bản địa thì mới đúng là nhà chứ," Jakobsen nói.

Jakobsen đã bỏ ra đúng một năm trời để thiết kế tổ chức đường dây điện. Anh so sánh cân nhắc những tấm pin năng lượng mặt trời của nhiều nhà sản xuất khác nhau, điều chỉnh góc độ, để sao cho những tấm pin mặt trời được trải đều trên mái dể. Dưới những mái hiên có phủ tấm pin mặt trời đó, ba gian nhà đều có một mặt được thiết kế dầy ban công để hóng mát, thiền và ngủ trưa. Anh còn đặt mua một máy lọc nước biển thành nước ngọt cỡ nhỏ của một hãng sản xuất của Đức qua mạng, hệ thống ống dẫn nước của ngôi nhà được thiết kế làm hai đường dẫn là nước biển và nước mưa, có tác dụng đối phó riêng. Để không che mất góc nhìn, xa xa ở khoảng cách cố định đều nhau anh trồng những loại thực vật nguyên sinh ưa mặn của vùng này như đậu dậu, mắm

ối, đồng thời anh cũng tính toán làm sao cho trong vòng năm mươi năm phát triển của chúng, những tán cây trưởng thành không che khuất những tấm pin mặt trời.

Một năm rưỡi sau, Jakobsen hoàn thành bản thiết kế 2D, bản vẽ 3D, sơ đồ đường điện, sơ đồ đường nước; hằng ngày Alice nhìn anh, nghe anh gấp ghép, chấp nối để hình thành ngôi nhà, thì sâu tận đáy lòng cô đã sinh ra một sự rung động nhỏ, giống như niềm hạnh phúc thoáng qua khi ta vịn vôi phong-tên nước.

Trước khi ngôi nhà được khởi công, Alice đã thế chấp mọi tài sản để vay một khoản lớn từ ngân hàng. Việc cất nhà giúp cô có cảm giác tách khỏi đời sống học thuật nghèo nàn và buồn chán, và như đang sống vì một mục tiêu nào đó. Vào chính buổi chiều ngày động thổ, Alice cảm thấy khó ở trong người bèn đến bệnh viện khám, bác sĩ đề nghị cô xét nghiệm thai thử xem.

Về sau, Alice thường nói Toto cùng một tuổi với ngôi nhà ven biển này, cơ bản thì đúng là như vậy thật. Về việc Toto sắp chào đời, Jakobsen cũng giống như bao người cha khi hay tin mình sắp có con, anh phấn khởi xếp đặt thêm không gian cho Toto ở hai gian trái và phải, điều này có nghĩa là cả cha và mẹ đều có khoảng thời gian riêng với con.

Sau khi Toto chào đời, thì ngôi nhà bên biển vẫn chưa được hoàn tất, ba tháng sau, Alice hoàn thành quy hoạch vườn tược của căn nhà. Cô ẵm Toto ra mái hiên, ngoài sân trồng đầy loại cây bướm ăn. Một đồng nghiệp của cô ở trường tên Ming là một nhà văn từng viết vài tản văn về bướm bướm, rất thân thiết với cô, do đó cô nhờ anh liệt kê giúp cô một danh sách những loại cây ven biển thích hợp, và hướng dẫn cô cách nuôi trồng hợp lý.

Jakobsen xới bung con đường đất đã bị máy ủi cán chặt lên, trồng những loại cây chắn gió ở hai bên, đắp một con đường nhỏ giữa hai hàng cây thông ra biển.

Nhưng vào năm ngôi nhà hoàn thành, liên tiếp mấy cơn bão lớn đổ bộ, nền đường cái bên bờ biển từng được xây lại và lùi vào trong độ 10 mét có dấu hiệu bị sạt lở, không lâu sau đó toàn bộ con lộ bất ngờ sụp lún, Ủy ban Công trình công cộng đành phải lùi vô thêm 30 mét nữa, đào xuyên một phần dãy núi, xây một con đường ven biển khác cao hơn một chút. Sau khi xảy ra cơn bão Moraket³ nổi tiếng trong lịch sử Đài Loan trước đây, thì chủ đề "mười năm sau sẽ có nhiều vùng đất trên đảo bị hải hóa" vốn đã trở nên nóng bỏng, nhưng đối với một số người thì vẫn là điều không hiện thực. Alice cho rằng, những sinh mạng bị cướp đi bởi thiên tai chỉ khiến một số người ngộ nhận

³ Bão Moraket hay còn gọi là *Trận lụt 88* xảy ra ở miền Trung Nam, và Đông Nam Đài Loan từ ngày 6-10 tháng 8 năm 2002.

rằng chúng ta có thể đối phó được với thiên tai. Một số người cũng nhân hóa thiên tai, cho rằng thiên nhiên đã quá "tàn nhẫn," "bất nhân," cứ thế làm nhảm.

Nghe xong cách nghĩ của Alice, Jakobsen thỉnh thoảng cũng bày tỏ quan điểm Đan Mạch của anh cho Alice nghe: "Thực ra thiên nhiên không tàn khốc. Ít nhất là không quá tàn khốc với con người. Thiên nhiên cũng không trả đũa, vì một thứ vô tri không thể 'trả đũa' được. Tự nhiên chỉ làm công việc mà nó cần phải làm. Biển dâng lên thì biển cứ dâng thôi, tới lúc đó chúng ta dọn nhà đi là được chứ gì. Còn nếu không kịp dọn nhà đi thì chết chìm dưới biển, làm thức ăn cho cá. Nghĩ thế chẳng phải là tuyệt hơn sao?"

"Tuyệt vời?"

Ban đầu Alice không hiểu lắm cách nghĩ của Jakobsen, dù sao đi nữa thì miếng đất và ngôi nhà này là sự đầu tư bằng toàn bộ số tiền cô có được cho đến thời điểm này, còn chưa tính đến khoản nợ vay ngân hàng! Nhưng hình như cô cũng dần hiểu ra. Nói đúng hơn là trước mắt mình cứ việc sống thôi, đến lúc cần phải chạy thì chạy, cần phải chống cự thì chống cự, chừng phải chết thì chết, như một chú chim sơn ca vậy.

Trong khoảng thời gian này, biển như một ký ức không thể dự đoán, thoát cái đã đến ngay phía trước ngôi nhà. Sau mùa Giáng sinh năm ngoái, Alice không thể không từ bỏ thói quen ra vào từ cửa trước lúc thủy triều dâng. Mỗi ngày hai lần, Alice bị thủy triều nhốt chặt, vài giờ sau lại được thả ra. Vào thời điểm thủy triều dâng cao, biển nhẹ nhàng rào quanh hào ngăn nước của ngôi nhà, choàng ôm lấy nó, để lại vô số thứ ở cửa sau: xác cá nóc, gỗ trôi với hình dạng kỳ hoặc, một mảnh vỡ từ thân một con tàu, xương cá voi, quần áo rách nát... Hôm sau nước rút, Alice mở cửa, phải vượt qua các loại xác chết mới bước ra khỏi cửa được.

Cơ quan địa phương từng thông báo cho Alice biết được ngôi nhà này đã nằm trong diện nguy ngập, nên dọn đi. Alice kiên quyết không chịu: "Ngôi nhà bị giới sập thì tự tôi sẽ chịu trách nhiệm, quý vị vui lòng không can thiệp đến sự tự do của tôi, tôi sống ở đây một cách hợp pháp nhé!" Thậm chí bọn báo chí nhiều chuyện còn đăng bài nói về căn nhà dùng năng lượng mặt trời của nữ giáo sư độc cứ, điểm duy nhất để bài báo có thể nói đến, là phóng viên đã viết về sự khéo léo khi Jakobsen thiết kế căn nhà, gồm cả những tấm pin năng lượng xoay theo hướng mặt trời.

Dahu và Hafay bà chủ của một quán bar gần đó cũng vài lần đến khuyên nhủ Alice về chuyện này, cuối cùng cũng thôi luôn.

"Đầu cô thiệt cứng như một cái răng nanh heo rừng," Dahu nói.

"Anh nói đúng, tôi là vậy." Alice ngồi trong phòng nhìn ra biển cả bao la xám xịt qua khung cửa sổ, giống như thể đang ngồi trong cơ thể của một sinh vật sống. Căn nhà quá tuyệt mỹ. Cả đời cô chưa từng trải qua khoảng thời gian nào đẹp đẽ như những năm vừa qua, đẹp như một quả cầu thủy tinh không có bất cứ một vết xước nào, một cây bụi tròn không có một phiến lá vàng khô nào. Có lẽ điều này đã trở thành lý do duy nhất để nó không nên tồn tại.

Sau rốt, cô không hề ngồi viết lách bên Hải Song, chỉ lẳng lặng ngồi đó. Biển không có ký ức, nhưng cũng có thể nói rằng biển có ký ức, sóng và đá cuội trên biển, tất nhiên đều mang những vết khắc của thời gian. Nhiều lúc cô ghét cay ghét đắng nó vì đã đem lại cho cô mọi sự đau khổ trong ký ức, nhiều lúc lại tin tưởng nó, dựa dẫm nó, giống như ta gặp phải một căn cầu không có mối vậ, biết rõ là nó sẽ mang lại đau khổ, nhưng vẫn cứ hiên ngang thẳng tiến.

Alice lẳng lặng nằm xuống, để mí mắt cảm nhận ánh trăng ở đằng xa, lắng nghe âm thanh của thủy triều, tựa như tiếng vỗ vụn của thủy tinh ở đâu đó xa xa. Đồng thời những giọt mưa cỡ như những ngôi sao rơi bên ngoài, gói ghém mặt đất lại trong một không gian ẩm thấp, bất an và cuộn cuộn.

Tối hôm ấy, mặc dù Cục Khí tượng Thủy văn đã phát đi thông báo rằng trong năm rất có thể sẽ xảy ra một trận động đất với quy mô lớn, khi động đất xảy đến, một cảm giác tuyệt vọng kiểu rớt cuộc nó cũng đã đến hiện lên trong suy nghĩ của nhiều người. Mỗi một vị trí của căn nhà trong cơn địa chấn đều kêu gào, còn Alice nghĩ rằng hãy vui chôn hết tất cả mọi thứ luôn đi cho rảnh, ban đầu không hề có ý nghĩ bỏ chạy. Sau đó động đất đột nhiên trở nên dữ dội, bản năng đã khiến cô tìm chỗ nấp. Rồi nhớ lại rằng mình vốn đang muốn chết, cô không nhịn được cười. Jakobsen thiết kế ngôi nhà kiên cố hơn cô tưởng, chừng cơn động đất chấm dứt, Alice nhận thấy rường chính của ngôi nhà có hơi lệch đi, nhưng ngôi nhà vẫn không đổ sập xuống. Rồi đến thời điểm triều dâng, nước biển không những vây lấy ngôi nhà, mà còn lấn xa ra chỗ phía dưới đường, nếu đứng trên con lộ ấy nhìn ra thì ngôi nhà trông như đang trôi lêu bêu giữa biển.

Alice đi lại cửa sổ trông ra bên ngoài, phát hiện nước biển tràn vào đã dâng cao quá nửa tầng trệt, sóng biển vỗ lên vách ngôi nhà, vài nắm bọt biển hắt cả lên mặt cô. Alice đi đến cầu thang xem thử, nước đã tràn vô nhà như một cái hồ, cá lội lỏm ngòm trên nền gạch đỏ do cô và Jakobsen cùng nhau lót, khiến cô có cảm giác như vừa bị rơi vào một hồ thủy sinh khổng lồ. Cô cảm thấy hơi choáng váng, vội với tay bám, đúng lúc với trúng khung tranh bằng gỗ giáng hương treo bên cạnh cầu thang, khung tranh lộng một bức ảnh có hình dấu chân mảnh khảnh của Toto khi mới chào đời. Đó là dấu hiệu của sự đau khổ, hy vọng và cả sự quật cường mà cô dành để nhắc nhở mình. Alice phát hiện ngay chính lúc này đây, bi thương đã lẫn khuất bằng một phương thức kỳ diệu, giống như cách mà những đám mây màu xanh đã tan biến vĩnh viễn trên bầu

trời của hòn đảo này vậy. Theo hướng này, Alice cảm thấy có vẻ như mình đã chết, do đó có muốn chết nữa hay không đã không còn quan trọng.

Trong khi phải hứng chịu sự kích động phức tạp của đau thương, sóng biển, và những rung chuyển nhẹ khi ngôi nhà bị sóng đánh và gió đập, vài lần tường đã ngã quy, Alice muốn hít thở một chút khí trời, bèn thò đầu ra ngoài cửa sổ. Khi đó cô phát hiện một miếng ván trôi lênh đênh ngoài cửa sổ, trên đó có một khối đen đang cử động nhẹ.

Hình như là một chú mèo con. Không, không phải là hình như, *chính xác* là một chú mèo con. Chú mèo con nhìn cô bằng ánh mắt tội nghiệp, đặc biệt hơn là, chú mèo có một mắt màu xanh lam, còn con mắt kia thì màu nâu.

Alice chồm người vươn ra ngoài cửa sổ, chụp ôm lấy chú mèo con đang run lẩy bẩy, nó chịu đựng một sự kinh hãi cực độ, đến nỗi không thể nào vùng giãy, chỉ biết nằm cuộn tròn mềm mại trong lòng bàn tay cô.

"*Ohiyo*." Cô thì thầm với con mèo. Cô nhớ lại cái buổi sáng sớm cô đùa nói lời chào buổi sáng bằng tiếng Nhật với Jakobsen, và cả Toto lưng đeo dụng cụ leo núi trông như một người lớn tí hon. Toàn thân con mèo ướm sũng, run lẩy bẩy không ngừng, như một quả tim sống, làm cô tưởng chừng cơn địa chấn vẫn chưa chấm dứt.

Alice lấy khăn lau khô con mèo, tìm một cái thùng giấy đặt nó nằm tạm vào đó, và cho nó một ít bánh quy. Con mèo không ăn, chỉ nhìn cô bằng ánh mắt đau khổ. Không biết trận động đất này lớn cỡ nào, gây ra bao nhiêu thương vong? Khả năng suy nghĩ đã quay trở lại với Alice, nhưng không có tivi, không có điện thoại, không có tiếng xe, chỗ này giống như bên rìa thế giới, chỉ có một hòn đảo lẻ loi với một mình Alice, mọi tin tức đều bị cắt đứt, không cách gì có thể phán đoán. Thứ duy nhất cô có thể tập trung vào được là chú mèo con đang ở ngay trước mặt. Con mèo khô ráo hình như biết được thời khắc nguy hiểm nhất đã đi qua, bèn ngủ thiếp đi vì mệt, rút cái chân trước mềm mại vào lồng ngực, toàn bộ cơ thể cuộn thành một quả cầu lông xù ra. Chân sau của con mèo thỉnh thoảng co giật nhẹ, như thể giấc mơ đã len vào cơ thể nó từ khe hở đó vậy.

Đột nhiên một âm thanh khủng khiếp ùng ùng truyền lại từ một nơi nào đó, có lẽ nào là dư chấn, sức đối kháng đã quay trở lại với cơ thể của Alice, cô tự động ôm lấy thùng giấy, định tìm một nơi để ẩn nấp.

Chính vài phút trước đây Alice vẫn muốn mình tốt hơn là chết đi, nhưng ngay lúc này đây, cơ thể cô bỗng lại có cảm giác cần phải sống.



Sự thú vị lớn nhất khi nói trời nói đất với Hafay là ở chỗ cô không bao giờ phán xét nỗi bi thương đột nhiên xuất hiện sau khi họ uống say, cô không bao giờ can thiệp, và đôi tròng mắt nằm dưới hàng mi dài đó, ngược lại khiến cho ai cũng có cảm giác như Hafay có thể hiểu được nỗi bi thương của mình.

6. Sisid Thứ bảy của Hafay

SISID THỨ BẢY một thời nổi đình nổi đám ở khu bờ biển, chắc chắn là nhờ vào Hafay. Hafay không phải là một cô gái đẹp? Nói như vậy hẳn không đúng, chỉ được phép nói rằng vài năm trở lại đây cô có hơi phát tướng, nhưng nói chính xác hơn, cô Hafay có hơi phát tướng ấy vẫn rực sáng lên trong một vài thời khắc, chỉ là người bình thường không dễ dàng thấy được mà thôi.

Thực ra mà nói, tuy nghề nấu của Hafay rất đặc sắc, cô thường nấu các loại rau mà người Ami thường dùng, những người thích thì khen ngon, người không thích sẽ chê dở. Còn về rượu, không cần phải nghi ngờ gì cả, ai dám nói rượu do Hafay cất không ngon nào? Khách du lịch đến đây chỉ có thể mua được loại rượu *kavalan*, rượu mơ... chúng được đựng trong một loại chai có màu sắc, hình dài, bên ngoài gói bằng hộp giấy đẹp đẽ. Nếu hỏi Hafay, cô bảo rằng đó không phải là rượu *kavalan*, mà là một hộp sôcôla. Còn nếu hỏi thực khách của Sisid Thứ bảy, họ sẽ nói, rõ ràng nó không phải là rượu *kavalan*, mà là nước đá khi. Rượu *kavalan* phải được đựng trong lu mà mức uống, phải lấy chén vừa mới ăn cơm xong mức uống, gói kiểu này thì là *kavalan* cái gì chứ? *Kavalan* của Sisid Thứ bảy có vị ngọt của gạo, trong đó còn lợn cợn cặn gạo chưa được lọc sạch, vừa dễ uống nhưng rất đậm đà, vừa bình dị nhưng cũng rất dữ dội, sau khi uống vào, nó như sôi sùng sục và phát sáng lên trong bụng vậy.

Ngoài rượu *kavalan* ra, Sisid Thứ bảy còn có một điểm mê hoặc người khác, chính là cửa sổ của nó, hay nói cách khác, là biển của nó. Căn nhà được xây ở *omah* (khu đất hoang bờ biển), vật liệu xây cất gồm đá phiến và tre trúc, bằng lăng, mộc lan đồn từ ngọn núi lân cận. Bốn mặt của căn nhà toàn là cửa sổ, hầu như từ mỗi cửa sổ đều có thể nhìn thấy những con sóng vững chãi của Thái Bình Dương từ nhiều góc độ khác nhau. Những đồ trang trí trong căn nhà hơn nửa là do các nghệ sĩ của những bộ lạc lân cận tặng cho. Nếu bạn hỏi Hafay là nghệ thuật gia nào chế tác, cô sẽ bảo, "nghệ thuật gia gì chứ, toàn một bọn ăn no rồi việc làm ra chúng thôi, có một số do ăn xong không tiền trả nên thế chấp lại đây trừ tiền ăn đấy, nghệ thuật gia gì chứ!"

Mặt bàn của Sisid Thứ bảy khắc đầy những thông điệp của thực khách, còn có không ít bài thơ của những nhà thơ hạng bét làm ra, có bài gồm chưa từng thấy, có bài miễn cưỡng chấp nhận được, có bài thoát trông đã biết là cộp dê của người khác. Điểm đặc biệt hơn nữa đó là, trên mỗi bàn chắc chắn sẽ bày trầu cau loại thường. Nếu không

có người ăn thì Hafay cũng sẽ không thay mới, do đó đến nơi này đừng ăn trầu cau trên bàn là tốt nhất.

Ngoài ra, đối với những vị khách thông thường mà nói, nơi này về cơ bản là một không gian có hơi bình dân, nhưng không biết tại sao, vào lúc Hafay thoăn thoắt bên này bên kia ở nơi ấy, cơ thể hơi phương phi của cô có thể khiến nơi này toát lên một sức cuốn hút đến kỳ diệu, đến việc do ít được quét dọn nên sàn nhà phủ một lớp cát biển mỏng cũng khiến cho mọi người thản nhiên như không. Còn đối với những vị khách quen của quán, sau khi uống say lại lảm ca lảm cẩm làm nhảm với Hafay, như một nghi thức có tác dụng xoa dịu vết thương vậy. Sự thú vị lớn nhất khi nói trời nói đất với Hafay là ở chỗ cô không bao giờ phán xét nỗi bi thương đột nhiên xuất hiện sau khi họ uống say, cô không bao giờ can thiệp, và đôi tròng mắt nằm dưới hàng mi dài đó, ngược lại khiến cho ai cũng có cảm giác như Hafay có thể hiểu được nỗi bi thương của mình.

Nhưng thật ra mà nói, mọi người đều cảm thấy việc Hafay có thể một mình quán xuyến một căn quán xá như thế này, thật là chuyện không thể nào tưởng tượng được, như thể ban đêm có một nhân vật tí hon kỳ lạ nào đó âm thầm giúp cô xử lý tất cả mọi thức ăn và mọi chuyện lật vạt vậy.

Nhiều lúc sau khi Hafay nghe xong những điều than thở hoặc những lời lảm nhảm một mình của khách, cô bèn hát lên, nói ra thì thật là kỳ lạ, Hafay vừa không biết tiếng Đài⁴ vừa không biết tiếng Anh, nhưng có vẻ như cô có thể hát được mọi bài hát của mọi thứ tiếng. Chưa từng có ai hỏi Hafay đã học những bài hát đó từ đâu, vì rất ít người thực sự nhớ được Hafay đã hát những bài hát nào. Tiếng hát ấy đã làm cho bản thân bài hát hoàn toàn thấm thấu vào tận sâu bên trong cơ thể mỗi người nghe. Tiếng hát của Hafay sẽ như những hạt giống bay theo ngọn gió, bạn sẽ không thể biết được lúc nào nó sẽ rơi vào vị trí nào trong lòng mình, nhiều thực khách về đến Đài Bắc, ngồi trên tàu điện ngầm, mà tiếng hát của Hafay vẫn có thể len lỏi vào trong mỗi toa tàu giữa những tiếng ồn, từ trong đầu phát ra, thế là có lúc bạn sẽ bắt gặp một người đột nhiên nhìn ra ngoài cửa sổ toa xe, rơi nước mắt. Nhưng thực ra Hafay không thường xuyên hát, nếu như bạn muốn nhấn nút phát nhạc, hoặc ngồi vào quầy bar rồi bảo:

"Hafay, cô hãy hát một bài nào."

Cô sẽ nói: "Tôi cho cậu 100 đồng, cậu hát cho tôi nghe một bài." Và đối với những thực khách từng yêu cầu Hafay hát, thì kể từ đó họ sẽ không bao giờ còn được nghe Hafay hát nữa.

⁴ Tiếng Đài (Tiếng Đài Loan): tức là tiếng Phúc Kiến, còn gọi là tiếng Mân Nam (Minnan-yu), khác với tiếng Phổ thông Quan Thoại (Chinese Mandarin).

Thành phần thực khách của Sisid Thứ bảy rất đơn giản, phần lớn đều là bạn bè trong bộ lạc và du khách ở những homestay lân cận, sinh viên và giáo sư của Đại học D.. Hafay nhận ra được từng người bạn trong bộ lạc, phần lớn sinh viên và giáo sư đã từng đến quán, và cố gắng không phí sức để nhớ những người là khách du lịch do dịch vụ homestay lân cận giới thiệu đến, còn đối với những người khách vắng lai rồi bỗng dưng quyết định vào quán thì cô đón tiếp rất nồng nhiệt.

Hafay không kinh doanh dịch vụ homestay, không phải vì cô chỉ có một mình, hay do cô không thiếu tiền tiêu. Chủ yếu là vì những homestay ở đây hầu hết đều không giống homestay, toàn là kiểu khách sạn nhỏ do một số người hào hoa phong nhã ở Đài Bắc đến mở. Hầu hết những du khách lựa chọn kiểu homestay này đều là những kẻ tầm thường vô vị, bọn thô tục khiếm nhã mà lại phiền hà thì nhiều hơn nhiều so với những người gây được thiện cảm. Không thì là những gia đình trung lưu thường hay để mặc trẻ con quấy phá làm ồn nhưng lại không dẹp yên bọn chúng, không thì là những đại gia đình nửa đêm vẫn cứ hát karaoke; còn không thì là bọn trai gái chóc choai mới quen nhau rồi dẫn nhau đi nghỉ mát nhưng cả ngày lại rút trong phòng làm tình. Đương nhiên cũng có một số không ít thành phần là những cặp vợ chồng trung niên cho rằng đi du lịch có thể cải thiện quan hệ được tốt hơn, hoặc giả những ông bà trung niên dạn dày ngoại tình. Đối với hai loại này, Hafay chỉ cần liếc sơ ngang là phân biệt được ngay.

Một lý do khác khiến Hafay không mở homestay là cô ghét cảnh bị chụp hình với khách trọ. Lúc đầu Hafay chụp hình chung với khách, nhiều người hay tung hình lên mạng, thậm chí một số khách còn gửi về cho cô. Nhưng khi cô thấy mình trong ảnh chụp chung với một đám người mà thực ra chỉ là một cái nhân duyên trong một hai tiếng đồng hồ (một Hafay vô cùng đáng trí còn thường xuyên không nhớ ra họ), cô cảm thấy chán ghét mình và phiền toái. Vì thế, Hafay thường nói với những người khách quen xúi cô mở homestay rằng: "Tôi không thuộc dạng mở homestay, thực ra thì phần lớn chủ nhân của những homestay cũng không, nhưng điểm khác biệt giữa tôi với họ, đó là tôi biết điều này, còn họ thì không."

Nói cho công bằng rằng, Hafay cũng không thích gì cho lắm những sinh viên và giáo sư của Đại học D., đặc biệt là bọn sinh viên đến đây vì đang thực hiện kế hoạch nghiên cứu quý ma gì đó. Hafay biết những người lớn tuổi trong bộ lạc vui vẻ đồng ý kể những câu chuyện cho giáo sư và sinh viên đi điều tra điền dã, kỳ thực là do họ cô đơn và chìm đắm trong ký ức, chứ nào phải vì cái thứ quý nào đó kêu bằng truyền thụ văn hóa tầm cao. Sự cô đơn làm cho những câu chuyện của họ dài vô tận giống như khi ta mở vòi phong-tên nước vậy, vì thế nhiều lúc Hafay nghĩ, nếu buộc cô viết bài nghiên cứu, hẳn cô sẽ nghĩ có lẽ sự cô đơn mới là nguồn gốc của văn hóa.

Về khách quen của Sisid Thứ bảy, Alice chắc chắn là một trong số đó. Trong năm vừa qua, thỉnh thoảng Alice đến Sisid Thứ bảy một mình, nhưng cô thường đến vào buổi sáng sớm, hoặc đến vào tầm vắng khách. Chỉ có một số lượng rất ít khách quen biết được, Sisid Thứ bảy không đóng cửa. Nói như thế có lẽ cũng chưa đúng lắm, mà nên bảo rằng Hafay dành riêng một cửa nhỏ ở mặt day ra biển, khách quen có thể tự ý đến rót rượu, châm cà phê bất cứ lúc nào, chỉ bằng động tác thò tay qua một cái lỗ trên cửa để mở chốt bên trong là được. Đương nhiên là vào giờ quán đã đóng cửa. Ngoài giờ quán mở cửa, có thể Hafay đi vắng hoặc đang ngủ, nhưng xin cứ tự nhiên về mọi thứ, đối với người tộc Ami, "ngôi nhà là để đón tiếp bạn bè." Điều này là "điều thứ hai trong quy tắc cần phải tuân thủ của Sisid Thứ bảy." Còn điều thứ nhất là: "Tự rót rượu." Hafay cho rằng đối với những ai không biết cánh cửa đó dành cho khách quen, cố tình xông vào đều bị coi là kẻ trộm.

Lý do để Alice trở thành khách quen của quán rất đơn giản, từ ngôi nhà bên biển đến Sisid Thứ bảy vốn chỉ mất không tới năm phút. Thoạt tiên Alice đến một mình, về sau thì cô đến cùng Jakobsen. Lúc nào họ cũng ngồi ở vị trí cửa sổ tận cùng bên trái, vị trí đó được mọi người đặt tên là ngọn hải đăng. Vì Hafay đặt một ngọn đèn hình giọt nước ở đấy, nghe nói ở góc ấy sẽ khiến cho những con tàu ở đằng xa có thể thấy được khi tầm nhìn xa rõ.

Alice thường gọi cà phê *salama*, Jakobsen luôn gọi rượu *kavalan*. Là người vừa hào sảng vừa thông minh, Jakobsen không ngại giúp đỡ sửa chữa chỗ này một chút, chỗ kia một chút cho hầu hết những căn nhà của người già ở gần. Hafay nghĩ, không chừng anh ấy lại là người Đan Mạch đầu tiên biết tiếng Ami chẳng? Cũng vì thế, khi Toto chào đời thì tất cả mọi người sống ở ven biển đều vui mừng cùng với họ. Jakobsen không kiêng cử như người Đài Loan, chưa đến nửa năm đã ẵm Toto đi khắp nơi. Toto sở hữu một đôi mắt xanh tuyệt đẹp, nhưng ánh mắt thì trầm mặc, nét ngây thơ và già dặn cùng tồn tại trên cơ thể của một đứa bé sơ sinh.

Sau khi Jakobsen mất tích, Alice thỉnh thoảng vẫn đến Sisid Thứ bảy một mình, nhưng toàn đến vào buổi sáng sớm, vào tầm không có khách, lần nào cũng ngồi vào chỗ cũ mà trước đây cả nhà ngồi ngắm biển. Có một lần vào một đêm thật khuya, có lẽ sợ làm ồn Hafay, cô chẳng dám mở đèn, từ trong phòng Hafay trông thấy Alice lặng lẽ uống tách cà phê được rót ra từ bình, và cà phê đã nguội ngắt, trong bóng đêm, nhìn ra biển. Hướng đó dĩ nhiên là hướng trông về ngôi nhà bên biển, không, cho đến khi biển dâng lên cao, giờ thì đổi thành ngôi nhà trên biển.

Hafay biết linh hồn của Alice đã sập bẫy, đứng bên cạnh quan sát mọi việc đang diễn ra trước mắt, tìm hiểu rõ cách tháo gỡ bẫy rập. Cô biết lúc này không được cố sức, vì nếu cố sức kéo ra sẽ khiến Alice rách tan rách nát.

Hafay suy nghĩ rất lâu, quyết định mặc áo ngủ ra uống với Alice một ly. Cô lẳng lặng châm cà phê mới cho Alice, hai người lặng im trong đêm tối đến nỗi ánh mắt còn không giao nhau. Hafay đem ra một cái chân đèn được làm từ một khúc gỗ trôi dạt do bạn cô tặng, thấp nển, hai người bắt đầu có điểm nhìn. Không hiểu vì sao, Hafay cảm giác được *kawas* hình như đang ở gần đây, điều này khiến lòng cô bình tĩnh. Hai người nhìn về ánh lửa và biển, rồi cũng đến lúc Alice mở lời nói: "Hafay, xin lỗi cô, tôi lại lên xông vào và uống trộm cà phê của cô."

"Hãy cứ việc xông vào, mọi thứ ở đây đều là của cô."

Linh hồn của Alice không ở trong thể xác cô, chỉ đơn giản là ngồi ở đây, sống dựa vào hơi ấm còn sót lại của ngày trước. Cho đến một ngày kia cô hoàn toàn nguội lạnh, biết đâu lại là sự bắt đầu cho một cuộc sống mới, hoặc giả là sự kết thúc của mọi thứ, giống như hạt kê kết bông rồi chín rụng. Hafay nhận ra được điều này, cô nhận ra rõ ràng điều này.

"Hafay, tôi không có ý tò mò vô lễ, tôi muốn hỏi cô một câu riêng tư. Người nhà cô thì sao?" Alice xoay xoay cái ly trên tay mình. "Cô không muốn trả lời cũng không sao, cứ coi như là không nghe thấy gì."

"Ồ. Tôi từng có cha có mẹ chứ, người yêu cũng đã từng có, thường tôi cũng nghĩ đến việc cần phải có một đứa con, mà không cần biết đến tên của cha đứa bé làm gì."

Alice nhìn ra biển, Hafay cũng nhìn biển, họ hiểu rằng đôi khi không nhìn vào mắt nhau sẽ tốt hơn. "Trên thế gian này không một người nào chỉ là một người riêng lẻ hết. Cô đừng chỉ nhìn thấy tôi như thế này nha, mấy năm trước ấy, để coi, mới chỉ có bốn mươi lăm ký thôi, hồi đó tôi đi ra đường thì mắt bọn đàn ông cứ tia tới tấp, nhưng thời gian qua đi, cái tăng lên thêm ấy chính là trọng lượng cơ thể, còn lại đều mất cả." Hafay cười với vẻ sáng khoái, nụ cười ấy đã đánh động Alice, khiến cô cũng bật cười theo một cách miễn cưỡng và xã giao.

"Nhưng dù sao đi nữa thì cô cũng còn có cái quán này." Hafay gật gật đầu. Đúng vậy, nói kiểu tượng trưng, là có Sisid Thứ bảy, Hafay mới có một bộ xương mà neo giữ suy nghĩ và ký ức của mình.

Hai người uống cà phê *salama*, đó là một loại cà phê sử dụng hạt cà phê Brazil, thêm vào một ít bo bo và cây hương liệu đặc biệt mà Hafay đã lên núi hái về. Nhiều khách uống lần đầu tiên không chú ý lắm, nào ngờ nó như một cái bẫy hấp dẫn họ uống hớp thứ hai, hớp thứ ba. Sau khi uống, nhiều người còn cầm cả cốc lên ngửi, mùi

thơm ấy là một mùi tổng hợp của rừng mưa, hoàng hôn và mùi khen khét của rừng sau khi cháy, từ đó về sau họ đến quán sẽ chỉ gọi mỗi loại cà phê này thôi, hầu như không có ngoại lệ. Alice nhắc cốc lên kê sát mũi, khuôn mặt cô vốn đã phong kín, như một cánh cửa sổ chưa bao giờ được mở ra, nhưng lúc này có vẻ đã hé chút ánh sáng.

Một con thần lằn bám trên cánh cửa sổ kính, mắt của Hafay vốn đang nhìn biển bỗng dừng phát sáng, như vừa mới tỉnh dậy từ một giấc mộng dài, cô bắt đầu cất tiếng hát.

*Sra và Nakaw là tổ tiên của người Ami
 Từ ngày xưa ngày xưa họ sống trên núi Fakong
 Sra và Nakaw là tổ tiên của người Ami
 Họ xuống núi Fakong đến Kiwit
 Những đứa con do Nakaw sinh ra
 Tomay Masra, Calaw Panahay, Karo Korol và Tapang Masra
 Ở nơi dòng sông phía bắc
 Đó là bộ lạc Ciwidian, chính là ngọn núi đá kia,
 Ở Sapat
 Gia đình của Tomay Masra, Calaw Panahay
 Ở Kiwit
 Karo Korol ở Tafalong*

*Chúng ta là con cái của người Ami
 Nếu người người thấy gió, thuận theo dòng sông, mặt nghênh biển
 Thì sẽ nhìn thấy con cái của người Ami*

Lời ca bằng tiếng Ami, Alice không hiểu một câu nào, cô chỉ dựa vào những âm thanh rồi tưởng tượng ra trong đầu một bức tranh có núi, lá cây, và cảnh tượng gió men theo thung lũng. Bên cạnh cốc cà phê trên bàn có một vũng nước đọng.

Một khoảng thời gian sau khi trận động đất xảy ra, Hafay không gặp được Alice. Thực ra không phải Hafay không gặp được Alice, chỉ là không gặp trực tiếp nhau nói chuyện mà thôi. Từ cửa sổ trông ra, thông thường Hafay có thể đoán biết được Alice có ở nhà hay không thông qua vài tín hiệu. Ví dụ như, không đóng cửa sổ trên lầu. Vào một buổi sáng tinh mơ, cô trông thấy Alice chồm người ra khỏi cửa sổ, sau đó bước lên chiếc ghế cao thứ nhất, rồi bước qua chiếc thứ hai, thứ ba... nước biển nhẹ nhàng bao quanh ngôi nhà, để lại trên vách tường từng lần từng mực nước, khi Alice bước lên thì chiếc ghế hơi lắc lư, như một con chim biển chập chờn đáp xuống mặt biển trong cơn gió

mạnh. Vào lúc chạng vạng, Alice vác lủ khủ túi to túi nhỏ quay về, những cái ghế đều bị sóng xô ngã, không biết trôi dạt đi đâu. Hafay rất muốn đến đó hỏi xem Alice có cần giúp gì không, rồi nhớ lại Alice không phải là người ưa nhờ vả người khác, thế là cô chỉ lẳng lặng đứng nhìn. Alice kéo một tấm ván lại, đặt toàn bộ đồ lên trên đó, đẩy chậm chậm về phía cửa sổ, phóng vào bên trong, rồi thò tay ra đem từng món từng món đồ vào trong nhà.

Nhà cửa thế này còn ở được sao?

Điều khiến Hafay tò mò hơn đó là, mới một tối mấy hôm trước đây, cô còn cảm giác được Alice cơ hồ như một chú chim sơn ca đã tuyệt vọng, không biết tại sao giờ đây, nhìn xa xa, Alice đã có chút gì đó khác. Tuy không nói ra được là khác ở điểm nào, nhưng trông như cô có thể tiếp tục sống thêm một thời gian nữa. Người ta còn có thể sống tiếp được thêm nữa hay không, thực ra những người chung quanh ít nhiều đều có thể cảm nhận được, nếu ai đó đột nhiên lẳng lặng chết đi, thì chắc chắn là chung quanh chẳng có lấy một người quan tâm họ. Nghĩ đến đây, Hafay muốn tìm ai đó để tâm sự, nhưng hôm nay quán vắng tịnh không một người khách. Thế là Hafay bắt đầu cất tiếng hát để an ủi chính mình, bằng những lời ca tự chế, về câu chuyện của một cô gái trẻ người Ami tên là Hafay.

Có lẽ vì tiếng ca đã vọng đi, không lâu sau Hafay trông thấy Alice mở cửa sổ, tay ôm một chú mèo đen trắng yếu ớt, vẫy tay về phía cô.

Ohiyo, Hafay nhìn khẩu hình của Alice, như đang nói thế với cô, nhưng cô không dám chắc.

7. Ohiyo của Alice

BUỔI SÁNG SAU ĐỘNG ĐẤT, Dahu lội nước đến gõ cửa nhà Alice. Alice thò đầu ra từ lầu một, Dahu thở phào nhẹ nhõm, Umav đứng xa xa ngoài đường vẫy tay về phía cô.

"May quá cô không việc gì, hồi sáng sớm tôi đến đây hai lần, đều không thấy cô, thấy xe cô không có ở đây, thậm chí chắc cô không sao đâu, nhưng cũng không yên tâm, bởi vậy mới quay lại đây lần nữa xem sao."

"Dữ dội lắm phải không? Trận động đất lần này."

"Nói thế nào ta, tuy rằng chấn động không mạnh lắm, nhưng nước đã tràn vào nhiều nơi ven biển, nhiều chỗ bị ngập úng, có thể là đã xảy ra hiện tượng sụp lún trong đất liền, bảo rằng dời làng thì cũng đã nói những mười năm rồi, lần này không chừng là dời thật. Nhưng Cục Khí tượng Thủy văn nói đây không phải là trận động đất lớn mà họ đã dự báo, lẽ nào chỉ là một điềm báo trước của một trận động đất lớn khác? Lần này chỉ vài mươi người bị thương thôi, hai ba người gặp chuyện chẳng lành."

Alice rất muốn tỏ ra thương tâm, nhưng chẳng cảm thấy gì. Mười mấy năm trở lại đây, động đất, lũ lụt xảy ra với mật độ dày đặc hơn trước, nhiều lúc vốn chỉ là một cơn mưa phùn lất phất, đến khi mọi người ra ngoài mà không mang theo dù thì đột nhiên mưa như trút nước. Hoặc rõ ràng không phải là mùa mưa bão, nhưng có đến ba cơn bão liên tiếp đổ bộ. Nơi từng là đường mòn ven suối lại bị dòng chảy đất đá sạt lở che lấp, từng là hào chống lụt ở phía ngoài đê điều thì biến thành đường sông, theo lời của ngư dân đi biển nói, dòng chảy ven bờ do bị xây thêm đê phòng mới và nhiều đá chắn sóng, đã trở nên không thể nào kiểm soát nổi, nhiệt độ nước mỗi mùa cũng không như lúc trước. Nhưng chúng ta phải thích ứng, chẳng phải sao? Alice nghĩ.

"Anh muốn lên đây không? Anh có thể chui qua cửa sổ mà vào, ô, Umav đâu, Umav lên được không?"

"Ha, cửa đã không còn mở được nữa sao? Cô muốn dọn đến chỗ tôi không..., hmm... ý tôi là, sẽ an toàn hơn."

"Không sao đâu, ngôi nhà còn đây, tôi vẫn muốn ở lại nơi này."

"Uhm." Dahu quá rành cái nư bướng bỉnh của Alice, đến nước này thì anh cũng không biết phải làm gì hơn. "Vậy, cô có cần tôi giúp gì không?"

Alice nghĩ ngợi: "Thế này nhé, nếu anh có vào trung tâm thành phố, nhờ anh mua giúp tôi ít thực phẩm, được chứ?"

"Không thành vấn đề."

Lúc này, con mèo kêu lên.

"Tiếng gì vậy?"

"Tiếng mèo, một con mèo lông đen trắng. Tôi vớt được nó sáng hôm qua."

"Nó không sao chứ?"

"Không sao, đợi tôi một chút." Alice rời khỏi cửa sổ, chốc sau ẵm một chú mèo nhí thể đen trắng ốm yếu, mặt như đeo một cái mặt nạ màu đen quay lại cửa sổ. Cô kéo chân phải của con mèo, nói về phía Umav ở đằng xa: "Umav, con xem này, nói xin chào đi, Ohiyo."

Umav phấn khích reo lên: "Waaaaa, chú mèo kìa!" cho dù một đứa trẻ có trầm tính đến cỡ nào, khi trông thấy động vật thì thần thái liền khác hẳn, không thể chế ngự nổi.

"Hai mắt nó khác màu này!"

"Đúng vậy, khác màu đó. Một con màu trời trong, một con màu trời mưa. Nếu anh có vào thành phố, có thể nhân tiện mua giúp tôi một túi thức ăn cho mèo không? Umav, con có thể đến chơi với con mèo bất cứ lúc nào nhé."

"Okie, không thành vấn đề. Giờ tôi phải đưa Umav đi khám bệnh, rồi quay lại thăm chú mèo. Umav chào cô và chú mèo đi nào." Umav vẫy tay, bảo: "Sẽ trở lại thăm mèo thật sao?"

"Đúng vậy." Dahu dắt Umav, như nhớ ra điều gì rồi lặp lại một lần nữa. "Động đất có thể xảy ra bất cứ lúc nào, đã là mùa hè, cũng sẽ có bão. Ngôi nhà rất nguy hiểm, cô cần nhắc việc chuyển đến bộ lạc chúng tôi nhé."

Alice vốn tưởng rằng nước sẽ rút đi sau khi động đất xảy ra một thời gian, nào ngờ không. Buổi chiều, Dahu quay lại với các loại thực phẩm đóng hộp, Umav vui vẻ đùa giỡn với Ohiyo cả buổi trời, còn Dahu và Alice thì không có gì để nói với nhau, cũng không biết phải làm gì, lặng lẽ nhìn cô con gái và chú mèo.

"Cô ơi, hai mắt khác màu nhau thì thế giới mà nó nhìn thấy có giống nhau không?"

Alice nhún vai, không biết phải trả lời thế nào với câu hỏi ngoài tầm hiểu biết này của cô. "Có ai mà hai mắt của họ nhìn thấy được một thứ giống nhau không?"

Umay tỏ ra đang rất cố gắng suy nghĩ về điều này.

Vài hôm sau, chỉ khi thủy triều rút Alice mới xỏ giày đi mưa ra ngoài lấy nước. Còn để có thể ra ngoài khi nước triều dâng, cô đã xếp vài chiếc ghế từ cao đến thấp bên ngoài cửa sổ, chừng muốn ra thì người cô chỉ cần chui ra từ cửa sổ, bước lên chiếc ghế thứ nhất, rồi bước qua chiếc ghế thứ hai, thứ ba... Bóng Alice đổ xuống in trên vũng biển lặng gió, nhìn xuống đáy nước tựa như một chú chim bay qua. Nhưng chuyện rắc rối hơn khi sóng đánh vào, những chiếc ghế sẽ ngã, do đó lúc đi vào phải xếp lại một lần nữa từng cái từng cái ghế một. Rồi một hôm kia cô phát hiện ra là những chiếc ghế không ngã nữa, thì ra phía dưới đã được gắn những cái chốt cố định bằng sắt, đóng chặt vào đá dưới đáy biển. Chắc chắn là Dahu đã lên làm việc này nhân lúc cô đi khỏi.

Thực ra việc nước biển càng lúc càng tiến lại gần thế này, mấy năm trước Jakobsen đã chú ý thấy. Lúc xây nhà anh đã từng tính toán qua, khoảng cách gần với mực nước biển nhất của ngôi nhà đại khái chừng 28,75m. Qua một năm, hình như biển đã ăn thêm vào đất liền một chút. Mỗi tháng Jakobsen đều đo đạc lại một lần, và nói: "Cứ tốc độ này, biển sẽ vào tới đây. Nhưng cho đến khi biển dim được ngôi nhà thì chúng ta cũng chết mất đất rồi."

Tầng nước biển ở thêm lục địa ven biển cơ hồ như đã nhiễm mặn đến nỗi không còn dùng được nữa, mọi người đều bỏ tiền ra mua nước đóng chai. Chính phủ đã hỗ trợ kinh phí để lọc nước ở tầng sâu đại dương bằng đường ống cực đại sau đó lọc thành nước ngọt để sử dụng. Nhiều gia đình tự lắp đặt máy lọc nước cỡ nhỏ với giá thành không hề thấp, nhưng Alice phản đối việc chính phủ trục lợi từ những tập đoàn đầu tư sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhưng không hề đền đáp lại, nên cô kiên quyết không sử dụng nguồn nước biển sâu này. Một mặt là các tập đoàn đầu tư vào nguồn nước biển sâu, trước đây đã từng đầu tư xi măng và khai thác đá; mặt khác là ban đầu họ lôi kéo những chuyên gia vào tuyên truyền chắc chắn rằng sẽ không ảnh hưởng đến nguồn nước dưới đáy đại dương thuộc vùng sinh thái bờ biển, thì dần dần chuyện này cũng bị truyền thông đặt vấn đề. Nhiều chuyên gia nghi ngờ, vì nhiều động đến kết cấu nước biển sâu đã gây ra một số biến đổi nhỏ đối với tỷ trọng thành phần muối và tình trạng đối lưu dưới đáy biển, thậm chí là cát biển ở tầng đáy, còn ngư dân cho rằng, chuyện này đã làm cá đi hết cả. Nhưng không ai dám dự đoán biến đổi này sẽ ảnh hưởng gì, vì các yếu tố trong hệ sinh thái liên hệ với nhau phức tạp hơn nhiều so với những gì mà chúng ta có thể tưởng tượng ra được.

Mặc dù Jakobsen và Toto đã mất tích một thời gian, trước khi xảy ra động đất, Alice vẫn còn giữ thói quen cách vài ngày đi lấy nước ở ngoài suối một lần. Dòng suối được phát hiện khi Ming dẫn Alice và Jakobsen đi chụp ảnh loài ếch Moltrechti, cách

một khách sạn cho dân du lịch ngắm biển không xa, nhưng lại là một nơi hẻo lánh vắng bóng người.

Ming vừa nhảy xuống khe núi để lấy góc chụp, vừa nói: "Gu xây dựng của khách sạn này quá tệ đúng không? Kiến trúc nhà ở châu Âu của anh khác lắm phải không? Chà, nhiều khi nghĩ lại thấy tội, trẻ em Đài Loan ở trong những khu resort nghỉ mát gu kém thế này, rồi lớn lên sẽ trở thành thiếu niên gu kém, rồi trở thành thanh niên gu kém, sau cùng lại thành ra một người lớn gu kém. Một loài động vật thú vị thế này ở ngay bên cạnh, mà chẳng ai chú ý đến."

"Cậu tiêu cực quá rồi," Alice nói.

"Tôi không tiêu cực, mà là giận đời."

"Biết vậy là tốt."

"Nhưng, về việc khách sạn này gu kiến trúc kém, tôi hoàn toàn đồng ý," Jakobsen nói.

Gu kém thì đã sao? Chẳng phải khách vẫn đến như thường? Alice cảm thấy Ming như bị mắc chứng rối loạn lo âu, lúc nào cũng chìm đắm trong những suy nghĩ tiêu cực bi quan. Vấn đề anh lo lắng hơn nữa đó là viết tiểu thuyết, đã vài năm kể từ quyển tiểu thuyết gần nhất ra đời, anh không thể viết ra được thứ gì thêm nữa cả. Cô biết rằng anh bị rơi vào cái bẫy của chuyện bình luận, quan tâm thái quá tới những ý kiến của một mớ độc giả phê phán cái thế giới hư cấu mà anh đã kiến tạo. Anh lại còn rất bất mãn với tình trạng văn học hiện nay. Alice cảm thấy để đối phó với tình trạng này chỉ có nước đợi, không còn cách gì khác. Nhà văn cứ như ảo thuật gia đào thoát, sẽ thoát được ra khỏi bất kỳ hoàn cảnh khốn đốn nào, còn nhà văn kém sẽ bị chìm chết ở đáy nước, không ai có thể cứu được.

Ngày hôm sau, Jakobsen và Alice lại ra khoảng đất trống bên cạnh suối đó để cắm trại. Không có Ming cảm thấy yên tĩnh hẳn ra. Họ uống trà được nấu bằng nước suối, ngắm bầu trời đầy sao, Alice và Jakobsen cảm thấy hân hoan vô bờ. Bao cát từ bên phía Trung Quốc bay sang càng lúc càng thường xuyên trong vài năm trở lại đây, một miền Đông tương đối trong lành trước đây bị biến thành ra một trời bụi bặm, khiến nơi này đã lâu lắm rồi không xuất hiện một bầu trời đầy sao trong trẻo và xao xuyến như thế. Điều này cho thấy hình như vũ trụ còn nhân từ, khoan dung với quả tình cầu này vậy.

"Đây là loại trà ngon nhất trong đời mà anh từng được uống," Jakobsen nói.

"Vậy sau này em sẽ đến đây lấy nước về nấu trà chịu không?"

"Xa quá."

"Không xa."

"Xa quá."

"Không xa." Jakobsen cười, không tiếp tục tranh luận nữa, Alice cũng cười theo. Về sau, cứ cách vài ngày thì Jakobsen sẽ âm thầm đến dòng suối này để lấy nước.

Thực ra trên thế gian này không có nơi nào được coi là xa hết, cũng không có nơi nào gọi là gần. Alice nghĩ về câu nói có chút mâu thuẫn đột nhiên hiện lên trong đầu này của cô.

Mấy hôm nay, giữa Alice và Ohiyo đã hình thành một lòng tin kỳ diệu giúp cả hai vượt qua thiên tai. Con mèo đã bắt đầu ngủ ngon lành trong bộ dạng lật cái bụng lên trời trước mặt Alice, còn Alice quyết định mang nó đến phòng khám thú y để khám. Vì động đất, ngoài những khu dân cư vốn sử dụng năng lượng pin mặt trời và máy phát điện bằng sức gió ra, có đến sáu phần mười các thành phố trên toàn bộ hòn đảo bị mất điện. Tuy điện đã lần lượt được cung cấp trở lại, nhưng cô phải mất một lúc rất lâu trong thành phố mới tìm thấy một cơ sở thú y có điện.

"Rất khỏe, một chú mèo rất kiên cường, hai mắt còn khác màu nữa chứ, thật là đặc biệt. Hiếm đấy, tôi chưa từng thấy một chú mèo hoang nào như thế này." Một bác sĩ thú y trẻ nói như vậy, sau đó tiêm cho nó một mũi dự phòng.

"Mặc dù về tổng thể có thể nói là không nghiêm trọng, nhưng hình như trận động đất này cũng làm sập không ít nhà cửa, nhà cô không sao chứ?"

"Không sao." Alice đã không còn trẻ, nhưng anh chàng không chú ý đến nếp nhăn ở cổ cô, có vẻ như chỉ nghĩ cô mới hai mươi mấy tuổi, nhiều nhất là mới đầu ba mươi. Đương nhiên cũng có lẽ là do Alice thường hay mặc một chiếc áo thun màu trắng không họa tiết, dáng người cũng không mập, nhìn xa xa còn giống như một cô nghiên cứu sinh nữa là. Alice chưa từng tự hào về điều này, trông như hai mươi mấy tuổi thì thực tế vẫn là ngoài bốn mươi, đây là một sự thực không thể thay đổi được.

Alice muốn để Ohiyo lại cơ sở thú y cho người ta nhận nuôi, nhưng lúc báo danh thì cô y tá hỏi con mèo tên gì, và cô lỡ miệng nói rằng, "Tôi gọi nó là Ohiyo." Cô y tá có chút ngờ ngợ, nhưng vẫn nhờ cô viết tên lên hồ sơ khám bệnh, vì cô không biết nó là ba chữ gì. Ohiyo, chẳng biết phải viết như thế nào. Lúc viết xong cái tên, Alice bỗng nhiên có ý nghĩ muốn làm bạn với nó thử xem. (Tuy sau này cô biết rằng mình đã ráp vắn sai tên đó, nhưng cô cũng không có ý định sẽ đổi lại.) Còn khi cô đọc đi đọc lại cái tên này, chú mèo yếu ớt trong thùng giấy lại ngẩng đầu lên như đang đáp lại cái tên, ánh mắt gợi lên một nỗi lo âu khi đang ở một chỗ xa lạ, chỉ còn biết tin vào người ở trước mặt mình. Mỗi lần Alice khẽ gọi Ohiyo, đuôi của chú mèo cũng nhẹ nhàng ngoe

ngủ. Khoảnh khắc đó, như có một thứ gì đó phi hình hài vật chất lay dậy trái tim im lặng đã từ lâu quyết ý dừng lại của cô.

Sau khi Ohiyo tiêm phòng xong, Alice mua một cái khay đựng cát đi vệ sinh và cả cát cho mèo, cùng một ít thức ăn cho mèo ở chỗ bác sĩ, thậm chí còn mua một chiếc gậy vờn mèo. Hẳn là chú mèo không bao giờ có thể hiểu được, tại sao sau khi cạy vi mạch vào người thì nó bỗng trở thành một con mèo của ai đó, và từ đó bắt đầu có tên. Và Alice cũng không thể hiểu được, rõ ràng mới hôm nào đây mình vừa mới vút đi phần lớn tài sản vật chất của mình, giờ đây tại sao vì một sinh linh nhỏ bé này mình lại bắt đầu sắm tài sản cho nó chứ.

Khi chuẩn bị rời khỏi phòng khám thú y, Alice thấy tivi ở đó đang phát mục tin tức, nói về những vấn đề sau động đất. Đúng như Dahu nói, những chuyên gia địa chấn nghi ngờ rằng đây không phải là một trận động đất đơn thuần chỉ để giải phóng năng lượng. Dòng tin tức tiếp theo đưa một tin mà Alice chưa từng được biết: đảo rác khổng lồ trên Thái Bình Dương đang dần phân tách ra, và một trong các mảnh đang tiến lại gần bờ biển nơi này. Alice nhìn chằm chằm vào bức ảnh chụp đảo rác từ trên cao mà cảm thấy không tin nổi. Tin tức được dẫn từ một báo cáo của truyền thông quốc tế, dùng giọng vừa nặng nề vừa bi thương, tuyên bố rằng trên đảo rác khổng lồ đó, hầu như ai cũng có thể tìm được tất cả những gì mà mình đã từng sử dụng qua trong đời.

Về đến nhà, Alice vào phòng Toto tìm quyển *Bách khoa thư minh họa về loài mèo*. Sau khi chào đời không lâu thì Toto được chẩn đoán là sẽ phát triển chậm hơn nhiều so với những đứa trẻ bình thường. Lúc nhỏ thường bị co giật không rõ nguyên nhân, không phải vì não bộ có vấn đề. Cho đến ba tuổi, Toto ít khi nói được một câu hoàn chỉnh, cho dù là tiếng Hoa, tiếng Anh hay tiếng Đan Mạch đều không thể diễn đạt tốt, thỉnh thoảng chỉ gọi baba hay mama mà thôi. Với thằng bé, nói giống như đang đẩy một vật gì đó rất to ra từ trong yết hầu một cách khó khăn. Họ đưa cậu đi gặp rất nhiều chuyên gia. Phần lớn đều bảo cơ quan phát âm của Toto không vấn đề gì, rất có khả năng đã bị chấn thương não bộ không rõ được, hoặc nhân tố tâm lý nào đó. Chấn thương não bộ sau khi sinh chắc chắn là không có, còn Alice và Jakobsen là những bậc cha mẹ gương mẫu, hầu như không lúc nào rời xa Toto, cũng không cãi nhau trước mặt Toto. Vậy thì, rốt cuộc là nhân tố tâm lý nào chứ? Thực ra không phải Toto hoàn toàn không nói được, nhiều lúc thằng bé nói ra những điều khiến người khác ngạc nhiên. Ví dụ như có một lần, thằng bé và Jakobsen leo núi bắt được một con bọ cánh cứng chân vàng cái hiếm thấy, cậu mang nó về nuôi một thời gian, khi con bọ chết thì đem đi làm tiêu bản. Lúc hai vợ chồng đang ăn sáng, nghe như nó đang nói với hộp thức ăn: tao không thể thấy được những thứ mà mày thấy được.

Ngược lại với khả năng nói, Toto có một sự nhạy bén cực cao đối với hình ảnh. Alice nhớ có một lần cả nhà đi ăn mì Ý, Toto đã lấy bút chì mà người ta dùng để đánh dấu gọi món ăn, vẽ lên giấy lót bàn ở quán từng đường từng nét bản đồ tuyến đường leo núi của cậu và Jakobsen. Ban đầu Alice và Jakobsen không hiểu được đó là bản đồ tuyến đường leo núi, nhưng khi húp xúp hải sản Jakobsen bỗng hét lên, chẳng phải là tuyến đường của ngọn Nặng Cao đây sao? Vì điều này mà cả hai người vui đến rơi lệ, và không để cho người phục vụ đem tấm giấy trải bàn bẩn ấy đi, sau đó mang về nhà đóng khung, cho đến bây giờ vẫn còn treo ở phòng Toto.

Sáu tuổi, Toto bắt đầu leo núi thường xuyên với Jakobsen, nhưng có lẽ vẫn còn là trẻ con, cậu không leo vách đá thành thực như cha mình, dẫu vậy thể lực của Toto được coi như là thể lực marathon, năng lực tinh thần rất mãnh liệt. Mặt khác, Toto hình như chỉ muốn xác nhận tuyến đường leo núi mà cậu thấy trong sách, và mang sách minh họa lên núi để nhận biết côn trùng. Nhiều khi cậu ngồi trong phòng, cả ngày trời chỉ để coi sách minh họa thôi. Toto còn có thể vẽ một số côn trùng như thật bằng bút chì, rõ đến từng nhánh trên râu, và mỗi một hình đều bằng với kích cỡ của một con côn trùng thật. Vì thế Alice và Jakobsen cố gắng mua cho Toto thật nhiều các loại sách minh họa, xếp thành hàng thành hàng trên giá sách, tính sơ sơ cũng có đến vài trăm cuốn, trong đó gồm ba bốn loại ngôn ngữ (Jakobsen mua những cuốn bằng tiếng Đan Mạch). Một số sách minh họa thông thường như sách minh họa về côn trùng, sách minh họa về loài chim, sách minh họa về sao biển, sách minh họa về loài nhện, cũng có những loại rất đặc biệt như sách minh họa về dấu chân, sách minh họa về phân của động vật có vú, sách minh họa về vỏ cây, sách minh họa về cánh chuồn chuồn, sách minh họa về bào tử quyết...

Mặc dù Alice không có hứng thú gì với sách minh họa, nhưng cô luôn luôn cảm thấy sách minh họa là một thứ rất tuyệt vời. Nó không giống với thể loại sách văn học mà cô quen thuộc, không có chỉ vết nào dẫn lối cho ta khi ta đi trong khu rừng hư cấu, mà lặp lại đường cũ bị xem là tội ác; khoa học tự nhiên dường như phát triển được là dựa vào năng khiếu nhận dạng của con người, rồi dùng lý tính để tạo ra các nguyên tắc mà phân loại vô số các loài sinh vật trên thế giới, đặc biệt nhấn mạnh những sự đồng nhất tế vi về mặt giải phẫu để phân biệt các loài. Nhưng Alice cũng cảm nhận bằng trực giác, về phương diện nào đó thì sách minh họa cũng như thơ, đọc kỹ nó cũng có thể nhận biết được nguyên tắc mà loài người nhận thức thế giới, cơ hồ cũng có thể hiểu được thêm về bản tính con người. Nghĩ vậy, không chừng sau này Toto sẽ trở thành một nhà thơ đặc sắc, chẳng phải nhiều khi cậu cũng nói một vài câu tựa như thơ với bọn côn trùng đó sao?

Đối với Alice mà nói, càng lớn, Toto càng nhận biết được nhiều loài vật, cứ mỗi một lần đi dã ngoại về, Toto như cao hơn một chút, trưởng thành hơn một chút, và bắt

đầu tìm tòi về thế giới vừa phức tạp vừa cực kỳ có quy tắc ấy. Thế là, Alice đọc cùng loại sách với Toto, nhớ cùng những loại côn trùng. Mỗi lần gặp phải vấn đề cô đều viết mail hỏi Ming, lúc nào Ming cũng trả lời với tốc độ nhanh nhất có thể, rõ ràng anh là một người tương đối cô đơn. Duy nhất một thứ mà cô không theo đó là leo núi, leo đồi ở ngoại ô để lấy nước thì còn được, chứ cô bị hội chứng sợ độ cao đối với những ngọn núi cao trên một độ cao nhất định.

Mãi mãi Alice cũng không thể nào quên được vụ tai nạn mà Toto gặp phải vào năm thứ hai tiểu học. Cậu bị rấn cần khi chơi đùa gần bụi cỏ. Do không biết là loài rấn nào, họ đưa Toto đến vài bệnh viện để tiêm thuốc giải độc, nhưng vẫn không thấy có hiệu quả, cậu cứ thế hôn mê gần một tuần lễ. Alice cố gắng bằng tất cả sức lực, cầu nguyện với tất cả thần linh mà cô biết, cuối cùng Toto cũng tỉnh lại. Nhiều lúc, cô còn cho rằng, lúc đó Toto đã chết thật rồi. Trong một thời gian rất lâu, Alice không để cho Toto tham gia bất cứ hoạt động dã ngoại nào, nhưng điều này thực sự như một cực hình đối với Toto. Điều quan trọng hơn là, Jakobsen không nghĩ thế. Anh cho rằng mặc dù có nguy hiểm, cũng phải nên thường xuyên thử sống trong hoang dã.

Giờ đây Alice lật quyển *Bách khoa thư minh họa về loài mèo*, cảm giác như Toto đang ở bên cạnh nghe cô giải thích. Quyển sách phân loại rất thú vị, từ độ dài lông, khuôn mặt, rồi ta dùng các đặc điểm để tham khảo chéo. Nhưng Alice lật tới lật lui vẫn không thấy giống mèo nào tựa như Ohiyo. Hay là nó quá nhỏ, nên cơ thể chưa thể hiện được đặc trưng? Đương nhiên, cũng có thể như câu trả lời của cô y tá, "chỉ là một con mix đen trắng bình thường rất đáng yêu." Mix có nghĩa là một giống mèo lai. Nhưng như Alice hiểu được, mèo nuôi không chia giống, vì tất cả mèo nuôi nhà đều có thể giao phối lẫn nhau, rồi sinh ra loại lai tạp chẳng phải sao? Xem ra mèo được phân loại chẳng qua vì người ta muốn nhận thức về thế giới loài mèo, hoặc giả họ muốn xếp hạng cho loài mèo, và những gì được xác định đó chỉ là những quy tắc của con người. Mèo có quy tắc và tôn ty thứ hạng riêng của chúng, và hoạt động theo nguyên tắc riêng.

Vậy rốt cục nguyên tắc phân loại là thực sự theo quy luật của tự nhiên, hay là theo quy tắc của con người?

Chà, do học văn học nên cô toàn rơi vào vực xoáy xoắn vận ngôn ngữ như thế này. Không kìm được, cả một buổi chiều ngoài cuốn *Bách khoa thư minh họa về loài mèo* ra, hầu như cô đã lật hết một lượt những sách minh họa trên giá. Lúc này cô đột nhiên cảm thấy thế giới được sắp xếp hao hao như trong sách minh họa. Có lẽ hồi còn trẻ mình đã nhầm, tưởng rằng thế giới đầy ắp những sự việc ngẫu nhiên. Hoặc giả, thế

giới được sắp xếp một cách ngay ngắn chẵn chu, tất cả đều là những ngẫu nhiên mang tính duyên phận.

Ngày hôm sau, Alice ở miết trong nhà cả ngày nhìn Ohiyo, cô chưa từng nghĩ rằng mình lại nhìn một con mèo hoạt động đến nỗi mê mẩn như thế này. Ohiyo lim dim đôi mắt lặn ra ngủ trên kệ sách, bốn chân mềm nhũn thả buông ra như đang treo lủng lẳng; Ohiyo rón rén bước tới gần một con bọ ánh kim bay từ ngoài vào qua cửa sổ; Ohiyo mở to đôi mắt tròn trịa lạ thường, con người chăm chú nhìn Alice...

"Sao mà dễ thương đến thế chứ?" Alice thở một hơi dài. Sau khi có một con mèo, hình như cần phải thay đổi mọi thứ, giống như có một đứa con vậy. Đêm đó Alice ôm Ohiyo ngủ, Ohiyo gối đầu lên cánh tay cô, cổ họng phát ra âm thanh khò khò khi khi, chẳng biết nó đang mơ thấy gì. Nhưng tối đó, Alice đã chiêm bao.

Hơn một tháng trước, Alice cảm thấy mình không thể tiếp tục sống một mình thế này, do đó cô đã đến Nhật Bản tham gia một cuộc trị liệu giải mã giấc mơ. Giải mã giấc mơ là một phương pháp do Tiến sĩ Yukiyasu Kamitani phát triển nhiều năm trước đây, ông là học giả nổi tiếng của "Phòng Khoa học Não bộ Điện toán," thuộc "Viện Nghiên cứu Viễn thông Cao cấp Quốc tế." Yukiyasu Kamitani cùng với nhóm nghiên cứu của ông dựa trên cơ sở "kỹ thuật cộng hưởng từ tính não bộ" để dần dần hình thành kỹ thuật ghi chép giấc mơ. Ban đầu ông chỉ có thể chuyển đổi hoạt động của não bộ thành những hình khối đơn giản, nhưng dần dần ông có thể chuyển sóng não trong giấc mơ thành hình ảnh. Nhưng những hình ảnh không giống như được chụp lại từ máy ảnh, mà giống như khi ta chuyển kênh tivi sang một đài không có hình nhưng lại hiển thị những đường ngoằn ngoèo khó hiểu. Và không phải ai muốn làm trị liệu giải mã giấc mơ này đều có thể làm được. Nó là một phác đồ trị liệu, và nhất định phải được một bác sĩ chuyên nghiệp đề xuất. Tiến sĩ Yukiyasu Kamitani hy vọng có thể phản bác lại được những chương trình giải mộng nổi đình nổi đám lúc bấy giờ nên mới tiến hành nghiên cứu này. Nào ngờ sau khi gói phục vụ này được đưa ra trình làng, càng có nhiều người mở chương trình giải mã giấc mơ trên tivi hoặc mạng internet, khiến cho Yukiyasu Kamitani buộc phải vận động hành lang với một số nhà lập pháp trong giới chính trị để kiểm soát việc sử dụng những hình ảnh này. Nhưng tình hình đã be bét hết cả. Vì rốt cuộc trong cái thời đại này, ai ai cũng muốn giành được một thứ gì đó.

Người giới thiệu cho Alice là một dịch giả của một trường đại học nữ ở Tokyo, giáo sư Reiko Matsusaka. Nhiều năm trước Alice và Reiko đã từng hợp tác dịch tác phẩm của Ming ra tiếng Nhật, từ đó hai người đã trở thành bạn của nhau. Hai giáo sư trẻ cuồng nhiệt lạ thường với văn chương rất tỉ mỉ tìm ra những điểm khác biệt giữa hai ngôn ngữ. Chẳng hạn, Reiko nhắc đến từ *xe phát tài* mà tiểu thuyết nói đến khiến cô

không hiểu được ý nghĩa của nó. Alice giải thích cho Reiko nghe tại sao người Đài Loan lại gọi loại xe tải nhỏ là xe phát tài, thậm chí còn giúp cô hỏi thẳng tác giả về chiếc xe mà anh ta tưởng tượng ra đại khái khoảng bao nhiêu cc, là loại nào. Cô còn giúp Reiko hình dung ra đặc điểm của nhân vật nam trong tiểu thuyết của Ming, vì Reiko cho rằng, đại từ *tôi* chỉ nam giới trong tiếng Nhật phức tạp hơn nhiều so với tiếng Hoa.

Sau khi Reiko biết được tin về hoàn cảnh của Alice từ một học giả khác, bèn gọi điện thoại internet cho Alice. Mới đầu, Alice hoàn toàn không suy nghĩ gì, nhưng mỗi một câu nói của cô đều lay động Alice: "Tuy giải mã giấc mơ không thể giải quyết được việc gì, nhưng hình như có không ít người, sau khi phát hiện ra được một vài vấn đề hoặc manh mối nhỏ nhất nào đó, cuộc sống của họ mới có thể tiếp tục được."

Tuy hai người đã thư đi thư lại trong nhiều năm, nhưng khi đến Tokyo Alice mới gặp Reiko lần đầu tiên. Reiko là một cô gái có khuôn mặt tròn trịa, nụ cười đúng kiểu Nhật Bản. Điểm đặc biệt hơn là cô mang một cặp kính nhựa rất thông thường (nhưng cũng có thể là một sản phẩm thủ công cao cấp, điểm này thì phán đoán của Alice có hơi không chuẩn), và mang một đôi vớ lưới hơi gọi cảm, điểm này khiến Alice cảm thấy không ăn nhập hài hòa. Hiếm khi thấy học giả mang vớ lưới.

Liệu trình giải mã giấc mơ cần phải tiến hành trong một tuần lễ. Ngày thứ nhất cô được sắp xếp để nói chuyện với một bác sĩ tâm lý, ban đêm cô được ngủ ở một phòng khám hết như một phòng khách sạn năm sao, nhưng được biết là gối nằm và nệm đều được trang bị máy cảm ứng sóng não. Ngày thứ hai và thứ ba thì hoàn toàn giống như một tour du lịch, Alice trở lại công viên Yoyogi và vườn thú Ueno mà hồi còn trẻ cô đã từng thăm qua, cô luôn luôn muốn đi lại một lần vườn thú Tamagawa mà cô từng dẫn Toto đi, tiếc là nhằm phải lúc vườn thú bị phong tỏa để diễn tập. Ngày thứ tư thì sơ đồ giấc mơ mà Alice đã trải qua trong ba ngày qua được tổng hợp.

Khi Alice xem sơ đồ giấc mơ của mình thì bỗng hối hận, vì tuy là bác sĩ và những người thực hiện không thể giải mã được những đường nét và điểm sáng ấy trên màn ảnh, nhưng Alice thì có thể. Cái gọi là ký ức chính là như vậy đấy, chỉ chính mình mới có khả năng nhận biết được. Vốn sau khi Alice xem xong sơ đồ giấc mơ thì phía viện sắp xếp cho cô được nói chuyện với chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm, nhưng ngay hôm ấy Alice đã từ giã Reiko, đáp máy bay về Đài Loan. Trong giờ đưa tiễn, Reiko không cố gắng hỏi lý do, Alice để ý thấy cô đã thay sang một đôi vớ da màu tím khác cũng rất bắt mắt.

Đêm hôm đó, Alice lại mơ thấy giấc mơ mà đợt trước cô đã mơ khi làm trị liệu giải mã giấc mơ. Mơ xong, Alice mơ màng tỉnh dậy, đồng hồ trên tường cho biết mới chỉ khoảng 4 giờ. Ohiyo vẫn ngủ rất ngon lành và an yên, mèo thật là một loài động vật

cần được ngủ thật lâu. Bên cạnh Ohiyo là khung ảnh số đã bị nó làm đổ, mà không cần nhìn Alice cũng có thể đoán biết được tấm thứ nhất là ảnh của Toto lúc còn nhỏ xíu. Sợ đánh thức Ohiyo, Alice thò tay với qua, nhưng vẫn không thể tới được, đành phải tưởng tượng ở trong đầu những tấm ảnh mà cô nhớ rất rõ. Lúc này Alice bỗng nghĩ rằng, hay là Toto chỉ bị nhốt ở một thế giới nào đó không liên quan đến cái chết, giống như đang sống trong bức ảnh vậy, ở đó, chết chóc không bao giờ có thể xâm nhập vào được, và Toto vẫn còn ở đâu đó, cầm hộp tiêu bản của cậu, tìm kiếm những gì mà cậu chưa từng nhìn thấy qua?



CHƯƠNG BỐN

Hồi Saliya còn trẻ, bà cũng đẹp như Rasula vậy, thậm chí còn đẹp hơn, vì Saliya thuần chất hơn, một nét đẹp kiểu Wayo Wayo. Trong tiếng Wayo Wayo, Saliya có nghĩa là: sống lưng đẹp như cá heo.

8. Rasula, Rasula. Con muốn ra biển thật sao?

TRƯỚC KHI ATILE'I RA BIỂN, Rasula đã chuẩn bị một bình rượu *kiki'a* hảo hạng. Rượu *kiki'a* thuộc hàng quý báu của đảo Wayo Wayo, được làm bằng cách để cho các cô gái hoặc trẻ em nhai củ của một loại khoai, để nó trở thành bã rượu hỗn hợp được lên men từ từ ở trong miệng, nhiều khi phải nhai đến ba ngày. Vì thành phần và mùi vị nước bọt của mỗi người khác nhau, do đó mà mùi vị rượu *kiki'a* cũng khác nhau tùy thuộc vào từng người nhai. Rượu *kiki'a* mà Rasula nhai ra từ nhỏ đã có một mùi hương nổi tiếng trên đảo, sau khi nước bọt của cô trộn lẫn với tinh bột, tạo ra một mùi vị khiến cho bọn đàn ông ngơ ngẩn mê hồn, uống không dễ say, nhưng nó sinh ra một kiểu hồi hộp khó có thể tả thành lời, thậm chí những người đàn ông từng uống qua còn tuyên bố có thể nhìn thấy được tương lai mình vào một thời điểm nào đó.

Sau khi Atile'i xuất tinh, Rasula mang bình rượu *kiki'a* mà cô đã chuẩn bị cho cậu ra, dặn dò Atile'i ở trên biển phải uống từ từ từng ngụm từng ngụm một, thì có thể hồi tưởng lại mùi vị của cô, ánh mắt của cô, và hơi ấm của phần dưới cơ thể cô.

Còn Atile'i hiện đang ở đâu?

Rasula là đối tượng mà những chàng trai trên đảo khát khao nhưng không dám rờ tới. Không ai biết được cha của Rasula là ai, còn *Yina* (có nghĩa là mẹ trong tiếng Wayo Wayo) của cô, Saliya, là một thợ đan dệt nổi tiếng nhất trên đảo. Vì thiếu sự che chở của chồng, nên Saliya không được chia ruộng cày, mà phụ nữ thì không được phép ra biển, đành phải nhận lãnh một vài công việc chung trong bộ lạc, còn bộ lạc sẽ cung cấp ruộng cày, cá và những sự chăm sóc khác. Công việc chủ yếu của Saliya là kết giày cỏ cho mọi người trên đảo, Rasula thường giúp Saliya vào rừng hái dây leo, ra bờ biển cắt cỏ đuôi phụng. Dây leo làm đế giày, cỏ đuôi phụng kết thân giày. Saliya không những biết kết giày cỏ thôi không, bà còn biết đan lưới đánh cá, lưới đánh cá mà bà đan thì cho dù là loài cá Ima Ima mạnh nhất cũng không thoát nổi. Những năm gần đây, e là lưới đánh cá do Saliya đan đủ rộng để phủ trọn cả hòn đảo Wayo Wayo.

Thường là chập tối, sau khi đánh bắt cá trở về, bọn đàn ông sẽ lân la đến chỗ Saliya để tán gẫu, giúp bà sửa nhà, hoặc là gửi biếu một hai con cá, hoặc gửi biếu hải sâm hay mực ngon. Cho đến khi Rasula có kinh lần đầu tiên thì cô mới biết rằng, kỳ thực họ đến

vì đôi tay của Saliya, chứ không chỉ vì giày cỏ, lưới đánh cá hay ham muốn được kể chuyện. Rasula từng nghe một người đàn ông khen đôi tay của Saliya rằng:

*Làm cho cỏ cháy phục sinh
Làm cho bão tố thành linh nguôi ngoai.*

Hồi Saliya còn trẻ, bà cũng đẹp như Rasula vậy, thậm chí còn đẹp hơn, vì Saliya thuần chất hơn, một nét đẹp kiểu Wayo Wayo. Trong tiếng Wayo Wayo, *Saliya* có nghĩa là: sống lưng đẹp như cá heo. Hồi còn trẻ bà thường ngồi bên bờ biển, day lưng về phía làng, mái tóc dài buông dọc sống lưng, đủ làm say đắm những trái tim trên đảo Wayo Wayo.

Rasula từng rất thích ngắm loài mòng biển bay xuyên mặt trăng, và nhặt những vỏ cua mới lột xác bỏ lại trên biển, nhưng giờ đây cô như một loài chim biển bị thương ở cánh, nhìn biển nhưng không muốn rời xa. Saliya hiểu rất rõ tâm sự của Rasula, bà lẳng lặng nhìn con gái, và đặc biệt chú ý xem trong tâm hồn của Rasula phải chăng tồn tại một linh hồn nhỏ. Không được ở bên cạnh người mình thương yêu trong đời là số mệnh của nhiều người phụ nữ Wayo Wayo, mặc dù vậy, nếu có thể mang thai với người trong mộng cũng chính là ân huệ của Kabang. Vì đứa bé có thể là một bé trai, có cơ hội xây dựng một gia tộc khác cho họ.

Vào một hôm nọ, trong lúc hai mẹ con ngồi ở trước cửa nhà đan giày cỏ, Rasula bỗng mở lời.

"Yina, sao phụ nữ không được ra biển?"

"Đó là quy định của tổ tiên, luật pháp của tự nhiên. Phụ nữ chỉ có thể ra đến bãi biển để nhặt các loại sò ốc thôi, nhưng phải nhớ, loại sò có gai cũng không được nhặt."

"Đó là quy định của ai, nếu vi phạm thì sao?"

"Nana (có nghĩa là con gái trong tiếng Wayo Wayo) của mẹ, con biết mà, vi phạm sẽ biến thành nhím biển, không ai dám đến gần cả."

"Mẹ có từng thấy ai bị biến thành nhím biển chưa?"

"Khắp nơi đều có nhím biển đấy thôi."

"Không phải, Yina, ý con là mẹ đã từng thấy một người đang sống nhả ra mà bị biến thành nhím biển không?"

"Nana, không ai thấy được cả, vì trước khi biến thành nhím biển họ đã phải lặn sâu xuống biển rồi."

"Yina, con không tin điều này." Rasula thở một hơi dài thườn thượt, mắt chột mơ màng về một nơi rất xa. Saliya nhìn con gái, rồi cũng thở dài ở trong lòng, nghĩ: con gái à, mẹ rất không mong rằng con sở hữu một đôi mắt đẹp như trên châu thổ này đâu.

"Yina, con không tin điều này. Con muốn làm một chiếc *talawaka*."

"Gì thế hả? Không được, phụ nữ không được có một chiếc *talawaka*..."

"Con muốn làm một chiếc *talawaka*."

Saliya biết, một khi Rasula đã hạ quyết tâm thì cô như một hòn đá chìm xuống đáy biển, không thể nào mò được, thế là bà không nói thêm gì nữa.

Khi có anh chàng nào làm *talawaka*, Rasula bèn đứng ở đằng xa lảng lảng quan sát. Nhiều khi trong lúc nói chuyện với Nale'ida, cô cũng gợi ý tìm hiểu kỹ thuật làm *talawaka*. Cô biết Nale'ida yêu cô tha thiết, và đến khi cô mang thai con của Atile'i, Nale'ida cũng có nghĩa vụ chăm sóc cô, đây cũng là quy định của đảo Wayo Wayo. Nhưng Rasula không yêu Nale'ida, cô yêu tính cách như *Yigasa* (mặt trời) của Atile'i, chứ không yêu tính cách *Nalusa* (mặt trăng) của Nale'ida, và cô không thể làm gì với cảm xúc của mình, cũng giống như ta không thể kháng cự với biển vậy. Cô chỉ muốn nghe Nale'ida kể chuyện biển, thường nhắc đến một vài kỹ năng đi biển, do đó cô mới chấp nhận Nale'ida đến tìm cô vào lúc chạng vạng.

Nhưng so sánh với Atile'i, Nale'ida ngoài chiếc mũi hơi lạ thì cậu nói chuyện cũng rất có lý lẽ: "Biển không thể dạy là được, biển cần phải học bằng cả sinh mạng mình." Nhưng cho dù anh chàng có yêu Rasula như yêu một con cá lớn, thì anh vẫn không dám vi phạm một quy định khác của đảo Wayo Wayo đó là để cô lên thuyền của mình.

Một mình Rasula bắt đầu âm thầm thu thập và xử lý nguyên vật liệu. Cô xếp đặt một nơi ở trong khu rừng cách nhà một khoảng hơi xa, giấu lấp một chiếc *talawaka* vẫn còn trong hình dạng của một bào thai, chưa trưởng thành, đến tối cô mới len lén tiến hành công trình của mình.

Môn thủ công đan kết không làm khó được cô, Rasula được thừa hưởng sự khéo léo của Saliya, việc khó khăn hơn là cô phải vác một số nhánh cây hơi to từ trong rừng ra. Nhưng chỉ cần nhẫn nại nhiều hơn và nhiều vết bầm trên tay cũng như chân là có thể làm được. Chiếc *talawaka* của Rasula đã dần thành hình, cô lấy nhím biển làm thành chiếc giữa để làm đẹp những chi tiết, khắc hình tư thế ra biển của Atile'i.

Hòn đảo tuy nhỏ, nhưng Rasula đã làm mọi việc rất bí mật, không ai phát hiện được kế hoạch ra biển của cô. Nale'ida bị ái tình làm cho mờ mắt nên không nhận ra được, những chàng trai đến nhà Rasula bị dục vọng làm cho bùng cháy nên cũng không nhận thấy, người duy nhất biết được việc này chính là Saliya, nhưng bà chọn sự im lặng. Vì bà tin rằng Rasula sẽ từ bỏ, vì qua dáng đi và mùi của Rasula thì Saliya biết

được rằng cô đang mang thai. Cơ thể cô đã có một linh hồn nhỏ của Atile'i, cho đến khi cô phát hiện được điều này thì chắc chắn sẽ bỏ cuộc.

Ngày tháng cứ thế trôi qua ba lần mặt trăng sống lại rồi chết đi, chết đi rồi lại phục sinh, vào một buổi sáng tinh sương Rasula chui vào giường của Saliya, nói với bà rằng:

"Yina, ngày mai con sẽ ra biển."

"Ra biển?"

"Phải, *talawaka* của con đã hoàn thành. Những câu chuyện về biển con cũng đã nghe nhiều, Atile'i đã từng là thầy dạy tri thức về biển cho con, Nale'ida cũng là người thầy dạy con hiểu biết về biển, tuy con chưa từng ra biển. Giờ con muốn mẹ chúc phúc và cho con thức ăn, để con thuận lợi tìm được Atile'i."

"Nana, Atile'i đã chết rồi."

"Anh ấy chưa chết, con biết, con cảm giác được điều này."

"Nana, con biết trong người con đang có một linh hồn nhỏ không? Atile'i đang ở trong bụng con."

"Yina, con biết. Con muốn đem Atile'i trong bụng con cho Atile'i xem."

"Nana, con biết hiện giờ Atile'i đang ở đâu không?"

"Con biết anh ấy đang ở trên biển."

"Biển lớn như thế, con đem Atile'i trong bụng đi tìm cái chết."

"Sống một cuộc sống không có người thương yêu trên hòn đảo này, Yina, mẹ biết rằng nó không khác gì cái chết đúng không?"

"Vậy mẹ không phải là người con thương yêu sao, Nana?" Rasula không rút một giọt nước mắt nào, cô như một con thuyền bị đắm, càng lúc càng nặng, nước tràn vào trong khoang, chứ không phải là chảy ra ngoài.

"Mẹ hãy tha thứ cho con, Yina, hãy tha thứ cho con."

Lẽ ra Saliya có thể tìm cách để người của bộ lạc ngăn chặn Rasula, nhưng bà không làm thế. Bà biết là điều này không những không có tác dụng gì, ngược lại còn khiến cho con gái ngày càng tiêu tụy ngay trước mặt mình. Thôi đi thôi đi, Kabang có sự sắp xếp riêng của ngài, ngài muốn để nó chết trên biển, để ngọn sóng đắp mồ cho nó vậy.

Từ bỏ việc thuyết phục Rasula, giữa khuya ngày hôm sau, Saliya tiếp sức với Rasula đẩy chiếc *talawaka* đến bờ, Saliya vừa đẩy vừa cảm giác như linh hồn mình đã

rơi tồm xuống bãi cát, dưới ánh trăng rọi sáng lơ mờ, hai người hốt hoảng khi trông thấy dáng một ai đang đứng ở đó.

Đó là thầy Quản biển. Quả nhiên, chỉ cần là chuyện có liên quan tới biển, thì biển không thể không biết, và thầy Quản biển cũng không thể không biết. Từ rất lâu rồi, ông đã lẳng lặng đứng nhìn mọi việc xảy ra, nắm hết mọi chuyện, nhưng không thao túng mọi chuyện. Ông chậm chậm bước tới bên Rasula và Saliya, giúp hai người họ đẩy chiếc *talawaka* ra biển, và một mình ông tiến hành nghi thức chúc phúc *Mana* cho Rasula, ông gắn một cái xương đầu cá lớn ở mũi con thuyền *talawaka*. *Talawaka* chưa được chúc phúc *Mana* sẽ như mù trên biển, sẽ tưởng rằng mình là một con cá chứ không phải là một con thuyền. Mặc dù thuyền sẽ đi nhanh hơn, nhưng sẽ có lúc đột nhiên lặn xuống nước, biến thành cá, không bao giờ nổi trở lên lại.

"Kabang nói, là cá thì rồi cũng sẽ đến." Thầy Quản biển muốn an ủi Saliya, nhưng cho dù có là thầy Quản biển thì ông cũng rất nghèo lời, chỉ có thể miễn cưỡng nói một câu ngạn ngữ của người Wayo Wayo.

Rasula mang trong người một Atile'i nhỏ ra biển, nhưng chưa từng được thao tập huấn luyện sử dụng *talawaka*, vì thế hoàn toàn không thể kháng cự lại với gió được, cũng không cách nào có thể như Atile'i nói, "dựa vào tinh hoàn để cảm nhận hướng gió." Cô mặc kệ hướng gió, phó thác trái tim mình cho Kabang, phó thác cơ thể mình cho *Mona'e*. Hay có lẽ nhờ thầy Quản biển chúc phúc, liên tiếp trong ba ngày, biển đều rất yên bình, như một mảnh đất bằng phẳng vô cùng. Nhưng đối với Rasula lần đầu tiên đối mặt với biển thì cô cảm thấy rất mù mịt chao đảo, biển rộng lớn và mênh mông không bờ bến thế này, phải đi đâu mới tìm được Atile'i chứ? Tìm kiếm vừa là động lực kiên cường của Rasula, nhưng tìm kiếm cũng đồng thời là ý niệm khiến cho Rasula để mình mê muội, không thể cự tuyệt, tìm kiếm cũng là đám tang của Rasula. Trái cây phơi khô, cá khô, dừa và lương thực đi biển được làm từ trái sa kê mà Saliya chuẩn bị cho cô đã sắp hết, nước ngọt trong túi da làm từ cỏ biển cũng đã sắp uống cạn. Mặc dù Rasula có lưỡi câu được làm bằng vỏ con hàu, nhưng câu cá không đơn giản như cô từng nghĩ.

Còn Atile'i hiện giờ ở đâu?

Hoặc có thể do lời chúc phúc của thầy Quản biển đã hết hạn ba ngày, thời tiết trên biển đột nhiên biến đổi, sóng dài nổi lên. Thực ra những hồn ma trai thứ của đảo Wayo Wayo muốn hiện ra để cảnh báo cho Rasula nên chèo sang phía phải, nhưng vì không phải là con trai thứ, Rasula hoàn toàn không thể nghe được tiếng của những hồn ma

trai thứ của đảo Wayo Wayo. Thế là bọn hồn ma đành phải hóa thành cá nhà táng bơi chung quanh Rasula, nhưng ngược lại điều này khiến cho sóng càng trở nên to hơn.

Song đến cả bọn hồn ma trai thứ đảo Wayo Wayo cũng không biết rằng, sóng một lần nữa đưa cô gái đảo Wayo Wayo này đến một hòn đảo khác, thoát nhìn, hòn đảo này bề ngoài trông như hòn đảo mà Atile'i đã lên. Điều rất may mắn là, hòn đảo này có một doi đất hình trăng khuyết, *talawaka* của Rasula nhờ đó mắc ngay vào trong vịnh nhỏ đó, dính chặt không nhúc nhích, còn Rasula thì hôn mê bất tỉnh như đang ngủ.

Lúc này, cô không biết rằng, Saliya đã khóc liên tiếp bảy ngày kể từ cô ra đi, cuối cùng máu đã chảy ra từ khóe mắt bà, đến buổi hoàng hôn của ngày thứ bảy thì bà ngã khụy xuống trên bờ biển đảo, như một con sò, một chiếc dầm không thuộc về người nào. Khi bọn đàn ông phát hiện ra Saliya thì sóng lưng bà vẫn đẹp như cá heo. Hầu như toàn bộ đàn ông trên đảo đều đến tham dự đám tang của Saliya, lúc ấy, lòng họ thực sự đau hơn cả vợ mình mất.

Song đến cả bọn hồn ma trai thứ đảo Wayo Wayo cũng không biết rằng, hòn đảo nhỏ mà chúng thấy Rasula đang lững thững đi trên ấy, so với hòn đảo mà Atile'i đang đi trên đó, thoát trông không có gì khác nhau (tuy cả hai đều là đảo được hợp thành từ vô số thứ kỳ quái), nhưng trên thực tế thì lại là một hòn đảo khác đang hướng về một phương hoàn toàn khác biệt.

9. Hafay, Hafay, chúng ta xuống hạ du

NHIỀU KHI TÔI NGHĨ, mình đã rảo một vòng lớn thế này, cuối cùng cũng quay trở lại bên biển.

Hồi tôi mới chừng mười một tháng, Ina (có nghĩa là mẹ trong tiếng Ami) mang tôi theo và rời khỏi bộ lạc để vào thành phố tìm việc làm, vì gã đàn ông của Ina bỏ rơi Ina, không biết hắn đã đi đâu. Nhưng ở nơi này không có nhiều việc làm, sau đó không lâu Ina lại mang tôi đến Đài Bắc. Hồi đầu, bà làm thuê một thời gian, kiêm luôn việc trông trẻ cho người ta, như đến bệnh viện chăm sóc cho những người già mà lúc nào cũng chảy nước miếng, hay đứng trên đường phố phe phẩy những tờ rơi rao bán nhà, việc gì Ina cũng từng làm qua hết thấy. Nhưng đừng nghĩ nuôi một đứa bé con thì tốn ít nhé, mất rất nhiều tiền nhé, sau cùng Ina chịu đựng hết nổi, đành phải đến quán karaoke để hát tiếp khách. Bọn đến chỗ ấy toàn là những ông già, cũng chẳng làm gì, đến đó chỉ để ăn đậu phộng, uống bia và tán gẫu với họ. Thỉnh thoảng cũng có người len lén sờ tay, sờ ngực, hay xoa mông, đại khái là như vậy đấy. Rồi sau đó vài năm, Ina bắt đầu sống chung với một người đàn ông mà sau những lúc say xỉn đều coi bà như bao cát, lúc đó tôi đã bắt đầu học tiểu học, nhớ được rõ ràng hơn những ký ức của mình. Chúng tôi sống bên một dòng suối, một dòng suối chẳng có nước nổi gì. Nghe thì thật kỳ lạ đúng không? Hồi ấy chúng tôi sống bên một con suối không có nước nổi gì cả.

Đối với một đứa trẻ rời khỏi bộ lạc hồi mới một tuổi như tôi mà nói, cuộc sống của bộ lạc như thế nào thì thực chất không thể nào hình dung ra được, mỗi lần nghe Ina nhắc về chuyện của bộ lạc, cũng giống như bà đang nói về một nơi trống không vậy. Chẳng biết tại sao, lúc đó Ina không có ý định đưa tôi về bộ lạc. Nhiều khi nghe bà nói, bên cạnh bộ lạc cũng có một dòng suối, nước của dòng suối đó đục ngầu, vì thế họ gọi nó là Rita. Sống bên một dòng suối ở Đài Bắc, mỗi độ vào thu, bông cỏ lau nở trắng xóa ở khắp mọi nơi, Ina nói nếu không có tòa nhà cao tầng ở đằng xa, thì nó giống quê nhà lắm. Vì thế, hồi ấy tôi thường nhú mắt lại nhìn cảnh vật trước mắt, cố ý né tránh tòa nhà cao tầng ở đằng xa kia, cảm giác như thế không chừng rất giống với cảnh sắc của quê hương.

Có một lần, Ina nổi hứng lên đi lật ruột cỏ lau về nấu canh cho tôi húp, bà nói hồi mới sinh tôi ra ở bộ lạc, ban đầu không đủ sữa cho tôi, bà cũng đi hái ruột cỏ lau về nấu cho tôi húp, lúc đó tôi vẫn còn nhỏ, vẫn chưa có ký ức. Nhưng không biết tại sao, khi

tôi húp canh, thì cảm thấy mùi vị của nó không giống với mùi vị canh củ lau mà tôi chỉ được húp có một lần ở quê nhà trong ký ức. Chắc cô không tin đâu, một tuổi làm gì có thể nhớ được mùi vị. Nhưng tôi nhớ được đấy, chắc chắn là tôi nhớ.

Hồi đó chúng tôi sống trong một ngôi nhà mà lão Liao đã dựng lên bằng cách lấy những tấm phế liệu mà che lại. Lão Liao làm công việc nặng nhọc, cũng là tài xế xe tải, khi hết việc thì ra dĩa cầu đợi xem có ai cần nhân công, thuộc kiểu người có việc thì làm, đương nhiên ngày rồi việc thì nhiều. Nghe Ina bảo bà biết lão hồi còn làm tiếp viên karaoke. Trong ấn tượng của tôi, lúc mà lão Liao không uống rượu cũng rất lịch sự, gầy gầy còm còm, không giống dạng người làm công việc nặng nhọc. Nhưng đến khi lão uống say thì lại trở nên bất trị, không cần biết có chuyện gì không thì cũng sẽ tóm lấy Ina dẫn cho một trận.

Hồi ấy tôi luôn không thể hiểu được, không phải Ina đánh không lại lão Liao, sức bọn đàn bà người Ami chúng tôi rất mạnh, tại sao lại dễ cho bị đánh chứ? Bị đánh đã đành, tại sao sau khi bị đánh, sáng sớm hôm sau lại về nhà nấu cơm cho lão ấy ăn để đi lái xe? Không phải Ina không có khả năng kiếm tiền để nuôi tôi, tại sao lại sống với một người đàn ông như thế chứ?

Lúc đó nếu như tôi có chuyện gì khó hiểu trong lòng, tôi đều chạy đến gần bờ suối của bộ lạc trong thành này, đứng trên một mỏm đá lớn mà hát: bài hát mà Ina dạy, bài hát trên tivi, bài hát trong CD mà bạn học tôi cho mượn, bài hát trong karaoke, tôi đều hát hết, tôi nhớ ca từ rất tốt, một câu hát không hiểu gì tôi cũng có thể nhớ rõ. Khi người trong bộ lạc đi ngang qua, chẳng phải tôi tự khen mình chứ, ai cũng đều bảo tôi hát rất hay, hay đến nỗi hạt kê cũng nảy mầm. Nhưng thực ra người trong bộ lạc ở Đài Loan không trồng hạt kê, dưới lòng sông chỉ toàn là củ lau. Củ lau thì cô đừng có đếm xỉa tới nó, nó mọc loạn cào cào cả lên, nhổ không bao giờ hết.

Thời học tiểu học tôi đều dậy rất sớm, vì tôi thích đi đường vòng đến trường, hình như chừng hơn 5 giờ đã ra khỏi cửa, không có đồng hồ, nên không biết là mấy giờ. Tôi thường lấy bút mực vẽ một cái đồng hồ ở cổ tay, kim ngắn và kim dài chỉ ở vị trí 6 giờ 10 phút. Lúc đó tôi tự nghĩ rằng mình có một siêu năng lực, là lúc mà bạn học hỏi tôi mấy giờ, tôi đều có thể trả lời một cách chính xác thần kỳ. Rất chuẩn xác và thần kỳ nhé, không gạt cô đâu, hồi đó hình như thời gian đã trú ngụ ở đâu đó trên cơ thể của tôi, nó đi qua đi lại ở trong đó, đi qua rồi đi lại.

Hồi đó tôi thích xem một cậu bạn trai lớp bên cạnh có tên là Nhện Nhện cao cao đen đen đánh bóng rổ. Tay cậu rất dài, động tác rất bắt mắt, nhưng thực ra khi cậu đánh bóng thì rất chăm chú, rất đẹp trai, thật đấy. Cho đến bây giờ tôi vẫn mê không cưỡng nổi cái biểu hiện của những cậu trai chăm chú nhập tâm, con trai mập ốm cao

thấp, có tiền không có tiền đều không quan trọng, vì suy nghĩ không ra một vấn đề gì đó mà hai vạch chân mày bầu lại khít rịt, ánh mắt dán chặt vào công việc trên tay không chịu buông ra, kiểu con trai ấy rất thu hút tôi. Tôi thường xem Nhền Nhện đánh bóng rổ mãi cho đến 6 giờ 10 phút tối, vì lúc này Nhền Nhện về đến nhà cũng xấp xỉ 6 giờ rưỡi, cha của cậu chỉ chấp nhận việc cậu về trễ muộn nhất là 6 giờ rưỡi mà thôi.

Cảm giác thấy gần đến 6 giờ 10 phút, tôi sẽ làm ra vẻ nghĩa đồng hồ trên tay, Nhền Nhện sẽ rút lui khỏi sân bóng, lấy quần áo lau vội vội vàng vàng mồ hôi trên người. Đường chúng tôi về nhà có một đoạn đi cùng nhau, Nhền Nhện sẽ dắt chiếc xe đi đằng sau tôi ở một khoảng xa xa, chưa có lần nào đi ngang hàng bên cạnh tôi. Đi mãi cho đến đoạn rẽ, tôi sẽ dừng lại, Nhền Nhện sẽ dắt xe đi ngang qua tôi, nhìn tôi, sau đó nhoẻn miệng cười bẽn lẽn, nói "mai gặp," rồi về nhà. Cả ngày tôi chỉ đợi mỗi giây phút này, đợi cậu ấy nở nụ cười, rồi sau đó nói mai gặp.

Lúc đó Ina thường phải làm việc đến nửa đêm, nhân tiện làm luôn bữa sáng cho tôi rồi mới chịu đi ngủ. Bà thích hỏi tôi tối hôm trước mấy giờ về đến nhà và tôi luôn bảo 6 giờ 10 phút. Nhiều khi tôi cất lại khoản tiền mà Ina cho tôi để ăn tối, mua vài loại kem chống nắng, cảm thấy mình cứ đen đúa thế này không được đẹp lắm, tôi muốn mình trắng hơn. Giờ ăn tối tôi thường hay sang nhà hàng xóm ăn chực. Hàng xóm rất thương tôi, tự họ còn đến hỏi xem tôi có muốn qua ăn cơm cùng không, ở đó chúng tôi đều vậy, bọn trẻ lúc này chạy sang nhà này ăn cơm, lúc khác chạy sang nhà khác ăn cơm. Tôi còn nhớ năm ấy bộ lạc bắt đầu rao tin gần đó sắp mở một con đường cho xe đạp dọc bờ sông gì đó, nhà cửa có thể sẽ bị dỡ đi, vì chuyện này mà có không ít người lạ thường đến bộ lạc, nói rằng muốn giúp người trong bộ lạc chống lại chính phủ.

Trong bộ lạc có một người tên là Đạt Phong rất nhiệt tình năng nổ, anh được mọi người bầu chọn làm đầu mục trong thành. Tôi còn nhớ lúc ấy anh đứng trên bục cầm micro, nói với mọi người rằng, "Thực ra là kế hoạch đô thị muốn lột xác hết chúng ta, phải không?" Mọi người dưới bục nói: "Đúng vậy!" sau đó anh nói: "Kỳ thực chúng ta không sợ những xe ủi đất, mà là sợ cái người ngồi sau vô lăng cái xe ủi đất, đúng không?"

"Đúng vậy!"

"Vậy thứ khiến chúng ta càng sợ hơn đó là con người. Bất luận là người nói bảo vệ chúng ta hay người muốn dỡ nhà chúng ta đều đáng sợ cả, vì họ sẽ không nói với chúng ta tại sao, vì cái tại sao của họ và cái tại sao của những người dân bản địa chúng ta không giống nhau, đúng không?"

Mọi người đứng ở phía dưới đều ra sức hét lên: "Đúng vậy!" cho đến hôm nay tôi vẫn còn nhớ rõ những câu nói ấy. Nhiều lúc những người chống đối mở cuộc họp ban

đêm, họ hay gọi tôi đến ca hát. Khi tôi hát những bài hát mà Ina dạy, thì nước mắt của người già, người trẻ lại đổ xuống như mưa.

Có nhiều lần chính phủ cắt nước cắt điện thật, cũng dỡ nhà của bộ lạc thật, dần dần rồi cũng có một vài người chuyển đến ở những ngôi nhà nhà nước do chính phủ cất. Trong lòng tôi nghĩ, những sự chống đối ấy vốn chẳng có tác dụng gì. Chính phủ thì lớn vậy, còn chúng ta lại nhỏ vậy. Nhưng kỳ thực nhiều khi chính phủ cũng chả làm được gì chúng tôi, sau khi những xe ủi đất dỡ hết nhà ra thì người trong bộ lạc thường quay trở lại xây cái khác, họ sử dụng các vật liệu lượm được như tấm kê giàn giáo, bảng quảng cáo bầu cử, tôn dợn sóng, tấm thiếc và cả những cây gỗ trôi dạt nữa để xây nhà. Tuy nhà không được đẹp và rất đơn giản, nhưng vẫn sống được như thường. Thực ra người ở đó đến từ nhiều bộ lạc, chứ không chỉ mỗi người tộc Ami chúng tôi. Ina nói nhiều người trong đó cũng giống như bà vậy, vô lý vô cớ tự nhiên nhào đến Đài Bắc, đến tiền xe quay về nhà cũng không có. Ina nói, "Những người đó muốn chúng tôi dời đi nơi khác, nhưng chúng tôi phải dời đi đâu bây giờ? Sống ở chỗ căn hộ nhà nước ngột ngạt như vậy chúng tôi không quen, vả lại bọn chủ nhà người Hán còn coi thường chúng tôi." Lão Liao dựng nhà cho Ina rất nhanh, đây chính là điều duy nhất mà tôi có thể nghĩ ra tại sao Ina không bỏ lão ta.

Có một lần không lâu sau khi mọi người quay trở lại bờ suối để dựng lại nhà, khi lão Liao về, uống say bết nhè, dẫn cho Ina một trận, lão cầm lấy quyển từ điển Từ Hải tôi để trên bàn nện vào đầu Ina, đập vào vai bà. Chắc là Ina đập phải thứ gì đó trên tường chảy máu, tóc bết chặt vào nhau, trên đầu toàn những vết máu đỏ đỏ. Tôi nổi điên đá lão Liao, vì quyển Từ Hải ấy tôi được thầy giáo tặng cho vì đã thi được điểm tốt, thầy còn nói, "Nói không chừng sau này Ngô Xuân Hoa lớn lên cũng có thể làm cô giáo đấy." Lão Liao còn lấy quyển Từ Hải đập vào mặt tôi, thật là đáng ghét, cô biết không? Mà quyển Từ Hải đánh rất là đau luôn, để lại một cái sẹo, cô xem này, tuy vết sẹo mờ mờ nhưng đến nay vẫn còn có thể thấy được phải không? Lúc đó tôi nghĩ rằng có lẽ vì chữ Hán rất khó hiểu, nên đánh rất đau, cho đến bây giờ lúc tôi hát thì bên phải nghe không được rõ lắm tiếng mình. Hôm ấy là lần đầu tiên tôi nghe Ina khóc. Tiếng khóc của Ina hòa quyện với tiếng suối róc rách ngoài kia, giống như có hai dòng nước đang chảy tới chảy lui trong lòng tôi vậy.

Ina thường nói với tôi rằng, "Nhiều khi mẹ rất muốn coi dòng suối này như Rita trong ký ức, nhưng dòng suối này không thật sự là, rất giống, nhưng không thực sự là." Hồi đó tôi cảm thấy sống ở cạnh dòng suối không hay lắm, vì nếu như ban đêm không ngủ được sẽ nghe thấy cây cối và đá cuội khóc lóc, gió sẽ đem tiếng khóc từ đầu bên này của dòng suối thổi đến đầu bên kia, rồi lại thổi về, giống như thể cố ý khiến người ta đau lòng vậy.

Hôm đó tôi không ngủ, lăn qua rồi lật lại vì không ngủ được. Hôm sau tôi dậy từ rất sớm, trời vẫn còn chưa sáng hẳn, ngồi trên hòn đá to và hát. Hát khoảng chừng ba bài hát thì mặt trời mới từ từ ló dạng, đột nhiên tôi thấy một bầy chuồn chuồn màu ánh kim tụ bay trên thượng nguồn dòng suối, loài chuồn chuồn ấy trông rất giống bướm bướm, thông thường chỉ có thể thấy một hai con mà thôi, hiếm thấy, nhưng hôm đấy xuất hiện đến cả bầy, giống như chuẩn bị đi học hay họp hội vậy. Mãi cho đến hôm nay, tôi nhắm mắt lại vẫn có thể thấy được mỗi một con mắt của đám chuồn chuồn ngày hôm ấy, mắt chuồn chuồn màu xanh lá cây, tôi thường nghĩ rằng phải chăng đôi mắt màu xanh lá cây sẽ nhìn mọi thứ ra màu xanh lá cây?

Tôi nhớ mãi hôm ấy khi đi học, Nhện Nhện đột nhiên xuất hiện ở đằng sau, nói: "Hey, đi học thôi." Sau đó cậu thả chậm lại, dắt xe đạp đi sau lưng tôi, nói chuyện với tôi. Khi sắp đến cổng trường thì cậu đuổi kịp tôi, khi vượt qua tôi thì cậu bèn vừa chạy xục xịch vừa phóng lên xe, nói: "Nhỏ vừa mới hát hay lắm nhỏ." Rồi cậu vụt như một làn khói đến bãi đậu xe đạp ở phía sau dãy phòng học. Vì cậu đứng lên đạp, nên vai lắc qua lắc lại trông giống như biết bay vậy. Lần đầu tiên cậu nói với tôi, "Nhỏ vừa mới hát hay lắm nhỏ," tôi cảm giác như mình sắp hóa thành một chú chim non vậy.

Buổi chiều hôm chuồn chuồn xuất hiện mưa rất to, một trận mưa to rất là to, giống như thể có người lấy đá ném từ trên không xuống vậy, ném liên tục xuống mái nhà tôn. Hôm ấy Ina không khỏe nên không đi làm, nửa đêm bà mở cửa sổ trông ra ngoài, bầu trời còn tối hơn cả bóng đen. Khoảng 3 giờ khuya, lão Liao hốt hải chạy về, mặt lão tối sầm và nói với Ina:

"Dắt Hafay đi tìm một nhà nghỉ mà ở, gửi xe máy đi, tôi có 500 đồng⁵. Tìm được chỗ ở thì gọi cho tôi, tôi sẽ đến."

"Xảy ra chuyện gì?" Ina hỏi lão.

"Chẳng biết, tôi e là lũ sẽ tràn về, mưa to quá. Tôi vừa mới nghe thấy tin tức loan báo, nói rằng mưa sẽ tiếp tục đổ, nên mới vội vã quay về. Xem ra hai mẹ con nên tạm thời đi chỗ khác trú ngụ," lão Liao nói vậy.

"Mẹ con tôi đợi ông đi cùng," Ina nói.

"Không cần đâu, chút nữa tôi với Moe sẽ đi cùng một chiếc xe, cô đi ngay đi."

Khi mưa lớn đỉnh điểm, Ina đã mang tôi đến nhà nghỉ trong thành phố. Nhà nghỉ ấy còn dùng loại bình đun nước nóng trông như đồ cổ vậy. Chúng tôi chưa tắm, lật đặt mở tivi xem tin tức, tivi liên tục nhảy nhảy nhảy, đúng lúc đang chiếu cảnh bộ lạc của chúng tôi, nước lũ đã kéo đến, bộ lạc của chúng tôi đang nhảy nhảy nhảy trên tivi.

⁵ Đài tệ, tiền Đài Loan.

Hôm sau trời vẫn mưa không dứt, Ina chạy chiếc xe của lão Liao chở tôi về bộ lạc, không đúng, nói như thế không đúng, vì bộ lạc đã không còn. Chỗ lẽ ra là bộ lạc đã biến thành một vùng nước màu vàng, không còn thấy dạng bộ lạc nữa. Thậm chí nước lũ còn phá vỡ đê phòng ở bên phải, vì vậy mà tầng hầm của tòa nhà cao tầng vừa mới cất ở gần đó cũng bị ngập nước, đến giờ này mà nước vẫn chưa chịu rút đi. Nước không quan tâm cô là người bản địa hay là người Hán. Cảnh sát kéo một đường băng phong tỏa chỗ ấy, không ai vào trong được. Mưa thực sự rất lớn, hoạt động của đội tìm kiếm cứu hộ cho đến ngày thứ ba của cơn mưa mới có thể triển khai toàn diện, từng cơ thể từng cơ thể được moi lên từ trong đất cát và khe đá sỏi, vì va tới đụn lúi, nên rất nhiều xương bị gãy, thân thể rách nát tả tơi, gãy gập lại, trông không còn giống một con người nữa. Tôi bám theo Ina, bà lấy tay che kín mắt tôi lại, nhưng vẫn có khe hở giữa những ngón tay. Qua khe hở ấy tôi trông thấy một cơ thể sưng sinh lên đang mặc bộ đồ của Nhên Nhên, đùi của thi thể ấy gãy mất một khúc, trở nên rất lùn. Nhưng bờ vai vẫn còn nguyên vẹn, tôi nhận ra được đôi vai ấy, tuy chưa từng được tựa vào nó, nhưng tôi nhận thấy nó rất quen thuộc rất quen thuộc. Ngay lúc đó máu tôi như đông cứng lại, giống như tim mình bị sâu đục thủng mất rồi vậy. Tôi khóc mãi khóc mãi, nhưng chỉ toàn là những tiếng nấc không thành tiếng.

Sau đó mưa vẫn cứ rơi mãi rơi mãi, người trong bộ lạc nhớ lại, đều nói rằng mưa đã đổ tận mười ngày. Ina không rơi một giọt nước mắt nào, đi dọc theo bờ suối, bà nói với tôi rằng:

"Hafay, Hafay, chúng ta xuống hạ du." Bà giống như một con heo rừng ngoan cố, bà đi kiểm tra từng khe đá dưới lòng suối và vài chỗ bằng phẳng hơn, còn tỉ mỉ hơn cả nhân viên đội tìm kiếm cứu hộ. Bà còn giúp họ tìm thấy ba xác chết, toàn là xác chết, không còn người sống nữa, những người hôm ấy còn ở lại trong bộ lạc, hầu như đều biến thành xác chết, nhưng trong đó không có lão Liao. Ina nói có lẽ do lão không phải là người của bộ lạc, vì vậy đã trôi đến một nơi nào đó khác. Bà đi mãi đi mãi, tôi đi theo đến nỗi thở không ra hơi, bảo bà là đừng đi nữa đừng đi nữa. Thế là Ina mượn đội cứu hộ một cái lều, cho tôi vào ngủ ở trong ấy, rồi bà tiếp tục đi, đến tối mịt mới quay trở lại, rồi sáng sớm hôm sau thức dậy bèn nói với tôi: "Hafay, Hafay, chúng ta xuống hạ du."

Tôi còn nhớ là vào đêm thứ mười lăm sau cơn mưa lớn, nửa đêm Ina tỉnh dậy, đi ra bên ngoài. Tôi cảm nhận được bà thức giấc, nên cũng thức theo bà, nghe loáng thoáng có vẻ như bà đang nói chuyện với ai đó. Nhưng đã khuya vậy rồi còn ai ở chỗ này chứ? Tôi lấy hết can đảm mò dậy vạch một góc lều để nhìn ra bên ngoài, trông thấy có một người đang đứng trước mặt Ina. Người ấy rất cao, tuy nhìn không được rõ, nhưng có lẽ là một thanh niên, lại có nét như trung niên, cũng có điểm giống thiếu niên, bóng ông

ta thoát to thoát nhỏ. Tôi nghe thấy hình như hai người họ đang nói điều gì đó. Đột nhiên ánh mắt của tôi và ông ta đã giao nhau, đôi mắt ấy, nói thế nào đây... à, tôi không biết nói sao, giống như cô cùng lúc bị một con cạp một con bướm một gốc cây một đám mây nhìn thấy vậy. Ày da, tôi biết là tôi nói thế này thì thiệt là quái đản.

Tôi vội vàng lăn trở lại vị trí cũ giả vờ như đang ngủ, đôi mắt của người đàn ông ấy phủ kín tâm trí tôi. Sau đó tôi nghe thấy tiếng Ina vừa khóc vừa chui vào lều. Đây là lần đầu tiên bà khóc trong những ngày gần đây. Tôi ngồi dậy hỏi bà chuyện gì, bà nói: "Kawas nói với mẹ, đi theo tôi." Kawas có nghĩa là linh hồn của ông bà tổ tiên trong tiếng Ami, Ina nói: "Mẹ biết ông ấy ở đâu rồi."

Ina nắm lấy tay tôi, chúng tôi phải lội qua dòng suối mà nước sâu lên đến eo, sau đó nhảy lên một mỏm đá, từ mỏm này nhảy qua mỏm khác. Trăng hôm ấy không phải là quá sáng, vừa đủ để có thể nhìn thấy được hình dạng của những mỏm đá. Nếu như lúc đó có người trông thấy, nhất định sẽ cho rằng mình thấy hai bóng ma. Ina nhảy qua nhảy lại trong đêm tối rất vững vàng, giống như vừa mọc một đôi mắt của loài sóc bay, không chút suy nghĩ, không chút do dự.

Vào khoảng thời gian mặt trời mọc, Ina đứng trên một tảng đá lớn, nhìn xuống một cái hồ sâu đen ngòm, rồi nhảy ùm xuống. Tôi chết lặng đi, mái tóc đen nhay nháy của bà lan tỏa trong nước, như một sinh vật sống dưới nước đang lặn xuống, váy xòe ra trong nước như một bông hoa trắng. Tôi vừa khóc vừa đứng trên tảng đá đợi, đột nhiên thấy lạnh sống lưng, thì ra là trời lại đổ mưa. Những hạt mưa lặn từ cổ xuống sống lưng, giờ ngồi nhớ lại, hồi lúc ấy, dòng suối chảy hình như không có tiếng. Không biết là trong bao lâu, bông hoa váy xòe ấy rút vào trong bóng đen, sau đó tôi thấy mái tóc đen của Ina nổi lên. Ina nheo mắt, thở hồng hộc nói: "Mẹ... thấy... khuôn mặt... của lão Liao." Ina bảo tôi lấy bộ đàm mà đội tìm kiếm cứu hộ đưa cho chúng tôi để thông báo cho họ, ngay sau đó họ liền xuất hiện. Đội tìm kiếm cứu hộ lôi thi thể của lão Liao lên dưới sự hướng dẫn của Ina, thì ra lão bị kẹt trong một khe đá sâu dưới hồ không nhúc nhích được. Khi nhân viên đội tìm kiếm cứu hộ kéo được xác lão lên thì nó đã sưng to lên rất dữ dội, to như một con heo rừng.

Ina hỏi tôi: "Giờ là mấy giờ rồi?" Bà quên rằng tôi không có đồng hồ.

Tôi liếc nhìn đồng hồ được vẽ trên tay, 6 giờ 10, tôi nói với bà, 6 giờ 10. Tôi nhớ mãi bầu trời sáng hôm đó trắng phếu, khe suối tỏa hơi sương... Mãi cho đến bây giờ, khi tôi kể với cô tới đây, thì tôi vẫn còn cảm thấy trước mắt mình mờ mờ không rõ, thật vậy. Hồi ấy tôi tưởng là sương, nhưng thấy ra là cát. Cơn mưa vừa dứt thì mặt trời ló dạng, đất biến thành cát, tôi tưởng đó là sương, nhưng bước vào trong ấy cảm thấy rất mặt. Ina lẳng lặng đi về phía bờ, tôi như không theo kịp bà, nhiều khi tôi hoàn toàn không thấy được bà, tưởng là thế giới chỉ còn sót lại mình tôi.

Alice hớp một ngụm cà phê, cốc cạn, cô nhìn Hafay, đột nhiên cảm giác như mình vừa mới hiểu được một vài tiểu thuyết đã từng đọc trước đây. Hafay đi về phía quầy bar rót cho cô một ly nữa, ngẫm nghĩ bỗng dưng giật trở lại, nói: "Uống nhiều cà phê quá không tốt, tôi lấy rượu cho cô."

Alice bị Hafay chọc một vỗ cười đau khổ.

Hafay nói: "Nhiều khi tôi nghĩ, lúc Ina rời khỏi bộ lạc, chẳng mang theo thứ gì hết, bà nên bỏ lại luôn cả cái gọi là tình yêu ở nơi ấy thì có vẻ như sẽ an toàn hơn. Sau hôm đó, tôi mới biết được người ta có thể yêu một người toàn đánh đập mình từ sáng tới đêm." Có lẽ Hafay nói điều này không phải với Alice mà với chính bản thân mình, như một kết luận mà cô rút ra được về Ina khi cô nhớ về bà.

Alice gật đầu tỏ vẻ đồng ý với cô, nhưng không phải cô đồng ý với câu nói của Hafay, mà là đồng ý với cách nghĩ về cuộc sống đang hiện hữu trong đầu mình, có nghĩa là, cuộc sống không chấp nhận cho chúng ta có bất cứ cách nghĩ nào cả. Trong rất nhiều trường hợp, chúng ta chỉ có thể chấp nhận, cũng giống như chúng ta đi vào một tiệm ăn mà chủ quán rất độc đoán trong việc quyết định chúng ta sẽ ăn gì. Alice đang cúi thấp đầu và cũng là lần đầu tiên cô nhìn thấy chân của Hafay. Thường ngày Hafay mang giày thể thao, hoặc giày ống, nhưng tối nay vì bị cô đánh thức nên Hafay chỉ mang mỗi đôi xăng-đan, để lộ ngón chân cái ra ngoài, ngón cái như tét làm hai ngón, cả hai chân của Hafay đều dư một ngón cái nhỏ hơn người bình thường một số. Để tránh ngại ngùng khi mắt cô cứ dán chặt vào ngón chân cái của Hafay, Alice lập tức ngẩng đầu nhìn ra ngoài cửa sổ, phát hiện có rất nhiều con ngài đủ các loại màu sắc đậu trên cửa sổ, một số cánh của chúng đều có hình con mắt lớn nhỏ không đều nhau, giống như đang nhìn cái gì đó.

Đúng lúc này, cô cơ hồ đã thấy được trên biển, hình như có gì đó đang tiến gần đến bờ biển của hòn đảo.

10.
Dahu, Dahu,
nên đi theo đường nào để lên núi?

"ĐẾN CHIM MÌNH CÒN KHÔNG CONG NỔ, còn làm được thứ gì nữa chứ!" Dahu đuổi kịp Gấu Đen, để mình lại là người dẫn đầu của hàng ngũ. Dahu thường hay đùa cợt vô hại với thành viên đội tìm kiếm cứu hộ, những thành viên trẻ cũng quen với cách nói đùa này. Vì ai cũng biết là Dahu chỉ nói như thế khi công tác tìm kiếm đã gần như vô vọng, cần phải có một ít tiếng cười bất chợt để cổ vũ tinh thần của mọi người. Và bây giờ chính là lúc.

Gấu Đen phụ trách việc nhận biết phương hướng và hành tung, ánh mắt trông như một con vật đang bị đuổi riết hơn là một thợ săn, Dahu biết rằng cậu ta đã mất lòng tin rồi. Trên núi, lòng tin đôi khi còn quan trọng hơn cả thể lực, không có lòng tin thì ngay lập tức cơ thể sẽ cảm nhận được, kết quả là chân tay sẽ bắt đầu từ bỏ công việc, núi ngay tức khắc sẽ biết chúng ta đang yếu đuối, nhiều nguy hiểm rập rình đổ ập đến ngay lúc này. Thế là Dahu đã âm thầm đi về phía trước, thay vị trí dẫn đầu của Gấu Đen. Anh vỗ vào vai Gấu Đen, ý nói anh có thể ra phía sau nghỉ ngơi tí đi.

Điều này cũng khó trách, đã vào ngày thứ sáu trong cuộc hành trình tìm kiếm Jakobsen, nhưng không phát hiện được điều gì. Điều khiến họ cảm thấy kỳ lạ nhất là, những con đường núi lân cận đều không có dấu vết đi lại của họ. Chỉ cần có một tí dấu vết, chỉ cần có một tí dấu vết thôi, thì Dahu sẽ có đủ tự tin để phán đoán Jakobsen đi về hướng nào.

"Dahu, tiếp theo chúng ta nên chọn đi đường nào?" Gấu Đen hỏi. Dahu không trả lời được. Trước đây anh từng có thể trả lời được việc mười hai tiếng đồng hồ trước có một con nai đực chạy về hướng nào, giáp mặt với tình huống này, thì lại không sao trả lời được rằng mục tiêu mà mình tìm kiếm đã đi về hướng nào? Dahu gần như nổi điên cả lên, nhưng kinh nghiệm khiến anh có thể đè nén nó xuống, nổi giận chỉ khiến mình thêm mất phương hướng. Khả năng duy nhất Dahu nghĩ ra được đó là, có thể Jakobsen đã rơi xuống vực trong một tình huống nào đó. Chỉ có điều chỗ này nhìn từ trên xuống toàn là cây cối dày đặc, ít nhất phải có gì đó bị mắc lại ở những tán cây, hoặc lớp tán cây sẽ có dấu vết của việc có gì đó rơi phải mới đúng, hay màu sắc của cây gãy sẽ khác đi, chắc chắn sẽ phát hiện ra ngay thôi. Nhưng không có, không có dấu vết gì cả. Hướng hồ, một nhóm cứu hộ tách ra đã tìm ở dưới thung lũng, cũng chẳng phát hiện được gì.

"Phải chăng là từ đầu họ đã không đi con đường này?" một thành viên khác của đội là Mã Tấu hỏi.

"Ai biết được chớ? Không chừng do mấy ngày trước mưa quá lớn, mẹ kiếp, mưa lớn khủng khiếp," Dahu nói.

Trục thăng cũng không phát hiện được gì khả quan cả. Máy phát sóng của Jakobsen hoàn toàn mất tín hiệu, đã gần chín ngày trời không nhận được tín hiệu gì, tín hiệu đầu tiên chính xác là đường leo núi mà Jakobsen đã đăng ký, nhưng sau đó thì mất tín hiệu. Dahu cho rằng không thể nào là do máy phát tín hiệu bị hư, người có kinh nghiệm leo núi sẽ không chỉ mang theo một cái máy phát tín hiệu mà thôi. Vả lại máy phát tín hiệu là loại sử dụng năng lượng mặt trời, với kỹ thuật hiện nay, việc nhiều máy phát tín hiệu cùng hỏng một lúc, xác suất là quá thấp.

Đương nhiên không phải là không thể. Nhưng, Dahu cũng chợt nghĩ, đây phải chăng chính là hàng loạt những điều mà những điểm gở đã báo trước? Hoặc giả sau đó, sẽ còn có những vận rủi nào đó khác?

Dahu nhận được tin tức phải tổ chức một đội tìm kiếm cứu hộ chính vào mùa sau khi bông cỏ lau vừa trở. Người Bunun cho rằng đây là mùa không tiện đi xa. Trước khi xuất phát anh gọi điện cho Alice còn nghe tiếng Umav nhảy mũi, ra ngoài nhìn trời đúng lúc thấy một bầy *has-has* (chim sâu) bay về bên trái, đây là *suhaisus hazam*, điềm gở. Hầu như tất cả những điềm gở đều tập trung xuất hiện vào thời khắc này. Nhưng trong vài năm trở lại đây, lúc nào anh cũng do dự có nên tuân thủ những *masamu* (cấm kỵ), chẳng hạn như sự cấm kỵ khi thấy một bầy *has-has* bay qua trái thực ra không hợp lý gì cả. Trên núi có đầy bầy *has-has*, bầy nó toàn đi thành đàn, còn bay loạn xạ ngẫu, bay sang trái cũng là chuyện thường. Huống hồ bây giờ đã là thời đại gì rồi chứ, Dahu bảo với chính mình, nếu vì những cấm kỵ này mà phải dừng lại mọi kế hoạch, thì có quá là... Anh xóa sạch đi từ ngữ vừa hiển hiện trong đầu mình, dù gì bản thân mình là người Bunun, không tin điều cấm kỵ đã là đại kỵ rồi, huống hồ lại còn dùng những từ ngữ bất kính để miêu tả. Nếu cha còn sống, chắc chắn sẽ bảo với anh rằng, cho dù anh có đạt được danh hiệu sinh viên tài năng bậc thạc sĩ sinh thái rừng, cũng phải tôn kính thần núi.

"Không có núi thì lấy gì con nghiên cứu rừng sâu? Rừng là để cho chúng ta săn bắt, và tôn kính, chứ không phải để cho chúng ta nghiên cứu." Dahu có thể tưởng tượng ra cha mình nói bằng chất giọng sang sảng.

Nhưng đây là chuyện sống còn nên Dahu vẫn cứ xuất phát. Đối với anh mà nói, trách nhiệm quan trọng hơn cấm kỵ, cho dù có gặp phải trắc trở nào cũng vậy, huống hồ gì lần này là vì Jakobsen... Có lẽ, là vì Alice. Dahu thét to gọi Đá Cuội và Mặt Trăng,

để chúng nó một ngòi trên bình xăng, một ngòi ở sau xe. Đá Cuội và Mặt Trăng đều là giống chó núi Đài Loan màu đen mà Dahu nuôi, Mặt Trăng giống hình dạng của một con gấu đen Formosan, trước ngực nó có một vằn hình mặt trăng, còn Đá Cuội thì mõm hơi méo, lý do là trong lần đầu tiên nó đi theo săn bắt thì bị nanh heo rừng xé toạc một bên mõm. Bất luận thú săn khi tấn công nó có mạnh hơn nhiều lần, Đá Cuội luôn luôn đứng im, bám chặt lấy vị trí của mình. Đá Cuội và Mặt Trăng là hai người bạn trung thành trong rừng trên núi của Dahu. Còn giờ đây, Đá Cuội và Mặt Trăng cũng lủi thủi xà quần trong những đường núi, thỉnh thoảng hai chú chó ngẩng đầu lên nhìn trời, như thể mùi của đối tượng chúng đánh hơi đã đi theo hướng lên trời vậy.

Nhiều khi không hiểu con người ta đã đi đâu, cũng không hiểu tại sao mình lại đi tới chốn này. Dahu nhớ lại hồi mười mấy năm trước cũng vì Millet, anh mới bỗng dưng chuyển đến chỗ này. Lúc ấy Dahu vừa mới tốt nghiệp cao học ngành sinh thái học về rừng của một trường đại học quốc lập, đây là chuyện hiếm thấy trong bộ lạc của anh. "Rừng mà cũng học đến cao học à, vậy đánh cá có cần phải thi cao học không? Và đi 'săn gà mái tơ' có cần phải học thạc sĩ không?" bọn bạn thân của Dahu liên tục cười nhạo anh. Lúc đó, người bản địa thường học những ngành có liên quan đến tiếng mẹ đẻ của họ hoặc ngành nghiên cứu xã hội học gì đó, nhưng Dahu chỉ có hứng thú với rừng.

Không lâu sau đó Dahu quyết định đi nghĩa vụ trước đã. Một lần cùng mấy anh em trong đại đội đến thị trấn Haven công vụ và nhậu nhẹt, cả bọn cùng đến một tiệm chăm sóc da ở trước ga xe lửa để "mát xa mát xa." Đương nhiên mọi người đều biết mình không cần chăm sóc da, mà cái họ cần là "tinh dầu giải độc" hấp dẫn trên biển quảng cáo. Dahu phát hiện, có lẽ do say rượu, khi lên cầu thang tối om thì tim mình đập mạnh hơn bình thường rất nhiều. Lầu một có từng gian phòng nhỏ, chỉ có một ngọn đèn leo lét, ba người bạn mỗi người bao một gian, đợi đâu chừng mười phút, một cô gái gõ cửa. "Em được không anh?" Kỳ thực Dahu còn chưa nhìn rõ mặt mũi vóc dáng của cô gái, thì đã gạt đầu rồi.

Trong khi uống rượu thì chúng bạn đã mách cho Dahu biết quy trình phục vụ: "Trước tiên nhân viên sẽ thoa dầu mát xa, khoảng nửa tiếng đến một tiếng đồng hồ, rồi sẽ bảo cậu lật người lại. Vặn mở đèn lại, lúc này là lúc 'đẩy mạnh trọng điểm'. Chừng đó thì làm ơn đừng khách sáo, ha."

Dahu nằm sấp trên giường mát xa, qua lỗ để thở anh thấy được ngón chân của cô gái lộ ra từ giày cao gót, rất tỉ mỉ, có chút gì đó giống như thể những ngón chân này được đặc biệt sáng tạo ra. Dahu nhận thấy nhịp tim của mình không thể chậm lại được, rất giống một chú nai sắp bị thợ săn đuổi kịp. Cô gái hỏi anh những câu xã giao nghe

nghiệp như là anh từ đâu tới, làm công việc gì, giọng nói vô cùng dịu dàng, khiến cho anh có cảm giác như đang bước trên tầng đáy của rừng rậm không có đường lộ vậy. Nói qua rồi nói lại với nhau, Dahu biết được cô gái cũng đến từ Đài Đông.

Nhưng đến lúc "đẩy mạnh trọng điểm," vì hồi hộp căng thẳng, Dahu hoàn toàn bị rơi vào trạng thái không đủ cương cứng, cô gái day lưng về phía anh, vẻ như rất cố gắng mân mê, nhưng mãi đến lúc chuông reo, Dahu cũng không hề xuất tinh, cũng không trực tiếp đụng chạm đến cơ thể của cô gái. Nhìn từ phía sau lưng, cô gái với mái tóc thả đến ngang lưng có lẽ chỉ chừng hai mươi tuổi. Nhưng khi đề cập đến vấn đề tuổi tác, cô gái lại trả lời rất thành thực rằng cô đã hai mươi tám tuổi.

"Một khuôn mặt búp bê."

"Đúng vậy, khuôn mặt búp bê."

"Ừa, vậy em tên gì?"

"Tên em là Millet, số 8, mong là còn có dịp phục vụ anh." Giống như lời thoại của những cô tiếp tân của một công ty điện tín nào đó, Dahu nghĩ. Lúc đó anh mới thật sự nhìn rõ hình dáng của cô. Cô gái mặc một chiếc váy liền thân ngắn màu tím, trên cánh tay đeo vài chiếc vòng, nhìn như những cô gái trẻ ở trên đường phố Đài Bắc, khuôn mặt hơi tròn, nhưng cũng không phải dạng người có da có thịt, có một chiếc mũi trông rất bướng. Màu da thoạt nhìn không giống với người bản địa cho lắm, nhưng hốc mắt thì giống. Trước khi đi Dahu còn cúi đầu len lén ngắm ngón chân cô, đến nỗi trông giống như là đang ngại ngùng hơn, kiểu như đã hối hận khi vào đây vậy. Những ngón chân thật đẹp, Dahu nghĩ.

Kể từ đó, Dahu thường lái xe một mình đến thị trấn Haven, vào quán thì cúi đầu bảo với người quản lý: "Gọi Millet, số 8." Dần dần hai người bắt đầu thân hơn, có lúc Millet cũng đi ra ngoài ăn khuya với Dahu, gặp phải khách khó ưa cũng kể lể với anh. Cô nói có nhiều người khác vì không "bắn" ra được nên đòi trừ tiền, "đâu có bao đẻ đâu, phải không?" Millet nói bằng thứ tiếng Đài không chuẩn, vừa móc thuốc lá ra hút, có lẽ là do làm việc nhiều năm liền ở trong phòng, da của Millet trắng trẻo hơn nhiều so với khi Dahu mới quen biết cô.

Millet thường làm ca đêm từ 8 giờ tối cho đến 6 giờ sáng, ban ngày hầu hết đều ngủ bù. Lúc đầu Dahu dự tính sau khi giải ngũ thì sẽ vào cơ quan nghiên cứu để nghiên cứu một đề tài có liên quan đến người Bunun và rừng, nhưng sau đó thì quyết định về dạy học một thời gian ở một trường tiểu học quê anh. Đến sau đó nữa, vì để có thể gặp được Millet thường xuyên hơn, anh đã quyết định đến thị trấn Haven để lái taxi. Mỗi ngày vào lúc 6 giờ sáng, như thông lệ anh đến cửa tiệm chăm sóc da đón Millet tan ca về.

Mới đầu Millet kiên quyết không lên giường với Dahu. Tất cả các cô lớn tuổi đều cảnh cáo cô, tuyệt đối không được có tình cảm với khách hàng, nếu không xác định được việc đó chỉ là chơi cho vui thôi, thì dứt khoát không được lên giường, "Chừng lúc đó có kêu cha khóc mẹ cũng chẳng ai thêm quan tâm cô đâu." Cô Linh, người đã coi Millet như em gái mình nói vậy. Chồng của Linh vì nghiện ngập ma túy mà đột quy chết, để nuôi hai đứa con nhỏ, cô mới phải làm ngành nghề này. Thường khi phục vụ khách, cô vận nhỏ đèn đến mức rất tối rất tối, mắt tuyệt đối không nhìn vào đối phương.

Nhưng ngày tháng lâu dần, Millet dần mở lòng với Dahu. Anh lẳng lẳng nghe cô kể chuyện, không hề động tay động chân gì, còn cô hình như cũng động chút lòng với người khách đến đón cô mỗi giờ tan ca. Millet cho Dahu số điện thoại di động và chìa khóa phòng trọ của cô. Phòng trọ ở gần tiệm chăm sóc sắc đẹp, cuộc sống của Millet mấy năm này, đều là từ căn trọ này đến "phòng làm việc" của tiệm chăm sóc sắc đẹp, giúp mẹ trả món nợ của cha cô. Nhiều khi vào giờ ngủ bù ban ngày của Millet, Dahu mua cơm trưa về cho cô, lặng lẽ ngồi bên cạnh nhìn Millet ngủ say, cảm thấy sau khi tháo mi giả ra, cô ấy biến thành một Millet sở hữu một nét đẹp hoàn mỹ, giống như ngón chân vừa mới nhú ra, cái phần duy nhất mà anh trông thấy được xuyên qua lỗ thở của ghế mát xa, một Millet chỉ có ngón chân tuyệt đẹp.

Lái taxi nhưng Dahu vẫn vương vấn núi rừng. Anh bắt đầu gặp gỡ với một vài người leo núi, đồng thời gia nhập đội cứu nạn. Khi có sự cố tai nạn phát sinh trên núi, Dahu liền lái xe taxi lên núi tham gia cứu viện. Nhờ kiến thức về núi rừng phong phú, Dahu nhanh chóng trở nên nổi tiếng trong ngành này, giải cứu thành công không ít vụ tai nạn trên núi. Thành viên đội cứu nạn trên núi gồm đủ mọi thành phần: hướng dẫn viên du lịch, giáo viên cấp hai, người bán bún ốc và thuốc bổ ở chợ đêm. Một khi có lời kêu gọi triệu tập là tất cả bọn họ sẽ ngừng hết mọi công việc đang làm lại mà tập hợp thành đội cứu hộ ngay. Khi có thời gian rảnh rỗi thì họ thành bạn leo núi. Không ít trong số họ là nhân vật truyền kỳ trong giới leo núi, một số là người Hán, một số là người Ami, một số là người Bunun, một số là người Sakizaya, một số là người Toroko. Đặc điểm chung của họ là đều thích núi, không nỡ bỏ núi vì sinh kế.

Dahu rất lưu luyến khoảng thời gian đó, đến nỗi anh thực sự không dám nhớ về nó, để tránh làm cho những ký ức mỏng manh và nguy hiểm đó bị phá vỡ, hoặc bị mình sửa đổi. Dahu rất lưu luyến khoảng thời gian đó, nhưng anh cũng rất sợ những ký ức đó vô tình liên kết với những thời khắc kế tiếp theo đây, do đó anh cố gắng càng không hồi tưởng càng tốt.

Mãi cho đến tối hôm nay cũng vẫn chưa có bất cứ tung tích gì. Đối với Dahu mà nói, ngọn núi này Jakobsen đăng ký để leo lên cũng ổn, nhưng những ngọn núi liền gần đó thì lại nguy hiểm hơn nhiều so với những ngọn núi nổi tiếng khác. Những ngọn núi gọi là nổi tiếng không những đã được leo cùng khắp, hiện tại thì dòng người leo núi tấp nập không ngừng, mà điểm xuất phát thì luôn luôn cách đỉnh núi một đoạn không xa. Cái bản chất của trải nghiệm tìm đường mới để leo núi đã mất từ lâu, giờ biến thành một loại vận động rèn luyện sức khỏe thuần túy. Nhưng cụm núi này thì lại khác, chúng vẫn còn giữ được loại cảm giác thần bí và trực giác, như một ngọn núi đích thực. Dahu thường nghĩ, khi leo một ngọn núi đích thực, thì không cần phải quan tâm những tri thức thông thường. Trong quá trình tìm kiếm cứu hộ anh thường đụng phải những chuyện không như lẽ thường, ví dụ như có một lần vài học sinh bị mắc nạn trên núi Kỳ Lai, đội tìm kiếm và cứu hộ liên tục lượm được quần áo của thành viên đội leo núi mất tích, nhưng lúc đó nhiệt độ trên núi đã xuống gần tới 0°C. Một thành viên trẻ của đội tìm kiếm cứu hộ hỏi:

"Đây có phải là tín hiệu cầu cứu?"

"Chưa chắc. Theo không ít ghi chép tìm kiếm cứu hộ trong và ngoài nước, người lạc đường sau khi được phát hiện, tất cả mọi đồ vật quần áo trên người đều gần như bị lột hết. Điều này do hội chứng giảm nhiệt độ sinh ra một cảm giác nóng rát, khiến cho người ta muốn cởi bỏ quần áo trên người. Tôi cho rằng, đây không phải là tín hiệu cầu cứu, mà là tín hiệu mê man, tín hiệu mất phương hướng, tín hiệu mà họ đã sắp rơi vào trạng thái thần trí mơ hồ. Phải nhanh lên." Quả nhiên, hôm đó sau khi tìm thấy học sinh, người nào cũng đều mất ý thức, quần áo trên người không còn mấy cái.

Nhiều lúc Dahu cũng có tham gia huấn luyện của đội tìm kiếm cứu hộ quốc tế, cũng nghe nhiều bạn bè trong đội tìm kiếm cứu hộ quốc tế nói, nhiều người lạc đường sau khi mất liên lạc với người khác trong vòng nhiều ngày, sẽ cố ý né tránh người cứu hộ. Vì họ đã mất khả năng phân biệt giữa hoang tưởng, ảo giác và thực tế. Nhiều người tuy còn sống, nhưng không đáp lại tiếng hét gọi, thậm chí còn lẩn tránh người cứu hộ, giống như một con thú hoảng loạn. Do đó trong quá trình tìm kiếm cứu nạn, có khi Dahu dùng cách hét gọi, có khi lặng lẽ quan sát dấu vết khả nghi, và yêu cầu tất cả mọi thành viên giữ im lặng. Không ít lần anh cảm giác như *đang ở gần một cái gì đó*, nhưng cảm giác ấy lại nhanh chóng biến mất.

Vài hôm sau thì đội tìm kiếm và cứu hộ ra về trong thất bại, thậm chí đến thi thể cũng không tìm thấy. Điều này như một cú đấm rất mạnh vào Dahu lẫn Alice, nhất là Dahu chịu không nổi ánh mắt thất vọng của Alice. Khoảng một tháng sau tai nạn, từng đội từng đội tìm kiếm và cứu hộ ở các nơi tự nguyện lên núi, nhưng đều không có tiến triển gì mới. Sao có thể như vậy được chứ? Dahu không nguôi niềm ảo não. Báo chí đã miêu tả chuyện này thành một vụ kỳ quái khó hiểu, vì những tai nạn leo núi thông

thường cho dù có người chết đi cũng phải còn thi thể, còn lần này giống như mây biến thành mưa, hay nước mưa rơi xuống sông, không thể phân biệt được, không thể tìm ra tung tích.

Giống như với mọi sự việc kỳ quái, động thái tìm kiếm cứu hộ dần lắng dịu lại. Thế giới như một cỗ máy khổng lồ không tưởng chắc chắn sẽ không dừng hẳn hoạt động chỉ vì một vài người mất tích. Ngược lại vì trong lòng mắc mứu một sự khó hiểu huyền hoặc, và vì lời hứa với Alice, Dahu quyết định lên núi một lần nữa, nhưng, lần này trong đầu anh đã có một tuyến đường mới, cách nghĩ mới.

So với những cộng đồng dân tộc khác, người Bunun càng cho thấy họ là một cộng đồng dân tộc miền núi. Dahu là con trai thứ, thừa hưởng tên của bác trai, Dahu, nghĩa là trái bồ hòn. Bồ hòn là một loại thực vật bình dị và dẻo dai, rất giống với tính cách của Dahu. Nhưng tính cách quá kiên cường dai dẳng, cũng không tày nào một mình đối diện với Umav. Dahu nhớ lại sau khi Millet mang thai Umav, tâm trạng cô trở nên thất thường, cô không đến tiệm chăm sóc da để làm việc được, vì thế mà mất đi khoản thu nhập một trăm ngàn một tháng. Nhưng trong thị trấn nhỏ này, với cô gái trẻ như Millet, chăm chút làm đẹp cho mình là thú vui duy nhất trong cuộc sống của cô, mặt khác, trong thời gian còn đi làm, Millet cũng giống như bao chị em khác đã sa chân vào con đường nghiện ngập. Nhiều lần Dahu buộc Millet phải cai nghiện, nhưng một mặt cô ý lại vào sự dịu dàng và chơn chất của Dahu, một mặt cảm thấy cuộc sống của mình không thể chỉ có ngần này thôi, nên thỉnh thoảng cũng nổi trận lôi đình với anh chàng Dahu giỏi chịu đựng sự hiếp đáp. Millet cũng không thể chịu nổi với việc bản thân mình như thế, đành phải lên tiếp tục mua ma túy từ một người khách của mình để quên đi chính cô.

Thực ra Dahu không phải là người kiên cường, nhưng anh không chịu để mình trông như một kẻ hèn yếu, đành phải mượn chuyện thường xuyên lái taxi để ở ngoài hòng tránh cãi vã. Một hôm kia vừa về tới nhà, anh không thấy xe máy, mở cửa ra thì nghe thấy Umav đang khóc trong nôi, nhưng không có ai ở nhà. Dahu thấy giấy ghi chú, trên đó viết: "Tôi đi Đài Bắc, chăm sóc tốt cho Umav." Dahu hoàn toàn có thể dễ dàng tìm thấy Millet, nhưng anh không làm vậy. Anh đến siêu thị Carrefour mua một chiếc ghế an toàn cho trẻ, tiếp tục lái taxi để sống qua ngày, đặt Umav ngồi ở ghế đằng trước, vừa lái xe vừa nói chuyện với nó.

Khi nghe kể chuyện, mắt của Umav sáng nhấp nháy như đôi mắt của một chú nai, nhưng khi câu chuyện chấm dứt thì mắt cô bé bỗng thoát như biến thành hòn đá. Sau khi Umav ngủ, thân hình bé nhỏ của cô bé nhấp nhô nhịp nhàng với hơi thở đều đều trong xe yên tĩnh, nhiều khi nhịp thở đột ngột thay đổi rồi nó khóc ré lên. Tuy nó

vẫn còn là một đứa bé sơ sinh, nhưng Dahu cảm giác được hình như nó biết được điều gì đó, giống như một chú chim nhỏ bị thương. Hằng ngày Dahu đều lo sợ cô con gái này sau khi lớn lên phải đối mặt với thế giới như thế nào, vì anh biết rằng một chú chim non bị thương trong khu rừng thực sự đều khó tránh được cái chết.

Một mình Dahu đi trên con đường núi, sau đó dần tách khỏi đường núi, con đường mờ dần, cuối cùng chỉ thấy đường thú đi lại. Dahu biết mình đã đi vào trong núi. Đây không phải loại đường núi đã được bồi đắp cứng cáp, cũng không phải loại đường núi mà người leo núi phải buộc một sợi dây thừng, lưu lại những bảng chỉ dẫn bằng nhựa. Đá Cuội và Mặt Trăng thay phiên nhau xuất hiện, thay phiên nhau lẫn khuất trong rừng cây, chúng có thể báo vị trí phương hướng cho chủ nhân bằng cách sửa lên. Đối với người Bunun, chọn chó núi dũng cảm và nhạy bén để làm chó đi săn là chuyện quan trọng, chúng không chỉ là chó săn mà còn là đồng bọn khi mình cô độc. Cha anh thường nói với anh, nhất định phải chú ý đến ánh mắt và đuôi của con chó, một con chó không đủ tự tin thì đuôi của nó sẽ không vảnh lên, một con chó không được thông minh thì hai mắt nó như vô thần, hoặc sẽ không thể nào bình tĩnh được. Một con chó không thể bình tĩnh được, thì sẽ không thể nào phát hiện được có nguy hiểm gì đang tồn tại trong rừng.

Di chuyển nhanh trong rừng là bản lĩnh ưu việt của Dahu. Dahu thường nói đùa với bạn bè rằng, đối với người Bunun, chiều cao quá một thước bảy mươi bị coi là khuyết tật, vì cao quá sẽ rất khó chui qua chui lại trong rừng, Đá Cuội và Mặt Trăng xuyên qua khu rừng sớm hơn chủ nhân một bước, chúng phát hiện ra nguồn nước, một dòng suối nhỏ nhỏ. Dòng suối phát ra một âm thanh róc rách giòn tan, tựa như đang nói chuyện với anh. Dahu lấy dụng cụ nấu ăn dã ngoại ra, nấu một ấm trà. Uống xong trà nóng, Dahu ngắm nghía cảnh vật chung quanh, trong một lúc anh cảm thấy như quên đi những chuyện ưu phiền ảo não mà anh đã mang theo lên núi. Trên núi không hẳn là yên tĩnh, chưa bao giờ yên tĩnh, Dahu nhận thấy, rất nhiều loài sinh vật khi tìm thấy nguồn nước, đều sẽ phát ra những tiếng kêu đặc biệt độc đáo của riêng mình một cách vô tư.

Có một lần cha mang anh theo lên núi săn bắt đã kể cho anh nghe một câu chuyện. Một nguyên nhân quan trọng khiến anh rất thích được đi săn cùng cha đó là ông ấy rất giỏi kể chuyện. Nhìn ông đeo khẩu súng sau lưng là niềm vui sướng nhất của Dahu. Có một lần họ ngồi nghỉ mệt bên một dòng suối, cha nói: "Ngày xưa suối không biết nói chuyện đâu, con biết không?"

"VẬY TẠI SAO BÂY GIỜ LẠI NÓI NHIỀU NHƯ VẬY?"

"Vốn dĩ là, người Bunun sống trên núi cao, cuộc sống cực khổ quá, lúc nào cũng phải săn bắt, lúc nào cũng phải trồng trọt chẳng té được chút thời gian rảnh nào, vì vậy mà người trong bộ lạc không mấy gì thích nhảy múa. Thịnh thoảng họ hát một khúc hát, nhưng cũng chẳng ai ghi nhớ lại những bài hát ấy. Một hôm kia có một cậu trai và một cô gái lên núi làm việc, hai người họ đã thầm thích nhau từ lâu rồi, vì có cơ hội được lên núi làm việc cùng nhau nên cảm thấy rất phấn khởi, vì vậy mà họ đã hát những bài hát do họ chế ra, khi thì người này hát khi thì người kia hát. Rồi thì ở đầu trên ngọn suối có một chiếc cầu đơn, rất hẹp, họ cùng nhau qua cầu. Nào ngờ không biết vì cậu trai bắt cần hay vì cô gái bắt cần, có lẽ là đang nghĩ quanh nghĩ quẩn điều gì đó, kết quả là cô gái rơi tòm xuống suối, cậu trai vì muốn cứu cô gái, thế là cũng nhảy theo xuống suối."

"Chết queo?"

"Không hẳn là chết queo, Dahu, con phải biết, nhiều khi con người ta không sống, nhưng không hẳn là đã chết. Hai người này cũng vậy, biến thành tiếng của dòng suối."

Con người ta không sống, nhưng không hẳn là đã chết? Dahu không hiểu được câu nói này.

"Nghe nói, bắt đầu từ lúc đó, dòng suối mới phát ra âm thanh róc rách róc rách róc... cc... rách... ch..., con lắng nghe xem, có phải âm thanh đó rất hay đúng không? Về sau, người Bunun lên núi săn bắt, hoặc lúc đi trồng trọt, nhiều khi, thường xuyên, lắng nghe âm thanh này một lúc lâu rất lâu. Rồi sau đó, có người Bunun bắt chước âm thanh này, đó là nguồn gốc của *pisus-lig* (hòa âm)."

Cha của Dahu là thợ săn cao thủ và là một tay hát cừ khôi, nhưng lại là người thất bại trong cuộc sống ở đồng bằng. Ông thường buồn phiền về việc ông không kiểm chế nổi chính mình, chỉ vì một chuyện nhỏ đã có thể nảy sinh xung đột với người trong công xưởng. Do đó ông hay vác súng lên núi săn bắt vào những ngày nghỉ, đi đối đầu với heo rừng, hoài niệm sự huy hoàng và kính sợ của người Bunun già. Dahu nhớ mãi ánh mắt của cha khi lần đầu tiên anh được tham gia vào cuộc vây bắt. Bầy chó săn rượt đuổi con mồi, cha thì chỉ huy các thợ săn khác trong đoàn vây bắt, tản ra xếp thành đội hình bao vây. Mồ hôi của Dahu liên tục nhểu vào mắt, đến nỗi làm cho anh nhìn không rõ đường đi, đành phải tập trung nghe tiếng rồi nhảy vọt vào vị trí chiến đấu của mình bằng trực giác. Anh nghe thấy vài phát súng phát ra ở vài nơi, tiếng vọng lên trên không trung của khu rừng giống như một con chim đang bay, lượn vòng, nhiều khi rời bỏ không ngoái đầu nhìn lại.

Dahu muốn hát một bài, nhưng chung quanh không có người nghe, hát vài câu đã cảm thấy tẻ nhạt. Anh lấy thịt sấy khô ra đưa cho Đá Cuội và Mặt Trăng ăn, phần mình thì

bẻ vài cọng rau cần nước nhai sống cho tỉnh người, rồi rót trà nuốt ực một cái. Đá Cuội và Mặt Trăng chính là người thân của anh khi ở trong rừng. Anh suy nghĩ một lúc, quyết định là tối nay sẽ lên chỗ cao hơn một chút để dựng trại, chỗ đó cách nguồn nước không xa, chắc không gặp nguy hiểm vì đá rơi. Anh quay đầu lại nói với Đá Cuội và Mặt Trăng, "Được rồi, tối nay ngủ cho ngon một giấc nhé, ngày mai lại tiếp tục tìm. Cho dù có là mặt trăng thì cũng cần phải nghỉ ngơi đúng không?"

Dahu nhìn bầu trời, cây cối và sao, nhớ lại những lời mà người già trong bộ lạc nói với anh trước đây, "Phải thường xuyên nói chuyện với bầu trời, cây cối, mây hoặc sao, vì chúng có thể đều do *Dihanin* (chư thần) biến thành. Nếu như con không nói chuyện với họ, *Hanito* (linh hồn) sẽ xuất hiện nhân lúc con chỉ có một mình." Dahu muốn nói chuyện đôi chút với chúng, nhưng không biết nên nói gì.

Chung quanh xuất hiện tiếng của loài mang Reeves tựa như chó sủa, tiếng cả bầy côn trùng kêu lên chi chít, và vài con ngài đêm màu xám xịt lặng lẽ xuất hiện, đậu trên ngọn đèn đêm của anh. Một lúc sau, Dahu phát hiện ngài ở chung quanh càng lúc càng nhiều, một số trong đó là loài ngài khổng lồ mà hồi nhỏ anh thường thấy. Anh nghe bạn leo núi của mình có tìm hiểu nói đó là giống ngài vua. Còn có một giống ngài xanh nước nhạt nhạt khác, có chiếc đuôi rất dài và rất đẹp gọi là ngài xanh nước đuôi dài, còn có một số giống có đốm mắt trên cánh, như vô số cặp mắt đang ghim vô người anh, thường là loài ngài thiên tằm. Bọn ngài này vốn rất ít khi bay, toàn dán chặt vào thân cây bất động, như một phần của cây.

Bỗng nhiên, Dahu cảm thấy như có một cái bóng mờ mờ ở đằng xa từ từ tiến lại gần. Anh ngẩng đầu lên định sẽ trông cho rõ, bỗng phát hiện, trời mưa. Mỗi một giọt mưa đều phát ra ánh sáng, giống như mặt trăng biến thành những giọt mưa, rơi bên cạnh Dahu vậy.



CHƯƠNG NĂM

Từ phía xa xa, bầu trời dần lóe sáng, dưới ánh đèn đường vẫn còn chưa tắt, những hạt bi đá mang một hào quang màu lam bạc, giống như từng viên từng viên vẩn thạch li ti đuổi đánh cả một vùng bờ biển.

11. Vực xoáy trên biển

MỖI SÁNG THỨC DẬY dọn dẹp vệ sinh Sisid Thứ bảy là khoảng thời gian mà tinh thần Hafay cảm thấy sảng khoái nhất trong một ngày. Mùi biển ở bên ngoài trộn lẫn với mùi chiếu lát và mùi ghế gỗ ở bên trong, tạo thành một loại mùi vị như bánh bích quy, mùi vị mang chút mùi trẻ con này khiến cô có thể tạm thời không phải nghĩ đến điều gì cả.

Ngày Chủ nhật đầu tiên của tháng Bảy, ở Sisid Thứ bảy xuất hiện hai khuôn mặt lạ hoắc một nam một nữ. Họ đến từ khi quán mới bắt đầu mở cửa, ngồi vào vị trí ngon hải đăng, lắp máy ảnh, cả buổi sáng sớm không hề di chuyển. Dáng vóc người nam cao lớn, cậu ta mặc một chiếc áo ghi lê nhiếp ảnh hình như không tìm thấy chỗ nào mà không có túi, lưng đeo một chiếc balo nhiếp ảnh to đùng, màu da ngăm đen, đầu húi cua, mắt một mí, trực giác cho thấy cậu ta thuộc kiểu đàn ông vừa yêu thích thể thao vừa tỉ mỉ chi tiết. Cô gái với đôi mắt đánh kẻ quá đậm, thân hình xương xương, khuôn mặt trông rất không tự nhiên, đến nơi này còn diện giày cao gót màu bạc, hình như chỉ thích hợp để xuất hiện trên tivi thì phải. Oh, kệ đi, Hafay cũng miễn cưỡng chấp nhận ừ thì cổ là một cô gái đẹp.

Cô gái sau khi ngồi xuống bèn mở máy tính, chăm chú gí mắt vào màn hình, giống như kể từ bây giờ mình không cần phải quan tâm đến cậu đồng nghiệp nữa vậy. Cậu trai lắp ống kính tele và máy quay chuyên nghiệp lên, trên máy quay có dán miếng sticker che tên hãng. Nhưng Hafay xem thì biết ngay họ không phải vì muốn ngấm chim. Vài người bạn thường hay ngấm chim đã từng nhắc, vì công xưởng ở thượng nguồn chặn nước và gây ô nhiễm, cá ở khu giao thoa giữa biển và suối đã trở nên rất ít, mấy năm nay tình trạng chim ở những cửa suối đã rất tệ. Huống hồ gì nhìn từ chỗ ngon hải đăng này, hôm nay chẳng có một con chim nào, chỉ thấy một màn sương xám xịt.

"Đến du lịch?"

"Không, làm việc, công việc ngày hôm nay là nhìn biển," cậu trai nói.

"Tôi đã ở đây và nhìn biển tận mấy năm rồi, biển quả thật không phải là một thứ đơn giản, hãy từ từ mà nhìn nhé," Hafay đùa cợt đáp lời.

Có lẽ họ đến để chụp căn nhà của Alice chẳng? Quả thực là mấy năm trước có không ít chương trình của truyền thông đến chụp. Cô mở dàn máy hát, bỏ một cái đĩa

CD rất xưa vào, ca khúc *Rồi sẽ có một ngày* của Panai, một ca sĩ người Bunun, vang lên. Hồi đó nhiều người trẻ rất thích Panai, có lần ở bãi biển, cô nghe thấy Panai hát live mà cảm thấy kích động vô cùng. Hafay cảm nhận Panai hát ca khúc này là cốt ý để thư giãn, nhưng cũng có một chút mùi vị của sự trầm tư, như thế ngày ấy sẽ không bao giờ đến vậy.

*Rồi sẽ có một ngày
Em sẽ muốn rời bỏ thành phố phồn hoa
Rồi sẽ có một ngày
Em sẽ muốn trông thấy
Một nơi như thiên đường mà thuở ấu thơ mẹ kể*

Cậu trai gọi một combo đặc biệt. Hafay đặt tên cho combo đặc biệt của hôm nay là combo ba ruột, lấy ruột dưa gai, ruột củ lau và ruột riềng đẹp để tạo ra màu sắc món rau trộn. Các loại rau đều do Hafay hái vào ngày hôm trước, món chính có thể lựa chọn giữa bắp đùi heo rừng nướng hoặc cá hấp. Cậu trai đến quây, chìa ra một tấm danh thiếp. Quả nhiên cậu là nhà báo ảnh của một kênh truyền thông, còn cô gái là phóng viên thường trú địa phương.

"Gọi tôi là A Hán."

"Tôi là Lily," cô gái đánh kẻ mắt đậm, lông mi rất dài và con ngươi màu lam lục nói.

"Định phỏng vấn gì đây? Quán chúng tôi không muốn bị báo đài đưa tin."

"Bà chủ nhầm rồi... đương nhiên là quán rất tuyệt, có thể viết một bài báo... nhưng, lần này chúng tôi đến không phải để phỏng vấn về món ăn đâu nhé. Chủ yếu là nghe nói đảo rác trên biển có thể sẽ va vào đây."

"Đảo gì chứ?"

"Tin tức gần đây đều đưa tin mà, cũng không phải là đảo, nên gọi là 'vực xoáy rác', à, hình như ở đây bà không có tivi thì phải?"

"Không có." Tivi cũng là một trong những thứ mà Hafay ghét, cô cũng không đặt báo.

Lily chớp chớp đôi mi giả và bắt đầu giải thích: "Khoảng 30 năm về trước ấy, một vài nhà khoa học phát hiện, những rác rến mà con người đã vứt xuống biển dưới tác động của dòng hải lưu đã hình thành nên một khối rác khổng lồ trôi dạt trên biển. Rất khó hình dung đúng không, hehe, nhưng rất thú vị, giờ thì khối rác ấy sắp sửa trôi đến đây. Toàn thế giới đang ráo riết quan tâm đến tin tức này đấy, này bà chủ, bà phải giúp chúng tôi nhé."

"Giúp đỡ gì chứ?" Hafay không tìm thấy điểm thú vị nào từ thông tin này.

"Để cho chúng tôi chụp từ góc này, tức là cái view này của bà, đồng thời có lúc chúng tôi sẽ phỏng vấn ý kiến của bà nhé."

"Không, tôi không lên tivi." Hafay quơ quơ tay, "Những phóng viên khác sẽ đến chỗ này chứ?" Cô hỏi với vẻ lo lắng.

Đến buổi chiều, các khách sạn, homestay lân cận đều đầy ắp phóng viên, thậm chí còn có vài phóng viên từ nước ngoài đến. Trên bầu trời thỉnh thoảng còn có máy bay trực thăng, dù lượn bay qua bay lại. Phóng viên với các loại màu da, cao thấp tập nập trên bờ biển, có người còn dút khoát cấm luôn cả lều. Nhưng ngoài A Hán và Lily ra thì Hafay từ chối tiếp bất cứ phóng viên nào khác. Nếu có thể, cô mong là A Hán và Lily cũng đi cho khuất, nhưng cô không phải kiểu khéo đuổi khách, cô chỉ có thể từ chối khách mới. A Hán và Lily nghe Hafay nói quy tắc này của cô thì rất đổi vui mừng, "Thế này thì mặt tiền của chúng ta sẽ khác với họ, bây giờ bất luận là viết tin gì đi nữa, ai cũng phỏng vấn cùng một vài người, đến góc ống kính cũng như nhau, thật chết tiệt," A Hán nói.

Lily liên tục cầm máy tính bảng để liên lạc trực tuyến với trung tâm thu ảnh ở Đài Bắc và máy bay trực thăng, cô nói: "Máy bay trực thăng đã ở ngoài biển do thám thấy rìa mép của vực xoáy rác rồi nhé, nhưng do dảo gần đây dòng chảy ven bờ rất mạnh, nên đã đẩy vực xoáy rác ra lại phía ngoài, do đó thời gian nó tập vào bờ là khi nào đã không còn xác định được. Nhưng tin tức của đài chúng tôi bên đây báo rằng, theo một số chuyên gia dự đoán, một khi khối áp thấp hình thành từ phía đảo Luzon di chuyển về hướng bắc, khí lưu sẽ phá vỡ mép vực xoáy rác, một phần sẽ phân tán đến Nhật Bản, một phần khác có thể sẽ dạt vào chỗ này."

"Đáp trực thăng ra ngoài đó chụp chẳng phải được rồi sao," Hafay nói.

"Có chứ, đã có ảnh chụp từ trên không rồi, nhưng mấy hôm nay gió biển lớn quá. Vả lại phí xăng trực thăng không phải rẻ, không thể bay liên tục, chúng tôi muốn chụp được cái khoảnh khắc mà đảo rác ấy va phải hòn đảo này kìa, cũng cần phải phỏng vấn suy nghĩ người dân ở gần đây đối với việc này." A Hán nói, "đúng rồi, gần đây có ai có thuyền để bao ra biển không nhỉ?"

"Có thể A Long đi được, để tôi cho hai người số điện thoại di động của anh ấy." A Long vừa là thợ điêu khắc vừa là ngư dân trẻ.

Hafay nhìn vùng biển quen thuộc này của cô, nhưng kiểu gì cũng không thể nào hiểu được những gì mà Lily và A Hán nói, giống như chuyện hồi nhỏ cô không thể hiểu được một bài toán vậy. Những thứ mà chúng ta từng vứt bỏ đi, và những thứ mà ta cho

ràng biển cả có thể tiêu hóa được, vốn đã theo dòng chảy trôi đi mất, giờ đây, rốt cuộc đã trôi chậm chậm trở lại.

"Ngôi nhà ấy còn có người ở không?" Lily chỉ về phía được nhìn ra từ vị trí ngọn hải đăng, Hafay không cần nhìn cũng biết đó là ngôi nhà của Alice.

"Đương nhiên là có người ở."

Alice đã dần quen với những thứ mà cô không thể hiểu được do thủy triều đem lại.

Sau khi nhặt được Ohiyo, cuộc sống của Alice giống như vừa mở được một cánh cửa từ trong tăm tối để thấy được một chút ánh sáng. Mỗi buổi sáng, cô đều bị tiếng kêu meo meo của con mèo đánh thức, Alice đổ thức ăn cho mèo xong, thì bắt đầu ngồi thần thờ ở bàn viết cạnh Hải Song, hoặc viết nhăng viết cuội, viết vài thứ gì đó không có mục đích. Cô không đánh máy tính, mà viết vào một quyển sổ ghi chú, bảo rằng đó là viết lách thì chi bằng nói là cô đang tiến hành một nghi thức gì đó với biển, giống như cầu nguyện, cũng giống như khẩn vái. Sự xuất hiện của Ohiyo có lẽ đã cho cô một ý niệm về lòng tin, có nghĩa là nếu Ohiyo còn gặp được cô, thì Toto không chừng cũng sẽ gặp được ai đó, rồi họ sẽ nhận nuôi thằng bé. Điều này tạm thời khiến cô dập tắt được ý nghĩ tự tử.

Hồi mới ban đầu, cô định bụng nhường Ohiyo lại cho một người nào đó thích hợp để nuôi, hoặc gửi đến trung tâm thu nhận động vật. Nhưng kể từ sau khi cô đặt nó vào túi đeo ra ngoài dành cho thú cưng được mua từ trung tâm thú y, thì đã không nỡ lòng nào mà cho nó đi, và cứ thế mà vuốt đầu nó và để cái lưỡi như đốm lửa của nó liếm liếm tay cô. Chắc nó biết được rằng người đang vuốt ve nó này đang cần nó, nó không ngại ngần sợ sệt ngồi lên đùi Alice khi cô đang viết lách, nhiều khi còn bạo dạn hơn nữa là nằm xoải nhoài trên quyển sổ ghi chép của cô, đuối kiểu gì cũng không chịu đi. Thằng quỷ nhỏ này biết rằng Alice không nỡ lòng đẩy nó ra. Alice đành phải tiếp tục viết gì đó, hoặc là nhìn chăm chăm ra biển. Màu sắc của biển, thật ra thì đã khác nhiều so với hồi cô còn trẻ. Giờ thì đã xám hơn một chút, sậm hơn một chút, và ít thấy ánh hào quang rọi lên từ biển một cách thuần khiết, cũng giống như chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp trên đường phố những người đàn bà trung niên trong vẻ tuyệt vọng khi bắt đầu mập ra sau một thời gian kết hôn.

Nhiều khi Alice nghĩ rồi lại nghĩ, hoặc viết cái này rồi lại viết cái kia, sau đó vặt ra bàn mà ngủ thiếp đi. Vào một lúc nào đó Ohiyo thường rúng mình, nhảy ra ngoài cửa sổ. Hồi ban đầu, Alice sợ nó đi rồi không quay trở lại, sau đó phát hiện là nó không những học được tuyệt chiêu nhảy lên ghế rồi leo lên bờ, mà còn biết luôn cả bơi. Alice nhìn từ phía cửa sổ sau, thấy nó đi một mạch không ngoái đầu trở lại, rồi chui mất vào trong bụi cỏ. Không biết có phải là tình cờ không, Alice chỉ chịu được ở một mình trong

khoảng chừng hai hoặc ba tiếng đồng hồ, vượt quá giới hạn thời gian này, ý niệm tự tử sẽ quay trở lại với cô, còn Ohiyo lúc nào cũng âm thầm xuất hiện trước mặt Alice đúng lúc cô bắt đầu nghĩ về điều đó. Tiếng kêu meo meo của nó kịp thời cắt đứt dòng suy nghĩ lìa bỏ thế giới này của Alice, giống như có ai đó cố ý giúp cô gài chốt của cánh cửa vô hình trên con đường hướng về cái chết của Alice.

Sau khi vào trường đại học, có một dạo rất lâu vì để đạt được hiệu suất viết lách, Alice đều dùng máy tính để gõ chữ. Sau khi bỏ gõ bằng giọng nói được lưu hành, Alice cũng tập sử dụng. Do đó, ban đầu khi quay trở lại thói quen viết tay cô cảm thấy rất không thoải mái, và có rất nhiều chữ cô không nhớ cách viết. Phiền toái hơn nữa là xóa sửa, không phải chỉ cần ấn phím delete là có thể xóa hết tất cả, có khi sắp viết hết trang, phạm phải một lỗi, thế là lại phải vò cả trang giấy. Nhưng Alice lại thích cảm giác này, văn tự cần phải ở lại trong đầu cô một thời gian dài hơn, sau đó mới được hình thành dần dần từng nét từng nét, giống như những ngọn cỏ được mọc lên lún phún từ dưới đất, sau đó bị mình lấy máy cắt cỏ ra xén đứt ráo, rồi đợi cho nó mọc lại cái mới vậy. Alice muốn hồi tưởng tại sao hồi còn nhỏ mình lại thích viết tiểu thuyết, nhưng không thể nào nhớ được. Có lẽ cảm giác ấy đã như loài chim di trú theo mùa một đi không trở lại. Trông thấy mình dần dần biến thành một cái máy để chữ, Alice trở nên một người có tính tình cáu bẳn dữ dội trong vài năm trở lại đây, rồi cô lại trút hết những giận dữ đó vào những tiểu luận do cô duyệt. Viết những thứ như thế này mà dám lãnh lương, thật là đáng ghét! Cô toàn nghĩ thế. Dài năm chầy tháng, Alice bỗng nhiên nổi tiếng với danh hiệu hà khắc trong giới học thuật. "Bản thảo đừng giao cho cô ấy duyệt nha." Mọi người đều rỉ tai nhau như thế, thế là, cô bị cách ly trong giới học thuật, giống như ta nhốt một con cá đặc biệt hung dữ trong một cái lồng trấn áp đặt trong một hồ thủy sinh vậy.

Mấy ngày trước, Alice quyết định viết một chút gì đó, bèn đến một tiệm sách mới mở trong trung tâm để tìm một quyển sổ ghi chép thích hợp. Sau khi máy vi tính thịnh hành, hình như sổ ghi chép không hề giảm bớt đi. Mọi người vẫn thích mua một cuốn sổ nhỏ để viết gì đó ở một nơi nào đó khi thích, vì vậy mà rất nhiều kiểu dáng được bày bán trong tiệm. Cô nhìn thấy một quyển sổ bìa màu xanh dương, không có một chữ gì trên ấy, chỉ đơn giản là một quyển sổ màu xanh dương thuần túy. Nhưng giấy trong ruột cuốn sổ sờ vào cảm giác rất đặc biệt. Cô hỏi nhân viên tiệm, họ giải thích: "Đây là loại sổ ghi chép nhập khẩu từ Đức đấy, rất đặc biệt phải không, cô có thể mua thêm loại nước tẩy hữu cơ được làm từ thực vật này, sau khi viết, nếu muốn xóa chỗ nào để viết lại, chỉ cần dùng loại nước này bôi vào là bay ngay, không hề tổn sức. Loại giấy này được làm từ xơ của cây gai dầu, nhưng vẫn có cảm giác của loại giấy truyền thống nhé."

"Loại giấy giả này làm như giấy thật vậy nhĩ."

"Không, không, cô ơi, đây là giấy thật đấy."

Uhm, cũng phải. Cứ có một khái niệm sẵn về giấy, sau đó thứ như giấy được làm ra bằng những chất liệu gì đó khác đều bị coi là giấy giả, hoặc là một sản phẩm thay thế giấy, có lẽ do ta đã rơi vào lối tư duy như vậy. Alice cảm thấy loại giấy mới này có điểm nào đó giống với cách cả thế giới này cấu thành, nhưng nghĩ không ra. Mãi cho đến khi cô lái xe về nhà, đột nhiên đầu óc cô nảy ra một ý nghĩ. Vào khoảng hai mươi năm trước, hòn đảo này bắt đầu tuyên truyền đủ loại phong trào, nào là sống xanh, sống chậm, nhưng kỳ thực chỉ là chạy theo cái gì đang mốt thôi. Bản chất của dân đảo là theo đuổi cái mới, chứ không phải theo đuổi ý nghĩa của nó, mà là vì nó mới. Nói "Đây là cái mới" với dân đảo thì giống như ếm bùa chú lên họ vậy, hay giống như chơi một cây sáo thần, khiến cho mọi người đều đi theo. Loại giấy này hình như cũng là chỗ dừng chân ngắn ngủi cho đủ các loại ý niệm cái mới. Nhưng lại không phải là sự dừng chân của hình thức kỹ thuật số, mà thật sự là từng đường từng nét, giống như chữ viết được sinh ra vì nhu cầu thực sự, giống như kiểu nó thực sự được lưu giữ lại vĩnh viễn vậy.

"Đúng vậy, giống nhau ở điểm này."

Alice đã mua một lượt mấy cuốn sổ ghi chép loại này. Ngồi trước Hải Song, có lúc Alice muốn bắt chước tác phẩm *Alice ở xứ sở thần tiên* để viết một bài thơ có hình như chiếc đuôi chuột, có lúc vẽ nguệch ngoạc hình Ohiyo đang ngủ say, có lúc viết lại ghi chép quan sát côn trùng của Toto. Bướm *Atrophaneura horishana* (Lê Sơn), bướm *Amblopala avidiena* (Cửu Phần Nhị Sơn), bọ *Chrysochroa fulgidissima* (Mai Sơn), bọ *Pseudorhaetus sinicus concolor* (Hồ Thần Bí), bọ *Dorcus mochizukii* (La La Sơn)... Alice phát hiện, tên của các loài côn trùng nhiều khi cũng có sức hấp dẫn lắm. Chúng dần dần không còn lạ nữa, hầu như cô đã thuộc lòng cả rồi, giống như có một khu rừng hay một quả núi ở trong đầu cô rồi vậy.

Hôm nay Alice thử viết tiểu thuyết lại. Cô nghĩ, cứ thế viết các câu chuyện trên loại giấy này. Khi hoàn thành một cuốn tiểu thuyết rồi, thì cô xóa sạch đi để viết một quyển khác. Rồi có một ngày ai đó đọc được sẽ tưởng rằng mình chỉ đọc một quyển tiểu thuyết mà thôi, nhưng thực ra là vô số tiểu thuyết. Nhưng lúc này, trong đầu cô chỉ có một cái mở đầu:

Khu rừng trước mắt là khu rừng chưa từng nhìn thấy, giống như một khu rừng được viết trong sách, rồi nó biến thành một khu rừng thật.

Chỉ viết đến đây, Alice không thể nào tiếp tục được nữa. Nhưng cô cũng chẳng quan tâm, dù sao thì cô cũng không viết vì điều gì cả, hướng hồ, một hàng chữ như thế

này không chừng cũng được gọi là một quyển tiểu thuyết. Thế là cô đặt bút xuống, thò đầu ra ngoài cửa sổ, muốn cảm nhận một tí không khí của ngày hôm nay. Vừa thò đầu ra, cô bỗng phát hiện đoạn từ nhà cô đến Sisid Thứ bảy có không ít người đang dừng lều trại, còn có người chia thẳng máy quay vào nhà cô. Cô cảm thấy không thể tin được tất cả mọi chuyện đang diễn ra trước mắt mình. Máy quay phát hiện có người ở trong nhà thò đầu ra, cũng giống như vừa phát hiện được con mồi mới nào đó, tất cả đồng loạt xoay về hướng cô một cách rất âm thầm lặng lẽ.

Đột nhiên Alice rơi vào trạng thái hoảng loạn, cô cảm nhận được ánh sáng mặt trời và ánh phản chiếu trên biển hợp lại tạo thành một rung chấn kỳ lạ bao lấy cô, khiến cô bối rối, ngực như có gì đó muốn nhảy ra ngoài. Trong tích tắc, cô đột nhiên vươn người ra từ cửa sổ, nhảy ùm xuống biển như một con cá heo.

Dạo gần đây cho dù có đến chỗ nào đi nữa, Dahu cũng đều nghĩ đến cảnh tượng mà anh trông thấy ở trên núi ngày hôm đó: một khe suối bị một màn sương trắng đục như sữa bao phủ lấy, không biết từ đâu, một người đàn ông trẻ xuất hiện như một cơn mưa.

Có thật là con người còn có thể "quay về" một nơi nào đó của một ngọn núi chẳng? Anh lén nhìn Umav ở bên cạnh, con bé đang tháo cái kẹp tóc xuống, và kiểm tra xem mái xước có ngay ngắn chưa, rất nhập tâm, vô cùng bình thản.

Dahu được coi là khách ruột của tiệm mì "Lão Sơn Đông" này. Vẫn như mọi khi, Dahu gọi một phần mì trộn và xúp cá viên, còn Umav gọi món sủi cảo xúp thịt bò. Khuôn mặt Umav vẫn là nét Bunun, nhưng màu da thì lại trắng treo treo. Dahu nghĩ, một đứa trẻ như Umav đây, sanh ra là đã ở chốn thị thành, nào là xem tivi, nào là tiếp xúc với những đứa trẻ hòa trộn đủ loại thời trang và phong cách sống từ Đài Loan, Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc hoặc một số nước khác; chúng học cách trang điểm và cách sống từ trên mạng, thì liệu xét theo hướng này, có thể nói thế hệ Bunun này đã khác với đời trước đó chẳng? Umav lại gắn kẹp tóc lên, bắt đầu lấy mép bàn làm phím đàn, đàn một bản lộc cộc lạch cạch, Dahu đợi cho con bé đàn đến một đoạn bèn hỏi:

"Bài gì thế?"

"*Người thợ rèn vui vẻ*."

"*Người thợ rèn vui vẻ à?*"

Vài năm trước theo trào lưu giáo dục hiện nay thì Dahu cũng cho Umav đi học đàn, đây có vẻ là hoạt động mà Umav thích nhất. Còn Dahu dốt đặc như cán cuốc về âm nhạc, đã không biết *Người thợ rèn vui vẻ* là tác phẩm của ai, thậm chí trong đầu còn không hình dung ra được một nốt nhạc. Nghĩ lại thì trong những người mình quen biết đâu có ai làm thợ rèn, tại sao người thợ rèn lại vui vẻ, mà không phải là người thợ

rèn đau khổ chứ? Anh cảm thấy rằng những người thợ rèn mà anh từng xem qua phim ảnh đều đau khổ cả, ít nhất thì trong cái động tác đập vào sắt thép ấy là đau khổ rồi. Thậm chí bây giờ vốn không chừng đã không còn thợ rèn nữa kia chứ.

Trên tivi, người dẫn chương trình đẹp tuyệt đang dùng một giọng quốc ngữ chuẩn để truyền đạt một tin tức rất kỳ lạ. Âm lượng rất lớn, nhưng hình như loa đã hỏng, chỉ nghe thấy tìch tìch tạch tạch gì đấy không rõ lắm, chỉ nghe thấp thoáng những từ gì đó có liên quan đến rác, hải đảo, Thái Bình Dương. Giọng của người dẫn chương trình cũng chất chứa ồn ầu, chẳng biết tại sao, các nhà đài hiện nay đều sử dụng những người dẫn chương trình có giọng ồn ầu như vậy.

Trong tiệm chỗ nào cũng nhớp nháp dầu mỡ, nhưng Dahu thấy món ăn ở những tiệm như thế này lại là ngon nhất. Chỉ có điều người chủ tiệm này vốn là người ở đất này từ gốc đến ngọn, chứ chẳng phải là người Sơn Đông gì cả. Đơn giản chỉ là vì con trai ông cưới một cô vợ Sơn Đông rồi sau đó mới đổi tên bảng hiệu. Sau khi cô con dâu về nhà này thì món sủi cảo của tiệm bỗng dưng thay đổi, rồi sau đó Dahu mới phát hiện được là lớp vỏ bánh sủi cảo thay đổi, chứ nhân bánh thì không thay đổi gì.

Dahu tìm được cái điều khiển từ xa và vặn nhỏ âm lượng của tivi lại, gỡ tờ báo rít đầy dầu mỡ ở trên bàn ra (giờ thì chỉ còn có những chỗ như thế này mới có báo giấy đọc), thì phát hiện ra tin tức vừa được người dẫn chương trình đưa vốn là tin trang nhất mới đây không lâu. Tiêu đề là *Nguy cơ! Đảo rác sắp sửa nhận chìm Đài Loan*.

[phóng viên của báo đưa tin] *Đài Loan sắp sửa bị đảo rác bao vây! Năm 1997, nhà hải dương học Charles J. Moore lần đầu tiên phát hiện ra khối lớn phế liệu bằng nhựa do con người xả ra ở Bắc Thái Bình Dương, có thể được coi là khối rác khổng lồ nhất trên thế giới. Cũng có người gọi nó là đảo rác, vực xoáy rác (trash vortex). Dòng chảy dưới lòng biển đã làm cho vực xoáy rác này đứng yên tại chỗ trên biển, phạm vi của nó bắt đầu từ vị trí cách bang California của nước Mỹ 200 hải lý, trải dài cho đến tận bờ biển Nhật Bản.*

Charles J. Moore nhớ lại thời điểm hồi ông phát hiện ra vực xoáy rác và nói, lúc đó ông đang tham gia cuộc đua thuyền từ Los Angeles đến đảo Hawaii. Hôm trước cuộc đua ông vô tình lái chiếc ca nô của mình đi vào "khu vực xoáy Bắc Thái Bình Dương." Ông tưởng rằng mình đã rơi vào một không gian bốn chiều nào đó. Vì hải vực này cơ hồ như không có gió, áp suất không khí vô cùng mạnh, nên dòng hải lưu chậm chạp, do đó người đi biển thường né khu vực này. Charles J. Moore phát hiện ra mình đã bị rác bao quanh, ca nô đi mãi ngày này qua ngày nọ vẫn không ra khỏi, rác liên tục lướt qua thành ca nô, mất khoảng bảy ngày mới có thể qua khỏi khu vực xoáy rác khổng lồ này. Charles J. Moore tin rằng, năm ấy đã có hơn một trăm triệu tấn rác đang trôi trên khu vực Bắc Thái Bình Dương, chia làm hai khối Đông và Tây, quay chung quanh đảo Hawaii. Hiện nay khối rác ấy đã lớn hơn rất nhiều, ít nhất cũng đã đạt đến quy mô hơn hai trăm triệu tấn.

Sau khi phát hiện ra vực xoáy rác ở Bắc Thái Bình Dương, Charles J. Moore, vốn là người thừa kế tài sản khổng lồ từ doanh nghiệp khai thác dầu mỏ của gia tộc, đã dứt khoát từ bỏ kinh doanh, tập trung vào công tác bảo vệ môi trường, thành lập một "Quỹ Nghiên cứu Hải dương Algalita." Với ông, đấu tranh chống lại vực xoáy rác mang một ý nghĩa tương tự như làm cho nhân loại thức tỉnh hiểu ra là có hiện tượng ấm lên toàn cầu, và ông tự nguyện dẫn đầu cuộc chiến này.

Nguyên giám đốc nghiên cứu của "Quỹ Nghiên cứu Hải dương Algalita" ông Marcus Eriksen nói rằng, trước đây sau khi rác đi vào vực xoáy đại dương sẽ phân hủy tự nhiên, nhưng những sản phẩm bằng nhựa, hoặc những thứ vật liệu tổng hợp có sức chịu đựng cực mạnh, bằng chứng là chúng ta hiện có thể tìm thấy những sản phẩm của năm mươi năm về trước trong vực xoáy rác Bắc Thái Bình Dương. Nhiều quỹ nghiên cứu đốt một lượng kinh phí công ích khổng lồ vào nghiên cứu thành phần cấu tạo nên đảo rác này, đồng thời muốn phát minh ra một loại dung dịch có thể "tiêu diệt" đồng rác này ngay trên biển, nhưng cuối cùng thất bại, vì các chất phân hủy sẽ thải ra các loại chất độc, có thể sẽ làm tăng tốc độ biển chết ở vùng lân cận vực xoáy rác.

Các nhà khoa học phân tích, 20% của vực xoáy rác đến từ tàu thuyền và giếng dầu, phần còn lại đến từ lục địa ven Thái Bình Dương. Do bề ngoài các loại rác trong suốt, lại nằm ngay dưới mặt nước biển, nên vệ tinh nhân tạo không thể chụp được ảnh. Có một phần nhỏ chỉ có thể lái ca nô ra biển mới nhìn thấy được. Những hạt nhựa ni lông nhỏ hợp thành khối rác hoạt động giống như miếng bọt biển, sẽ hút nhiều chất hóa học nguy hiểm nhân tạo đã đổ ra biển như hydrocarbon và DDT. Tiếp theo thì những thứ ấy sẽ đi vào chuỗi thức ăn. Người ta từng tìm thấy trong xác chim biển chết những thứ như hộp quẹt gas, bàn chải đánh răng, ống bơm kim tiêm nhựa, mà chim biển và rùa biển nhầm tưởng là thực phẩm nên đã cố gắng nuốt vào. Eriksen nói, rác thải của con người xả vào đại dương, rồi đi vào cơ thể động vật biển, cuối cùng xuất hiện trở lại trên đĩa đồ ăn tối của con người. Sự thật chỉ đơn giản như vậy.

Sau hơn mười năm hoạt động, thì "Quỹ Nghiên cứu Hải dương Algalita" cuối cùng đã phá sản, trong khi vực xoáy rác vẫn tồn tại. Nó đã phân thành nhiều phần, một phần trong đó đang trôi về hướng Tây của Bắc Thái Bình Dương, chính là về phía hòn đảo của chúng ta, Đài Loan. Vài năm trước, Bộ Tài nguyên và Môi trường từng thương thảo với Mỹ tiến hành công tác đánh vớt, hoặc tác động làm chuyển hướng vực xoáy rác, nhưng phạm vi thực sự quá lớn và không thu được hiệu quả gì, hướng hồ sơ rác vớt về được cũng không biết phải chôn ở đâu. Ngay lúc này đây, vực xoáy rác đang trôi theo dòng hải lưu Kuroshio về phía Đài Loan. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đưa ra cảnh báo cho cư dân ven biển di tản đi nơi khác, vì không ai biết được trong vực xoáy rác nhiều năm trên biển hàm chứa bao nhiêu chất độc hại chưa phân hủy.

Điều này thật không thể tưởng tượng được, Dahu nghĩ. Anh nói với Umav, "Có một đảo rác từ ngoài biển trôi vào đây này."

"Đảo rác gì chứ?"

"Như thế này," Dahu kéo kéo tấm khăn trải bàn bằng ni lông, "chúng ta ném những thứ như thế này xuống biển, dần dần dưới biển hình thành một đồng, nhiều đến nỗi biến thành một hòn đảo vậy đó."

"Thế dép lê của con đã bị vớt xuống đó chưa vậy?"

"Cũng có thể á."

"Ống dòm của ba cũng bị vớt xuống đó luôn rồi chứ?"

"Rất có thể đấy chứ."

"Vây đồ cột tóc của mami cũng rơi xuống đó luôn rồi chứ?"

Dahu không trả lời. Hồi còn rất nhỏ, có một lần không biết Umav tìm thấy từ đâu ra một cái vòng cột tóc, Dahu nhìn biết ngay là do Millet để lại, anh vớt sót, hoặc giả là một món đồ nhỏ cố ý vớt sót. Umav hỏi anh có phải của mẹ không, anh nói không phải. Umav nói phải, anh nói không phải. Umav nói: "Chắc chắn là phải." Chẳng đợi anh phản ứng lại, Umav bèn cất vòng cột tóc lại. Nhưng sau trận lũ lụt vừa rồi, không biết vòng cột tóc đã trôi đi đâu. Dahu vốn tưởng rằng Umav đã quên cái vòng cột tóc ấy rồi chứ.

Nhưng khi nói đến ống dòm, Dahu lại nghĩ về sự việc diễn ra ngày hôm ấy.

Sau khi Dahu dẫn Alice đi một lần theo con đường của đội tìm kiếm cứu nạn, đột nhiên trực giác khiến anh muốn đi thử một con đường khác xem sao. Hôm ấy một mình anh lên núi, liên tục gặp phải những chuyện không suôn sẻ, và chuyện khiến anh bận lòng là chiếc ống dòm đã theo anh mười mấy năm rồi, trong một chốc bất cẩn đã rơi tòm xuống suối lúc anh sắp xếp lại balo. Đó là cái ống dòm hiệu mà để mua được nó anh phải cay đắng ăn mì gói suốt mấy tháng trời. Vì nó rớt ngay vị trí sát vách núi, trông tình hình không thể tìm được. Dahu quyết định nghỉ ngơi sớm, lấy một lá cau mà anh hái ở dưới chân núi, đầu tiên gấp hai cạnh lá vào trong, dùng con dao xếp đa năng Thụy Sĩ khoét mỗi bên một cái lỗ, và vót một miếng tre cho nhọn, đâm xuyên qua cái lỗ, thì có ngay một cái đĩa dùng tạm thời. Số là trên đường đi đã tiện tay hái một vài gốc măng nhọn, Dahu bẻ gãy phần chót đuôi của vỏ măng, cầm đầu to của gốc măng làm trục cuộn, tách bẹ măng ra. Anh định sẽ nấu một món canh.

Chính vào lúc anh định nhóm lửa, thì hình như thấy một bóng người đi về phía bờ suối.

Thường trong những trường hợp như thế này thì Đá Cuội và Mặt Trăng sẽ đuổi theo, nhưng hôm ấy hai con chó không hề cục cựa, giống như không phát hiện được gì cả. Dahu hét lên một tiếng, hai con chó mới choàng tỉnh dậy. Dahu không chạy đuổi theo cái bóng trước mặt, anh sợ nhỡ như người kia là dân leo núi, có thể hốt hoảng mà xảy ra nguy hiểm, do đó anh thử nói chuyện với bóng người trước mặt: "Này anh bạn! Không sao cả, tôi chỉ lên núi săn bắt mà thôi, lại uống ngụm trà nào, tôi có mang theo trà ngon lên núi đây, còn có cả rượu nữa đấy."

Dahu dắt theo lũ chó đến gần bóng người, và phát hiện ra hình như bóng người cố ý muốn giữ một khoảng cách với anh. Xem ra hình như là một người đàn ông dáng dấp tầm trung, nhưng cũng giống một người trẻ có cơ thể cường tráng. Nhiều lần Dahu muốn bỏ cuộc, cho rằng chẳng qua chỉ là một người, có thể hấn cũng như anh thích lên núi một mình, cần gì phải làm phiền đến hấn? Nhưng khi dừng bước, anh lại có một cảm giác chắc như đinh đóng cột rằng người đó đang vẫy tay về phía anh. Lần này trước cả khi anh quyết định thì Đá Cuội và Mặt Trăng đã tiến lên phía trước rồi, thế là Dahu chỉ còn biết đuổi theo mà thôi.

Cái bóng của người đàn ông, Đá Cuội, Mặt Trăng, Dahu: đội hình truy đuổi này mặc nhiên xếp theo một hàng như thế. Sau khoảng nửa giờ, cái bóng chui vào trong một bụi rậm thấp. Dahu cách hấn chừng vài mươi thước, chỉ có thể quan sát động tác của hấn qua ánh trăng lơ mờ. Chừng chạy đến trước bụi rậm, Dahu do dự một lúc nhưng rồi vẫn chui vào trong ấy, lúc ấy Đá Cuội và Mặt Trăng đang chạy đằng trước cứ như vừa tỉnh dậy từ cơn mơ, sữa um sùm cả lên. Mưa bắt đầu càng lúc càng nặng hạt, rơi lộp bộp lộp lộp trên những tán cây, Dahu vội vã mặc áo đi mưa vào.

Mặc dù bụi rậm không thấp quá so với người Bunun, nhưng Dahu phải chống tay xuống đất mới có thể chui qua được. Anh hầu như phải bò về trước một đoạn, rồi mới đứng lên được. Khi đó, đúng lúc ánh trăng bị mây đen che khuất, trong bóng tối anh tưởng chừng như mình đã đến dưới đáy của một tảng đá lớn. Do không biết Đá Cuội và Mặt Trăng đã chạy đi đâu mất rồi, Dahu lấy tay mò đường phía trước xem có bằng phẳng không. Nào ngờ trước mặt anh chỉ là một cái hang rộng chừng khoảng một dang tay người lớn, bên cạnh nó là một gốc cây long não khổng lồ, bóng cây làm cho cửa hang không dễ dàng bị phát hiện. Vì không có ánh sáng, cái hang trông rất sâu, vô tận. Trong một lúc chưa kịp điều hòa hơi thở, nước mưa đã lọt tót vào trong mũi của Dahu, làm anh sặc sụa, ho đến tức đau cả ngực. Phải chăng cái bóng đã dẫn dụ anh ấy có ý muốn chỉ cho anh biết cái hang này?

Dahu lớn tiếng gọi Mặt Trăng và Đá Cuội, ngay lập tức chúng xuất hiện. Dahu quyết định về lại khu vực lều trại trước, để chuẩn bị móc đá và dây thừng, đèn pin đeo đầu, anh cảm thấy phải xuống hang ấy coi sao.

"Ba, ba xem này." Umav kéo Dahu quay trở lại từ trong ký ức, chỉ tay vào tivi.

Dahu nhìn lên màn hình tivi, đó chẳng phải là Sisid Thứ bảy sao? Dahu liếc ngang là nhận ra ngay, đó là hình ảnh được chụp từ góc hải đăng nhìn ra.

Sau đó máy ảnh di chuyển, lướt qua căn nhà của Alice, rồi dừng lại khoảng vài giây, chỗ cửa sổ ngôi nhà hướng về Sisid Thứ bảy có một người đang thò đầu ra, đó là Alice.

Hầu như đến thời gian để suy nghĩ cũng không có, hình ảnh cho thấy Alice đã nhào qua cửa sổ, nhảy ùm xuống biển, nhìn từ tivi, hình như không mấy tung tóe bọt nước, chỉ giống như một màn biểu diễn tuyệt đẹp của một chú cá heo.

Atile'i tính thời gian từ khi rời đảo Wayo Wayo bằng cách hát lên. Theo lời của thầy Quản biển, người đảo Wayo Wayo từng sáng tác bài hát cho tất cả những ngôi sao, nhưng vì có rất nhiều ngôi sao, nên chưa từng có ai thực sự học được hết những bài hát ấy. Nếu có ai tự xưng là mình hát một bài hát mới, thì chắc chắn người đó nói láo. Vì người Wayo Wayo cho rằng bài hát vốn đã có từ rất sớm, chỉ là đột nhiên được nhớ lại nó hát làm sao mà thôi. Tất cả những bài hát đều là bài cũ, đó là lý do tại sao nhiều khi chúng ta nghe một bài hát Wayo Wayo lạ hoắc cũng vẫn rơi nước mắt.

Trong khoảng thời gian này, trong khi mặt trời sinh ra và chết đi thì Atile'i hát một khúc hát Wayo Wayo, hát đến nỗi sau cùng Atile'i cũng quên luôn là mình đã hát bao nhiêu bài hát rồi. Những bài ấy đều do cha mẹ và người trong bộ lạc dạy cho cậu, những bài hát ấy là những bài hát mà Atile'i đột nhiên nhớ ra hoặc ngân nga trong miệng. Những bài hát ấy kéo dài dằng dằng, giống như biển cả. Trong khi hát, Atile'i thường hay liên tưởng rằng nếu có Rasula ở đây thì hay biết mấy, chắc chắn cô ấy sẽ hát theo, sau đó họ có thể sẽ hát được những bài hát mới. Dần dần, vô tình, Atile'i phát hiện, có nhiều lúc mình cũng thất ýết hầu lại, bắt chước giọng của Rasula, để đáp lại tiếng hát của mình. Một khi tiếng ca chấm dứt, tiếng gió biển làm cậu có cảm giác như mình là một hang động trống không lộng gió, hay những cái mai trong suốt mà những con cua lột xác bỏ lại trên bãi cát.

Đồng thời, Atile'i nhận thấy cơ thể mình đang có sự biến đổi, nướu răng của cậu thường hay chảy máu, các khớp đau nhức, bơi lội không còn dễ dàng như trước, thậm chí nhiều khi còn cảm thấy chóng mặt, tưởng rằng mình đã về được đất liền (Atile'i không bao giờ chóng mặt ở trên biển cả).

Vài ngày sau, Atile'i phát hiện ra một mụn ghẻ mưng mủ ở chân phải. Mụn ghẻ ấy lại mọc ngay vị trí đảo Wayo Wayo mà cậu đã vẽ lên chân, vì thế cậu cho rằng đó là điềm báo xấu. Vì mấy hôm nay thời tiết nóng dần, gần giờ trưa mặc dù đã trốn rút

trong căn nhà, cậu vẫn cảm thấy nóng bức lạ thường. Điều tệ hại hơn nữa là cả hòn đảo bị ánh mặt trời đốt đến nổi phát ra một ánh sáng nhức mắt, và mùi xác thối không thể chịu nổi lan tỏa khắp nơi. Mùi ấy hòa lẫn với mùi tanh của biển, vì vậy mà Atile'i liên tục nôn ọe, làm cho cơ thể suy nhược. Atile'i cũng nhận thấy, côn trùng trên đảo bỗng dưng nhiều vô kể, ruồi và muỗi ở khắp mọi nơi, dòng hải lưu cũng trở nên không được ổn định lắm.

Chẳng lẽ hòn đảo đang tiến gần một thế giới nào đó khác?

Qua thầy Quản biển, từ lâu Atile'i đã biết được, ngoài thế giới này còn có một thế giới khác. Mấy ngày này trong đầu cậu thường xuyên hiện lên suy nghĩ rằng mình đang đến gần một thế giới khác. Một mặt cậu cố gắng dập tắt suy nghĩ này, nhưng mặt khác lại kỳ vọng cho nó thành sự thật: cậu đang đến gần vùng đất mà người da trắng đến, tiếp cận chim địa ngục và nơi mà con thuyền ma lui tới. Nhưng vấn đề là thế giới đó có bị Kabang thống trị không? Về điểm này thì Atile'i không biết một tí gì cả, cũng không có ai để hỏi han. Vì thế khi Atile'i phát hiện thỉnh thoảng có người lên đảo, bất luận có xa chỗ cậu đến mấy, cậu cũng chọn cách lặn xuống dưới đảo để lẩn trốn. Atile'i đào khắp trên đảo từng cái từng cái giếng có thể thông thẳng xuống đáy biển, để có thể ẩn thân trong một thời gian ngắn nhất. Nhưng thỉnh thoảng Atile'i vẫn tưởng tượng ra chuyện mình bị một người nào đó bắt đi. Ý nghĩ này như một căn bệnh đeo bám lấy cậu dai dẳng.

Gần đây chim địa ngục và con thuyền ma xuất hiện với tần suất thật sự rất lớn, hầu như ngày nào cũng có thể trông thấy. Thậm chí có vài lần Atile'i còn bắt gặp một người trong bộ trang phục đen bó sát ở dưới đáy biển. Atile'i không biết họ có nhìn thấy cậu không, và cậu luôn luôn tìm cách tránh né, kỹ thuật bơi lội của cậu ăn đứt họ, nhưng trên tay họ cầm những vật phát sáng, giống như một con rắn biển soi chiếu dưới nước, nên Atile'i e là mình có thể đã bị phát hiện vào một khoảnh khắc nào đó. Họ đang tìm mình chẳng? Không thể nào, trên thế gian này chỉ có người đảo Wayo Wayo mới biết được sự tồn tại của mình mà thôi, không phải vậy sao? Không, Kabang cũng biết được sự tồn tại của mình nữa, biển cũng biết. Atile'i nghĩ.

Sự lo lắng bất an trong Atile'i giờ đây đã đạt đến đỉnh điểm. Cậu yếu oặt cả ra, nóng ran cả người, cơ hồ đứng còn không vững. Cậu cảm giác như một con chim địa ngục đang bay ở trên trời đã phát hiện ra cậu. Con chim địa ngục gây ra những trận gió thốc xoay tròn khắp nơi, cuối cùng thì cũng đậu lại ở vị trí phía Tây Bắc của hòn đảo. Atile'i biết chỗ ấy, đó là một trong những nơi rấn chắc nhất của hòn đảo, đi khoảng một ngày một đêm mới đến được nơi đó. Tuy nó ở cách xa chỗ ẩn thân của Atile'i, nhưng Atile'i hiểu được không chừng cậu có thể dễ dàng bị phát hiện. Ngày hôm sau quả nhiên có một âm thanh từ hướng đó truyền lại, cậu rướn dậy bằng chút hơi sức cuối cùng, tiện

tay chụp lấy súng bắn cá, vạch cái miệng giếng mà cậu đã đào ở gần nhà, lặn xuống biển và trốn đi.

Lúc này, một trận mưa đá từ trên trời đột nhiên đổ xuống biển, những hòn bi đá rơi trúng vào những con cá nhảy lên mặt nước khiến chúng chết giấc đi, không bao lâu mặt biển toàn xác cá chết và đám cá ngất. Atilè'i lặn lội trên mặt biển đầy những xác cá chết, giống như mình cũng đã trở thành một con cá to xác vậy.

12. Hòn đảo khác

CUỐI CÙNG THÌ MÙA HÈ NÀY đã để lại một ký ức sâu sắc cho dân đảo, vì những ngày hè âm u nặng trĩu ấy, lằn ranh giữa ngủ mê và bừng tỉnh, rốt cuộc cũng có một trận mưa đá đổ xuống thị trấn nhỏ bên bờ biển. Do hồi ấy đúng vào khoảnh khắc trước lúc ánh mặt trời sắp sửa xuất hiện, rất nhiều người đều giật mình tỉnh dậy từ giấc mơ rất sâu, chạy ra khỏi nhà hoặc đứng bên cửa sổ, thảng thốt nhìn ra thế giới như bị co rút lại ở bên ngoài. Từ phía xa xa, bầu trời dần lóe sáng, dưới ánh đèn đường vẫn còn chưa tắt, những hạt bi đá mang hào quang màu lam bạc, giống như từng viên từng viên vẫn thạch li ti đuổi đánh cả một vùng bờ biển. Tuy lúc xảy ra trận mưa đá âm thanh kinh thiên động địa đã phát ra, đó là tiếng mưa rơi lên những nóc nhà thiếc, trên đường trải nhựa, trên bậc thang đá ở bờ biển, trên đèn đường, trên những chiếc xe hơi đậu ở ven đường... nhưng không hiểu vì sao, khi nhớ lại quang cảnh của ngày hôm ấy, mọi người cứ như là đã xem một màn kịch câm, hoàn toàn không ấn tượng gì về âm thanh.

Mái nhà của Sisid Thứ bảy bỗng chốc lủng vài cái lỗ, làm cho vài tia nắng bình minh rọi vào trong nhà, một tia sáng đập ngay xuống bình cà phê của Hafay, tựa như đã bắn vỡ bình cà phê ấy. Không ít phóng viên dựng lều trên bãi biển đã bị thương do mưa đá rơi trúng người, còn những phóng viên gạo cội thì thực ra đều được sắp xếp chỗ ở khách sạn năm sao trong thành phố, vì thế mà những phóng viên dựng lều trại bên bờ biển phần lớn đều là những phóng viên trẻ chưa có kinh nghiệm. Nhưng cô dẫn chương trình lâu năm mà khi đọc tin tức thường thích huơ tay múa chân, kiểu như trước mặt mình là một bàn mặt chược, không biết hôm ấy tại sao không về khách sạn năm sao. Cô vẫn mặc trên người bộ quần áo của tối hôm trước, vừa mới chui ra khỏi lều thì bị mưa đá rơi trúng người bất tỉnh, đồng nghiệp vội vã đưa cô đi bệnh viện. Thế rồi việc này trở thành một trong những đề tài tôm tép lá cải ngang dọc khắp các trang tuần san. Sau đó nghe đâu cô dẫn chương trình có giọng nói vốn ồn ào này đã trở nên lặng lẽ đến lạ thường, nói chuyện từ tốn nhẹ nhàng, đâu đó rõ ràng rành mạch, và không lâu sau cô bị sa thải khỏi vị trí dẫn chương trình truyền hình.

Còn tất cả các phóng viên bên bờ biển lúc đó vừa tránh né đá viên vừa kết nối đưa tin, do đó cảnh tượng mà khán giả toàn quốc xem được rõ ràng đều rất là chập giật, máy quay chao đảo qua lại, các phóng viên giơ các loại đồ đạc lên để vừa che cho đầu vừa giơ mặt vào máy quay mà nói, nhiều khán giả xem tin tức buổi sáng cảm thấy vừa hốt hoảng vừa buồn cười.

Trận mưa đá đến nhanh và cũng đi rất nhanh, nhưng vì trận mưa đá này mà tất cả mọi người đều bỏ lỡ khoảnh khắc vực xoáy rác theo vài đợt sóng lớn đánh vào bờ, cảnh tượng kỳ diệu ấy xảy ra đúng ngay lúc mưa đá đổ mạnh nhất. Nhưng cũng nhờ trận mưa đá mà tất cả mọi phóng viên ở bờ biển đều chạy lên đường lộ để kết nối đưa tin, vì vậy họ đã có thể thoát được một kiếp nạn. Vì ngay sau khi trận mưa đá chấm dứt, mây trên trời ùn ùn kéo đến và xếp gộp vào nhau, những đám mây màu trắng và màu xám bết chít, màu xám tím chập lại thành một đám mây khổng lồ. Đám mây ấy giống như một câu chuyện thần thoại phiêu du hay một câu thơ chấp vá quá mức, khiến cho người ta muốn khóc òa. Nhiều cư dân của bộ lạc ven bờ biển nhớ lại, đều nói rằng đó là đám mây mà họ chưa từng thấy bao giờ, khiến người ta hoảng sợ hơn cả sự biến sắc của đám mây trước khi một cơn bão tới. Khi các nhà nhiếp ảnh tranh thủ chụp lấy quang cảnh kỳ lạ này, một con sóng khổng lồ vỗ vào bờ khi ánh bình minh yếu ớt rơi xuống. Nhiều người giải thích rằng đó là lý do tại sao trong ký ức của họ, trận mưa đá cơ hồ như không có âm thanh, vì nếu đem so sánh thì âm thanh va đập của trận mưa đá tuy gần, nhưng thua xa sức mạnh khủng khiếp mà con sóng thể hiện. Âm thanh ấy như phát ra từ trên trời, hay giống như phát ra từ mặt đất, như là vẫn chưa rơi xuống, hay như mặt trăng từ xưa tới giờ chưa từng phát ra một âm thanh nào, giờ đây âm thanh tích tụ ấy được phát ra luôn một lần... và cho đến khi chúng ta phát hiện ra âm thanh ấy đến từ phía biển cả, thì ngọn sóng đã ở ngay trước mắt rồi.

Những phóng viên lằng xằng kết nối đưa tin lúc ấy đang ở trong một trạng thái phấn khích cao độ, nên khi con sóng lớn bỗng chốc đã ở ngay trước mắt họ cuốn trôi tất cả mọi thứ có trên bờ biển, các phóng viên đều hoảng hồn hoảng vía trong một lúc, chân cứ như đã mang gông cùm.

A Hán và Lily vốn muốn bắt được cảnh tượng mưa đá làm thủng mái nhà nên vô cùng phấn khởi, nhưng Hafay nhìn ra phía biển ở đằng xa, cảm giác cho thấy hôm nay có gì đó không ổn cho lắm, bảo họ hãy nhanh chóng lên gác để ẩn náu. Không lâu sau họ đã thấy trực giác mãnh cảm của cô gái người Ami này rất chuẩn, vì con sóng đột nhiên như làm thay đổi độ cao của biển, tức khắc tràn vào trong nhà, cơ hồ như lôi cả tòa nhà Sisid Thứ bảy về phía biển. Nhưng lần thứ nhất biển đã không thành công. Và Hafay biết là con sóng không cam tâm, vì vậy khi nước biển rút đi, cô lập tức yêu cầu A Hán phải công Lily, cô này đã trở nên hoảng loạn và khóc lóc sứt sùi, chạy ngay lên bờ. A Hán vứt bớt những trang thiết bị không cần thiết trên người, chỉ xách một cái máy quay cầm tay, công Lily chạy về phía bờ.

Hafay tiện tay vợ lấy tấm ảnh mà cô chụp chung với Ina chạy khỏi Sisid Thứ bảy, chính vào lúc ấy, một mặt vách của Sisid Thứ bảy đổ sập, và cũng là mặt day về phía căn nhà trên biển. Tất cả những món đồ của Hafay từ hộp thảo dược, cà phê quý, thùng

cất rượu *kavalan*, giường, cả chồng giấy má thư từ, đến cả những hòn đá mà cô nhặt về từ cái bờ suối đó ở Đài Bắc, tất cả đều sụp đổ trôi đi... Ngôi nhà trên biển cách đó không xa, như đáp lại, gian ở ngay đằng trước cũng sụp xuống một nửa, đồ đạc trong nhà cũng bị sụp đổ theo ra: ảnh của Toto, sách trên cả một giá, thùng cạc-tông nhỏ của Ohiyo, dây thừng leo núi của Jakobsen, tập thơ đầu tay mà Alice đã in hồi trẻ, cùng với những quần áo cũ chưa kịp vứt vào thùng rác tái chế, đã sáp nhập thành một khối với các loại rác rến bốc mùi do sóng đưa tới, giống như thế giới đã lùa hết tất cả những thứ phế thải tập trung đến chỗ này vậy.

Thực ra sóng lớn chỉ xuất hiện một hai đợt mà thôi, rồi ngay lập tức bình yên trở lại, trả bãi biển lại như cũ. Nhưng toàn bộ bề mặt bãi biển trống trơn, chỉ sót lại những thứ kỳ dị ở khắp nơi, khiến cho người ta ngỡ rằng mình vừa leo lên một hành tinh nào đó ở phương xa. A Hán vừa lên đến bờ và chắc chắn rằng Lily không sao cả, sau khi giao cô lại cho những cư dân của bộ lạc đang tụ vây xem nhờ họ chăm sóc, lập tức xách máy quay lên quay ngay cảnh tượng kỳ lạ ấy. Khi ống kính lia gần căn nhà trên biển, A Hán nhìn thấy xác một con cò trắng chết, và đã chụp một pô cận cảnh. Là người từng thường xuyên đi ngắm chim, anh đã phát hiện nó là một loại cò trắng Trung Quốc hiếm thấy, vì thế A Hán đã cố ý dừng ống kính ở đó lâu hơn một chút. Lúc này một con mèo trắng đen toàn thân ướt sũng, chui lên từ khe hở của vách tường đổ, nhảy từ bên trái của ống kính qua bên phải.

Alice không xuất hiện trong ảnh. Cô vừa mới tỉnh dậy trên giường bệnh, kịp lúc nhìn thấy cảnh này được phát trực tiếp trên tivi. Cô chỉ lơ ngơ trong khoảng vài giây, rồi lập tức xô cô y tá nhỏ vừa mới bước vào cửa, và như vừa trông thấy gì đó, cô chạy nhanh về cửa bệnh viện.



Không một chút dự báo, Hafay hát lên, tiếng hát ấy rất giống tiếng khóc của một loại thực vật.

13. Atilé'i

TRONG LÚC ĐI TRÊN ĐƯỜNG NÚI, Alice luôn cho rằng mình đã ngửi thấy một mùi gì đó. Mùi gì vậy nhỉ? Có chút giống như hỗn hợp mùi nắng nóng, mùi hăng của nước biển, mùi tanh của cá và mùi xạ hương nồng nặc... những thứ này đều chửi nhau, những mùi tuyệt đối không thể hòa lẫn được với nhau để sinh ra một mùi nào đó.

Alice biết đó là mùi của cậu thiếu niên, mùi ấy thật mạnh mẽ, đến nỗi cậu thiếu niên kỳ thực không ở bên cạnh, nhưng cũng phảng phất ngửi được. Ohiyo cứ đập liên tục trong lòng Alice. Sợ rằng nếu đặt nó xuống thì nó lại chạy đi, Alice đành phải ôm chặt lấy nó, thả chậm bước lại. Mèo thật sự là một động vật nhỏ nhắn và mềm mại, ôm nó khiến cho cô nhớ lại thời đi mẫu giáo cô đã từng nhặt một con mèo nhỏ màu đen trên đường về nhà. Hồi ấy cô lén nuôi nó ba ngày, ngày thứ ba về nhà, phát hiện con mèo đã đi đâu mất, nhưng ba mẹ và anh trai cô không ai thừa nhận rằng mình đã đem bỏ con mèo đi. Vì thế Alice nhịn ăn, nghiêm trọng đến mức cô đã ngất đi và được đưa đến bệnh viện để tiếp chất dinh dưỡng. Mãi cho đến một đêm kia, Alice thấy mẹ cô ngồi ở bên cạnh giường bệnh khóc mãi không thôi, cầu xin với Bồ Tát, thì cô mới bắt đầu chịu ăn cháo. Con mèo cũng không quay trở lại. Về sau bất kể vô tình bắt gặp con mèo lông đen nào ở trên đường, cô cũng đều cho rằng nó là con mèo hồi ấy bị vút đi hoặc đi lạc mất.

Không dễ dàng để có thể đến được chỗ của căn nhà trên biển, cậu thiếu niên trông thấy một đám người ở đằng xa, và chỉ để cho Alice xem. Ở đó toàn là phóng viên và một đám người dọn vệ sinh bãi biển. Alice do dự trong một lúc, đứng ở một chỗ cao hơn ở bên cạnh, tìm thấy chiếc xe màu vàng bắt mắt của mình.

"Xem ra Dahu đã sạc đầy điện giúp mình rồi," Alice lầm bầm một mình.

Alice hít một hơi thật sâu. Trong một khoảng thời gian ngắn ngủi mà vận mệnh đã thay đổi, cứ như thể có một thứ gì đó ở đằng sau cứ thúc đẩy cô. Đường núi vô cùng trơn trượt, một trận mưa phùn đang rơi lất phất, mắt thường có thể không nhận ra. Một bầy sẻ xanh bay lướt qua bên phải đằng trước của Alice và cậu thiếu niên.

Alice muốn nhớ lại rốt cuộc mình đã xảy ra chuyện gì vào cái ngày cô trông thấy máy quay lia thẳng vào cửa sổ nhà mình. Không phải vì giận dữ, cũng không phải né tránh, cũng không phải vì cô thực sự muốn kết thúc mạng sống của mình... Lúc đó cô còn

đang trông ngóng Ohiyo đi chơi trở về nữa mà. Khi có một lý do gì đó khiến ta tự nguyện chờ đợi, thì mạng sống sẽ còn rất quan trọng. Có lẽ chỉ là đột nhiên cô không thể khống chế được cơ thể mình mà thôi.

Alice trước giờ vẫn vậy. Thời đại học đã vài lần có chuyện giống vậy xảy ra. Một lần chỉ là vì đợi không thấy bạn trai trong ngày lễ tình nhân, cô một mình lủi thủi thanh toán tiền, chùng ra cửa thì đụng ngay vào cửa kính của quán cà phê, khiến cho tất cả mọi người đều thất kinh hoảng vía. Sau khi về nhà, cô lại lầm lũi mở bếp gas và không tắt bếp, cả nhà cũng một phen hú hồn. Vì phản ứng kịch liệt của Alice, nên không bao lâu sau thì bạn trai cô đề nghị chia tay. Mẹ cô nhớ là hồi nhỏ Alice và bà ngoại của cô rất quấn quýt nhau, thế là quyết định tạm thời gởi cô đến ở với bà một thời gian.

Mãi đến bây giờ, Alice cũng không hiểu được vì sao hôm ấy bạn trai cô lại lỗi hẹn, và đến cả dáng dấp của bạn trai cô cũng không thể nhớ nổi. Ngược lại mọi ký ức sống ở làng chài thì lại còn nguyên. Chỉ cần nhắm mắt lại, con đường nhỏ trong làng chài, ngôi Miếu Thiên Hậu, con đường đất hằn những vết xe bò ngang dọc, làn gió biển mang mùi tanh tanh... đều rủ nhau về. Đây phải chăng là lý do sớm nhất khiến mình kiên trì sống ở bờ biển?

Hồi nhỏ khi mẹ về nhà ngoại, bà ngoại thường dẫn Alice đi thu hoạch hào. Cô gỡ những con hào ở trên sàn xuống, bỏ vào trong túi bố gai thô, sau đó đặt từng túi từng túi lên xe bò. Cảm giác xe bò đi trên đường đất khác hẳn với đi trên đường trải nhựa, như đang băng qua một nơi nào đó mềm mại, một vật sống. Rất lâu sau đó Alice mới biết, cảm giác đó rất giống với cảm giác đi dưới đáy của một khu rừng.

Lúc đó đã có một nhà máy hóa dầu bồi đất ven biển để xây dựng cơ sở làm việc ở một thôn khác phía Nam. Sau khi nhà máy hóa dầu xây xong, ruộng hào của ngoại mỗi năm một bồi cao, thỉnh thoảng trên mặt biển nổi một lớp dầu, còn bầu trời thì lúc nào cũng phủ một màn sương mờ mờ. Vài ngày thì ngoại phải dắt bò đi xuống dòng nước biển lạnh ngắt để xem ruộng hào hoặc thu hoạch hào. Thu hoạch hào là một công việc lao động thể xác cực nhọc, gió biển vào mùa đông lạnh thấu xương, còn đường về ngồi trên xe bò, hào đầy một xe khiến cho vết xe bò hằn trên đường sâu hơn nhiều so với hồi ra đi, khiến trong lòng ta có cảm giác đầy đủ và ổn định. Sau khi thu hoạch hào về, ngoại tuột xuống xe và ngồi vào ghế để tách hào. Những con hào nhìn cứng cỏi như vậy nhưng bên trong lại mềm mại. Trong vài tháng ấy, Alice quen với việc ăn canh hào, hào chiên trứng, hào chiên giòn, cua biển, còn có rau lang trồng ở sau vườn. Cô cứ sống như thế ngày này qua ngày nọ, khuôn mặt của anh bạn trai bỗng một lúc nào đó tan biến đi mất trong cô.

Mãi sau này khi Alice hồi tưởng lại, chắc có lẽ tính tình của mình đã âm thầm thay đổi trong vài tháng ấy. Sau giai đoạn bảo lưu, Alice trở lại trường học, các bạn đều nhận thấy cô đã thay đổi cả một con người.

Vào năm mà Jakobsen và Alice bắt đầu xây căn nhà nhỏ bên biển ấy, anh trai cô gọi điện cho hay ngoại qua đời.

"Vì nguyên do gì?"

"Già rồi mà."

"Già rồi mà," Alice như lặp lại câu nói ấy một lần. Thực ra ngoại bị bệnh phổi và thận hành hạ đã mười năm rồi, và người trong làng, hầu hết đều rời bỏ thế gian như thế đó. Vì vậy Alice và Jakobsen đã lựa một ngày nghỉ để tự lái xe về làng nhỏ ấy. Khi xe tiến vào trong làng, họ nhận thấy ở đó hầu như không còn nhà nào để cửa mở. Có thể nhìn thấy từ bãi biển, một nhà máy hóa dầu khác được cất ở vị trí chênh vênh phía Bắc. Alice vẫn còn nhớ loáng thoáng được nhiều người đã kháng nghị những mấy năm liền, nhưng cuối cùng nhà máy vẫn hoàn thành. Alice vẫn còn giữ những ký ức vào năm ấy sống với ngoại, lúc chưa có nhà máy hóa dầu, mùa đông có rất nhiều người tập trung đến đây để ngắm chim, rúc đầu lại đứng phía sau ống dòm, giống như đang kỳ vọng cuộc sống của mình sẽ có thay đổi gì đó. Nhưng sau đó nghe Ming nói, bọn chim cũng đã đổi hướng bay.

Tuy nhà máy cần nhân công, nhưng lại không cần người già. Alice còn nhớ vào một lần về lại làng thăm ngoại, cô thấy rõ được tình trạng hàng xóm mắc bệnh. Hôm ấy ngoại vốn là một người ít nói nhưng lại nói không ngừng, như thể sợ ngừng lại sẽ chấm dứt luôn vậy. Alice lắng nghe rồi cảm thấy, những người già mất trước ngoại, có lẽ là vì cô đơn, khiến căn bệnh họ bộc phát.

Jakobsen đứng trên bờ cát, sàn nuôi hàu bị cát chôn chỉ còn tới giữa bắp chuối của anh, căn nhà, chuồng bò và sàn nuôi hàu trống không trên bãi biển của ngoại, như một quần thể bia lưu niệm không có bất cứ sự vật lưu niệm nào, dần dần bị bọn dương xỉ và đất cát xâm chiếm, không ai tiếp quản, cũng không ai dọn dẹp.

Jakobsen nói: "Nơi đây xem ra từng là một làng chài nhỏ dễ thương nhỉ, còn bây giờ chỉ để quay phim mà thôi."

Alice lườm anh một cái và nói: "Kỳ thực, chỗ này đã bị người ta cướp mất." Có lẽ do đứng quá lâu, chùng đi thì chân cô đã lún sâu xuống cát, nhờ Jakobsen giúp cô mới có thể rút lên được. Những ống khói ở đằng xa hùng hục bốc lên những đám khói đen. Alice đột nhiên nhớ ra, hồi xưa ngoại thường mang giày timi có phần ngón chân cái tách rời ra, nó mới không bị lún xuống cát.

Sau hôm nhảy xuống biển ấy, Alice cảm thấy đầu cô hình như đã va phải cái gì đó rất mạnh, tay và chân lập tức tê cứng, nước biển rất lạnh, trước mắt một màu tối đen. Sau khi tỉnh dậy, điều đầu tiên cô nghĩ ngay đến là Ohiyo. Lúc ấy hình ảnh tin tức trên tivi đúng ngay chỗ bờ biển tan hoang xơ xác, Alice vừa nhìn đã thấy ngay Ohiyo.

"Nó đang tìm mình chẳng? Nhất định là như thế, Ohiyo đang tìm mình." Alice rút kim tiêm truyền dịch ra, thật sự là rất đau, trước giờ cô rất sợ tiêm chích, nếu mà lúc tỉnh bác sĩ bảo phải chích, chắc chắn cô sẽ cự nự ngay. Alice chạy được một đoạn, đi đường vòng để né y tá, đến cổng bệnh viện giả vờ như bao bệnh nhân khác đi ra khỏi cổng, may mà Alice mặc trên người chiếc áo thun của mình, nhưng lại không phải là chiếc áo mà cô mặc khi nhảy ra khỏi cửa sổ.

Chắc chắn là do Dahu mang đến, Dahu biết rằng mình không thích mặc áo bệnh viện, Alice nghĩ. Sau khi lên được taxi, cô phát hiện trên người mình không có tiền, lòng thoáng chút lo lắng, hy vọng là Dahu có mặt ở chỗ căn nhà trên biển. Nhưng tài xế lái đến gần đó, trông thấy cảnh tượng hỗn loạn của bãi biển, thì không lấy tiền xe của cô.

"Cô gái, cô sống ở đây à? Chỗ này không thể ở được nữa rồi. Nhà của trôi hết ra biển rồi, thôi, không cần tiền xe đâu."

"Không được, chỉ là nhất thời trên người tôi không mang tiền mà thôi." Alice kiên quyết ghi lại số xe và số điện thoại, bảo: "Ngày mai tôi sẽ gửi cho anh!"

Khi Alice đến gần căn nhà trên biển, Mặt Trăng và Đá Cuội phát hiện ra cô trước nhất, tiếng sủa của chúng khiến cho Dahu và một vài cảnh sát chú ý. Dahu hối hả chạy đến, áo sơ mi của anh nhàu nát, bông mắt rất sâu, nhìn như một kẻ bất hạnh. Một vài người không biết là cảnh sát hay là thành viên của đơn vị cứu trợ tai nạn, đang kéo dây phong tỏa màu vàng quanh căn nhà trên biển.

Dahu nói: "Vừa nãy họ dọn ra một khoảng trống để chất những đồ đạc rơi ra từ căn nhà trên biển, đồ đạc của cô có thể tìm thấy được chỉ có chừng này, tôi có trông chừng cho." Anh không hỏi Alice tại sao lại xuất hiện ở đây, Alice biết, anh ấy luôn luôn vậy. Ủa này, Dahu, chẳng lẽ anh không biết phụ nữ không thích sự không chút ràng buộc à?

Trong không khí lan tỏa một mùi mà Alice chưa từng ngửi qua, có lẽ là mùi hải tảo trộn lẫn với những thứ gì đó được sóng biển đánh tấp vào.

"Anh có trông thấy Ohiyo không?"

Dahu lắc đầu. Alice bắn khoản liệu anh đã không nhớ Ohiyo là thứ gì, hay là anh thật sự không nhìn thấy nó. Dân làng tụ tập lại ở bờ biển bàn tán, vài người đứng đàng

xa vẫy vẫy tay chào cô, không biết được rằng họ khó chịu hay buồn bã, cứ như thể họ đã chuẩn bị tâm lý cho việc này rồi vậy.

Kỳ thực thì mấy năm trước sau khi nước biển bắt đầu lấn lên, chỉ còn mỗi căn nhà trên biển và Sisid Thứ bảy là không chịu dời lên núi mà thôi, vì thế mà những hộ dân sống ven biển đã ít đi nhiều. Mọi người đều cố gắng đi xa biển một chút, như thể biển đã biến thành một cơn ôn dịch. Nhưng thực ra thì trên núi cũng không phải là an toàn lắm, vì việc xây cất sân chơi lớn bên bờ biển và khách sạn, thì họ đã đào rã rời vào triền dốc của núi, vài chỗ trên đường dốc sau mỗi trận mưa lớn đều sạt lở, giống như có lần Dahu nói: "Núi ở đây hình như có thể đổ sập bất cứ lúc nào."

Alice vào trong căn nhà trên biển, đội tuần tra biển và cảnh sát luôn chực chờ để đến phỏng vấn một vài điều, nhưng cô hoàn toàn ở trạng thái mặc kệ không quan tâm, cố tình tập trung nói chuyện với Dahu: "Hafay ổn chứ?"

"Không sao cả, tạm thời đang ở nhà chú tôi. Cô cũng có thể đến đó ở."

Alice lặng đi một lúc, "Dahu, anh giúp tôi một chuyện được chứ?"

"Không thành vấn đề."

"Tôi muốn sạc điện cho xe, sau khi sạc đầy điện thì anh có thể đỗ ở đây giúp tôi không? Tôi sẽ đến đây lái đi?"

"Đương nhiên là được, nhưng cô phải nói với tôi là cô định đi đâu."

"Uhm, để nói sau, tôi sẽ tìm một dịp nào đó để nói cho anh nghe. Bạn bè ở ven biển ổn cả chứ?"

"Ổn cả. Nhưng mọi người đều lo lắng rằng trận mưa đá và sóng biển lần này là một điềm báo dữ."

Một điềm báo dữ, điềm báo dữ đã quá nhiều rồi, nhiều lắm rồi, nhiều đến nỗi đã không còn được tính như là một điềm báo dữ nữa. Alice nhặt từ dưới đất lên một chiếc balo du lịch màu xanh dương mà cô và Jakobsen đã mua ở Oslo, nó rơi ra từ trong nhà, và lần lượt nhét một số đồ có thể sẽ cần dùng đến. Chui qua dây băng phong tỏa, bên cạnh căn nhà trên biển nơi có một vách tường bị đổ, Alice tìm thấy thùng y tế của nhà mình, và rất may mắn là đã nhặt lại được ví da và các loại thẻ ở trong hộp tủ, tấm đệm ngủ mới mua của Ohiyo, ổ cứng chống nước chứa ảnh của Toto... Nhặt lấy nhặt để, Alice cảm thấy cuộc đời mình vãi đầy ra đất, nước mắt sắp tràn ra, cô vội vã nói gì đó để tự sao nhãng.

"Chuyện gì thế này? Những thứ ấy từ đâu đến?"

"Từ biển vào đó. Vực xoáy rác mang đến, cô còn nhớ tin tức về vực xoáy rác mà báo chí đã đưa thời gian trước không? Chính là rác mà cả thế giới vứt ra, trôi ra biển và do dòng hải lưu mà dẫn kết tụ lại với nhau..."

"A, tôi nhớ ra rồi, tin tức cũng rất nóng, chẳng phải chính phủ nói phải xử lý sao?"

"Cô tin vào chính phủ?" Dahu hình như nhớ ra điều gì, vỗ vào đùi một cái nói: "À, Ohiyo, là con mèo đen trắng mà cô nhặt được đúng không?"

"Đúng vậy, tôi còn tưởng là anh nhớ chứ."

"Ây da, cô đột nhiên xuất hiện làm cho tôi nhẹ nhõm cả người một lúc, vừa rồi không hiểu. Tôi nhớ ra rồi, hình như có một phóng viên quay được nó."

"Đúng rồi, ở bệnh viện tôi có thấy đoạn ghi hình đó trên tin tức."

"Để tôi đi tìm phóng viên đó, mới vừa rồi anh ta ở miết chỗ Hafay, tôi nhớ mặt anh ta." Dahu chạy lẩn vào trong đám người.

Alice nhìn một hồi về phía Sisid Thứ bảy, căn nhà đứng chơ vơ nơi mỏm đá ấy như rất sợ lạnh. Đó là tâm huyết nửa cuộc đời vừa qua của Hafay, cũng giống như căn nhà trên biển là một phần của cô vậy.

Sau khi Dahu quay trở lại, đồ đạc của Alice cũng đã chuẩn bị gần xong, một cậu con trai đầu húi cua dáng vẻ cao lớn trở lại cùng với anh. Sau khi gật đầu chào hỏi qua loa, cậu ấy mở màn hình của máy quay. Ohiyo trong màn hình vừa đi vừa kêu meo meo trên bãi biển toàn là rác, trông có vẻ rất hoảng loạn, đây là đoạn mà tin tức truyền hình đã chọn đưa tin. Tiếp theo là đoạn mà truyền hình không phát, Ohiyo nhảy từ bãi biển lên đường lộ, đi về phía con đường mà Alice thường đi lấy nước, rồi chui vào trong bụi cỏ.

"Tôi rất yêu mèo, vả lại đoạn này trông có vẻ căng thẳng hơn, nên đã quay thêm một lúc, xem ra nó đã đi về hướng đó."

"Cám ơn cậu. Dahu, tôi phải đi đây, tôi đi tìm nó."

"Tôi đi với cô."

"Không cần, không cần đâu, ở đây cần anh, nếu có thể, nhờ anh thu lượm đồ rơi ra lại giúp tôi. Còn nữa, chăm sóc tốt cho Hafay, xem xem bạn bè ở biển cần giúp gì thì giúp, ây da, tôi nhiều chuyện quá, anh đã làm những việc này rồi mà."

"Ok. Vậy cô phải nói với tôi cô sẽ ở đâu, tôi không thể để cô đi như thế này được."

Cảnh sát quản lý khu vực muốn cản Alice lại, thế là cô quay đầu lại nhìn Dahu với ánh mắt cầu khẩn.

"Cô cầm điện thoại của tôi này." Dahu nghĩ ra ý tưởng này, vội móc điện thoại ra, sau đó chặn cảnh sát lại giùm Alice: "Không có gì, không có gì, để cô ấy đi đã, dù gì cũng không có việc gì, trông cô rất ổn, tôi sẽ bảo cô ấy đến cục cảnh sát báo cáo tài sản tổn thất." Cảnh sát đều quen mặt Dahu, bèn quơ tay, không cố chấp nữa.

Dahu quay đầu lại nói với Alice: "Nếu tôi gọi cho cô, cô nhất định phải nhắc máy nhé, được không?" Alice gật đầu, nhanh chân rời khỏi hiện trường, Mặt Trăng và Đá Cuội chạy đến, quẩn quýt mãi không chịu đi.

Alice la lên đuổi chúng về: "Về đi! Về nào! Về bãi biển đi."

Alice vừa đi trên con đường đi lấy nước, vừa kêu to "Ohiyo, Ohiyo," lúc đó trời đã chập tối, và mưa phùn bắt đầu lất phất rơi. Cô trùm áo mưa lên balo, mình cũng mặc chiếc áo khoác đi mưa vào. Đường vô cùng trơn trượt, nhưng Alice đã rất quen thuộc con đường này rồi, lòng chỉ muốn nhanh chóng tìm cho ra Ohiyo, nếu không thì trời tối sẽ rất lạnh, sợ nó sẽ gặp nguy hiểm. Alice vừa đi vừa la lên, chừng đến chỗ rẽ quẹo trên đường núi, thì phát hiện đất đá bên sườn núi đã sạt lở một khối to, cả con đường như bị che lấp. Vì trời chưa sập tối hẳn, nên Alice đã xem xét tình hình rồi thử trèo qua. Nhưng vì khối đất khá cao, thế là Alice bèn thử chui qua bụi cỏ bên kia đường. Lúc ấy cô nghe tiếng vỗ cánh phạch phạch phạch.

Vài giây sau, khoảng vài chục con... không, khoảng vài trăm con bướm bướm hay ngài gì đó có lẽ vốn ẩn thân trong bụi cỏ, bị Alice làm kinh động, bèn túa ra nhưng lại có vẻ rất có tổ chức bay về phía bên kia của khối đất. Và vì trời đã tối, trông không rõ màu sắc, Alice chỉ nhận thấy mỗi con đều lớn bằng bàn tay. Do sự việc diễn ra đột ngột, nên Alice hoảng loạn hét toáng lên. Cũng ngay lúc đó, cô đồng thời nghe thấy tiếng mi mi meo meo, giống như tiếng kêu của con mang reeves, tiếng ấy rất gần, thực sự giống như tiếng kêu ấy phát ra từ nền đất dưới chân cô.

Alice, bị ngã xuống đất, cố gắng tháo gỡ các loại dây leo và cọng cỏ bám chặt lấy cô, đi được qua phía bên kia của đồng đất đá, thì phát hiện Ohiyo chui ra từ trong bụi cỏ. Sau đó tìm cô bỗng giật thót lên khi cô trông thấy một thanh niên đang nằm ở dưới đất, màu da tựa như màu đất. Có vẻ như cậu ta đã bị đất đá đè lên, giờ đây không thể nhúc nhích được, và nước mắt bắt đầu ngấn trong khóe mắt cậu.

Trong đầu Alice hiện lên một hình ảnh. Có một lần cái bẫy của Dahu đã sập được một con mang reeves, anh ấy và Jakobsen bèn đánh chết con mang, rồi hai người thay phiên nhau vác con mang xuống núi. Họ cho Alice xem ảnh con mang reeves sau khi sập bẫy, vì chân nó bị gãy, nên trong ánh mắt của con mang vẫn còn chưa chết lúc ấy đượm một chút tuyệt vọng, Alice cảm nhận được hy vọng được sống của nó. Hôm đó Alice từ chối làm bữa tối cho họ, cô cảm thấy giận dữ đối với sự vô tâm của bọn đàn

ông trong việc này, cảm thấy tức giận với việc họ xem bức ảnh là một chiến lợi phẩm và coi đó là một đề tài thú vị.

Và ánh mắt của cậu thiếu niên lúc này, giống hệt như ánh mắt của con mang reeves lúc ấy.

14. Alice

KHI ATILE'I TRÔNG THẤY người phụ nữ ấy xuất hiện ở trước mặt, cậu nhớ lại nghi thức kêu gào mà thầy Quản đất dạy cho cậu. Thầy Quản đất nói, nếu như gặp phải thứ gì đó không thể lý giải được, thì hãy sử dụng sức mạnh bên cạnh trái tim để kêu gào, vì âm thanh đến từ lòng thành thật, linh hồn tà ác sẽ thối lui né tránh. Atile'i thử kêu gào, nhưng vừa mới gào lên thì tim và chân bắt đầu nhói lên, cảm giác đau nhói ấy giống như có ai đó cầm một con dao đá bầm nát linh hồn ra thành một loại chả cá. Vì thế sau khi gào lên vài tiếng, Atile'i bèn khóc òa.

Thầy Quản đất nói: "Một khi nước mắt rơi xuống chính là lúc khuất phục, chính là đang cần một sự trợ giúp, tất cả mọi nghi thức đều mất tác dụng."

Nhưng ban đầu người phụ nữ cũng bị tiếng kêu gào của Atile'i làm cho hoảng sợ, sau khi hét toáng lên thì cô ngã lún xuống mô đất, rồi lồm cồm ngồi dậy ôm lấy một loài động vật mà trong mắt Atile'i xem ra rất kỳ quái. Một lúc sau có lẽ người phụ nữ thấy Atile'i không thể làm hại cô nên bắt đầu kiểm tra tình trạng của cậu. Cô phát hiện ra chân của Atile'i bị kẹt dưới hòn đá, bèn lộ ra vẻ lo lắng. Qua một lúc, cô nở một nụ cười rất kiên cường với cậu, như để xua đuổi sự căng thẳng của Atile'i, sau đó bắt đầu giúp cậu dỡ hòn đá và đất trên chân ra. Có thể là vì đau cũng có thể là do một nguyên nhân kỳ lạ nào đó, nước mắt của Atile'i cứ rơi và rơi mãi, giống như một con rùa bị chặn không cho trở lại biển vậy.

Về phần Atile'i, người phụ nữ khác hoàn toàn với sự tưởng tượng của cậu về người da trắng trước đây, cũng khác với hình ảnh trong sách. Cô là một loài nào đó có làn da trong suốt như loài sứa. Dáng người của cô không cao, thậm chí có thể còn thấp hơn Atile'i một chút. Sau khi Atile'i thoát nạn, cô nói liên tục, giơ tay làm dấu các kiểu, nhưng cậu nghe không hiểu một câu nào hết. Có một chuyện duy nhất có thể khẳng định đó là, từ động tác và ngữ khí của cô, Atile'i đoán, người phụ nữ có vẻ không làm hại cậu. Atile'i thử nói vài câu gì đó, cô cũng không hiểu được. Thế là cậu bắt đầu bắt chước cái tiếng kêu của con chim để bớt đau mà cậu học được khi nằm vừa nãy, để thể hiện sự cảm ơn. Atile'i cong cớn cái miệng lên, để không khí chui qua môi và yết hầu, phát ra âm thanh lúc thì the thé lúc thì thấp chún, âm thanh tỏ lòng cảm kích. Người phụ nữ nhìn Atile'i với vẻ kinh ngạc, giống như đang trông thấy một chú chim biết nói tiếng người vậy.

"Tất cả mọi âm thanh đều thông hiểu nhau, cũng giống như tất cả mọi con sóng đều thông hiểu nhau vậy." Atile'i nhớ mãi thầy Quản biển đã từng nói như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, thầy Quản biển thật sự là một bậc trí tuệ.

Atile'i còn giữ lại một đoạn ký ức vào lúc cuối cùng khi mình lặn xuống biển vì sợ người khác phát hiện. Vào lúc đó cơ thể cậu phát nóng lạ thường, trái ngược hoàn toàn với nước biển lạnh như băng, vì thế khi nhảy xuống biển, Atile'i có cảm giác như bị nước biển lạnh như băng ấy làm cho phồng. Cậu liêu mạng bơi đi, giống như một con cá nhồng bị thương và bị một con cá mập nhắm phải. Cậu không biết đã bơi hết bao lâu, ngực đau nhói không thể nào chịu nổi, linh hồn muốn nhào ra khỏi người bằng đường cổ họng. Lúc ấy một sức mạnh khủng khiếp phụt lên từ phía sau lưng Atile'i. Trực giác cho cậu biết đó là một con sóng lớn, cậu vội vã thả lỏng cơ thể, để mặc cho cơ thể mình cứ lặn lộn trên đầu ngọn sóng. Atile'i thấy rõ ràng con sóng đã đẩy mình về phía lục địa, và dưới chân, dưới nách, trên lưng, trước mắt là những thứ kỳ hoặc ở trên hòn đảo, cậu bị gói gọn trong một thể hỗn hợp của đảo và biển như thế này, giống như mình thuộc về một phần nào đó của hòn đảo.

Khi bị hất lên bờ lục địa, Atile'i tưởng rằng linh hồn mình sẽ rời khỏi. Nhưng rất may mắn, sau khi sóng rút đi, linh hồn hãy còn đây. Cậu nấp vào trong một tảng đá. Tảng đá đó vô cùng kỳ quái, nó rỗng không, chung quanh toàn là những hòn đá tựa vậy, như thể giữa hòn đá này và hòn đá kia bắt chước lẫn nhau. Có lẽ do ngâm mình dưới nước quá lâu, cơ thể cậu càng lúc càng lạnh. Bằng trực giác Atile'i muốn chạy về đất liền, nghĩ bụng thế này mới có hy vọng sống sót. Một đám người tụ tập ở đằng xa, mặc những bộ đồ kỳ lạ, mang những thứ gì đó cũng kỳ quái, Atile'i cẩn thận lẩn tránh họ, cố gắng bắt chước cỏ mà di chuyển.

Trong bụi cỏ, Atile'i mới quan sát tỉ mỉ chỗ ấy lần đầu. Thật là kỳ lạ quá, một bên lục địa rất rất là cao, bước qua một chút có thể thấy một lục địa còn cao hơn nữa, cao như thể có thể đâm thẳng lên trời. Nếu đem chuyện này mà nói với thầy Quản đất chắc hẳn ông không thể nào tin, nhưng mà, thầy Quản đất có cai quản bên này không chứ? Ông ấy có biết rằng trên thế giới này, còn có một mảnh đất lớn đến thế này không?

Atile'i bắt đầu chạy lên đầu phía trên của miếng đất cao nhô ra ấy, chạy và chạy, cảm thấy cơ thể mình sắp không còn thuộc về mình nữa rồi. Trong khoảng thời gian một con cá cắn câu, cậu đột nhiên cảm thấy có thứ gì đó đè nặng lên chân mình, ngay lập tức không thể cử động được nữa.

"Tôi bị bắt dính rồi, rất nhiều đá bám chặt lấy tôi, Kabang khiến cho loài người tôn kính ời, xin hãy cứu vớt tôi," Atile'i lẩm nhẩm một mình.

Trong khoảng thời gian bị đá bắt chặt này Atile'i chỉ có thể nằm nghiêng dưới đất, không thể cử động, cậu nhớ lại những người già đảo Wayo Wayo từng dạy cậu cách xua đuổi đau khổ, đó chính là cách tưởng tượng rằng mình là một con cá. Người già thường nói cá là loài sinh vật không sợ đau nhất, những con cá tuy đã mắc câu rồi vẫn có thể cố hết sức lặn sâu xuống đáy biển, chống cự với người câu một lúc rất lâu, mãi cho đến lúc tính mạng không còn nữa. Loài người mà bị mắc câu như loài cá, e là chớp mắt một cái đã khuất phục ngay rồi.

"Người Wayo Wayo phải như loài cá, cho đến khi máu trong người không còn chảy nữa mới chịu khuất phục, vì đảo Wayo Wayo cũng là con dân của biển," thầy Quản biển nói thế.

Khi nằm dưới đất, Atile'i đã quan sát tỉ mỉ thế giới này. Màu sắc, mùi vị và âm thanh của thế giới này không hề giống với đảo Wayo Wayo. Đương nhiên là nó càng không giống với những hòn đảo khác trên biển. Thì ra thế giới là như vậy, chỉ cần đi xuyên qua một cái gì đó, đã biến thành một thế giới vừa hơi giống và cũng không giống lắm. Atile'i cảm thấy an ủi đôi chút vì mình cũng có thể ngộ ra được đạo lý như thế này.

Sau đó cậu nghe thấy tiếng bước chân của người phụ nữ, rồi cậu trông thấy người phụ nữ.

Sau khi giúp Atile'i thoát khỏi bị đè nặng, người phụ nữ nói đi nói lại với cậu một số điều. Nhìn vào động tác của cô, Atile'i đoán được là cô ấy muốn mình ở lại chỗ đó đợi cô. Atile'i ở lại chỗ cũ không phải vì đợi cô, vì thực tế mà nói cậu không thể không ở yên tại chỗ, vì chân cậu đã gãy rồi, không thể đi đâu được. Không những không thể đi đâu được, người bị gãy chân không có ai trở thành một ngư dân giỏi cả, lặn xuống nước còn khó khăn, "Mình đã không thể nào có thể trở thành một người Wayo Wayo tốt được nữa rồi," Atile'i nghĩ. Cảm giác này rất giống với những chú chim bị *gawana* bắt lấy, không còn chút hy vọng gì.

15. Dahu

VÀO THỜI KHẮC mưa đá xuyên thủng mái và rớt vào trong nhà, Hafay cảm thấy cơ thể nóng bừng lên, nổi cả da gà đến tận trong xương. Cảm giác này y hệt cái đêm trận lũ phá hủy ngôi làng năm đó ở Đài Bắc. Cô quay đầu lại nhìn, hai kẻ phóng viên ấy vẫn ở thù lù đần thối tại chỗ cũ mà chụp mà quay, Hafay không ngần ngại hét đuổi bọn họ lên gác. Hai người vẫn đực mặt ra ngơ ngác không hiểu gì.

"Nhanh, nhanh lên, không kịp nữa bây giờ," Hafay hét vô mặt bọn họ. Rồi sóng lớn ủa đến ngay tấp lự.

Kinh nghiệm cho cô biết, thông thường thì con sóng thứ hai mới là con sóng lớn nhất, vì thế con sóng thứ nhất vừa rút đi, Hafay liền bảo họ phải chạy nhanh lên đường lộ ngay tức khắc. A Hán cầm máy ảnh lên, công Lily, lội nước lồm bồm lên bờ không thềm quay đầu nhìn lại. Hafay đi theo ở đằng sau, thì con sóng đã ở ngay sau lưng, lặng lẽ chồm tới một lần nữa.

Âm thanh của con sóng lần này khiến người ta không thể di chuyển.

Đứng trên con đường mà bên dưới bị móc trống rỗng đến gần một nửa, Hafay quay đầu nhìn một vách tường của Sisid Thứ bảy sụp đổ... bức tường đổ xuống như phối hợp với sóng biển rút đi.

"Ina ơi, Ina à," Hafay lẩm bẩm trong miệng, mắt nhìn về phía biển.

Năm ấy, sau cơn lũ lụt, Ina của Hafay đưa cô trở lại miền Đông, nhưng hai người chẳng hề quay lại bộ lạc, quyết định ở lại trong khu thành thị. Ina của Hafay xin vào làm nhân viên mát xa, thuê một căn hộ trong thành phố. Mỗi ngày sau khi Hafay thức dậy, Ina đều làm xong bữa sáng chờ cô, vì vừa mới về, nên đầu tóc Ina của Hafay còn y nguyên như tối hôm trước lúc đi làm.

Nhiều khi Hafay nghĩ, cuộc sống thật sự giống như kiểu mà nhiều người thường nói, có thể lựa chọn được không chứ? Sau khi mất Ina, nếu Hafay không lựa chọn làm nhân viên mát xa như Ina, thì còn có thể làm gì? Hướng hồ, nếu không nhờ khoảng thời gian ngắn ấy năm làm công việc ấy, thì Hafay làm gì có thể dành dụm được tiền nhanh như thế mà gây dựng nên Sisid Thứ bảy? Con người sống nhiều khi là một sự trao đổi, đem cái mình có để đổi lấy cái người khác có, đem tương lai của mình đổi lấy

thứ hiện tại không có. Nhiều khi đổi đi đổi lại, rồi thì đổi nhằm cái mình đã đổi đi. Nhiều lúc Hafay nghĩ thế.

Khi tận mắt chứng kiến Sisid Thứ bảy sụp đổ, Hafay không rơi một giọt nước mắt nào, đại khái là cô đã có một dự cảm chẳng, rằng căn nhà này chắc chắn sẽ có một ngày được trả lại, thì trả lại cho biển coi như là thích đáng nhất.

Ngay hôm ấy, Dahu giúp Hafay thu gọn lại những món đồ rơi ra từ Sisid Thứ bảy, đồng thời giúp Alice lái xe đến trường để sạc điện, rồi lái trở lại đỗ ở đấy. Sau đó anh đến ngồi bên cạnh Hafay, đưa cho cô một hộp cơm. Ánh mắt của Hafay suốt trong khoảng thời gian này không rời khỏi chỗ mà vốn là căn nhà. Dahu hỏi:

"Cô có chỗ ở không?"

Hafay lắc đầu.

"Tạm thời cứ ở chỗ tôi, tôi đã dời đến một bộ lạc của người Bunun bên Đài Đông rồi. Người trong bộ lạc thử cất nhà truyền thống, tôi cũng cất một căn, sau khi cất xong tạm thời không có ai ở, tôi có thể đến đó ở trước, cô và Umav ở nhà Anu chú tôi, có máy lạnh, thoải mái hơn. Nếu Alice quay lại mà cũng không có chỗ ở, tôi cũng đề nghị cô ấy đến đó ở," Dahu nói một lèo một mạch.

Hafay lắc lắc cái đầu, nói: "Tôi ở khách sạn được mà."

"Đừng lãng phí tiền bạc, nếu cất lại cũng phải mất một khoảng thời gian, tiết kiệm ít tiền, nói không chừng Sisid Thứ bảy có thể xây dựng trở lại."

Hafay không gật đầu cũng không lắc đầu.

"Chúng ta vẫn còn sống, đúng không?" Dahu bắt đầu xốc vác đồ đạc thu nhặt lại chất lên xe, sau đó mở giúp cô cánh cửa phải đằng trước. Nhiều năm sau, Hafay cảm thấy động tác ấy rất quan trọng đối với cô, cô của lúc bấy giờ không thể giúp mình quyết định điều gì, phải nhờ người khác mở cửa giúp cô mới được.

Họ đi dọc đường bờ biển về phía Nam, Hafay nhìn về phía ghế tay lái, xẹt ngang nửa khuôn mặt lo lắng của Dahu trông ra biển ngoài cửa sổ, mới phát hiện rằng vực xoáy rác gì đó hầu như đã phủ kín hết cả một đường bờ biển rồi. Mặt trời rọi lên trên đồng rác, tạo ra những điểm sáng nháy nhót, giống như trên ấy đã khảm một lớp đá quý vậy. Dahu không nói gì với Hafay suốt đường đi, cô con gái Umav của anh thì ngủ lảm quay trên đồng hành lý loạn xị của Hafay.

Khi xe sắp đến Lộ Dã, Hafay nói: "May mà máy pha cà phê còn đây." Dahu bật cười.

"Sao cậu muốn về bộ lạc?" Hafay hỏi Dahu.

Dahu nói: "Tôi rời khỏi bộ lạc lâu quá rồi. Hồi mới đầu chỉ là muốn ra thành phố để đi học, sau khi học xong muốn về lại bộ lạc để dạy bọn học sinh tiểu học, nào ngờ lại yêu phải vợ của tôi, vì vậy mới rời bỏ bộ lạc." Dahu chậm rãi nói với Hafay về chuyện quá khứ của anh với Millet, đèn xe như rọi thẳng về phía trước trên con lộ dài thoi thoải.

"Ở đây lái taxi tôi vẫn kiếm được kha khá, nhưng gần đây lại nghĩ, thôi đi. Cái hay của bộ lạc chính là, cho dù ta có quay lại đó bất cứ lúc nào, mọi người đều chào đón ta, cho dù ta có làm gì đi nữa, cũng để có thể miễn cưỡng sống được. May mà tôi còn có một người chú là Anu, hồi còn trẻ chú ấy cũng từng ra thành phố để học thạc sĩ. Một năm nọ khi về bộ lạc, chú nghe nói một miếng đất rất đẹp của bộ lạc sắp bị một nhà đầu tư mua để xây tháp hài cốt. Chú bèn tìm mọi cách để mượn bạn bè một ít, rồi vay ngân hàng một ít, mua ngay miếng đất ấy. Chú xây một nơi gọi là 'Giáo đường rừng rậm' ở trong đó, để du khách đến tham quan. Chú dạy du khách cách người Bunun trồng hạt kê, đi săn và xây nhà. Chú làm vậy được ít lâu rồi. Khi có thời giờ rảnh về đây tôi cũng giúp chú một tay, giờ thì dứt khoát dọn về đó ở, Umav cũng có các bạn nhỏ để mà chơi."

"Câu chưa từng nói điều này với Alice?"

"Vẫn chưa. Chuyện mới quyết định gần đây thôi mà." Mọi thứ đều mới bắt đầu xảy ra. Hafay nghĩ vậy.

Đến được bộ lạc thì trời cũng đã tối. Dahu lay nhẹ Umav cho cô bé tỉnh, bạn bè trong bộ lạc giúp mọi người chuẩn bị đồ ăn không chỉ cho Hafay và Dahu, mà cho cả vài người trong tộc đến bờ biển gần đó để dọn vệ sinh bờ bãi vừa về.

Lúc đó có một người trung niên chắc nịch, thấp lùn nhỏ con, mang nụ cười như trẻ con và sống đến bây giờ, đến vỗ vỗ vào vai Dahu, Dahu sẵn đó giới thiệu Hafay cho ông.

"Anu, người Bunun." Dahu chỉ vào Hafay: "Hafay, người Ami."

Anu rất biết nói chuyện, ông đã thành công trong việc khiến cho Hafay phải nghe ông nói chuyện trong khi cô rơi vào trạng thái buồn bã, không muốn nghe gì nữa. Ông nói về những chuyện đại loại như năm xưa tại sao lại cất Giáo đường rừng rậm, trải qua bao nhiêu khốn đốn, đến bây giờ vẫn còn nợ bao nhiêu tiền, ngân hàng nhiều lần định đến tịch biên ngôi nhà của ông.

"Rất nhiều lần, ngôi nhà của tôi suýt bị phát mại rồi đấy."

"Vậy tại sao vẫn chưa bị phát mại?"

"Không ai mua, ai muốn mua chỗ này chứ, chỗ này chỉ có người Bunun mới chịu ở mà thôi, hahaha... coi như ngân hàng xui xẻo vậy. Tên nhân viên ngân hàng mà quyết định cho tôi vay ấy, nghe nói sau đó bị đuổi cổ mất. Hahaha..."

Hafay không nhịn được nên cũng cười theo.

"Người cho Anu mượn tiền, chỉ có hai loại, một loại là người tốt, một loại là thằng ngốc," Dahu nói.

Sau khi Anu uống say thì nằm lăn ra đất không nhúc nhích cục cựa, còn bạn bè thân thích lần lượt về nhà. Dahu dẫn Hafay đến phòng dành cho khách, một căn có hai giường đơn, Hafay ngủ một giường, Umav ngủ giường còn lại.

Trong đêm, Hafay nằm trên giường nhưng không ngủ được. Nào ngờ Umav cũng không ngủ được, cô bé ngồi trên giường, nhìn ánh trăng bên ngoài.

"Dì Hafay, dì có muốn đi dạo ở Giáo đường rừng rậm không?"

"Giáo đường? Bây giờ?"

"Dạ đúng vậy, bây giờ nè."

"Có chìa khóa không?"

Umav nhìn Hafay với vẻ rất ngạc nhiên. "Rừng làm gì có chìa khóa."

Họ đi đến cuối con đường, vòng qua một vùng đất cao nhìn xuống thung lũng, tới đứng ở vị trí có hai gốc cây lớn, Umav nói, "Đây chính là cổng." Hafay mới biết rằng mình hoàn toàn nhầm lẫn, thì ra Giáo đường rừng rậm chỉ là một mảnh rừng, không có cổng, không có tường vây. Hai người đứng trước mặt nó, giống như vừa biến thành hai con vật.

"Dì còn tưởng rằng nó là một giáo đường thật sự nữa kìa."

"Thế nào gọi là giáo đường thật sự, giáo đường cũng có loại giả mạo nữa à?"

"Dì không có ý đó..." Hafay nói: "Trong đó có gì?"

"Có những thân cây biết đi," Umav nói.

16. Hafay

"CÓ MỘT CÔ GÁI, mỗi lần ra ruộng nhất định là phải xách theo một cái giỏ lớn, cô không cho người khác dòm lén, rất bí mật. Nhưng hàng xóm của cô thì cảm thấy rất kỳ quặc, tại sao một cô gái khi làm việc ở dưới ruộng, đều có một chàng trai tuần tú giúp cô trông trọt? Do đó họ đã lén méc với Ina của cô gái."

"Cô ấy trông gì vậy?"

"Hạt kê."

"Cha cháu nói hạt kê ở đây không cần phải trồng, rải sạ hạt giống ra đó là được rồi."

"Chắc có lẽ đất chỗ cô gái ấy phải trồng mới được, giả tí đại loại như là nhật đá này, vỡ đất lên này."

"Cháu đoán là cô ấy nhất định không thừa nhận là có người khác."

"Đúng vậy, Umav thông minh. Ina của cô gái có hỏi gì đi nữa, thì cô gái cũng không thừa nhận, Ina bèn đoán là trong giỏ của cô gái có thể có gì đó kỳ quặc. Một hôm nọ, cô gái ngã bệnh nằm trên giường, nên tiện tay đặt chiếc giỏ bên cạnh gối nằm, Ina hiểu kỳ thừa lúc con gái đang ngủ say giỏ nắp giỏ ra xem, trong đó có một con cá dài 2 foot rộng 7 inch."

"Vậy là bao lớn?"

"Lớn như thế này này." Hafay lấy tay ra dấu độ dài của con cá, Umav tỏ vẻ cũng tạm hài lòng. "Ba cháu từng câu được con cá còn to hơn thế nữa."

"Ina của cô gái bèn đem nấu con cá ấy, một mình ăn hết sạch con cá, rồi bỏ đồng xương cá trở lại chiếc giỏ. Cô gái tỉnh dậy, phát hiện con cá mất rồi, bèn đi hỏi Ina, 'Con cá của con đâu?' Ina rống giọng gắt gỏng lên mắng cô gái: 'Đồ con bất hiếu, mấy hôm trước già *mochi* mà không có thứ gì để ăn cùng, còn mày lén lút cất một con cá cho mình mày, tao tức chết được.' "

"Cô gái cũng rất giận đúng không, vì mẹ cô hiểu nhầm cô."

"Có lẽ cô gái cũng giận mẹ, cũng có thể là vì nguyên nhân khác. Dù sao thì, cô gái nghe xong cảm thấy rất đau lòng, bèn nuốt trọng đồng xương cá ở trong giỏ, sau đó chết đi. Thì ra chàng trai tuần tú kia là do con cá biến thành."

"Tại sao không phải là một chàng trai tuần tú biến thành một con cá chú?" Umav nói.

"Có lý hé. Đây là một câu chuyện mà Ina kể cho dì nghe, dì quên hỏi bà ấy như thế, Umav thật là thông minh."

Dahu ở bên cạnh không nhịn được cười, người Ami và người Bunun thật là giỏi bịa ra những câu chuyện. Hồi nhỏ Dahu từng hỏi cha:

"Những câu chuyện của cha là do ai kể cho vậy?"

"Người già kể."

"Vậy câu chuyện mà người già nghe là do ai kể vậy?"

"Những người già hơn cả người già kể."

"Nhưng, những người già hơn cả người già cũng từng là trẻ con đúng không?"

"Đúng."

"Do đó họ cũng nghe kể chuyện."

Cha của Dahu nghĩ ngợi một lúc, nói: "Dahu nói đúng. Những người già hơn cả người già cũng đều từng là người trẻ. Câu chuyện có thể đưa những đứa trẻ đến những nơi mà chúng chưa từng đến, cũng có thể kể cho chúng nghe những câu chuyện xảy ra với những người già hơn chúng nữa."

Dahu phát hiện, khi nghe Hafay kể chuyện Umav tỏ ra rất chăm chú. Đó là thái độ mà cô bé không có được khi nghe người khác kể chuyện. Có vẻ như cô bé rất tin tưởng Hafay. Ngày đầu tiên Hafay đến ở đó, Dahu vốn có chút lo lắng, nhưng hôm sau nghe nói nửa đêm Umav dẫn cô ấy đến Giáo đường rừng rậm, thì Dahu đã yên tâm hơn. Vì anh biết, cây cối ở trong rừng ấy sẽ đánh thức sự hoảng sợ, lòng tôn kính và sự thận trọng, và những ai đã nhìn thấy những cây cối ấy thì sẽ không còn muốn tự sát nữa.

Mấy ngày nay Dahu đi đi về về giữa bộ lạc và thị trấn Heaven không biết bao nhiêu lượt. Mùi xác thối trên tuyến đường bờ biển càng lúc càng nghiêm trọng, và có cảm giác đặc biệt ngọt ngào. Dọc theo bờ biển, có một đoạn rất dài người ta đã đặt những trụ chắn sóng từ rất lâu rồi, do đó việc dọn dẹp vệ sinh trở nên đặc biệt khó khăn. Những đoàn thể môi trường ở trường đại học và trường cấp ba của miền Đông tham gia vào công tác vệ sinh bờ biển, suốt đoạn đường đều có thể trông thấy những thanh niên tiếp sức chở rác đi. Nhưng xe cộ vốn không đủ, nên xem ra có lẽ không thể nào trả lại được cho đường bờ biển quang cảnh như cũ trong một thời gian ngắn.

Bạn thời cấp hai của Dahu là Ali quản lý cấp cơ sở của một công ty nước biển sâu. Cậu ấy cũng đến hiện trường để quan sát điều tra. Cậu mang một cái khẩu trang chống độc kiểu mới, nói với Dahu: "Để tôi nói cho cậu nghe nhé, tuy là báo chí vẫn chưa đưa tin, chứ thực ra thì có khoảng hơn chín mươi phần trăm máy bơm và đường ống của công ty hỏng hết rồi. Trong khoảng thời gian này vực xoáy rác đã phủ kín lên đường ống, chúng tôi đã đặt máy quay xuống đáy biển, cậu nhìn thấy sẽ hết hồn cho coi, đáy biển thảm hại ghê gớm lắm."

"Còn nghiêm trọng hơn cả những gì mà ủy ban huyện nói nữa sao?"

"Dahu, đầu cậu hỏng rồi hay sao, ủy ban huyện mà nói ra sự thật cho cậu nhờ à. Thực sự mà nói, tôi rất lo chủ công ty bỏ trốn, rồi bỏ mặc đồng ống dẫn ấy ở dưới biển chẳng thèm quan tâm tới nữa."

"Người khác không dám nói, tôi tin là chủ của các cậu chắc chắn sẽ dám."

"Mẹ kiếp, nói chưa biết chừng sẽ có một ngày đến huyện trưởng cũng bỏ trốn cho coi."

Còn về phía cư dân ở ven biển, biển cả từng có một sức mạnh khơi dậy sự sợ hãi và thay đổi vận mệnh, nhưng giờ thì nó mất răng nanh, biến thành một người già thần sắc kiệt quệ. Ngọn gió thốc dậy những chiếc túi ni lông nhẹ đã được ánh nắng hong khô, chúng giống như một loài hoa, một loài hoa có mùi xác thối không thể nào chịu nổi. Trong khoảng thời gian sống ở thị trấn Heaven, Dahu luôn có cảm giác như mình đã trở thành một nửa người Ami, nên ngay lúc này đây trong lòng anh không khỏi lo lắng cho sự sinh tồn trong tương lai của những người bạn Ami của mình, cũng như cái văn hóa đánh bắt đã mai một từ lâu của họ.

Ali với tay nhặt lên một ống nhựa cứng có lẽ đã trôi dạt mấy mươi năm nay, nói: "Nói thiệt chứ bình thủy tinh dễ xử, chứ còn những thứ ống nhựa cứng sản xuất hồi giai đoạn đầu thực sự không biết phải làm thế nào. Cậu biết không? Mấy năm trước đây tuy là chính phủ đã đổ một số tiền lớn để làm giảm bớt rác trong vực xoáy rác, nhưng đó chỉ là phong bật thôi. Tại sao chứ? Vì sau khi dọn rác thì phải đem chôn ở đâu? Những xưởng thiêu đốt, xưởng chôn trên cả hòn đảo, cả những xưởng phân giải tiên tiến hơn, hoàn toàn không có khả năng tiêu hủy những thứ rác này. Cậu tưởng là Nghi Lan, Đài Bắc sẽ dễ dàng tiếp nhận đồng rác thải này sao? Mẹ kiếp nó. Nhật Bản và Trung Quốc đã đá bóng sang chân nhau rồi kìa, nhưng rác rến rất công bằng, giờ thì dòng hải lưu đã đánh tan vực xoáy rác, mọi người sẽ nhận lại được những gì thuộc về của chính mình."

Hôm đó, vào chuyến xe cuối cùng trước khi trời tối, Dahu phát hiện chiếc xe màu vàng tươi của Alice không còn ở chỗ cũ, có thể là đã được lái đi rồi chẳng? Đúng lúc đó điện thoại của anh reo, Dahu nhìn vào màn hình thấy Alice gọi tới.

"Dahu, anh có thể cho tôi mượn căn chòi đi săn của anh không?"

"Được thôi, nhưng đã lâu rồi không dùng tới nó, nó không bị hư chứ?"

"Không hư, cảm ơn anh."

"Cô định ở trong ấy à?"

"Uhm... cứ cho là vậy đi."

"Không thoải mái đâu, chỗ ấy?"

"Không sao, không sao đâu, tôi có lều, các loại đồ đạc leo núi đều có đủ hết, anh đừng lo. Đúng rồi, Hafay ổn cả chứ?"

"Ổn cả, nhưng, Sisid Thứ bảy sụp rồi."

"Tôi có nhìn thấy. Căn nhà trên biển cũng sẽ sụp thôi."

"Uhm, chắc có lẽ. Khi đến lúc thì thứ gì cũng sẽ sụp đổ thôi. Hiện giờ cô đang ở đâu?"

"Ở gần chòi đi săn của anh đây."

"Tôi có thể tới giúp cô không?"

"Không, không cần một ai giúp cả đâu. Dahu, anh nghe tôi nói này, tôi muốn yên tĩnh cho qua giai đoạn này, khi nào đến lúc thì tôi sẽ đi tìm anh."

Buổi tối về đến bộ lạc, Umav khoe với Dahu rằng hôm nay đã đưa Hafay đi xem những thân cây biết đi. "Ban ngày và buổi tối khác nhau." Những thân cây được cho là biết đi thực ra là họ cây đa cây si, đặc biệt là loại si. Vì những chùm rễ trên nhánh cây sẽ thông xuống mặt đất, rồi trở thành rễ chống cây. Hồi trước người trong bộ lạc thường trồng cây này để làm ranh đất, nhưng sau đó phát hiện là những cây này biết đi.

"Mùa xuân năm sau, tôi bao đứt là cô sẽ hoảng hồn cho coi."

"Cậu nói trong rừng cây?"

"Đúng vậy."

"Sẽ có bướm bướm," Umav xen lời.

"Đúng vậy, sẽ có bướm bướm. Vào mùa đông chỗ này sẽ có một số loài bướm có đốm tím tụ tập, có một đạo, nhộng màu ánh kim có mặt ở khắp nơi. Qua một thời gian thì nhộng lột xác mọc cánh, waaaa... cả một bầy bướm bướm cánh con này chồng lên cánh con kia, nhìn rất bắt mắt."

"Thật vậy sao, vậy năm tới phải tới đây xem thử."

"Cô có thể sống ở đây mà. Bộ lạc của chúng tôi cũng thiếu nhân lực, hiện nay thì khách du lịch đặc biệt tới đây không ít, chúng tôi đã sống nhờ vào khu rừng này và ngọn núi kia đấy."

Hafay không tiếp lời. Lời vừa buông ra khỏi miệng, Dahu có cảm giác hơi lỗ mãng, nhưng cũng không còn cách nào khác, vì cũng đã nói ra rồi.

Vài hôm sau, lúc Dahu đến căn nhà truyền thống trước Giáo đường rừng rậm để sắp xếp, bỗng bắt gặp Hafay mất ngủ. Hai người họ vừa buộc bắp lên cửa sổ để phơi khô, vừa nói chuyện phiếm. Vì suốt một tuần lễ Dahu đều ở bên bờ biển để giúp đỡ vận chuyển rác rến, nên anh mệt nhừ mệt nhả. Hafay cảm nhận được điều này, nói:

"Mệt lắm phải không?"

"Uhm."

"Người quá mệt mỏi thì cơ thể sẽ phát ra một loại mùi." Cô đặt tay lên vai của Dahu, bắt đầu mát xa cho anh.

"Thật vậy à? Tôi chưa từng nghe ai nói vậy."

"Tôi chuyên nghiệp lắm, ha... trước đây tôi đã từng làm nhân viên mát xa ở thị trấn Heaven." Gió thổi qua Giáo đường rừng rậm, tiếng vù vù vù ở rất xa cũng có thể nghe thấy, lưng của Dahu cũng có cảm giác như gió thổi qua, toàn bộ gân cốt như được giãn ra. "Tôi thật sự từng có học mát xa đó nhé, Ina dạy tôi, sau đó cũng được học với nhiều cô trong tiệm. Tay có thể cảm nhận được rất nhiều thứ, những chỗ như khớp, gân có thể cảm nhận được giống như là bột nước vậy, như có một loài động vật sống nào đó chạy đi chạy lại trong đó. Người mát xa phải dùng đầu ngón tay, khuỷu tay, khớp xương, bằng mọi cách phải ấn mạnh vào đó, hoặc làm cho nó tan ra, không gạt cậu đâu, nhiều khi còn thấy khói đen bốc ra từ trong cơ thể. Nhưng nếu hít phải loại khí đó, ngày hôm sau thì sắc mặt của mình cũng trở nên tối hù luôn."

"Thật đó hả? Nghe có vẻ huyền hoặc."

"Đó là sự thật, không huyền hoặc chút nào đâu."

"Khách là những người như thế nào?" Dahu hỏi rất tỉnh.

"Là đàn ông. Toàn đến chủ yếu để quay tay, chứ mát xa chỉ là phụ thôi."

Dahu giật mình, không ngờ là Hafay lại thoải mái như thế. Thực ra, nhân viên mát xa ở thị trấn Heaven chia làm hai loại, một loại là nhân viên mát xa thuần túy, còn chủ yếu phần đông là loại kia, Millet thuộc vào loại này. Những gì Dahu đang nghĩ bụng chắc chắn đã bị Hafay nhìn thấy, anh tự dưng đỏ ửng mặt lên.

"Ây da, không sao đâu mà, cũng chẳng qua chỉ là kiếm tiền bằng sức lực của mình mà thôi."

"Cũng đúng." Dahu không biết phải phản ứng như thế nào, nên đã nở nụ cười, nói: "Thật ra tôi cũng đã từng đi." Vừa dứt lời, cảm thấy hình như mình lại vừa nói sai.

"Cậu từng nói mà, hôm ấy, lúc lái xe, cậu có nhắc đến Millet."

"Tôi từng nói rồi à? Haha, tôi cũng từng nhắc đến Millet với cô rồi sao?"

"Uhm. Đúng vậy, cậu có biết *Hafay* trong tiếng Ami có nghĩa là gì không?"

"Biết chứ, hồi lần đầu tiên tôi đến Sisid Thứ bảy, cũng định nói là tình cờ quá. Trong tiếng Ami, *Hafay* có nghĩa là hạt kê."

Không hề báo trước, *Hafay* hát lên, tiếng hát ấy rất giống với tiếng khóc của một loại thực vật. Lời ca là do *Hafay* ứng tác ngẫu hứng, bằng tiếng Ami.

Một thứ nhỏ như hạt gạo, không cẩn thận là sẽ bị quên mất,

Một thứ bị gió thổi sẽ rơi ngay,

Bị chôn dưới những đám mưa tháng tám.

Khi anh đi ngang qua,

Đồng hồ trên cổ tay tôi vừa đúng lúc 6 giờ 10 phút,

Đó chính là lúc hạt kê sắp chọc mầm.



"Khi người khác hỏi, 'Hôm nay thời tiết trên biển trong lành không?' Cô nghe thấy. Và khi cô đã nghe thấy, thì đều phải trả lời rằng 'Rất trong lành' ."

"Cho dù trời có mưa lớn thế nào cũng phải trả lời như vậy hả?"

"Đúng vậy."

17. Câu chuyện về đảo của Atile'i

"TÔI LÀ LUSU KEDIMA ATILE'I," tôi nói: "Cô có thể gọi tôi là Atile'i."

"Tôi là Alice." Tôi đoán là cô nói thế.

Alice mang đến một ít thức ăn và một căn nhà tạm thời. Căn nhà này có hơi nóng bức nhưng được cái nó không thấm nước mưa, có hơi giống với căn nhà tự làm của tôi ở trên đảo. Cô xát một loại thuốc có mùi kỳ lạ lên vết thương của tôi, rồi bảo tôi nuốt một vài thứ khác.

Cô ở một căn nhà gỗ, tôi ở căn nhà tạm. Ban đầu cô định cho tôi ở trong căn nhà gỗ, nhưng căn nhà gỗ thì tốt hơn, vì cô cứu sống tôi, nên tôi không thể ở chỗ tốt hơn cô được. Điều này không phải với đạo lý của người Wayo Wayo, không hợp với quy tắc của người Wayo Wayo. Ban đầu, cô hoàn toàn không hiểu những gì tôi nói, nhưng dần dần chúng tôi hiểu được vảy của lời nói, đuôi của lời nói, mắt cá của lời nói của người kia.

Con vật có màu đen trắng kỳ lạ kia được gọi là "mèo," Alice gọi nó là Ohiyo. Tôi muốn hỏi cô, "Nó có nghĩa là gì?" Sau khi cô đoán trúng điều tôi muốn hỏi bèn nói một thôi một hồi dài sọc, nhưng không khó đoán được, nghĩa là tảng sáng sau khi thức dậy gặp một ai đó, thì chào người ấy như thế.

"Ohiyo." Tôi học nói, cảm thấy có hơi trep lười, con mèo nghe thấy tôi gọi nó, nhưng không thèm quay đầu nhìn lại và bỏ đi.

"Còn các cậu? Người Wayo Wayo thì nói như thế nào?" Tôi đoán là cô muốn hỏi vậy, tôi đã từng nói cho cô ấy biết đảo của chúng tôi tên là Wayo Wayo.

"i-Wagoodoma-siliyamala."

"Nghĩa là gì?" cô nhún nhún đôi vai, tôi đoán điều này cũng giống như cách của người Wayo Wayo vậy, có nghĩa là không hiểu.

Tôi lấy tay chỉ ra đằng xa ngoài biển, sau đó lấy hai tay dang ngang bằng ra, để nói rằng biển rất yên bình. Hôm nay biển trông có vẻ yên tĩnh và thần thánh, giống như một con vật đang ngủ say, một con cá voi chết. "Hôm nay biển rất trong lành."

"i-Wagoodoma-siliyamala."

"i-Wagoodoma-siliyamala." Cô lặp lại câu nói mà lưỡi có vẻ khó khăn.

Hình như Alice không quen với cuộc sống như thế này, tôi nhận thấy ban đêm cô không ngủ được. Cô có một cái hộp rất kỳ lạ, bấm vào thì một phần của thế giới sẽ bị thu vào trong ấy, giống như một đôi mắt biết ghi nhớ vậy. Cô dùng nó để thu "hình ảnh" của hoa, sâu và một vài loài chim vào trong chiếc hộp ấy, sau đó đối chiếu lại với sách. Trong những quyển sách ấy, cũng có những "hình ảnh" của những hình ảnh mà cô trông thấy. Tôi cũng muốn vẽ những hình giống vậy, những bức hình giống như ảnh của một thứ thật sự.

Cô cũng đem đến những thứ được gọi là "bàn" và "ghế," đặt ở phía ngoài căn nhà gỗ, khi thời tiết đẹp, cô ngồi ở đó lấy bút (cuối cùng tôi cũng biết được que nhỏ mà tôi dùng để vẽ hình ở trên đảo được gọi là "bút") để viết những chữ giống như trong sách, hễ viết là viết rất lâu rất lâu, và những lúc ấy, mắt cô đang mơ mộng.

Tôi hỏi cô đang viết gì, cô nói rằng mình đang "viết một câu chuyện."

"Viết câu chuyện để làm gì chứ?"

"Viết câu chuyện đi cứu một người," tôi đoán là cô nói thế.

Cô thích nhìn những bức hình trên da của tôi, rồi hỏi tôi chúng có ý nghĩa gì. Tôi kể cho cô nghe câu chuyện của mỗi một bức hình, câu chuyện trên vai, câu chuyện trên lưng, nhưng tôi không biết là rốt cuộc cô có hiểu những câu chuyện của tôi không. Những bức hình trên da có cái đã rất mờ rất mờ, tôi đã vẽ lên đó một hình khác, hình bên trái bụng là bức hình vẽ lại việc cô cứu tôi ngày hôm ấy. Tôi dùng bút cô cho tôi, vẽ khi tôi bị đất bắt chặt, và cô trong mắt tôi, cây cối ở phía sau lưng cô. Đôi mắt cô xem hình với vẻ rất thương tâm.

Cô cho tôi ăn những loại thức ăn mà tôi chưa từng được ăn qua. Tôi cũng dần quen thuộc với hình dạng của núi, nên khi chân bắt đầu khỏe được một chút, tôi thử lấy cây cối để cải tạo cho căn nhà được lớn hơn một chút. Tôi dựng thêm một cái mái ở mặt trước căn nhà, như thế này thì cho dù trời có mưa thì cô ấy cũng có thể viết chữ được.

Nhiều lúc tảng sáng Ohiyo mang về cua hoặc chuột đại loại vậy, đặt trên bực thêm trước mặt căn nhà gỗ. Tôi nghĩ điều đó có nghĩa là nó đem dâng cho Alice đây mà.

Vào lúc Alice không viết chữ, thì cô thích nói chuyện với tôi. Hồi mới đầu cả hai chúng tôi đều không biết người kia đang nói gì, nhưng dần dà thì càng lúc càng có thể "cảm nhận" được người kia đang nói những gì. Cô kể câu chuyện của cô, tôi kể những câu

chuyện của tôi, đảo Wayo Wayo, Rasula, mẹ tôi, thầy Quản biển và thầy Quản đất, và những con cá voi mắc cạn trên bờ biển. Cô có hiểu không, tôi thấy không quan trọng. Vì với người Wayo Wayo, lời nói có thể được theo dõi bằng việc nghe, bằng việc sờ, bằng sự tưởng tượng, bằng trực giác, như bám theo một con cá lớn vậy.

Tôi thích kể những câu chuyện của tôi, cũng thích được nghe Alice kể những câu chuyện của cô, tiếng nói của cô, và động tác cô vuốt ve Ohiyo. Sự thể hiện của Alice nhiều khi khiến tôi nhớ về Yina của tôi, nhiều khi khiến tôi nhớ về Rasula của tôi. Do đó, qua buổi sáng này rồi lại buổi sáng nữa, mưa không lớn lắm, khi chúng tôi ngồi trông ra biển, tôi nói với cô, "Để tôi kể cho cô nghe một chút về đảo Wayo Wayo, để cõi lòng cô hình dung ra được chút nào đó về hình dạng của đảo Wayo Wayo."

Đảo của chúng tôi là hòn đảo dững sĩ, là vùng đất mà những giấc mơ tụ tập lại, là điểm dừng chân của những đàn cá di trú, là tọa độ giữa mặt trời lặn và mặt trời mọc, là chỗ nghỉ ngơi của hy vọng và nước. Đất của chúng tôi được đan dệt bằng san hô, phân của loài chim biển phủ lên trên ấy, Kabang dùng nước mắt của ngài đọng lại thành những cái hồ nho nhỏ, chúng tôi sống dựa vào những cái hồ ấy.

Ngày xưa ngày xưa, tất cả mọi sự vật đều bắt chước lẫn nhau, hòn đảo bắt chước rùa biển, cây cối bắt chước đám mây, cái chết bắt chước sự sinh ra, do đó mà thế giới không khác nhau gì lắm. Còn tộc người chúng tôi thì xưa kia sống sâu dưới lòng biển, và xây dựng một thành phố ở dưới rãnh đại dương, Kabang ban cho chúng tôi một loài tôm phát sáng để làm thức ăn, để chúng tôi không cảm thấy buồn chán và thiếu thốn. Nhưng chúng tôi là loài thông minh nhất dưới biển, chúng tôi nhận thấy dưới biển có rất nhiều thứ ngon hơn tôm phát sáng, thế là chúng tôi sinh sản không ngừng, tùy tiện bắt ăn, di trú, nới rộng thành phố, không một chút tiết chế nào, hầu như đã đuổi cùng giết tận mọi loài sinh vật sống dưới nước ở lân cận, cuối cùng đã chọc giận Kabang.

Kabang quyết định trừng phạt chúng tôi. Vào một đêm nọ, núi lửa ở hai mé đại dương phun trào, lớp đất bụi dưới biển tung lên phủ lấp thành phố, vì vậy tổ tiên của chúng tôi đã trôi lên mặt nước. Nhưng có một đàn cá dosi dosi bơi ngang quá, vảy của chúng rất sáng, hầu như làm hỏng hết cả mắt của tổ tiên chúng tôi, những người tổ tiên mù mắt không biết phải đi về đâu. Trong tộc chỉ có một số ít người không bị mù, họ đảm đương trách nhiệm chăm sóc cho những người mù. Trong đó dững sĩ Salinini đâm được một con cá dosi dosi cho người già trong tộc ăn, bỗng phát hiện trên mỗi một miếng vảy cá đều có những ấn ký của Kabang vô cùng rõ ràng. Bấy giờ thì người trong tộc mới nhớ lại, chắc chắn là người trong tộc đã chọc giận Kabang, nên ngài mới dùng cách này để trừng phạt chúng ta, giờ đây chỉ còn cách cầu khẩn sự độ lượng tha thứ của ngài, thì mới hòng có cơ hội sống sót. Dững sĩ Salinini quyết định bơi một mình

ra cửa biển ở tận cùng chỗ giữa mưa và sương, chui qua phía bên kia của cánh cửa nghe nói là có một hòn đảo thực, chính là nơi ở của Kabang. Salinini muốn đến bên đó để cầu khẩn Kabang, mong nhận được sự khoan hồng tha thứ, để ngài ban lại cho mọi người trong tộc một vùng đất sinh tồn.

Salinini bơi trong khoảng thời gian mấy ngàn lần mặt trời sinh ra rồi chết đi. Da của anh tuột mất, anh mất khả năng nghe, vây lưng rơi mất, mà cầu vồng vẫn ở mãi đằng xa. Kabang thông suốt mọi điều cuối cùng cũng cảm động bởi Salinini, thế là ngài quyết định cho người trong tộc một cơ hội, ngài nói:

"Ta có thể chấp nhận cho các người một hòn đảo, nhưng dân số của tộc các người không được vượt quá số lượng cây cối trên đảo. Còn các người, mãi mãi mất đi khả năng sống lâu dưới nước, mất đi biển cả tự do mệnh mệnh vô biên, các người sẽ cảm nhận được sự cô độc khi bị biển cả giam cầm, sự hoảng sợ khi bị chìm chết. Từ vị trí là bạn tốt thì biển sẽ biến thành kẻ sát nhân, người cung cấp sẽ trở thành thù địch, nhưng các người vẫn cứ phải dựa dẫm vào nó, tin tưởng nó, sùng bái nó. Các con của ta à, tiếng hát của ta vẫn sẽ biến thành nước mưa, ánh nhìn chăm chú sẽ biến thành sấm chớp, và suy nghĩ của ta cũng sẽ hiện diện ở khắp mọi nơi như nước biển vậy, mỗi một lời nói mà ta nói ra đều sẽ biến thành tất cả mọi sinh linh dưới biển, theo dõi các người, cảnh cáo các người."

Thế là, tổ tiên của chúng tôi dời từ dưới đáy biển lên mặt biển, sống ở đảo Wayo Wayo, và lời phán trên trở thành lời khẩn quan trọng trong những buổi tế biển của chúng tôi.

Không biết đã trải qua bao nhiêu năm, một hôm nọ, có một con chim khổng lồ bay lên đảo, nó lấy mỏ rĩa lông cánh của mình, rơi xuống bảy con chim nhỏ. Bảy con chim nhỏ này mỗi con đều dẫn dắt một gia tộc, dạy cho tổ tiên chúng tôi kỹ năng mới để mưu sinh trên đất liền. Khi những con chim bay đi, mỗi con để lại một con mắt, buộc mỗi gia tộc phải chia nhau trông giữ. Vào những ngày sấm sét giao nhau, bảy con mắt cũng nứt ra, hai con mắt mỗi con nở ra một cánh tay, hai con mắt khác mỗi con nở ra một cái chân, một con mắt nở ra một cái đầu, một con mắt nở ra thân mình, một con mắt nở ra bộ phận sinh dục... bảy con mắt hợp lại thành một người đàn ông ngăm đen, cao lớn, có khuôn mặt u sầu, người con trai ấy tự xưng là thầy Quản biển.

Thầy Quản biển có thân hình rất cao, đôi mắt như loài cá không bao giờ khép lại kể cả trong lúc ngủ, khi lặn xuống biển ngài đã ghi nhớ dãy núi dưới đáy biển và đường mạch của thung lũng, sự ban bố của khu rừng hải tảo khổng lồ, đồng thời cũng biết rõ những hòn đá nào mà ta có thể hít được không khí từ khe đá khi lặn xuống nước ở gần đảo Wayo Wayo. Thậm chí ông còn có thể dự đoán được tâm trạng của biển đang vui vẻ hay đang đau buồn, đang hưng phấn hay đang ưu sầu, dự đoán có mưa hay dòng

hải lưu. Mỗi ngày ông đi quanh hòn đảo ba lần, và bảo rằng cần phải lắng nghe những tin tức được đưa đến từ mỗi một con chim biển, mỗi một ngọn gió biển, mỗi một cái vỏ sò. Ông từng nói, mỗi một con cá voi mắc cạn đều để lại những di ngôn đáng quý, nó có liên quan đến vận mệnh và tương lai của hòn đảo. Ông biết được mỗi một vùng biển và mỗi một bờ biển đều có những mùi vị, hình ảnh và ánh sáng đặc trưng của nó, tri thức của ông đến từ loài thủy tộc di trú, do đó không nơi nào mà không đến được; lời chú của ông thì độc nhất vô nhị như là mỗi một sợi lông, không thể nào bắt chước được. Bởi vì những tin tức mà sóng biển mang lại vừa dày đặc lại vừa mong manh, do đó thấy Quần biển thường đứng ở bờ biển, đứng yên như một gốc cây, không uống không ăn và cũng không cười, mái tóc bị mặt trời đốt vàng hoe sáng lên lấp lánh.

Nhưng bắt đầu từ lúc đó, ngôi vị thầy Quần biển không còn được truyền theo dòng họ nữa, mà được thay thế bằng dạy dỗ. Con cái của thầy Quần biển và thầy Quần đất không được gọi cha của họ là cha, vì thầy Quần biển là thầy Quần biển của chung một hòn đảo, không còn thuộc về của riêng một gia tộc, hay là cha của một vài đứa con nữa. Thầy Quần biển và thầy Quần đất có thể chọn bất kỳ một đứa trẻ nào trên đảo, dạy cho chúng biết tất cả những bản lĩnh của mình. Vì lý do một đứa trẻ chưa chắc sẽ lớn lên, do đó họ cũng không chỉ chọn duy nhất một đứa trẻ để dạy dỗ. Cha của tôi chính là thầy Quần biển, để trở thành thầy Quần biển cần phải tiếp nhận tất cả mọi huấn luyện của thầy Quần biển, tôi và người anh sinh đôi của tôi cùng với năm đứa trẻ khác trên đảo tiếp nhận sự huấn luyện của thầy Quần biển, học tất cả những gì có liên quan tới biển.

Cha tôi từ nhỏ đã khiếm khuyết một chân, nhưng bẩm tính ông vốn thông minh lanh lợi, trong khi bị nhiều người trong tộc coi thường, ông vẫn nhận được sự coi trọng của thầy Quần biển. Ông tự biết mình tàn tật, do đó cố gắng luyện tập kỹ năng bơi lội nhiều hơn nữa, cho đến nỗi chân kia mọc đầy con hà. Ông lấy một đoạn xương cá voi làm gậy chống, cho dù ông chỉ có một chân nhưng kỹ năng bơi lội của ông thì người trên đảo không ai có thể bì được, giống như một chân ấy chính là đuôi và vây của ông vậy.

Nghe nói mỗi một đời thầy Quần biển, sau khi kế nhiệm đều được nhận một tấm hải đồ từ người thầy Quần biển đời trước, tấm hải đồ ấy được giấu dưới tấm da lưng, là một sự tích lũy trí tuệ, do Kabang chỉ dạy. Nó sẽ thay đổi theo thời gian, thể hiện biểu hiện biển gần đảo Wayo Wayo mỗi thời mỗi khác. Nhưng, cả hòn đảo và thầy Quần biển đều phải nhận lãnh một cơn đau cực lớn thì tấm hải đồ mới hiện lên. Khi đảo Wayo Wayo không đánh bắt được, sắp đối mặt với nạn đói, thầy Quần biển sẽ đi một mình đến chỗ không có ai, nghĩ ra một cách chịu khổ, bởi chỉ khi linh hồn tiếp cận cái chết, thì tấm hải đồ ấy sẽ hiện ra, và ngư dân sẽ theo chỉ dẫn của tấm hải đồ để đánh được cá.

Mỗi năm khi đàn cá di cư đến, thầy Quản biển sẽ dẫn bảy con thuyền đánh cá đại diện của bảy bộ lạc ra biển để tiến hành lễ tế biển. Mặt thầy Quản biển úp xuống biển và trôi lêu bêu một ngày một đêm, thông báo cho các loài thủy tộc dưới đáy biển, và cảm ơn chúng đã hy sinh thân mình để nuôi sống người dân Wayo Wayo. Còn ngư dân Wayo Wayo đại diện cho các bộ lạc thì lần lượt bủa lưới, nhưng không được bủa trướng bất cứ loài thủy tộc nào, để thể hiện lời thề không đánh bắt bừa bãi.

Thầy Quản biển hiểu được tất cả sự việc của biển, nhưng phần lớn thời gian ông toàn nói lộn đầu lộn đuôi, như sóng biển vậy, thông thường người ta không thể nào nắm bắt được. Người già trong tộc nói, thầy Quản biển đầu tiên đã bắt chước tiếng chim biển để sáng tạo ra tiếng Wayo Wayo, ông có thể miêu tả được hơn ngàn loại sóng biển, từ những nếp gấp lăn tăn đến những đập dừ dợn sóng, những bọt biển sáng nhoáng như dầu cá voi hay lấp lánh như những ngôi sao, là con sóng dài được gió thổi tới hay là dòng chảy ngầm do một đàn cá bơi ngang qua, được sinh ra từ bãi cạn hay đến từ núi lửa sâu dưới biển. Hình dạng của sóng biển cũng phức tạp như các loài thủy tộc, âm thanh của loài chim biển thì tai người bình thường không nghe được, do đó đối với người bình thường thì nó khó biết đường bao. Thầy Quản đất chính là người khiến cho loại ngôn ngữ này có thể hiểu được, ông là thợ săn, thủy thủ và người thuần phục ngôn ngữ.

Hồi còn nhỏ, cha tôi kể rằng, ngày xưa ngày xưa lắm, thầy Quản đất cũng chính là thầy Quản biển. Mãi cho đến một ngày nọ, một thầy Quản biển đương nhiệm nào đó đã sinh đôi hai cậu con trai, hai đứa trẻ này chui ra từ đường sinh sản của người mẹ cùng một lúc, không có trước và sau. Một đứa thì hai mắt một đen một xanh dương, đứa kia thì hai mắt màu nâu vàng của đất. Hai đứa trẻ đều thông minh và lanh lợi như nhau, nhưng lại có tài năng thiên bẩm khác nhau. Thầy Quản biển biết được rằng chỉ hiểu mỗi một tri thức về biển thôi thì không đủ để người Wayo Wayo sống tốt, do đó mà Kabang đã ban cho ngài hai đứa trẻ, không có đứa nào là con trai thứ cả. Đứa trẻ có con mắt màu xanh nước biển kế thừa tri thức về thiên nhiên bất kham và biển, còn đứa trẻ có đôi mắt nâu vàng kia thì tuyên bố rằng mình nắm bắt được phép thuật làm cho biển hóa thành lục địa. Ông ta tìm thấy một loại bình trong suốt và rắn chắc (sau đó khi tôi bị mắc cạn trên đảo ấy, thì loại bình này có mặt khắp nơi), có tất cả là ba cái, ông ta đựng đầy vào đó những lông mu của trinh nữ, ruột heo và một ít đất phì nhiêu nhất trên đảo. Ông mang cái bình đến bờ biển, một mình rảo quanh đảo chín mươi chín lần, trong khoảng thời gian đó, những ngôi sao không chuyển động, biển cũng không nổi gió bão gì, cây cối trên đảo thì ngược lại sinh trưởng dữ dội. Thầy Quản đất tuyên bố, đảo đã đủ lớn, cây cối con vật đã sinh sôi phồn thịnh như vậy, người Wayo Wayo sẽ không còn tham lam gì nữa. Ngài đập bể cái bình thành rất nhiều những

mảnh cỡ mắt của con cá, đồng thời định ra một luật lệ. Do đất có thể sinh sống nuôi dưỡng trên đảo có hạn, do đó mỗi một gia đình chỉ có thể có một người con trai, nên người con trai thứ khi đến tuổi đầy một trăm tám mươi lần trăng tròn, sẽ một mình chèo chiếc *talawaka* ra biển, và không bao giờ quay trở lại nữa, cho dù có là con của thầy Quản biển hay thầy Quản đất cũng vậy.

Ngoài khả năng thiên phú về ngôn ngữ, thầy Quản đất vẽ rất đẹp, những bức hình mà ông vẽ đều giống như những việc thực sự đã xảy ra. Hoặc giả, sau khi những chuyện đã thực sự xảy ra được ông vẽ lại, thì nó lắng lại không còn nhúc nhích cục cựa gì nữa. Thầy Quản đất còn giỏi làm nhà, ông dạy cho người Wayo Wayo biết lấy cỏ, da cá và đất, và dùng keo cá dán dính lại. Keo cá được làm từ mắt cá, da cá, xương cá, vảy cá, đem tất cả nấu cho đến khi trở thành một thứ có màu sắc giống như nhựa cây vậy. Có lẽ vì trong đó có mắt cá, nên khi dán vào vị trí nào cho dù có là ánh mặt trời hay ánh trăng rọi vào thì chỗ đó cũng đều sáng lấp lánh, tựa như có những linh hồn ẩn nấp ở trong ấy. Nhà của người Wayo Wayo chỉ có một số ít vị trí cần phải dùng tới gỗ, vì gỗ rất quý. Thầy Quản đất thường nhắc nhở chúng tôi, hòn đảo không lớn, và những thân cây quý giá ấy thì mọc rất chậm, do đó chúng có trí tuệ cao hơn con người, không nên tùy tiện đốn chúng xuống và làm những đồ vật chỉ có mình mới sử dụng được.

Từ mà thầy Quản đất thường dùng nhất là *gesi*, từ này mang rất nhiều nghĩa trong tiếng Wayo Wayo, nhưng chủ yếu là dùng để hình dung một thứ gì đó không thể hiểu được. Ông thường nói, *gesi gesi, gesi gesi*. Thầy Quản đất nói khắp nơi trên thế giới này đều là *gesi*, cho dù là thầy Quản biển hay thầy Quản đất gì cũng không hiểu được.

Ngày tôi rời khỏi đảo Wayo Wayo, thầy Quản đất và thầy Quản biển - cha tôi, nhà tiên tri, một bậc trí thức - đều cùng nhau đến chủ trì buổi lễ rời khỏi đảo của tôi. Vì tôi là con trai thứ, con trai thứ đảo Wayo Wayo đại diện cho mạo hiểm, không thể trưởng thành, là vật tế cống thần linh.

Vô tình, tôi bị mắc cạn trên hòn đảo Gesi Gesi. Gesi Gesi là cái tên do chính tôi đặt cho hòn đảo, có nghĩa là một hòn đảo với rất nhiều thứ khó hiểu. Tôi thấy vô số điều *gesi gesi* trên hòn đảo Gesi Gesi, thậm chí còn tận mắt chứng kiến sự hình thành của một hòn đảo: đầu tiên là một làn khói đen từ mặt biển bốc lên, kế tiếp là ngửi thấy mùi lưu huỳnh, nham thạch liên tục phun trào trong khoảng thời gian mấy mươi lần mặt trời và mặt trăng đổi chỗ nhau, nước biển sôi sùng sục, phát ra tiếng kêu ùng ục, bụi núi lửa bay ra khắp nơi, sau đó sấm chớp phát ra từ những đám mây, một hòn đảo mới từ từ trỗi lên khỏi đầu những con sóng.

Thế có tên thần Kabang, tôi đã thực sự tận mắt chứng kiến sự ra đời của một hòn đảo.

Đảo Gesi Gesi trôi mãi trôi mãi, không biết trải qua bao lâu, mãi cho đến lúc đến gần đảo của các người, tôi phát hiện ra có người đã lên đảo Gesi Gesi, nên đã vội vã lặn xuống biển, kết quả là đã được biển đưa đến đảo của các người. Đồng thời thật may mắn cho tôi là đã gặp được cô, ân nhân của tôi.

Trong những ngày tháng trôi dạt ấy, tôi cứ thắc mắc mãi với Kabang là tại sao tôi lại là con trai thứ, còn anh trai tôi lại là con trai trưởng? Tại sao một cặp song sinh ra đời trên thế giới này chỉ cách nhau trong một khoảnh khắc chớp nhoáng ấy, mà số mệnh lại hoàn toàn khác nhau? Khi mẹ mang thai chúng tôi, chẳng phải bà đã có ý muốn cho chúng tôi cùng tồn tại trên thế gian này sao? Làm gì có sự phân biệt giữa con trai trưởng và con trai thứ chứ? Tôi biết rằng, thắc mắc này không bao giờ có lời giải đáp, giống như trong tiếng Wayo Wayo nói, không ai có thể biết được trước khi một con cá cắn câu nó đã ở nơi nào trong lòng đại dương. Tôi là con trai thứ, đã để mặc theo đảo Gesi Gesi trôi dạt tới đây, đây là những điều không thể thay đổi được.

18.

Câu chuyện về đảo của Alice

CẬU THIẾU NIÊN NÀY khác hoàn toàn với những người tôi đã gặp trước đây, cậu ấy như bước ra từ một trang sách, hoặc giả từ một thế giới khác đến thế giới này vậy, có một phong vị vừa cổ xưa vừa mới mẻ. Vì vết thương ở chân chưa thật sự lành lại, nên khả năng hoạt động của cậu có hạn, hầu hết thời gian cậu luôn ở trong trạng thái trầm mặc, chỉ lẳng lặng ngồi trên một tảng đá lớn nhìn ra đại dương chỉ lộ ra một góc ở đằng xa. Nhiều khi cậu còn hoàn toàn phớt lờ đi sự tồn tại của tôi, rơi vào trạng thái than thở, rên rỉ, hoặc cười lặc khặc rất kỳ lạ. Ngôn ngữ như một bức tường chắn ngang, tôi không thể hiểu ngay lập tức những gì cậu nói, mà phần lớn đều phải dựa vào sự trợ giúp của việc ra dấu tay và nét mặt, mới có thể hiểu được người kia đang nói gì. Tôi nghĩ kiểu giao tiếp này rất thô thiển, giao tiếp với một người hoàn toàn khác biệt ngôn ngữ với mình, thông qua sự diễn đạt ý nghĩa bằng âm điệu giọng nói, trạng thái và ra dấu tay, thật là quá hạn hẹp. Đột nhiên tôi có cảm giác còn cô độc hơn cả khi cả hai im lặng.

Đảo Wayo Wayo, đó là hòn đảo mà cậu thiếu niên nói rằng cậu đến từ đó. Tôi rất chắc chắn là cậu đã kể với tôi tại sao cậu lại rời khỏi hòn đảo của mình, và quá trình cậu theo vực xoáy rác trôi dạt đến đây, có vẻ cậu đã tưởng vực xoáy rác là một hòn đảo, giống như đảo Wayo Wayo, cậu gọi nó là đảo Gesi Gesi. Nhưng tôi không hiểu được, *gesi gesi* mà cậu giải thích, có nghĩa là gì trong tiếng Wayo Wayo?

Tôi hoàn toàn không hiểu được ngôn ngữ của cậu, những tình tiết ấy, những chỗ quan trọng nhất trong câu chuyện, tuy rằng tôi thử cố gắng tập trung để nghe cậu kể chuyện, nhưng nhiều lúc vẫn phải nhảy hết khe núi này tới khe núi khác để hiểu kịp.

Nhưng lúc đầu tôi hiểu được ngay cậu ấy nói, "Tôi tên là Atile'i."

Hôm ấy khi tôi quay lại chỗ mà tôi đã bảo Atile'i đợi tôi, nhưng không thấy bất cứ người nào cả. Đúng lúc tôi dường như muốn bỏ thôi không tìm nữa, bỗng nhiên Atile'i bước ra từ sau một cái cây, cứ như thể cậu là một phần của cái cây vậy. Tôi bị cậu làm cho giật mình hoảng vía. Cậu muốn xác nhận rằng tôi không có ý làm hại cậu và không mang theo nhiều người hơn nữa đến, rồi mới chịu xuất hiện. Tôi như thể quên mất cậu đang mang một vết thương nặng ở chân, cho dù bị vậy, hình như cậu có một năng lực ẩn thân trong hoang dã.

Khả năng chịu đau của cậu thật sự khiến người ta kinh ngạc. Hồi còn trẻ tôi đã từng học nghiệp vụ y tá, không cần nhìn cũng biết khớp xương mắt cá đã trật lại rồi, có thể còn bị gãy ở một vài chỗ nào đó. Nhưng khi tôi quay trở lại thì nhận thấy chỗ trật lại đó đã được chỉnh trở lại vị trí, có lẽ là chính cậu đã chịu đau để tự mình kéo khớp trật ấy trở lại đúng vị trí. Ban đầu tôi định dìu cậu đến căn chòi đi săn của Dahu, nhưng cậu kiên quyết tự mình nhảy lò cò từng bước đến đó. Cậu giống như một con thú rừng bị thương, luôn cẩn trọng đối với mọi thứ chung quanh mình. Tôi dùng một vài công cụ thô sơ để cố định cái chân bị thương của cậu, sau đó cho cậu uống một ít vitamin để bổ sung thể lực, một ít thuốc kháng viêm để phòng nhiễm trùng.

Căn chòi đi săn của Dahu rất gần với mảnh ruộng nho nhỏ dùng để trồng trọt mà tôi và Jakobsen đã mua. Hồi trước vào những ngày nghỉ, có lúc chúng tôi đã đến đây để trồng rau, đến tối thì ăn trong căn chòi. Sau khi bố trí ổn định cho Atile'i, tôi lại chạy ra bãi biển một lần nữa, để xem tình hình của căn nhà.

Biển đã trở thành một biển mới, tuy trông xa xa vẫn là màu xanh, thậm chí vì có nhiều rác rến quá nên đã biến thành nhiều màu sắc, nhưng đối với một người ngày nào cũng giao tiếp với biển như tôi thì cảm nhận được tâm trạng của biển, biển lúc này như được nhào nặn ra từ nỗi u buồn và niềm đau khổ.

Khi ăn cơm trong khu trung tâm thành phố tôi đã thấy bài viết của Ming trên báo. Anh cho rằng chuyện lần này chính là một kiểu trả giá, trong đó có vài câu được viết như vậy đây: "Các phương tiện truyền thông đưa tin về sự việc này như thể hòn đảo là người bị hại, hòn đảo biến thành một cái tên đại diện cho một người, mà hoàn toàn không đề cập gì tới việc chúng ta cũng góp phần cho việc hình thành vực xoáy rác. Trong khi nhìn từ góc độ độ lớn của hòn đảo, e rằng chúng ta thực sự góp một phần rất lớn. Trong quá khứ chúng ta né tránh việc hiển nhiên rằng phát triển tất phải trả giá, và đã để cho những khu vực nghèo khổ khác nhận lãnh giùm chúng ta. Và rốt cuộc giờ đây biển cả đã mang giấy nợ lẫn lời lãi gửi về đây."

Tôi đi một vòng chợ, mua một ít lương khô và một cái lều có thể dễ vừa vào xe. Nháy mắt cái thì trời đã tối, tôi vội vã tiến vào đường núi, mặc dù có đèn pin, vậy mà nhiều lúc vẫn bước hụt giò. Khi tôi sắp sửa hoảng loạn, đột nhiên có một cái bóng vụt ra từ giữa những thân cây. Tim tôi nhảy thót lên, ngay lập tức tôi phát hiện ra dáng đi khập khà khập khiễng của cậu, chính là Atile'i. Atile'i quay người tiến về phía trước, luôn để tôi nhìn thấy được phía lưng của cậu suốt đoạn đường. Cậu thiếu niên này đang dẫn đường cho mình.

Một hôm nọ tôi đang ngồi viết lách trên bàn, với cái chân bị thương đang dần bình phục Atile'i đã nhặt một hòn đá từ dưới đất lên, ngồi thần thờ ở trước cửa. Đột nhiên

cơ bắp trên người cậu đều căng cứng, cố gắng ném một phát, khiến cho người khác tưởng rằng cậu ném cả bộ phận trên người mình đi luôn. Cậu đã chọi trúng một con cu xanh. Tôi phải mất một lúc lâu, để giải thích cho cậu rằng chúng ta không cần thiết phải giết chim, tôi còn tiền, đủ để mua thức ăn, hình như cậu không thực sự hiểu cho lắm. Ban đêm cậu thường rất cảnh giác chú ý đến các loại âm thanh phát ra từ trên núi, giống như một con thú đang đợi rình mồi.

Nhiều khi cậu trông ra xa, như thể đang chú ý lắng nghe tiếng của những vì sao ở trên cao. Nhiều khi cậu còn thể hiện tư thế rất kỳ lạ, bàn tay phải hướng lên trời, chân trái hơi cong lên. Tôi hỏi rằng cậu đang làm gì thì cậu cũng không trả lời, giống như cậu đã biến thành một gốc cây.

Điều khiến tôi kinh ngạc nhất đó là, Atile'i có thể bắt chước tiếng kêu của tất cả các loài chim, cho dù là những loài chim mà cậu chưa từng thấy qua. Xuất hiện ở gần căn chòi đi săn, chỉ cần con chim ấy kêu lên bảy tám tiếng, Atile'i đã có thể bắt chước được cực kỳ giống, khiến cho bọn chim đã nhầm tưởng. Một lần nọ cậu ngồi bên vệ đường nghe loài khướu mào Đài Loan hót trong khoảng một phút đồng hồ, bèn rướn cổ hòng lên, như thể toàn thân cậu là con người, chỉ có mỗi cổ hòng là của loài khướu mào vậy, đến nỗi hình như là con chim mái cũng phải lòng cậu luôn, bèn bay đáp xuống.

Ngôn ngữ mà với một nhóm người này dùng để giao tiếp ý nghĩ thì với một nhóm người khác nghe cứ như thể là tiếng kêu của loài cú mèo hay loài mang reeves vậy. Hoặc giả cho dù chúng ta có cố gắng học tiếng chim kêu, cũng giống như chúng ta học tiếng Pháp hoặc tiếng Nga, nói thí dụ như mỗi ngày học hai buổi tiếng chim, cứ thế liên tục, đến cùng kỳ thì chúng ta có thể giao tiếp được với loài chim không nhỉ? Nghĩ đến đây thì ý muốn học tiếng Wayo Wayo trong tôi bỗng dưng trở dậy rất mạnh mẽ.

Nhưng để hiểu được một ngôn ngữ là một con đường rất dài. Có lần tôi hỏi cậu là đảo Wayo Wayo ở đâu. Hình như Atile'i không hiểu được, cậu xòe một bàn tay ra kèm với ngón út và áp út của bàn tay kia, hình như đang ra dấu về một con số. Đột nhiên tôi nghĩ ra, hay là mình đưa bút và giấy cho Atile'i, để cậu vẽ ra đảo Wayo Wayo. Cậu tập trung tinh thần một mình vẽ ra. Ban đầu tôi chỉ mong rằng cậu vẽ ra một bức hình đơn giản thôi, nào ngờ Atile'i lại nhập tâm đến không ngờ.

Nhiều khi cậu vẽ bằng đầu ngón tay, có khi thì dùng răng, có lúc lại dùng nước mắt, sau khi vẽ hết một tấm lại đòi tôi thêm một tấm nữa, có vẻ như sắp sửa sẽ ghép từng tấm từng tấm lại với nhau. Tôi xem tấm thứ nhất, đó là một người già, giống như con sứa đang trôi trên biển, chung quanh là những con thuyền nhỏ. Tôi không hiểu được nó có ý nghĩa gì, nhưng quyết định rằng ngày mai sẽ ra phố mua cho cậu một

cuốn tập để vẽ, như thế thì cậu ấy không cần phải vẽ lên người nữa. Còn tôi sẽ có một quyển tập truyện về đảo Wayo Wayo.

Có lẽ vì tôi cho rằng Atile'i không hoàn toàn hiểu hết những gì mà tôi nói, nên nhiều lúc tôi lại muốn nói chuyện với cậu, giống như đang nói chuyện với một khung cửa sổ đã mở toang cánh.

Đây cũng là một hòn đảo, tên là Đài Loan, từ rất lâu rất lâu trước đây, cũng có người gọi nó là Fomosa. Cậu xem này, đây là một bức ảnh Đài Loan được chụp từ trên không trung, chắc cậu chưa từng được xem ảnh chụp phải không, à, đúng rồi, nói không chừng trên đảo Gesi Gesi có rất nhiều ảnh chụp, mà ảnh thấm nước biển sẽ phai màu, nhòe nhoẹt hết nhìn không thấy được gì là gì đâu nhỉ? Ảnh chụp từ trên không nghĩa là giống như một con chim bay trên đầu những đám mây. Cậu xem, mặt này của đảo đối diện với biển, mặt này đối diện với biển, mặt này cũng đối diện với biển, mặt này cũng đối diện với biển, tứ phía đều là biển, do đó mới gọi là đảo. Vì thế, nói một cách cận kề hơn, cho dù con người có chuyển đi hướng nào chẳng nữa, thì đều luôn luôn day mặt ra biển.

Tri thức khoa học của tôi không tốt lắm, nhưng trước đây, hồi lúc còn đi học tôi cũng đã từng học qua môn địa lý, và theo các nhà địa lý, thì hòn đảo này có được hình dạng tựa như ngày nay cách đây chừng sáu triệu năm cho đến hai triệu năm trước. Cậu có hiểu được con số hai triệu năm này không? Hồi xưa xưa xưa xưa ấy, à ừ, từ hồi xưa xưa xưa xưa. Nhà địa lý là gì à? Nói như thế này không biết có mạo phạm không, chứ theo như tôi nghĩ, họ có chút gì đó giống với thầy Quản đất của đảo Wayo Wayo mà cậu từng kể ấy.

Nói một cách nghiêm túc thì một người như tôi đây phải rất lâu sau mới sống được trên hòn đảo này. Hồi trước có rất nhiều người thích dùng kiểu ví dụ này, nếu như lấy đơn vị thời gian hai mươi bốn giờ đồng hồ một ngày mà tính, thì nhân loại chẳng qua chỉ xuất hiện vài giây trước nửa đêm mà thôi. Giờ đây chúng tôi gọi những người đầu tiên sống trên hòn đảo này là dân bản địa, bạn của tôi là Dahu và Hafay chính là dân bản địa Đài Loan, tuy là họ khác dân tộc, nhưng mà dân tộc họ đến đảo này sớm hơn chúng tôi một lúc.

Chỗ mà cậu đã dạt lên hòn đảo chính là chỗ này đây.

Mười năm trước tôi chuyển đến đây, đến dạy học ở một trường đại học nơi này, trường của chúng tôi cách chỗ này không xa lắm. Cậu có nhìn thấy căn nhà đã sụp đổ, bị nước biển chìm xuống ở đằng kia không? Hồi trước tôi, chồng tôi và con tôi sống ở đó. Chú

vốn tôi không sống ở miền Đông, mà ban đầu sống ở phía Bắc của hòn đảo này, một nơi được gọi là Đài Bắc. Còn trước đó nữa, cha mẹ của tôi đều sống ở phía Tây hòn đảo. Hồi còn bé, cha tôi từng đến Nhật Bản để làm công nhân, quê của ông nằm ở chỗ có tên gọi là Quy Sơn, quê nhà của mẹ tôi ở một nơi tên là Phương Uyển, cả đời bà tin vào Bà Ma Tổ (Thiên Hậu). Cha tôi vì đã cãi nhau từng bưng với gia tộc, nên không thừa kế một miếng đất nào, do đó một thân một mình đến Đài Bắc tự mưu sinh kiếm sống, còn mẹ tôi thì sau khi ruộng hau của gia đình không thể nuôi sống nổi cả nhà, nên đã đi xa hơn một chút đến những khu công nghiệp để làm công nhân một thời gian, rồi vì công ty cắt giảm nhân lực, cuối cùng bà đến Đài Bắc. Còn làm thế nào hai người họ quen nhau, thì thực ra mà nói tôi cũng không biết. Nghe mẹ tôi nói, hồi còn trẻ họ đã dời nhà không biết bao nhiêu lần, thậm chí còn có thể nói rằng đó là cuộc sống lang thang rày đây mai đó. Chỗ nào có thể nuôi sống mình nổi, thì cứ dọn đến đó sống.

Cha mẹ tôi hiện không còn nữa, tôi không muốn nói về chuyện họ ra đi như thế nào, tôi cũng không muốn nói về anh trai tôi, vì điều đó sẽ khiến tôi không vui. Cậu có biết "không còn nữa" có nghĩa là gì không? Người Wayo Wayo gọi người chết đi như thế nào? Chết, mất, qua đời, không còn trên thế gian? Là gì? Hay là *Iwa kugi*?

(Tôi bắt đầu thổi mô hình trái đất của Toto, thứ này thật thông minh ghê, chỉ cần thổi đến một mức độ nhất định thì nó có thể trở thành một mô hình trái đất tỷ lệ gần giống vậy, còn chữ và màu sắc trên đó sẽ phát sáng trong bóng đêm. Tôi cố gắng thổi phình mô hình trái đất vốn đã xẹp lép. Trái đất dần phình căng ra thành hình.)

Cậu nhìn xem quả cầu này, đây gọi là trái đất, là tinh cầu mà chúng ta đang sống, không, không phải tôi, mà là cậu với tôi, cậu xem, nơi chúng ta sống giống như một ngôi sao ở trên trời vậy, chỉ có điều ngôi sao mà chúng ta sống đây được gọi là trái đất. Quả cầu này chính là mô hình của quả đất mà chúng ta sinh sống đây. Tôi mua nó cho con trai tôi, ban đêm nó sẽ phát sáng, vì trên mặt nó đã phết một lớp sơn dạ quang. Trên thế gian này có những thứ sẽ phát sáng, có những thứ không, có thứ giống mặt trăng, có thứ giống mặt trời. Các cậu gọi thứ ấy như thế nào? *Nalusa*? Mặt trời? Còn thứ kia, thứ xuất hiện vào ban ngày ấy? *Yigasa*?

Nơi mà chúng ta sống đây chẳng qua chỉ là một hòn đảo nhỏ. Nhiều khi tôi cảm thấy, kích thước lớn hay nhỏ của hòn đảo không phải do mình quyết định. Khoảng hai trăm năm trước đây những người đến hòn đảo này đi từ chỗ này tới chỗ này (tôi dùng tay rê dọc theo dãy núi Trung Ương thẳng về hướng bờ biển phía Đông), nhưng phải qua mấy tháng trời, đánh cược cả sinh mạng của mình, có lẽ, về một mức độ nào đó, cũng giống như cậu đã trôi dạt tới đây vậy. Trên thực tế, không ít người đã thực sự dong thuyền trôi dạt tới đây. Tôi thường nghĩ, nếu chậm rãi đi từ thị trấn nhỏ này đến

thị trấn nhỏ kia, chậm rãi đi từ bộ lạc này đến bộ lạc kia, thì hòn đảo này sẽ trở nên rất rộng lớn. Khi yêu nhau, tôi từng nói thế này với Jackson - bạn trai lúc đó: Hòn đảo này trở nên như hôm nay, nói không chừng là vì người trên đảo đều muốn nhanh chóng đi đến mỗi một nơi của đảo.

Ngày cậu dạt lên đảo ấy, đúng vào lúc xảy ra động đất, và xuất hiện những con sóng lớn hiểm thấy. Hòn đảo của cậu có động đất không? Động đất? Chắc là có phải không? Nhất định là có. Động đất là chuyện xảy ra thường xuyên ở đây, không bao lâu sẽ có mưa bão. Nếu có thì sẽ phiền lắm, bão đến thì cái vực xoáy rác đã mang cậu đến đây e là sẽ bao bọc cả hòn đảo mất.

Tôi đoán là cậu nhiều nhất chỉ mới mười mấy tuổi thôi phải không? Tôi cũng có một đứa con trai, nếu mà giờ nó còn sống, cũng được mười tuổi. Nhưng hồi mới đầu tôi vốn không muốn có con, vì không hiểu được con cái sẽ đối diện với tương lai gì, tôi không muốn để nó nhận một hòn đảo đã bị chúng tôi làm cho tan nát hết cả lên thế này. Nhưng cuối cùng rồi tôi cũng có con.

Hòn đảo của chúng tôi gần đây rất hay mưa. Không phải bão đâu, có nhiều nơi đột nhiên mưa xuống với tần suất trung bình mấy trăm mililít nước mưa mỗi ngày. Mùa hè trở nên rất nóng và rất dài, và hình như hầu hết ngày nào cũng phải mưa một trận. Bạn của tôi là Ming có lần nói với tôi, các bạn xem chim của anh phát hiện có loài chim di trú không nhận ra được đường bờ biển, bởi vì nó thay đổi quá nhanh, nên khi đáp xuống chúng đều do dự ngập ngừng. Tuy rất áy náy, nhưng đây chính là hòn đảo của chúng tôi.

Tôi còn mang cái này cho cậu xem, đây gọi là khung ảnh số, nó chiếu ra thứ này gọi là ảnh chụp, ảnh chụp ở trong đó đều là cảnh của ngày xưa. Rất thú vị phải không, haha, đối với cậu mà nói. Đây là cha mẹ tôi, đây là điểm dừng chân cuối cùng của họ, chỗ này gọi là khu thương mại Trung Hoa. Hồi nhỏ vì gia đình nghèo, cha mẹ tôi đều phải cố hết sức kiếm tiền để cho tôi và anh trai đi học, họ cho rằng có học sẽ đỡ khổ hơn. Cha tôi đã làm một chân học việc ở một cửa hàng điện máy trong khu thương mại này, thường thì ông đi khắp nơi với ông chủ để giúp người ta sửa chữa máy lạnh, trong lúc đó mẹ tôi thường ra chợ bán bánh bông lan trứng gà. Ông chủ của cha tôi đã để lại một phòng trên lầu hai cho cha mẹ và anh em tôi sống, đại khái cũng lớn chừng căn chòi này. Mẹ tôi muốn chúng tôi ở nhà lo học, chỉ vào những ngày nghỉ mới để tôi và anh trai ra trông giúp quầy hàng bánh bông lan trứng gà, tôi và anh trai đều rất thích nướng bánh bông lan, nướng một mặt chín rồi lật sang mặt kia. Thơm dữ lắm là thơm, lần sau tôi sẽ mua cho cậu ăn thử.

Cậu xem này, đây chính là nhà của tôi, chúng tôi chỉ có một cái giường, cha mẹ và anh em tôi đều ngủ trên cái giường này, hồi nhỏ tôi thường mơ tưởng có một ngày tôi sẽ rời khỏi căn nhà đó.

Đây là Jakobsen, chồng tôi; đây là con tôi, tên nó là Toto, hồi lúc này, nó còn là một đứa trẻ sơ sinh.

Hòn đảo của các cậu có núi không? Chỗ mà chúng ta đang ở hiện giờ được gọi là núi, chỗ cao cao nhon nhon trong bức ảnh ấy, gọi là núi.

Tấm bản đồ này có "cảm giác sờ như thật" đấy nhé, cậu sờ thử chỗ này xem, có cảm giác nhô nhô lên, lông mịn mịn, ướt ướt, có chỗ còn có cảm giác cứng cứng đúng không? Bản đồ hồi trước vẽ thứ nhon nhon này được gọi là núi, còn giờ đây cậu sờ được, cảm giác này mới gọi là núi. Hòn đảo Đài Loan này tuy nhỏ, nhưng những ngọn núi này thì không vừa gì đâu. Chồng và con trai tôi đều rất thích leo núi. Rồi một hôm nọ hai cha con họ đi leo núi, sau đó thì không quay về nữa.

Trước đây không lâu, bạn thân của tôi là Dahu đã tìm thấy xác của Jakobsen chồng tôi, nhưng con trai tôi thì hoàn toàn mất tích, giống như một chiếc lá bị gió cuốn vào rừng sâu, rồi không bao giờ xuất hiện nữa. Vốn họ chỉ muốn lên núi một thời gian mà thôi, nào ngờ đã bị núi giữ chặt lấy. Nhiều khi tôi có suy nghĩ như vậy.

Kể từ đó, một mình tôi sống trong căn nhà đó, hồi mới đầu thì gọi nó là căn nhà bên biển, sau đó nước biển dâng lên, mọi người bèn gọi nó là căn nhà trên biển, giờ đây tôi gọi nó là hòn đảo Alice.

Nói thật, cảm giác mất đi đứa con còn tệ hại hơn rất nhiều khi tôi mất mẹ. Mẹ của cậu chắc hẳn cũng rất đau lòng đúng không, nếu như con trai tôi còn sống, vài năm sau nói không chừng cũng cao như cậu thế này. Nói ra, thì tôi cũng là con thứ, nếu như cậu không ngại coi một người phụ nữ cùng là một con người.

Chà, lâu lắm rồi mới có một bầu trời không có mây như thế này. *Nalusa* hôm nay thật là rực rỡ thật là đẹp đẽ, người của đảo Wayo Wayo cũng xem cùng một *Nalusa* đấy, hồi cậu còn trên đảo Gesi Gesi nhìn thấy cũng chính là *Nalusa* này, cậu có biết không, Atile'i?

Nhiều lúc nói rồi nói mãi, tôi còn tưởng là cậu có thể hiểu hết những lời tôi nói. Không phải kiểu hiểu về mặt ý nghĩa ngôn ngữ, mà là một cái gì đó khác.

Có một buổi tảng sáng nọ cậu trông thấy tôi, và nói với tôi: "*Ohiyo*, chào buổi sáng" (Đây là câu tôi đã dạy cậu). Tôi bèn nói với cậu: "*i-Wagoodoma-siliyamala*" (Hôm nay

biển rất trong lành). Chúng tôi quen dần với việc sử dụng ngôn ngữ của người kia, hoặc xen kẽ hai loại ngôn ngữ với nhau.

Tôi phát hiện sau khi thử nói chuyện thường xuyên với Atile'i, hình như cậu rất thường lặp lại những câu chào hỏi, cậu sẽ liên tục hỏi rằng, "*i-Wagoodoma-silisaluga?*" (Đây là câu hỏi thể chào hỏi, nghĩa có thể là đã hỏi "Hôm nay thời tiết trên biển trong lành không?") người kia sẽ trả lời, "*i-Wagoodoma-siliyamala*" (Hôm nay biển rất trong lành). Hồi ban đầu tôi có cảm giác rất hồ nghi, vì không ra biển, thì hỏi thời tiết trên biển có ý nghĩa gì? Nhưng cậu vẫn trả lời: "Rất trong lành." Có nhiều khi, thực ra thời tiết không trong lành chút nào, trời đang mưa, ở đằng xa, sóng biển nhìn hòn đảo với vẻ lạnh lùng. Nhưng Atile'i vẫn mỉm cười đáp: "Rất trong lành."

Có lẽ nhờ tôi đã cho cậu giấy và bút của mình nên Atile'i tỏ ra rất vui mừng. Hôm đó Atile'i liên tục hỏi tôi những năm lần, "Hôm nay thời tiết trên biển trong lành không?" Tôi cũng rất kiên nhẫn để trả lời cậu. Nào ngờ chưa đến ba phút đồng hồ, Atile'i đã hỏi tôi lần thứ sáu, "Hôm nay thời tiết trên biển trong lành không?" tôi cũng đành phải trả lời một lần nữa rằng, "Rất trong lành." Nhưng chưa tới năm phút sau, Atile'i lại hỏi tôi một lần nữa.

Không phải tôi cố ý không trả lời cậu, mà vì tâm tư của tôi đã phiêu dạt tận một nơi nào đó rồi. Atile'i không nhận được lời đáp bèn tỏ vẻ quē độ, giống như bị bạn bè từ chối, vì vậy bèn cật vấn tôi.

"Cô, phải trả lời, rất trong lành."

"Vừa rồi tôi đã trả lời rồi mà."

"Khi người khác hỏi, 'Hôm nay thời tiết trên biển trong lành không?' Cô nghe thấy. Và khi cô đã nghe thấy, thì đều phải trả lời rằng 'Rất trong lành'."

"Cho dù trời có mưa lớn thế nào cũng phải trả lời như vậy hả?"

"Đúng vậy."

"Cho dù là không muốn trả lời cũng phải trả lời như vậy hả?"

"Đúng vậy."

Hai người chúng tôi đều nhìn ra biển ở đằng xa, mưa như được mang từ ngoài ấy đến đây một cách chậm chậm. Thỉnh thoảng mặt biển xuất hiện từng đợt từng đợt sóng dài thượt. Trải qua sự im lặng của mười con sóng, Atile'i lại hỏi nữa, "Hôm nay thời tiết trên biển trong lành không?"

"Rất tốt," tôi trả lời, đồng thời chợt nghĩ ra rằng mình có thể hỏi lại: "Hôm nay thời tiết trên biển trong lành không?"

"Rất tốt, rất trong lành," Atile'i trả lời như vậy.

Không biết tại sao, nước mắt của hai chúng tôi cùng chảy trong một lúc.

Câu chuyện về đảo của Dahu

HỒI MỚI BẮT ĐẦU phân loại đồng rác thải này tôi thật sự kinh ngạc, có khi nhặt được những thứ gãy vỡ, kỳ lạ: như vỏ xe mô-tô, xe đẩy trẻ em, bao cao su, ống bơm kim tiêm, áo ngực, vỏ len... Tôi thường nghĩ, những người sử dụng những món đồ này hồi trước là những người như thế nào chứ? Và họ đã vứt những thứ này trong những tình huống như thế nào? Tôi nhớ hồi còn đi lính, có một lần đồng đội tôi cá độ rằng nếu tôi dám mặc áo ngực và thực hiện động tác đâm lưỡi lê, thì sẽ mời cả liên đội đi uống nước. Tôi mặc thật, cả liên đội đều cười một trận bò lăn bò càng. Ban đêm, trốn ra ngoài cùng với đám bạn mua đồ ăn vặt, tôi đã vò cái áo ngực màu hồng phấn có ren ấy rồi ném ra biển. Nhiều lúc tôi nghĩ quanh nghĩ quất, có lẽ nào, nó đã quay trở lại cùng với vục xoáy rác này chăng?

Tôi nhận thấy không ít người đã bị truyền thông dắt mũi sai lệch, cho rằng chỉ có những thứ được làm từ nhựa mới không bị phân hủy. Mấy hôm nay tôi quan sát thấy, kỳ thực sức bền của rất nhiều sản phẩm tự xưng là có thể tự phân hủy lại tương đối kinh người. Đồng thời còn có không ít thứ được gói trong túi ni-lông, hoặc hộp xốp, vẫn còn nguyên vẹn. Tôi nhặt được một số thứ được phân loại là vật có giá trị nguyên vẹn bao gồm nhẫn tay, mắt kính, đồng hồ, điện thoại... Nghe nói còn có người nhặt được vàng! Đây cũng chính là lý do tại sao gần đây trên bãi biển xuất hiện nhiều người từ vùng khác đến, họ tưởng rằng có thể tìm được những thứ quý giá gì từ trong đồng này. Nhưng điều khiến tôi lo lắng hơn, đó là những cư dân trong những bộ lạc từng sống bằng nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản ven biển, thời gian này cũng đành phải dựa vào việc nhặt rác ở bãi biển để kiếm sống mà thôi. Nghề nghiệp không phải là thứ có thể dễ dàng từ bỏ được, một khi đã quen với một phương thức sống nào đó, thì rất khó dứt bỏ nó. Đó là lời mà Millet nói với tôi.

Khi còn ở cùng với Millet, tôi từng đưa cô ấy đi dạo ở bãi biển này, một lần nọ một chiếc bông tai của cô ấy rơi mất, chúng tôi đã tìm đi tìm lại ở bãi biển, nhưng không tìm thấy, còn rơi mất luôn chiếc còn lại. Tôi hôn lên chiếc tai không đeo bông của cô, cô khép đôi mi lại, như một chú mèo lim dim ngủ. Đôi bông tai ấy vẫn còn ở đâu đó trong cát biển không? Tôi cứ nghĩ về điều này.

Có khi chúng tôi cũng tìm thấy một vài loài động vật bị kẹt trong đồng rác. Có một vài con cá hình như đã sống trong túi ni lông một khoảng thời gian rất lâu. Chúng tôi còn tìm thấy được một bộ xương cá voi gần như nguyên vẹn. Thứ chúng tôi tìm thấy

được nhiều nhất là xác rùa biển. Thường là rùa quần đồng, đôi mỗi lứa, rùa da... Thịt rùa đều đã bị ăn mất, chỉ còn sót lại cái mai rỗng. Các chuyên gia về sinh vật biển nhận được thông báo đã đến bãi biển để đo đạc các mai rùa này, những cái mai rùa không thể phân hủy trong một thời gian ngắn rồi cuối cùng trở thành chứng cứ chúng đã từng sống.

Nói cho cùng thì đồng rác rến trôi dạt trên biển này hình như đều mang theo những câu chuyện, vì mỗi một món đồ bị vứt bỏ đều có một câu chuyện.

Trong một tuần qua, bờ biển là nơi tập trung rất nhiều chuyên gia, có chuyên gia về dòng hải lưu, chuyên gia về sinh vật ven bờ, chuyên gia về hóa nhựa... Hôm nay còn có một nhóm nhà nghiên cứu rác đến từ nước Đức, nghe nói họ đặc biệt đến đây để "nghiên cứu" rác rến mà chúng ta đã phân loại xong. Do đó, những mẫu vật được cố ý để lại này đều phải được ghi thật rõ ràng về địa điểm tìm được, trọng lượng, và dán nhãn. Nghe đâu một vị chuyên gia về rác từng viết một cuốn sách, xuất phát từ một khu vực chôn rác trong khu công nghiệp Ruhr của Đức để thảo luận về lịch sử văn hóa Đức, do đó ông cũng kiến nghị, nên phân loại những thứ rác rến này theo "chức năng," chứ không theo tính tái chế được, vì nói không chừng đồng rác này trong tương lai sẽ trở thành tư liệu quan trọng cho lịch sử văn hóa thế giới.

Hình như quan chức của chúng ta đã phê chuẩn cho những chuyên gia này có thể mang đi một số lượng mẫu nhất định, nhưng từ chối việc phải phân loại quá chi tiết, vì nếu không nhanh chóng giải quyết việc này thì kỳ bầu cử đã đến. Có những quan chức đã rỉ tai chúng tôi rằng, chỉ cần phân loại thành loại có giá trị có thể tái chế được, và loại không có giá trị gì cả, có thể thiêu hủy hoặc không thể thiêu hủy là được. Phân loại xong thì nhanh chóng vứt bỏ. "Rác rến là rác rến, phân loại xong rồi chẳng phải vẫn là rác rến sao? Nghiên cứu những thứ này có ích lợi gì chứ?" Họ bảo vậy.

Tuy rằng trước mắt xem ra công tác "TRẢ LẠI FOMOSA CHO CHÚNG TÔI" (một khẩu hiệu ngu xuẩn mà chính phủ đã tuyên truyền để toàn dân cùng nhau thực hiện làm sạch bãi biển) vẫn tiến hành một cách hùng hổ tương xứng, nhưng tôi nghe một vài chuyên gia có mặt tại hiện trường đánh giá, bờ biển cần phải hơn một trăm năm nữa mới trở lại được diện mạo như xưa. Còn tôi thì rất nghi ngờ rằng có chẳng cái thứ được gọi là diện mạo như xưa, như Sisid Thứ bảy, có được tính là một phần của diện mạo như xưa?

Cô có biết thầy Hai-Lee nhà văn biển không? Ông ta thường đến khu vực lân cận Sisid Thứ bảy, đúng không? Mấy hôm trước ông ta còn dẫn học sinh và một số tình nguyện viên đến để bắt đầu thu nhặt những sinh vật chết trên bãi biển như tôm, cầu gai, hải sâm, sao biển đuôi rắn, ốc mượn hồn, cua... Ông ta nói có rất nhiều chủng loài

chưa từng thấy qua, cũng vì sóng lớn lần này và vực xoáy rác đã đánh chúng dạt lên bờ. Tôi hỏi ông ta rằng sau này biển có khôi phục lại như cảnh quan xưa không? Ông ta bảo không có cái thứ gọi là cảnh quan xưa đâu mà nói, mọi thứ đều thay đổi cả rồi.

Tôi nói điều này không giống những gì cha tôi dạy tôi, cha tôi cho rằng thế giới chỉ có hai thứ không hề thay đổi, một là núi, hai là biển.

Đối với người Bunun, một người đàn ông không có kỹ thuật săn bắt thì không được xem là một người đàn ông. Người Atayal gọi chúng tôi là "cái bóng," nguyên do là vì kỹ thuật săn bắt của chúng tôi rất cao minh. Nhưng cha tôi thường hay nói, lúc mới đầu học săn bắt thì không phải là học săn bắt đâu, mà chính là học nhận thức những hiểu biết về núi.

Ông nói, vì người Nhật Bản sợ rằng người Bunun sẽ đoàn kết lại để kháng Nhật, do đó mới chuyển người Bunun tới chỗ này, rồi tới chỗ khác, thậm chí còn thay đổi cả phương thức trồng trọt của chúng tôi, cho người Bunun bắt đầu trồng lúa nước, chính là để chúng tôi không còn hiểu biết về núi nữa. Sau khi quen với cuộc sống trồng lúa nước, vị trí của người thợ săn sẽ bị rút dài, thế là người Bunun càng lúc càng không hiểu núi nữa. Núi đồi sẽ không che chở cho những người không hiểu núi đồi.

Cha của tôi nói, từ hồi còn là đứa trẻ thì người Bunun đã được dạy cho các loại tri thức về núi, cho đến tuổi được tham gia buổi lễ Malahodaigian⁶, cũng giống như là một buổi thi tư cách của người thợ săn.

Tôi nhớ mãi lần đầu tiên được tham gia buổi lễ Malahodaigian đi săn năm ấy, giữa sân tế lễ, những người lớn tuổi đem sáu cái tai của những con thú xếp thành ba hàng bia bắn, hai cái tai ở trước nhất là tai của loài nai, hai cái ở giữa là tai của loài hươu nước, hai cái sau cùng là tai của loài sơn dương và heo rừng, mỗi loài một cái, tai của loài sơn dương thì nhiều lông, nhỏ nhỏ, trông rất dễ thương. Khi bắn, thực ra chúng tôi được đứng ở vị trí rất gần tai, đối với những đứa trẻ người Bunun đã được huấn luyện về cung tên mà nói thì không thể nào bắn trật được. Cha tôi là một xạ thủ thần sầu trong bộ lạc, tên cũng chuẩn mà súng cũng chuẩn luôn. Hồi nhỏ khi cầm cung tên, tôi thường được cho là rất giống tư thế của cha. Người già lần lượt bồng những đứa trẻ đến trước mặt tấm bia, phụt một phát là tên đã xuyên qua tai nai. Người già bồng anh trai tôi đến trước tấm bia, phụt một phát là tên đã xuyên qua tai nai. Đến lượt tôi, lòng

⁶ Lễ Malahodaigian là một buổi lễ ra mắt của người Bunun miền núi, từ "malahodaigian" trong tiếng Bunun có nghĩa là lễ bắn tai. Đây là một nghi thức truyền thống lớn nhất trong năm để cao tinh thần thượng võ và tinh thần săn bắt của người Bunun, vào giữa tháng 4 và tháng 5. Quá trình diễn ra buổi lễ bao gồm: tế súng trước khi đi săn, nghi thức xỏ tai, nghi thức chia thịt và tế xương và những nghi thức ban rượu thưởng công. Lễ tế này chỉ có con trai mới được tham dự, con gái thì không (ND).

tôi khoan khoái giường cung, nhắm cho chuẩn xác chiếc tai nai, nhưng trong cái khoảnh khắc buông tên thì chẳng biết vì lý do gì mà cung đã quật xụ xuống, kết quả là phụt một phát bắn trúng vào tai sơn dương.

Tai của sơn dương nhiều lông lắm, nho nhỏ rất dễ thương. Tôi đã bắn trúng nó.

Mọi người đều hoảng vía ngơ ngác, mặt cha tôi bỗng nhiên biến sắc. Tại sao vậy? Vì buổi lễ Malahodaigian chỉ được bắn trúng tai của loài nai và tai của loài hươu nước, nếu như bắn nhầm trúng vào tai heo rừng, thì sau này lỡ mà gặp phải heo rừng sẽ sợ hãi. Nếu như bắn nhầm trúng vào tai loài sơn dương, thì đứa trẻ đó sau này sẽ đi trên một con đường cheo leo vách núi như loài sơn dương.

Tôi đã bắn trúng vào tai của loài sơn dương. Cha đã không nói chuyện với tôi trong một thời gian rất lâu. Hồi đó tôi còn tưởng là ông đang giận tôi, sau đó tôi mới biết rằng ông đang lo lắng cho tôi.

Cha tôi là *Lavian* (thủ lãnh) của đội săn. Bãi săn rất lớn, giáp mé ranh chất đầy những Badan, được làm từ cỏ lau. Tuy tôi là con trai của cha, nhưng vị trí *Lavian* không phải cứ con trai thì có thể kế thừa, mà phải được xem xét từ hồi còn là thợ săn trẻ đã săn bắt như thế nào, hợp tác ra sao, khả năng lãnh đạo làm sao. Chỉ có những thợ săn trẻ thể hiện tốt, thì sau này mới có cơ hội được bầu làm *Lavian*. Tuy là đã bắn trúng tai sơn dương, nhưng sau khi vào bãi săn, tôi vẫn luôn là người thể hiện năng lực tốt nhất, nhưng tôi cảm thấy cha tôi thường có thái độ vô cùng, vô cùng lo lắng. Ông cảm thấy điểm xấu của việc bắn trúng tai sơn dương vẫn chưa ứng nghiệm.

Có một lần, chúng tôi vây bắt một con heo rừng rất lớn, con heo rừng đó rất nổi tiếng, vì nó đã vượt mặt khỏi tay chúng tôi nhiều lần rồi, giết chết rất nhiều chó săn. Thậm chí có lần nó đã ăn mấy viên đạn của cha tôi, mà vẫn trốn thoát một cách trơn tru. Cha tôi gọi nó là *Hanito*, lúc bắn nó không được nhìn vào mắt nó, nếu không sẽ bị nó thôi miên chết cứng.

Lavian của lần vây bắt đó vẫn là cha tôi, khi trời vẫn chưa sáng hẳn, các thợ săn vây quanh bãi đất trống, đợi cha tôi rẫy rượu và ca hát.

"Thứ gì đến trước miệng súng của tôi?" cha tôi hát.

"Tất cả những con nai đều đến trước miệng súng của tôi," những thợ săn khác hát.

"Thứ gì đến trước miệng súng của tôi?" cha tôi hát.

"Tất cả những con nai đều đến trước miệng súng của tôi," những thợ săn khác hát.

Súng của chúng tôi đã tẩm đầy mùi thơm của rượu. Khi đi về hướng bãi săn, tôi nghe cha nói thì thầm với chú tôi là ông đã nhận được điểm báo mộng, nhưng không

biết tại sao, sau lễ tế rầy rệu thì đã quên mất. Chú tôi an ủi ông rằng quên giấc mơ là chuyện thường xảy ra, hướng hồ không có mơ hoặc quên giấc mơ thì không cần phải rút khỏi đội săn.

Lần đó chúng tôi tiến hành *Mabusau*, *Mabusau* là một kỹ thuật săn bắt. Đầu tiên Lavian đoán xem chỗ ẩn nấp của con heo rừng, sau đó để chó săn dụ nó ra, mọi người chia nhau ra các đầu để bao vây. Vào khoảng 5 giờ trời vừa mới rạng sáng, chó săn đánh hơi được mùi heo rừng, bèn sủa lên liên tục liên tục như điên, cha tôi ở đằng xa trông dạng đám cỏ lay động, thì biết rằng con heo rừng này rất lớn, và rất có thể là con heo rừng yêu quái ấy. Sau khi ông nhắm hướng chạy của heo rừng, bèn bố trí từng con đường từng con đường đuổi bắt cho các thợ săn lần lượt bủa ra đó. Tôi được bố trí đến một con đường sát mé trái nhất, vì dù sao ở trên núi tôi vẫn là con trẻ, mọi thứ đều còn cần phải học tập. Tôi vừa chạy vừa lắng nghe tiếng chó sủa và tiếng cỏ động, mùi và bóng của cây vụt vèo vèo bên cạnh tôi. Sau đó bỗng nhiên tôi bị một cái gì đó quật ngã vì thế đã lăn hết mấy vòng. Tôi vội vã nhặt súng săn lên, nhận dao găm xuống rồi tiếp tục chạy về phía trước.

Không biết tại sao khi tôi bật dậy thì không còn nghe thấy âm thanh gì nữa. Khu rừng trở nên yên lặng tịch mịch, như thể thế giới này vốn dĩ chưa từng có âm thanh vậy. Tôi dừng lại quan sát tỉ mỉ hướng gió và hướng chuyển động của đám cỏ ở đằng xa, bỗng nhiên có một cái bóng lướt qua đằng trước mặt tôi, nhanh như gió ấy. Tôi hít lấy một hơi và đuổi theo, như thể cầm tim mình trên tay mà chạy hết tốc lực để đuổi theo. Tôi không biết đuổi trong bao lâu, thì cái bóng ấy bỗng dừng dừng lại, rồi nhìn về phía tôi đây và hét một tiếng thật lớn.

Tôi bị âm thanh đột ngột dội đến ấy làm giật cứng cả mình, nó rất giống với việc một cuốn phim mà ta tưởng rằng nó không có âm thanh, bỗng dừng tại một thời điểm nào đó đột nhiên phát ra tiếng ở mức cực đại. Trước mặt tôi là một người đàn ông. Ông ta nhìn thẳng vào tôi, gió thổi mái tóc của ông ta phát phới như những dây leo.

Người đàn ông đột nhiên mở miệng nói chuyện... tôi cũng chẳng biết đó có được xem là mở miệng nói chuyện không, vì miệng ông ta chẳng hề động đậy, nhưng tôi thì nghe rất rõ ràng rành rành.

"Con trai, ngươi không đuổi kịp con heo rừng nào đâu, cầm chắc là ngươi không cách nào trở thành một người thợ săn giỏi được."

"Vậy tôi có thể làm gì được chứ?"

"Ngươi có thể làm gì được à?" Ông ta hỏi ngược lại tôi. Tôi phát hiện ra mắt ông ta không giống với mắt chúng tôi, có chút gì đó không giống như một con mắt, mà là con mắt kép được cấu tạo từ một tổ hợp vô số con mắt lại với nhau, như là một con mắt được cấu tạo từ tổ hợp mắt của mây, núi, sông ngòi, sơn ca và mang reeves. Tôi định

thần lại nhìn xem, mỗi một con mắt hình như đều có một phong cảnh, và những phong cảnh ấy đã kết hợp thành một bức tranh phong cảnh vĩ đại mà tôi chưa từng thấy bao giờ.

"Người có thể làm gì được à?"

Ngay lúc đó một trận gió thổi đến, âm thanh được gió mang trở lại. Tôi nhận thấy mình như một con sơn dương, đứng cheo leo bên vách đá và run rẩy, giống như đang đứng trên một hòn đảo: bầu trời đằng xa có màu trắng của hoa ngải tiên, dưới đây là cây cối và dòng suối xanh rì.

Sau đó tôi mới biết, cả đội săn đang đi tìm tôi, vì cha tôi đã xảy ra chuyện. Súng của chú tôi lạc đạn, trúng nhằm vào mắt phải của cha tôi, con mắt của ông vỡ ra, xuyên thủng một lỗ to trên đầu. Cha tôi không chết ngay, vào ngày thứ ba ông đã thò tay bứt ống hô hấp ra, bảo là muốn nói chuyện với tôi và anh trai. Chúng tôi tới bên giường, ông hỏi tôi: "Hôm đó con đã đi đâu?"

"Con cũng không biết."

"Em nó được tìm thấy ở một vách núi, đứng tần ngần ngơ ngác ở đó," anh trai tôi nói.

Cha chỉ vào anh trai tôi, "Con, phải ráng học tập để trở thành một thợ săn Bunun." Sau đó cha chỉ vào tôi, "Con, không thể trở thành thợ săn, vì con đã bắn trúng vào tai sơn dương."

"Vậy con có thể làm gì được chứ?"

"Làm một người hiểu biết về núi." Tiếng nói của cha tôi bỗng dưng trở nên rất xa vắng, máu từ con mắt phải bị trúng đạn lại một lần nữa thấm ướt băng gạc, rịn chảy ra, và ông bắt đầu hôn mê không còn biết gì nữa. Anh trai tôi bấm vào nút chuông trước giường bệnh, y tá hốt hải chạy đi mời bác sĩ đến. Cha tôi chỉ còn mê man trong bảy ngày rồi lặng lẽ ra đi.

Tôi không nói cho ông biết rằng mình đã gặp một người có đôi mắt rất đặc biệt, tôi nghĩ không cần phải nói. Mắt của cha tôi, đã khép chặt vĩnh viễn.

Về sau, mỗi lần tham gia đội săn, là mỗi lần tôi đều được phát hiện ra mình đứng lơ ngơ mơ màng cheo leo nơi mé vách núi, vì thế dần dần mọi người không gọi tôi đi săn nữa. May mà tôi học hành cũng giỏi giang, cuối cùng cũng có thể qua tận miền Tây để học đại học. À đúng rồi, cô đã từng nhìn thấy cái mũ này chưa? Tôi rất thích cái mũ này, chiếc lông vũ trên chóp đầu nó là lông loài gà so. Hồi cha tôi đặt tên cho tôi, ông

đã bắt một con gà so, đút tôi ăn thịt của nó, rồi giữ lông lại cho tôi làm kỷ niệm. Đây có lẽ là thứ quý giá nhất của tôi.

Sau khi Millet bỏ đi, thỉnh thoảng tôi cũng về bộ lạc, cùng với Anu kinh doanh Giáo đường rừng rậm. Có lẽ, dần dần tôi càng lúc càng hiểu núi chăng? Giờ đây tôi chỉ cảm thấy, cần nhất là tôi phải giữ lại ngọn núi như thế này. Một ngọn núi không bị đào đắp thành những con đường lỗ chỗ lổm chổm, không có đường hầm xuyên núi, mà có sơn dương, nai và heo rừng chạy tới chạy lui.

Thời tiết mấy hôm nay nóng nực thực sự. Hôm qua tôi đứng dưới đường bờ biển nhìn lên trên núi, hình như có rất nhiều cây cối đã bị những ngọn gió nóng đốt héo queo cả rồi. "Biển đã không còn khỏe mạnh, núi cũng sẽ không được khỏe mạnh." Hồi nhỏ khi cha tôi dẫn tôi ra biển bơi, ông vừa nựng chim tôi vừa nói với tôi điều này.

20.

Câu chuyện về đảo của Hafay

TÔI XÂY DỰNG SISID THỨ BẢY, cũng chỉ vì tôi muốn có một căn nhà mà bốn mặt đều có cửa sổ. Vì tôi rất sợ một ngôi nhà không có cửa sổ.

Người Ami chúng tôi rất chú trọng nhà ở, vì ngôi nhà là nơi sống của linh hồn. Nhưng tôi và Ina đã rong ruổi ở chốn đô thành gần ấy năm, nhà cửa đều cất tùy tiện tạm bợ, do đó sau khi kiếm được một ít tiền, suy nghĩ đầu tiên của tôi chính là ra bờ biển cất một căn nhà thuộc về chính mình.

Tôi còn nhớ hồi mới bắt đầu khởi cất Sisid Thứ bảy, gia đình của Alice cũng vừa mới bắt đầu xây nhà của họ, do đó, căn nhà trên biển và Sisid Thứ bảy cùng lúc ra đời. Căn nhà của họ rất đặc biệt, là một kiểu nhà mà tôi chưa từng nhìn thấy bao giờ, trên nóc lại còn có những bảng pin năng lượng mặt trời, hình dáng cũng chưa từng thấy qua ở đây. Tuy tôi không có một người bạn thân thiết nào trong bộ lạc, nhưng khi cất nhà mọi người cũng vẫn đến giúp đỡ. Cậu còn nhớ không? Hồi mới xây xong vẫn phải tổ chức *mitsumod* đấy, chẳng phải cậu cũng đến tham gia đó sao? Cậu còn giúp chúng tôi giết con heo nhà A Vinh. Thời gian trôi qua nhanh thật.

Xin lỗi cậu, nếu như tôi nhắc đến Millet thì cậu có cảm thấy có vấn đề gì không? Uhm, tôi sẽ nhắc tới cô ấy, vì sau khi nghe cậu nói về cô ấy, tôi nhớ lại rằng mình cũng từng làm công việc giống như cô. Tâm trạng của Millet, nói không chừng tôi cũng phần nào hiểu được. Còn nữa, nói không chừng khi tôi làm công việc đó, cô ấy cũng đang chuyển qua chuyển lại ở một gian phòng nào đó qua một gian phòng khác. Cậu biết không? Công việc đó khiến cho người ta khó chịu nhất là khi cậu đi đến cửa phòng, trước khi gõ cửa thì không hề biết được trong ấy là loại đàn ông như thế nào. Cho dù là người đàn ông mà mình ghét, mà mình cảm thấy mắc ói thì cũng không thể từ chối. Gõ cửa, mở cửa, nghĩa là mình buộc phải ở trong đó với một người xa lạ trong suốt một tiếng đồng hồ.

Một cô bạn thân thiết của tôi hồi bấy giờ là Nai nói với tôi rằng, phải cố gắng hết sức khiến mình trở thành một người mát xa thực thụ, đừng có cảm giác như mình đang làm chuyện "đen tối." Những người đàn ông đến chỗ này, nhất định có chỗ nào đó đau. Khi chúng ta mát xa cho khách, phải hỏi khách cần tập trung chỗ nào, có nghĩa là chỗ nào cần phải mạnh tay hơn một chút, những chỗ ấy sờ vào thường thì sẽ giống như... giống như có gì đó đang ẩn ở trong. Nai nói, nếu như ấn kỹ lưỡng vào chỗ đó, mới đầu có thể khách sẽ kêu đau, nhưng dần dần rồi họ sẽ thả lỏng ra, có khi còn ngủ gật

đi, có khi họ nói nhiều hơn, còn tâm sự với cô nữa ấy. Nếu như lúc ấy, mình phản ứng lại một cách dịu dàng, thì thông thường khách sẽ không đề nghị những yêu cầu quá đáng, vì dục tính sẽ bị cái gì đó thay thế đi.

Nhưng cũng sẽ có rất nhiều loại khách phiền phức khác nhau, có người mắc một căn bệnh nào đó, nhưng không muốn đụng chạm vào người họ hoặc không muốn bị họ chạm vào, thì họ sẽ cảm thấy không vui lắm, có người còn làm dữ lên. Có người chỉ mới mát xa đến một nửa quá trình, bất ngờ vợ hoặc bồ bịch gọi điện tới, thì cần phải giả vờ như không nghe thấy nội dung cuộc thoại của họ, nhưng bầu không khí vô tình trở nên kỳ cục. Có người hết giờ rồi, nhưng lại chưa ra, bèn trả một nửa số tiền rồi đi. Có người xuống quầy trả tiền, thì vứt đại một cái rồi phóng ra xe taxi, sau đó thu ngân đếm lại mới phát hiện là không đủ, có loại khách còn gọi điện thoại đến tiệm để quấy rối.

Khi làm điều đó cho đàn ông, tôi thường sẽ tắt đèn và tivi, căn phòng trở nên tối hù. Lúc đó, tôi đều tưởng tượng như mình đang ở trên một hòn đảo vừa nhỏ vừa tối tăm.

Khi đó, tôi thường nghĩ, nếu kiếm đủ tiền, nhất định phải dọn đến một nơi sáng sủa mà sống.

Nai thường nói, tuyệt đối không được yêu khách hàng, vừa nói cho tôi nghe và cũng là vừa để cho mình nghe. Nhưng có một lần tôi đã gần như là vậy. Mãi cho đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ hình dạng của tấm lưng anh ấy. Vai anh ấy rất rộng, đường cong từ cổ cho đến hông dài sọc, rất giống chàng trai mà tôi quen hồi tiểu học. Lúc nào anh ấy cũng đến trong trạng thái rất mệt mỏi, rất nhiều cục cứng trên người. Mỗi lần vậy tôi đều phải mất rất nhiều sức lực mới đẩy được chúng giãn ra, lúc đó hầu như anh không nói gì, nhưng có thể cảm nhận được hơi thở của anh ấy rất nặng nhọc. Tôi có cảm giác như anh không phải là một người vui vẻ, cho dù là tôi hầu như không nói chuyện với anh.

Tối giờ, tôi tắt đèn, nói với anh rằng: "Anh có thể lật người nằm ngửa lên rồi đó." Anh lặng lẽ trở mình ngửa lên, tôi ngồi ở bên mép giường, day lưng về phía mặt anh, tay nắm lấy chỗ đó của anh, giải quyết giùm anh. Nhiều khi anh cũng mơn trớn sờ lên lưng tôi, bàn tay anh to. Có lẽ cậu không tin đâu, cơ thể phụ nữ có thể cảm nhận được tình cảm của bàn tay. Cho dù chỉ là sờ vào người họ, hoặc bị họ sờ lên người, nhiều lúc mình còn có cảm giác như là người kia hình như muốn điều gì đó. Không phải là biết được rõ ràng rằng họ đang muốn điều gì, chỉ là một thứ gì đó thấp thoáng ẩn hiện, thông qua làn da, truyền đạt cho mình, một thứ mà không thể nào nói rõ ra được,

nhưng lại biết được. Người kia yêu hay không yêu mình, nhiều khi cũng biết, chỉ cần thông qua bàn tay là biết ngay.

Thường thì khoảng hai tuần anh đến một lần, lúc nào đến cũng gọi ngay tên tôi, dần dần tôi nhớ được mùi của anh và hình dạng cơ thể. Khác với phần lớn đàn ông thường đến đây, ý của tôi là... phần lớn đàn ông đến đây đều chỉ muốn xả ra, nếu không phải là quân nhân, thì là những người đàn ông trung niên đã kết hôn. Vì phải bỏ tiền, không ít người vừa bước vào thì ngửa tay ngửa chân ngay. Nhưng anh thì không, chẳng biết vì sao, anh rất lịch sự với tôi, ngoài việc tôi giúp anh "giải quyết" vấn đề ấy ra, thì anh thực sự xem tôi như là một người mát xa. Rất nhiều lần anh không thực sự xuất tinh, nhưng khi chuông báo reo, anh bèn lẳng lặng lấy khăn nóng lau người mình, nói cảm ơn, sau đó ra về.

Đại khái anh đến liên tục trong khoảng thời gian nửa năm. Nói ra thì thật là buồn cười, sau đó vài tháng tôi đã bắt đầu tưởng tượng, mình vừa mới đi ăn tối với anh, hoặc đi dạo ngoài bờ biển, hoặc giả anh tan việc về, vì quá mệt nên đã đổ ngay xuống giường, tôi lặng lẽ đến mát xa cho anh. Tôi mơ tưởng ra một cảnh tượng như thế. Có lúc thậm chí tôi đã ngó vào tấm lưng trắng trẻo dài thượt của anh mà tưởng tượng anh đột nhiên lật người lại, nói với tôi bằng một chất giọng trầm thấp tỉnh bơ như không những lời đại loại như, "Hôm nay cô rất đẹp."

Đương nhiên là chuyện đó không hề xảy ra, hầu như tôi chưa từng nhìn thẳng mặt anh để nói một câu hoàn chỉnh, còn anh chỉ nói cảm ơn, sau đó đội mũ lên, cúi đầu đi mất.

Có một lần tôi hát theo một bài hát đang phát trên kênh MTV, sau khi mát xa xong, anh vừa mặc quần áo vừa hỏi tôi phải chăng là rất thích hát, tôi đáp phải. Sau đó lần nào đến anh cũng đều mang theo CD tặng cho tôi. Toàn là bài hát tiếng Anh, tôi chưa từng nghe qua, anh nói toàn là những bài nổi tiếng, bảo giọng tôi tốt, có thể tập hát những bài này. Vì anh tặng, do đó giờ đây bài nào trong CD tôi đều biết hát, cũng nhớ luôn cả tên của người hát bài ấy. Những người hát ấy thật là ghê gớm, mỗi người khi hát hình như đều có một phép thuật nào đó mà chỉ riêng họ mới có.

Giống như Nai nói, những người đàn ông đến đây nếu không phải là chồng của người ta, thì cũng là bạn trai của người khác, hay là cha của ai đó, vì vậy trăm lần không vạn lần cũng không được có bất cứ sự hoang tưởng nào hết, nhưng rốt cuộc rồi Nai cũng đã yêu một người là khách của cô, sau này thành bạn trai của cô. Tôi bắt đầu kỳ vọng hằng ngày, tính toán những ngày có thể anh sẽ đến. Tôi chưa từng hỏi anh tên gì và làm công việc gì. Vào ban ngày, tôi đeo tai nghe, chuyển những CD mà anh tặng cho tôi thành file mp3 lưu vào trong điện thoại, nghe mãi cho tới lúc ngủ.

Vào tháng 11 năm ấy, anh đã không bao giờ còn quay trở lại nữa. Lần cuối cùng anh xuất hiện là vào ngày 31 tháng 10. Tôi không có số điện thoại của anh, cũng không cách gì liên lạc được với anh, chỉ còn nhớ được tấm lưng anh, và những CD mà anh tặng cho tôi.

Hàng ngày đợi cho đến khi được gọi tên thì đi vào trong căn phòng tối om mát xa cho thân thể của một người đàn ông xa lạ, tôi thường nghĩ rằng phòng bên cạnh không biết có xảy ra chuyện gì không. Đến nỗi phòng kế bên có xảy ra chuyện gì không tôi còn không biết. Căn phòng mà tôi thường sử dụng nhất, giấy dán tường là một bức hình bãi biển, không phải là bãi biển ở đây, có lẽ là ở Hy Lạp hay ở đâu đó, một vùng biển mà tôi chưa từng đi tới. Nói chung chỉ là một bức ảnh biển mà cơ sở trang trí đã dán đại lên đấy. Nhưng chỉ khi nào mở đèn lên ta mới có thể nhìn thấy rõ, nhưng một khi đã mở đèn, thì sẽ phát hiện ra bức tranh dán tường ấy có nhiều chỗ đều bị hơi ẩm thấm vào, nhòe đi một mảng lớn, chẳng giống với biển thật một chút nào. Chỉ khi nào vặn nhỏ cho đèn hơi sáng mới trông giống biển thật. Lúc đó, tuy biển ở gần đến vậy, nhưng tôi rất ít khi ra bờ biển, toàn là làm việc ban đêm, còn ban ngày thì ngủ.

Tôi nhớ mãi vẻ mặt của Ina khi thấy biển từ trong toa xe lửa lúc bà đưa tôi về miền Đông. Bà vỗ vỗ đầu tôi, rồi gõ gõ lên kính của sổ, miệng lầm bầm không thành tiếng để giải thích cho tôi về biển mà người Ami đã biết.

Bà nói tổ tiên của bộ lạc vốn là thần Arapanapanayan sống ở phương Nam. Khi truyền đến đời thứ tư, cô em gái nhỏ nhất là Tiyamacan trong sáu anh chị em được Thần Biển để mắt, nhưng Tiyamacan không chịu ưng gả cho Thần Biển, nên đã trốn lánh khắp nơi. Thần Biển nổi giận và dấy lên một trận hồng thủy, buộc phải cưới cho bằng được Tiyamacan.

Ina của Tiyamacan là Madapidap rất nhớ con, bà đã biến thành loài chim biển hằng ngày bay quanh bờ biển kêu thét. Còn cha cô là Keseng thì leo lên núi biến thành cây xà mộc⁷ dối trông ra biển. Sau đó, người anh cả là Tadi'Afo lên núi để tránh lụt, trở thành tổ tiên của một tộc khác, người anh kế là Dadakiyolo thì chạy qua phía Tây trở thành tổ tiên của người dân bản địa gốc phía Tây. Người con trai thứ ba là Apotok chạy về phía Nam, trở thành tổ tiên của một vài bộ lạc phía Nam. Em trai thứ tư là Lalakan và cô em gái thứ năm là Doci thì ngồi trong cái cối gỗ để mặc cho nước lũ trôi đến Cilangasan của Fakong, vì để tiếp tục duy trì nòi giống, hai người đã không còn cách nào khác, đành phải kết thành vợ chồng.

Lúc ban đầu, sau khi hai anh em lấy nhau thì liên tục vài lần sinh ra toàn rắn, rùa, thần lùn, ếch núi, không sinh ra được trẻ con. Hai anh em, không, vợ chồng rất rất là

⁷ Cây xà mộc: là một loài thực vật có mạch trong họ Cyatheaceae, thuộc bộ dương xỉ, thân có hình thù như da rắn nên gọi là cây rắn (xà mộc), có tên khoa học là *Cyathea spinulosa*. (ND)

đau lòng. Một hôm nọ, thần mặt trời đến ban phúc cho họ, để cho họ sinh ra được ba đứa con gái và một đứa con trai. Sau khi sinh ra được trẻ con, họ đều lấy họ mặt trời đặt cho chúng. Tôi không nhớ rõ những chi tiết, nhưng nói chung là, trong đó có một đứa trẻ về sau chuyển đến quê hương của chúng tôi, trở thành tổ tiên của chúng tôi.

Ina nói con người thì sẽ phải đi đi lại lại, con người lúc nào cũng đi đi lại lại, đi tìm nơi mà mình muốn sống và sống được. Sống ở đầu này của ngọn núi, có thể là do núi sạt lở buộc phải dời sang sống ở đầu kia của ngọn núi; nếu sống ở đất bằng, có thể sẽ bị một số người khác ép phải lên núi sống, nếu sống trên một hòn đảo, có khi cũng có thể chạy đến một hòn đảo khác. Tôi cảm thấy Ina nói rất đúng.

Vào cuối năm đó, tôi tính toán thấy mình đã dành dụm được một số tiền, do đó mới đi mua miếng đất chỗ Sisid Thứ bảy ấy, bắt đầu cất nhà. Rồi qua thêm một năm, rốt cuộc tôi cũng rời bỏ công việc đó.

Hồi mới bắt đầu mở tiệm vô cùng gian khổ, tôi không có ai giúp, có rất nhiều việc tự mình phải mò mẫm. Đồng thời tôi cũng phát hiện được một việc rất thú vị, sau khi mở tiệm, rất nhiều vị khách sau lần đầu tiên đến thì không bao giờ quay trở lại. Cậu đoán xem vì sao? Đúng vậy, trước đây họ đều là khách của tôi. Có lẽ họ không quen nhìn thấy tôi ở nơi sáng sủa.

Nhiều khi tôi còn nghĩ, có khi nào vào một ngày nào đó anh ấy cũng đến Sisid Thứ bảy, gọi một ly cà phê *salama* hay gì đó, ngồi vào vị trí ngọn hải đăng, tôi thì không nhận ra anh ấy đâu, vì không thể nào anh ấy lại cởi áo ra cho tôi xem mà. Dù sao đi nữa, như tôi nói ấy, tôi chỉ nhớ được tấm lưng anh, tôi biết được từng nốt ruồi, từng cục thịt dư và màu da trên lưng anh ấy. Nhưng tôi chỉ nhận ra được lưng của anh.

Nếu như anh ấy đến, tôi sẽ hát những bài hát trong CD cho anh ấy nghe, ở phía sau lưng anh, hát những bài hát trong CD cho anh ấy nghe.



CHƯƠNG TÁM

Detlefs sờ vào tảng đá vừa bén lại vừa cứng hơn sắt, bất giác tim đập loạn xạ. Khi trông thấy hiện trường đã được thu dọn, chiếc máy đào hầm chỉ lộ ra phần đuôi máy, anh nhận thấy cỗ máy to lớn thân thiết với anh này giống như một con côn trùng kỳ lạ bị kết dính trong nhựa cây, đầy bất lực. Phút chốc, một cảm giác vừa thất bại vừa đau lòng trộn lẫn với nhau bùng dậy trong tâm hồn anh.

21. Xuyên qua núi

DETLEF NGỒI TRÊN MÁY BAY nhìn xuống hòn đảo này, nghĩ bụng: "Hơn ba chục năm rồi."

Hơn ba chục năm trước đúng vào lúc ý chí anh phơi phới nhất, anh tham gia dự án thiết kế máy đào hầm (Tunnel Boring Machine) quy mô lớn nhất thế giới, thay đổi phương pháp đào đường hầm xuyên núi mà trước đây toàn bằng cách cho thuốc nổ đánh sập. Detlef tham gia với tư cách là một cố vấn, đến hòn đảo này trong một thời gian ngắn, tham dự hội nghị chuyên gia về xuyên thông mạch núi. Lúc đó Detlef đi và về trong vội vã, đồng thời cũng không quen biết được quá nhiều người, do đó lần quay trở lại này anh chỉ thông báo cho một kỹ sư đã hợp tác trước đó, cũng được xem như có chút quan hệ tên là Lý Vinh Tường. Anh chỉ muốn tổ chức một chuyến du lịch thăm lặng với Sara, tuy nhiên chuyến đi này không phải là một chuyến du lịch thuần túy, ít nhất thì Sara cũng không có suy nghĩ này.

Sara là một nhà sinh vật học hải dương, có một giai đoạn rất dài cô đã nghiên cứu về quần xã sinh vật duyên hải Na Uy. Cô và Detlef tình cờ gặp nhau trên biển. Lúc đó, có một nhà đầu tư đưa ra kế hoạch khai thác băng cháy, trong đoàn thiết kế dự án bao gồm có Detlef và vài học sinh tương đối ưu tú nữa, họ đều là những chuyên gia trong kỹ thuật khoan tìm, do đó mà Detlef nhận lãnh chức vụ cố vấn.

Lúc đó tàu khảo sát đang hoạt động tại hải vực gần thêm lục địa, đúng lúc Sara đang dẫn đầu nhóm phản đối tàu đánh bắt cá voi. Giữ thái độ không phải việc của mình, Detlef đứng trên tàu quan sát diễn tiến sự việc. Anh là người tin tưởng vào sự chuyên nghiệp, do đó thái độ quan sát sự việc trước mắt của anh ít nhiều cũng có vẻ phân xét đầy ngạo mạn.

Tàu của nhóm phản đối không lớn, biểu ngữ dài bay phất phơ trong làn gió lạnh như cắt da cắt thịt, "PHẢN ĐỐI SÁT HẠI NGƯỜI KHỔNG LỒ ĐẠI DƯƠNG," mái tóc đỏ của Sara cũng tung bay trước biểu ngữ, đặc biệt thu hút ánh nhìn. Không biết là do cố ý hay gì, không lâu sau, tàu đánh bắt cá voi chuyển hướng thay đổi đường đi, vì vậy đã hơi cọ quẹt vào mé tàu phản đối. Tuy chỉ là cọ quẹt, nhưng có thể do sự chênh lệch trọng lượng tàu quá lớn, tàu phản đối đã không chịu nổi cú va chạm nên bị lật úp, thế là toàn bộ nhóm phản đối đã rơi tõm xuống biển. Do khoảng cách không xa, tàu khảo sát mà Detlef có mặt ngay lập tức điều cứu viện. May mà những thành viên kháng nghị đều mặc áo phao cứu hộ, và hình như cũng rất hiểu biết làm thế nào để tự

cứu mình trong trường hợp này, khiến cho Detlef nhất thời cho rằng tàu phản đối đã cố ý cho cả con tàu lật úp. Lúc đó, khi Detlef trông thấy cô gái có mái tóc đỏ ướt sũng được đưa lên xe cấp cứu, cô này vô tình đã nhìn vào ánh mắt của anh, trong chớp mắt anh cảm thấy mình đã bị cái gì đó bắn trúng một cách không thể phủ nhận (từ thường dùng nhất trong báo cáo nghiên cứu của anh).

Sau khi viện lý do thăm bệnh để làm quen với Sara, địa điểm mà họ thường hẹn hò nhất đó chính là bờ biển. Trước mắt họ là vùng biển bị nhiệt độ thấp đã làm cho hoàn toàn không giống với những hải vực khác, ánh đèn từ đằng xa như tàn tro lập lờ. Hai người nói với nhau từ hậu quả sinh thái do khai thác băng cháy tạo nên, cho đến nghề đánh bắt cá voi và sự thay đổi sinh thái loài sò ở ven biển, ngoài ra, cô gái tóc đỏ này thỉnh thoảng cũng sẽ nói với Detlef về thơ, những nhà thơ mà cô thích nhất, ví dụ như Keats hay là Yeats.

Một lần nọ, họ đã tranh cãi về việc Na Uy nên tiếp tục đánh bắt cá voi hay không. Sara nói: "Anh chưa từng tận mắt chứng kiến một con cá voi Minke đổ máu chết ngay trước mắt anh, do đó mới có thái độ chẳng chẳng có gì to tát."

"Nhưng có không ít người đánh bắt cá voi bởi vì tổ tiên họ chính là người đánh bắt cá voi."

"Nhưng cũng có không ít người đánh bắt cá voi mà nghề nghiệp của tổ tiên họ không phải là đánh bắt cá voi. Ý của tôi là, chẳng lẽ nghề nghiệp lại không thể thay đổi? Chẳng lẽ truyền thống là không thể thay đổi?"

"Có lẽ vậy," Detlef nói: "Nhưng cô cũng phản đối luôn cả việc khai thác băng cháy?"

"Đúng vậy."

"Nhưng khai thác băng cháy chẳng làm hại đến ai cả."

"Chẳng làm hại đến ai còn phải xem xem định nghĩa ai của anh như thế nào. Băng cháy khác với dầu mỏ, anh cũng biết đấy, trước mắt các nhà khoa học đoán định nó được tạo ra khi khí thoát ra từ dưới lòng đất đứt gãy ở tầng sâu, cho đến khi lắng đọng và kết tinh lúc tiếp xúc với nước biển lạnh ở sâu dưới đáy biển. Do đó nó thường xuất hiện ở lớp kết cấu vật chất lắng đọng tầng sâu, đương nhiên có một bộ phận sẽ nằm lộ ra ở lòng biển. Cũng có nghĩa là, băng cháy kỳ thực vẫn là một phần của lòng biển. Căn bản là chúng ta không hiểu được việc khai thác băng cháy sẽ tạo ra sự tổn hại như thế nào đến cục địa, nói không chừng có thể thay đổi cả địa hình yếu ớt và khí hậu cục bộ, chẳng phải sao? Thử chết đi có lẽ không phải là con người, nhưng các loài sinh vật khác không thể chịu nổi sự biến động môi trường kịch liệt như thế này."

"Nhưng không khai thác gì hết, thì nhân loại sẽ sống như thế nào?"

"Sao không nói, dân số nhiều quá, thì các loại sinh vật khác phải sống sao? Nếu như dân số của nhân loại được tiết chế lại một chút, thì chúng ta không cần phải khai thác quá nhiều từ môi trường chẳng phải sao?"

"Tôi cho rằng, chỉ có con người mới có thể phát minh ra được các loại phương thức để duy trì cuộc sống càng nhiều người hơn, điều này có nghĩa là địa cầu có thể nuôi sống được 'nhiều người như thế', giống như cuộc Cách mạng xanh. Trách nhiệm của thế hệ chúng ta bây giờ, là phải nuôi sống con người đã được sinh ra."

"Nhưng thực tế thì các loại chứng cứ hiện giờ cho thấy là địa cầu không thể nuôi sống được 'nhiều người như thế', và nếu như mọi người đều sống như tôi và anh, thì phải cần đến ba quả địa cầu, điều này đã được tính bằng phương pháp dấu chân sinh thái vào cuối thế kỷ trước rồi. Và tiền của mãi mãi không bao giờ chảy vào lớp người bản cùng, và họ luôn luôn là nhóm có tỷ lệ sinh nở cao nhất. Vấn đề này không thể dựa vào chính trị để giải quyết, cũng không thể nào dựa vào cuộc Cách mạng xanh mà giải quyết được. Những con người theo chính trị đều đã chiếm cứ vị trí quyền lực có lợi trong chính trị, người giàu cũng đã chiếm lấy vị trí có thể kiếm ra nhiều tiền hơn, thực sự họ chẳng quan tâm gì đến bọn người ăn không đủ no đâu."

"Thứ lỗi cho tôi nói thẳng, cuộc sống mà cô sống hiện giờ chẳng lẽ không được tính là cao cấp à?"

"Tôi cố gắng hết sức có thể không lãng phí tài nguyên để nuôi sống chính bản thân mình. Cố gắng hết sức có thể, còn hơn là không cố gắng hết sức một thứ gì cả."

Detlef suy nghĩ về câu nói này, rốt cuộc thì cuộc sống của mình có cái gì là lãng phí?

"Tuy rất nhiều người nói rằng các nhà khoa học không sử dụng cảm tính để phán đoán đúng sai, nhưng kỳ thực các nhà khoa học chỉ có thể cố phán đoán đúng sai, mà không có khả năng đưa ra những lựa chọn chính xác. Tôi muốn làm một người có thể đưa ra những lựa chọn tốt hơn, chứ không dùng những cách nói ngụy thiện chết tiệt của 'phái trung lập chuyên nghiệp' gì đó để trốn tránh những vấn đề chết tiệt này. Chỉ cần dân số dừng tăng thêm, và chúng ta phải thay đổi cách sống, thì hoàn toàn không cần phải khai thác băng cháy làm gì." Mái tóc hung đỏ của Sara bị gió biển thốc tung lên, như một thứ duy nhất đang bùng cháy trong màn sương trắng xanh.

"Anh biết tại sao chỗ này được gọi là Storegga không?" Sara muốn đổi chủ đề, để tránh bầu không khí ngại ngùng này tiếp tục diễn ra.

Detlef lắc đầu.

"Trong tiếng Na Uy, nó có nghĩa là 'ngoại vi khổng lồ'. Mấy chục năm trở lại đây vì trái đất ấm lên nhanh hơn, một số hợp chất hydrate trong lớp băng đóng ở thềm lục

địa tan ra, do đó sinh ra bọt khí. Bọt khí khiến cho các kết tinh tách nhau ra, dẫn đến lớp trầm tích trở nên không được ổn định, gây ra sự sạt lở và di chuyển của một lớp trầm tích cao khoảng hai trăm năm mươi mét, rộng chừng vài trăm mile, cơ hồ như rộng bằng nửa khoảng cách giữa Na Uy và đảo Greenland. Toàn bộ hệ thống sinh thái ven bờ đều bị thay đổi. Ban đầu các nhà khoa học địa chất cho rằng, điều này chỉ khoảng một trăm ngàn năm mới xảy ra một lần, kiểu như di chuyển địa tầng đồng bộ với chu kỳ băng hà. Nhưng anh có cho rằng một trăm ngàn năm sau mới xảy ra một lần nữa không?"

"Điều này cũng khó nói."

"Đúng vậy, rất khó nói." Sara vén lại mái tóc đã tung bay theo ngọn gió, và nói: "Lý thuyết xác suất chẳng có ích gì nhiều trong việc dự đoán cái kiểu thảm họa như thế này, vì chỉ có hai khả năng hoặc xảy ra hoặc không xảy ra. Với tôi, nếu như có một ngày mà lớp băng đóng ở thềm lục địa lại tiếp tục sạt lở và di chuyển một lần nữa, thì tôi không mong việc ấy là do loài người đào bới trái đất. Còn nếu đây là chuyện do chính tự nhiên sinh ra, tôi chẳng có lời gì oán trách, vì tôi không kiểm soát được điều đó, cũng không cách nào kiểm soát được. Dù có thế nào đi chăng nữa, tôi cũng không mong rằng đó là do con người gây ra. Tại sao nhân loại lại phải sinh sôi nhiều tới mức chúng ta đông đúc phủ kín cả địa cầu thế? Đã quá đủ rồi! Tôi không có con và cũng không định có con, vì thế tôi trăn trở về những vấn đề này không phải là vì con cháu của chính tôi đâu."

Detlef nhìn trân trân vào chân mày cũng đỏ hung như mái tóc của Sara, và đôi mắt màu nâu ở phía dưới nó. Anh muốn phủ nhận cái thông tin rằng mình đã bị đôi mắt ấy mê hoặc, nhưng không cách gì phủ nhận được.

Trên thực tế, Sara chú ý đến vực xoáy rác đã lâu. Rất sớm, từ khoảng cuối thế kỷ rồi, nhiều nhà hải dương học đã bắt đầu chú ý một cách sát sao và nhiệt liệt thảo luận về sự phát triển của vực xoáy rác trên đại dương này, Sara đã nộp đơn xin Viện Khoa học Quốc gia Na Uy một dự án để nghiên cứu đề tài sự va chạm của vực xoáy rác với vùng bờ biển, nhưng khi đơn nộp vẫn còn trong giai đoạn xét duyệt, thì vùng ngoại vi vực xoáy rác đã va vào bờ Đông của hòn đảo nhỏ khu vực Thái Bình Dương này. Sara quyết định tự bỏ kinh phí ra để đến Đài Loan thử một lần trước xem sao. Đối với cô, bất cứ thứ gì làm tổn hại đến biển cũng chính là làm tổn hại đến cô. Detlef cũng nương theo lý do đó, mượn cớ đưa cô đến nơi mà nhiều năm trước anh đã từng đến, để quay trở lại hòn đảo.

Người đến đón hai người họ ở sân bay là Lý Vinh Tường, kỹ sư người Đài Loan mà năm xưa đã tham gia vào công trình đào đường hầm xuyên núi. Lần đầu tiên anh và

Detlef gặp mặt nhau là lúc anh vừa mới kết hôn, giờ đây anh đã là một người đàn ông có nây bụng nhô ra và tóc thưa thớt, hàn huyên bằng một cái giọng the thé, xem ra thậm chí còn có hơi già hơn cả tuổi thật của mình. Năm ấy trước khi chưa đến Đài Loan, Detlef đã nhiều lần thảo luận với anh những vấn đề có liên quan đến máy đào hầm qua internet: đại loại như những vấn đề cần chú ý khi gặp phải sa thạch giàu thạch anh cứng hơn gang thép, những vấn đề về tầng đá vụn cùng với tình trạng một lượng lớn nước tràn lên thì phải xử lý như thế nào. Kết luận cuối cùng của Detlef là đào thông đường hầm này sẽ không có vấn đề gì, nhưng vấn đề đầu tư kinh phí và thời gian có thể sẽ không tương xứng với thành quả thu được. Lý Vinh Tường thì có thái độ đại diện phía chính phủ: nhất định phải được.

Detlef hiểu được ý nghĩa của câu nói này. Kỹ sư chẳng qua chỉ là mũi khoan, là công cụ, không được thì biến ngay đi. Về phía Detlef, không hề cần nhắc vấn đề thù lao, với tư cách là một kỹ sư thiết kế máy móc, anh muốn biết, máy đào hầm có thể xuyên qua lớp sa thạch giàu thạch anh, độ cứng Mohs đạt từ 6 đến 7, cứng hơn gang 5.5 không. Detlef trẻ tuổi rất tự tin. Điều anh lo lắng duy nhất là cấu tạo lớp đá thực tế có thể sẽ không "đều" như mẫu vật lấy được và như trong tưởng tượng. Tuy đã báo cáo khoan thăm địa chất của vài mươi mét đã được tiến hành, nhưng đối với một ngọn núi lớn như thế này, đây chỉ là công sức bề mặt, còn nguyên lý kết cấu đá trong núi thực tế thì không ai biết được, tất cả đều phải vừa làm vừa liệu. Nhưng Detlef không quan tâm mấy đến những điều này. Anh vui vẻ chấp nhận thử thách, hướng hồ, có người chịu bỏ tiền ra để cho anh thử khả năng của mình.

Điều duy nhất nên lo lắng là nước ngầm tràn lên có thể sẽ đáng sợ hơn cả sa thạch giàu thạch anh. Trong quá trình khoan, nếu khoan xuyên qua lớp đá có nước, nước ngầm sẽ phun ra mang theo những mảnh vụn từ lớp đá bắn tung tóe ra ngoài. Một lượng lớn nước tràn như thế rất dễ làm máy móc hư hỏng, cũng thường dẫn đến tình trạng hầm bị sụp. Phương pháp mà năm đó Detlef nghĩ ra là kiến nghị lắp thêm băng tải xích để đối phó với việc hư tổn do nước tràn làm cho máy móc hoạt động không được thuận lợi.

Phái đoàn làm việc của xưởng gốc đã chế tạo riêng ra một máy đào hầm hai lá chắn, đường kính tới 11,74m. Một cỗ máy khổng lồ như thế này, chỉ riêng việc lắp đặt thôi đã là một công trình vĩ đại, trước sau đã phải mất hàng tháng trời. Trong giai đoạn đó điều mang lại cảm giác phấn khởi nhất cho Detlef mỗi ngày chính là nhận e-mail xem tiến độ của công trình.

Khi máy móc chính thức vận hành thì quả nhiên gặp phải trục trặc, do đá núi cứng quá mức dự đoán, mũi khoan bào sau một thời gian sử dụng sinh ra hiện tượng mòn không bình thường, nếu không thay kịp thời, thì đường kính đường hầm sẽ nhỏ đi. Khi lỗ hổng đang trước trở nên nhỏ hơn, máy đào hầm sẽ như một con mèo tuyệt vọng

chui vào trong một cái hang, đến lúc bộ phận chắn bên ngoài bị kẹt, thì lúc đó phải nhờ đến sức người giải cứu nó. Detlef đành phải nhờ đến những ghi chép báo cáo lại. Khi máy đào hầm gặp trục trặc nghiêm trọng nhất, trung bình khoảng mỗi 2,3m thì phải đổi một mũi khoan bào, và lượng nước tràn ra nhiều hơn nhiều so với tính toán ban đầu, dẫn đến việc máy móc thường xuyên phát sinh sự cố.

Sau khi Detlef xem ảnh chụp hiện trường thì không thể không thừa nhận rằng, có lẽ ban đầu anh đã quá lạc quan. Lúc đó Detlef vô cùng buồn chán, trái ngược với giai đoạn trao đổi qua e-mail khi Lý Vinh Tường lòng đầy tự tin. Chẳng biết vì sao một kỹ sư như Lý Vinh Tường, hoặc có thể nói là toàn đội thi công công trình của Đài Loan lại có được sự quả quyết kỳ diệu trong việc "đào xuyên đường hầm" này, và nó khiến Detlef vừa khâm phục, vừa có chút lo sợ lạ kỳ.

Khi xe chạy qua hầm, Detlef cố ý hạ kính cửa sổ xe xuống, tỉ mỉ tận hưởng làn gió, hơi ẩm và hệ thống thắp sáng nhân tạo của đường hầm. Hồi trước công nhân đã phải ở trong một cái hang tối tăm, mùa đông thì lạnh lẽo mùa hè thì oi bức, đào xới mất mười mấy năm. Đối thủ của nhân viên công trình chính là đá trầm tích kỷ thứ ba, là lớp xung kích nếp gấp trong chuyển động tạo núi, là nước ngầm bị giam hãm giữa các tầng địa chất trong hàng chục ngàn năm, là sự đứt gãy trượt ngang và đứt gãy cục bộ thông thường của địa tầng cắt ngang, và kết cấu của mười một đường xếp gấp lớn nhỏ. Có thể đường hầm là một thứ vĩ đại chăng? Hay là hành động dư thừa? Anh rất muốn nhân một cơ hội nào đó sẽ hỏi thử Lý Vinh Tường xem hiện tại nghĩ thế nào.

Một Detlef của hồi trẻ sẽ không ngần ngại cho là vĩ đại, nhưng anh của hiện tại thì đã có chút lay động. Vài năm trở lại đây, anh thường nói với học sinh rằng, cùng là một ngọn núi, nhưng "nội tâm" của mỗi một ngọn núi thì khác nhau rất nhiều. Anh nói: "Cần cứ theo số liệu lúc đó, trước khi khoan thực tế, thì đơn vị công trình đã khoan thăm dò năm mươi chín lỗ, thực hiện mười hai phép đo độ rung chấn, và đào thử nghiệm bảy rãnh hào, song cho dù đã khảo sát với quy mô lớn như vậy, nhưng dò nội tâm của một quả núi lớn như thế này cũng chỉ có thể nói như là một công trình 'giải mộng' mơ hồ mà thôi."

Detlef chiếu những phim ảnh tư liệu thực về nước ngầm tràn vào đường hầm mà đơn vị công trình quay chụp lại hồi lúc đó, để làm tài liệu giảng dạy. Mọi người tận mắt chứng kiến cảnh tượng nước phun ra từ trong hang động đều bị ấn tượng rất sâu sắc, một lượng nước tràn ra vượt quá 700 lít mỗi giây, giống như thể ngọn núi quyết tâm dìm chết tất cả những người trong lòng núi sâu thẳm ấy vậy.

"Bị dìm chết 'trong lòng' núi? Đây có thể là chuyện hiếm có, chẳng phải sao?" Detlef cầm cây bút trình chiếu đang ở trên tay gõ gõ vào cái bục giảng rỗng. Detlef cảm

thấy bực giảng mới hiện giờ của học viện tựa vào không được vững cho lắm, bực giảng gổ đặc trước đây rất nặng, giờ toàn là như vậy, không chú ý đến chi tiết cả.

"Còn công việc của tôi chính là thiết kế ra một dụng cụ có thể khoan thủng 'nội tâm' của quả núi." Detlef đang nhìn thẳng vào từng đôi mắt của các bạn trẻ ở dưới bực giảng: "Nhưng, thỉnh thoảng tôi vẫn thắc mắc rằng, sao không đi vòng qua, nhất là đối với một quả núi có nội tâm đặc biệt phức tạp. Đến một nơi khác thật nhanh chóng là một lối sống, còn vòng qua lại là một lối sống khác. Chúng ta tưởng mình đang tiến hành một lựa chọn khoa học, nhưng kỳ thực là đang tiến hành một lựa chọn lối sống."

Sinh viên nghe một vị giáo sư đã đạt được nhiều thành tích nói ra những lời như vậy thường kinh ngạc đến nỗi không biết phải phản ứng như thế nào.

"Tiết kiệm thời gian hẳn nhiên sẽ làm giảm bớt một số loại chi phí, nhưng thực ra đầu tiên chính phủ đã phải bỏ ra rất nhiều tiền vào dự án đó. Thỉnh thoảng khi ta cộng hết mọi thứ chi phí lại thì sẽ thấy thật sự không đáng làm đâu."

"Vậy thì như thế, thầy sẽ thất nghiệp ngay thôi," thỉnh thoảng cũng có học sinh ngỗ nghịch đáp lại như vậy.

"Không, có lẽ tôi sẽ đổi sang nghề khác," Detlef trả lời. "Có lẽ tôi sẽ chuyển sang làm nghề chăn nuôi lấy sữa hay gì đó, ông nội tôi là một nông dân chăn nuôi lấy sữa. Chúng ta sẽ nghĩ ra cách để tồn tại, chẳng phải vậy sao?" Nhiều lúc anh không chịu thừa nhận, mình nói như vậy, ít nhiều cũng vì đã chịu ảnh hưởng từ một cô gái tóc đỏ.

Có một lần Sara nghe anh nhắc về công trình này, đã đề cập tới một vấn đề mà chưa bao giờ anh chú ý đến. Với một công trình to tát như thế này, với số lượng lớn công nhân đổ vào một công trường ngang địa ngục, thì độ khó của công trình không chỉ là vấn đề, mà những thứ tế vi trong tâm lý con người càng quan trọng. Thế đơn vị thi công có chú ý đến những áp lực vô hình hay hữu hình đè nặng lên mỗi công nhân không? Những người này thực sự có nhận được đãi ngộ theo ngạch anh hùng vô danh, hay họ chỉ kiếm được món tiền mọn đủ để bỏ cái ăn vào mồm?

"Haizzz. Nhưng, mỗi một người chúng ta đều chỉ là một mũi khoan trong một công trình nào đó mà thôi, cho dù chúng ta không khoan, cũng sẽ có một người khác khoan." Detlef nói với sinh viên ngồi dưới bực giảng, và cũng nói như vậy với Sara.

Detlef không thể nào quên được, nguyên nhân khiến anh đến hòn đảo này là máy đào hầm tuyến hướng Bắc bị tắc lần thứ mười, họ phán đoán có thể là do trong quá trình khoan đã bị một lượng lớn mảnh vỡ vụn tràn vào thân máy đào hầm dẫn đến sự cố. Trên xe, Lý Vinh Tường và anh trai của anh là Lý Vinh Tiến đã thuật lại tình hình sự cố cho Detlef nghe. Hai anh em họ Lý đều là những kỹ sư đường hầm kiệt xuất, em trai

vừa mới cưới vợ, anh trai thì vẫn còn độc thân. Hai anh em có diện mạo gần giống nhau: mắt một mí, chiều cao tầm trung, tóc mái có hơi thưa thớt, thường mang kính râm màu nâu đậm gọng vuông, mặc áo jacket lao động cùng một loại.

"Lúc đó vòng gia cố ở thân sau máy đào hầm phút chốc vỡ thêm mười tám, nước bắt đầu tràn vô bên hông máy, sụp lở xảy ra không ngừng, và máy đào hầm liên tục phát ra tiếng boong boong boong rất to. Chúng tôi đã phái một vài người đến phun bê-tông vào nơi tràn nước ra, nhưng áp suất nước rất cao, do đó phun bê-tông vẫn không có tác dụng gì. Tôi còn nhớ, hình như khoảng mười phút sau, mất điện lần đầu tiên. Mất điện trong khoảng một phút đồng hồ, rồi có điện lại, nhưng đá bắt đầu rơi, cho dù là âm thanh của một hòn đá rất nhỏ rơi xuống đất, cũng dẫn đến hiệu ứng vọng âm không hề nhỏ. Tôi lập tức ra lệnh cho tất cả công nhân đang làm việc phải bắt đầu rời khỏi đó. *Chà*, tình hình lúc đó vô cùng, vô cùng, vô cùng hỗn loạn." Lý Vinh Tường nói.

"Lúc đó tôi nghe thấy tiếng đá núi rạn nứt, răng rắc hai tiếng, giật cả mình, vì tôi không nhìn được rõ lắm, nên bị ngã xuống chấn song bên dưới của máy đào hầm, bị cắt một mảng thịt trên bắp chuối. Tôi vội vã đứng dậy chạy tiếp, rốt cuộc cũng chạy ra được tới cửa hang, tất cả mọi người ai cũng như vừa mới nhặt lại được mạng sống của mình. Sau đó, sụp lở diễn ra liên tiếp, chưa đến hai mươi bốn tiếng đồng hồ, cả một công trường đang thi công đã biến mất hoàn toàn." Lý Vinh Tiến nói.

"Có thể trên tầng đá cứng là tầng ngăn nước được hình thành từ áp lực của đất địa mấy triệu năm, vào khoảnh khắc máy đào hầm phá đá núi, tầng chắn nước vỡ ra, mạch nước áp suất cao bỗng chốc tràn ra dẫn đến sụp lở. Chạy được ra khỏi đó, cũng thật là may mắn, phải cảm ơn Chúa." Detlef nghe hai anh em Lý Vinh Tường kể lại chuyện, mừng rỡ ra những chuyện xảy ra trong lòng núi, tưởng tượng ra những hư tổn có thể xảy ra cho máy đào hầm.

"Thật vậy," Lý Vinh Tiến nói: "Nếu như anh tin là có Chúa."

Người chưa bao giờ đến được tâm của núi thì tuyệt đối không hề biết được tâm của núi phức tạp và nhiều biến đổi đến vậy. Dưới ánh đèn rọi, bề mặt lớp đá giàu thạch anh sáng lên nhấp nháy, nước ở những khe hở trên vách đá vẫn trào ra như một loạt dòng thác nho nhỏ, như một cảnh giới lạ trong vũ trụ mà ta chưa bao giờ đặt chân tới. Những chuyên gia địa chất cùng nhóm lăng xăng thu thập mẫu vật, nhân viên của công trình thì đang đo đạc, tính toán, ước lượng chi tiết của vụ sụp lở. Trong một không gian chỉ cao tầm nửa người, khắp nơi toàn đá vụn, dây cáp, sắt thép cong quắp và những linh kiện máy móc vỡ vụn. Detlef sờ vào tảng đá vừa bén lại vừa cứng hơn sắt, bất giác tim đập loạn xạ. Khi trông thấy hiện trường đã được thu dọn, chiếc máy đào hầm chỉ lộ ra phần đuôi máy, anh nhận thấy cỡ máy to lớn thân thiết với anh này giống như một con côn trùng kỳ lạ bị kết dính trong nhựa cây, đầy bất lực. Phút chốc, một

cảm giác vừa thất bại vừa đau lòng trộn lẫn với nhau bùng dậy trong tâm hồn anh. Đi ngược lại đạo đức nghề nghiệp, anh thậm chí còn nghi ngờ rằng phải chăng mình đang làm tổn hại đến điều gì, hoặc là sắp sửa làm kinh động thứ gì đó.

Nhưng cảm giác ấy chỉ thoáng qua, rồi tan biến ngay. Detlef là một nhân viên kỹ thuật, những gì anh được dạy không phải là hoài nghi cũng không phải là tưởng tượng, mà chính là đánh giá và ước lượng gì là có lợi nhất, đưa ra cách xử lý nhanh chóng nhất đối với tình huống trước mắt. Anh tỉ mỉ quan sát tình trạng hư tổn của chiếc máy đào hầm chỉ còn nhô ra một phần, đồng thời qua người phiên dịch và nhân viên công trình trên mặt đất trao đổi với các đồng nghiệp ở dưới hầm để đưa ra phương pháp cứu hộ trong khả năng.

Đúng vào lúc này, từ nơi sâu thẳm của ngọn núi đột nhiên phát ra một âm thanh cực đại, âm thanh ấy Detlef chưa từng nghe qua trong đời, có thể nói chỉ xuất hiện trong giấc mơ mà thôi.

Tất cả nhân viên công trình bỗng chốc im bật, ngoài tiếng nước chảy, không còn gì khác nữa. Trên khuôn mặt của mỗi người đều mang vẻ nghi hoặc, tiếng thở trở nên gấp gáp. Có lẽ là trong khoảng vài giây hay là nửa phút gì đó, ánh đèn vụt tắt, "Lại mất điện nữa rồi!" Detlef nghe thấy Lý Vinh Tường hét to một tiếng, như yêu cầu mọi người giữ im lặng. Công nhân rõ ràng được huấn luyện tốt, không tháo chạy hoảng loạn, và ai ai cũng đều giữ trật tự, chỉ có tiếng thở dốc là không thể nào khống chế được. Tiếng thở hùng hục của bọn đàn ông trong hang động như thể trong hang có vô số con thú hoang đang ngấm ngấm mai phục. Và bóng tối ấy là bóng tối mà chưa ai từng trải qua, ở trong lòng một quả núi, một bóng tối tuyệt đối. Được một lúc, từ đằng xa của ngọn núi âm thanh ấy lại vọng về một lần nữa, giống như âm thanh trước là tiếng dặm chân phải của một con vật khổng lồ nào đó, còn lúc này là tiếng dặm chân trái của nó vậy... sau đó tiếng thứ ba lập tức nối theo, tựa như có một người nào đó từng bước từng bước một tiến lại gần hang động... Không, có lẽ nên nói là rời khỏi.

"Zou!", Detlef hiểu được từ tiếng Hoa này. Lý Vinh Tường vừa ra lệnh, tất cả nhân viên công trình bắt đầu chạy nhanh về phía cửa hang. Khi đến cửa hang, hỗn loạn chưa ổn định, người thì chống tay lên vách đá, người thì quỳ mọp xuống đất thở hổn hển. Nhưng chỗ sâu trong động vừa rồi không xảy ra sập lở thật sự. Song đối với tất cả mọi người mà nói, có sập lở hay không sập lở thì cũng không có gì khác nhau, ở trong hang động ấy, có một áp lực rất kỳ quái, rất nặng nề, một bầu không khí không chấp nhận cho ai ở lại cả, và mỗi người đều cảm nhận được như vậy.

Sau đó Detlef xem báo cáo sự cố mới biết là thực ra đèn bị tắt hoàn toàn lúc ấy không quá một phút đồng hồ, điện dự phòng ngay lập tức được khởi động. Nhưng tất cả mọi

người có mặt ở trong hang động lúc đó, chừng ra khỏi đều cho rằng tình trạng mất điện ít nhất phải hơn mười phút đồng hồ. Sự chênh lệch thời gian ấy, Detlef cứ tự hỏi rốt cuộc là do tâm lý, hay là thực tế như vậy? Vì thời gian mất điện không lâu, và không có sự cố tiếp theo nào phát sinh, Lý Vinh Tường bảo cấp trên muốn tránh phiền phức, nên đã xóa đi dữ liệu ghi chép này. Detlef nghĩ, nếu anh là quản lý, chắc cũng sẽ quyết định xóa đi thôi. Rốt cuộc âm thanh đó là gì? Dĩ nhiên không có một chữ nào nhắc đến nó trong báo cáo. Anh hỏi Lý Vinh Tường rằng nó có giống với âm thanh của hai lần sụp lở mà anh đã từng trải qua trong hang động ấy không, Lý Vinh Tường nói:

"Hoàn toàn không giống. Âm thanh sụp lở rất rõ ràng là tiếng đá va đập và tiếng đá núi nứt vỡ, âm thanh của lần ấy... À, anh cũng biết mà, nghe giống như tiếng bước chân khổng lồ."

Tiếng bước chân khổng lồ. Miêu tả này chính xác từng li từng tí với suy nghĩ của Detlef.

Hóa ra để giải cứu máy đào hầm không khó khăn mấy, nhưng ngay sau khi mọi người chạy thoát được, lại xảy ra một trận sụp lở khác, tình huống càng trở nên phức tạp hơn. Detlef ước lượng kinh phí sửa chữa máy đào hầm hầu như bằng mua một chiếc máy mới. Anh bỏ ra một tuần để viết báo cáo, dự tính thời gian sửa chữa ít nhất là ba mươi tám tháng. Sau khi thương lượng kỹ càng, cuối cùng đơn vị thi công công trình quyết định tháo dỡ máy đào hầm, đồng thời sẽ tiến hành phương pháp khoan nổ một đoạn đường hầm.

Cả đời Detlef cũng nhớ mãi, đó là vào cuối năm 1997, Hong Kong vừa trả về cho Trung Quốc, và mấy hôm sau là lễ Giáng sinh. Hôm từ chỗ văn phòng công trình về đến khách sạn tại Đài Bắc, tuy không có mưa, nhưng mọi góc đường Đài Bắc đều phủ kín một màn sương màu lam nhạt lạnh lạnh và ẩm ướt. Tuy người theo đạo trên thực tế không nhiều, nhưng hòn đảo phương Đông này lại rất háo hức với ngày lễ tôn giáo này, khắp nơi đều dựng cây thông Noel rất lớn.

Khi lần đầu tiên Detlef đem chuyện trải qua trong giai đoạn này kể cho Sara nghe trong một quán cà phê ở Berlin, bằng giọng nửa thật nửa đùa anh hỏi cô rằng:

"Hai người chúng tôi đều có cảm giác như là có tiếng bước chân, nhưng, trong đường hầm đó làm sao có thể có tiếng bước chân được?"

"Ai biết được chứ." Sara cảm thấy câu trả lời này thật quá hời hợt, thế là bèn thử dặm thêm vào đôi chút: "Uhm. Tôi đã nghiên cứu đại dương hai mươi năm, nhận thấy một điều là, biển của mỗi một nơi đều có một âm thanh đặc trưng, không hề giống nhau. Chú ý lắng nghe, còn có thể phân biệt được âm thanh ấy là do gió hay là nước vỗ vào đá, hay là cá nhảy lên vỗ vào mặt nước. Núi cũng có kiểu âm thanh như thế đúng không? Cũng giống như có nhiều loại âm thanh của biển chúng ta nhận không ra, rất

có thể núi cũng có rất nhiều loại âm thanh mà chúng ta chưa từng nghe qua, lấy ví dụ như có nhiều loài thực vật đã tuyệt chủng, thế thì âm thanh phát ra khi loại cây đó bị gió thổi lay động chúng ta cũng không còn được nghe thấy nữa. Đúng từ góc độ này, nói không chừng đó là một loại âm thanh của núi mà chúng ta vẫn chưa được biết."

Detlef hiểu, thậm chí còn có cảm giác như cô gái này nói đến tận đáy lòng anh. Trên thực tế, Detlef có năng lực thính giác khác thường, nên mới có hứng thú với công việc khoan dò như vậy. Nhưng anh vẫn chưa chịu thua ngay mà rằng: "Nhưng, nói như thế chẳng phải là đã quá nhân hóa rồi chẳng..."

"Nhân hóa? Tại sao không thể nhân hóa chứ?" Sara cười, nụ cười ấy khiến cho lòng dạ Detlef thất lại.

"Cô nói nghe giống thi sĩ hơn chứ chẳng giống nhà khoa học."

"Tôi là thi sĩ, cũng là nhà khoa học." Sara nói: "Nhưng thực ra tôi thích làm thi sĩ hơn."

Detlef trông thấy Sara để lộ chiếc tai nhỏ nhỏ, cảm thấy chiếc tai ấy giống như một con vật be bé e thẹn ngại ngùng, nấp sau mớ tóc như đang bùng cháy.

Chiếc xe đã đến đoạn cuối của đường hầm, chỉ số lý trình bên cạnh bức tranh trên tường đã giảm còn có 1, ánh sáng đằng xa đã lấn rọi vào đường hầm, Detlef nói với Lý Vinh Tường rằng:

"Thông hầm rồi, thật là không thể tưởng tượng nổi, một ngọn núi như thế này cũng có thể xuyên thủng được."

"Thật vậy." Không rõ giọng của Lý Vinh Tường là tự hào hay là tâm trạng gì đó khác: "Anh còn nhớ hồi đó tôi đi đón anh, ở trên xe tôi bảo với anh rằng mình vừa cưới vợ không? Giờ thì con gái lớn của tôi cũng đã có chồng có con rồi đấy."

"Chỉ mỗi đường hầm mà phải đào mất mười lăm năm ròng rã. Nói thật chứ, anh có cảm thấy thời gian mười lăm năm trời chỉ để rút ngắn chuyến đi một tiếng đồng hồ, ngần ấy năm có đáng không?"

"Đáng không à? Tôi cũng chẳng biết, trước giờ tôi chưa hề nghĩ về vấn đề này, đây là công việc của tôi. Công việc của tôi không phải đi đánh giá nó đáng hay không đáng."

"Nhưng lòng của núi đã rộng," Sara tiếp lời.

"Gì cơ?"

"Chẳng có gì. Tôi chỉ nghĩ rằng, một ngọn núi đẹp đẽ như thế này mà lòng thì rộng," Sara nói. Đèn đường trong đường hầm đã được đổi thành dạng tận dụng ánh

sáng môi trường xung quanh. Kỹ thuật đèn thấp sáng mấy năm gần đây đã tiến bộ rất nhiều, nằm ngoài đường hầm mới vừa hoàn thành thay đổi lắp đặt. Nhìn thẳng lên, trên vách đường hầm như có từng cánh từng cánh cửa sổ giếng trời, như thể ánh sáng được rọi xuống từ bầu trời, chứ không phải là ánh sáng mà con người đã tạo ra. Trong khoảnh khắc xe rời khỏi đường hầm, ánh sáng nhân tạo được tiếp nối bởi ánh sáng tự nhiên. Trước khi chui vào đường hầm thì thời tiết trong cũng được tính là đẹp, nào ngờ khi chui ra khỏi hầm ở đầu này thì mây mù có chút âm u.

Lý Vinh Tường nói bằng một giọng cơ hồ như không thể nghe được, rằng: "Đối với anh trai tôi mà nói thì chắc chắn là không đáng." Detlef biết Lý Vinh Tiến sau đó chết trẻ, nhưng Lý Vinh Tường không nói cho anh nghe, trong một lần khoan nổ, hai người bạn cùng nhóm với anh trai anh bị đất đá sạt lở đè chết ở trong hầm. Anh trai may mắn thoát chết, nhưng từ đó ý chí mất dần trầm trọng, chỉ còn giống như một chiếc máy thao tác. Sau khi thông hầm, vào một ngày nọ hàng xóm phát hiện anh đã tự sát bằng hơi gas ở trong nhà, mỗi một khe hở trong nhà đều được dán kín một cách hoàn mỹ, giống như một hang động vậy.

"Thực ra kể từ sau khi thông hầm, đây là lần thứ hai tôi đi vào đường hầm này." Lúc này Lý Vinh Tường nhìn vào kính chiếu hậu, thoáng trông như khuôn mặt của anh trai anh, nói bằng giọng không thể nào nghe ra được nó mang tâm trạng gì:

"Đợi chút nữa là thấy được biển rồi."

22. Cơn bão sắp đến

ATILE'I UỐNG LY THỨC UỐNG mà Alice đưa cho cậu và nói: "Nước này có mùi như đất sau khi bị đốt."

Alice không hiểu cậu đang nói gì, tưởng cậu đang hỏi tên của thức uống, bèn nói: "Đó là coffee, cà phê. Đây là *salama* theo phương pháp độc quyền của Hafay, tôi học theo cách của cô ấy đấy."

Đôi bên giao tiếp với nhau chậm chạp, họ phải quay lại những gì cơ bản nhất như từ nào thì chỉ cái gì, có sự vật mới, có tên mới của sự vật cũ, đây là một việc vô cùng khó khăn, đối với cả Alice và Atile'i. Nhưng Alice dần nhận ra, mặc dù khoảng cách ngôn ngữ tương đối xa, thì dần dần cũng sẽ đối thoại được, thậm chí nhiều lúc cũng không cần phải sử dụng loại ngôn ngữ định nghĩa thông thường. Ví dụ khi Atile'i phát hiện ra Alice không hiểu được ý cậu, cậu sẽ bổ sung cho ngôn ngữ hoặc cảm xúc bằng "cây sáo biết nói." Khi Atile'i thối sáo biết nói để thể hiện thêm tâm trạng, cô sẽ hiểu ngay. Có một lần Atile'i miêu tả vẻ đẹp của người yêu cậu là Rasula, "Đẹp đến nỗi có thể vỗ an *salikaba* của tất cả mọi người," ban đầu cô nghĩ mãi vẫn không ra ý nghĩa của *salikaba*, nhưng khi Atile'i lấy sáo biết nói ra, định thần thổi ra một khúc nhạc ngân ngân, Alice bèn hiểu ngay. "Đẹp đến nỗi có thể vỗ an linh hồn của con người, đúng không? *Salikaba* có nghĩa là linh hồn, đúng không?" như thế cậu đã mở miệng nói ra như thế.

Chuyển dịch tiếng sáo thành ngôn ngữ, Alice của mười hôm trước có thể vẫn nghi ngờ không biết nó có đáng tin không, nhưng Alice của lúc này sẽ nói: "Hầu như tôi có thể hiểu được hoàn toàn ý nghĩa mà Atile'i biểu đạt bằng sáo biết nói." Sáo biết nói giống như một công cụ trung gian ngôn ngữ giữa hai người họ, có thể khiến cho đôi bên làm quen với những từ vựng cơ bản của ngôn ngữ và nguyên lý vận dụng. Giống như thể có một tinh linh nào đó, bay đến bên tai Alice và bảo với cô rằng Atili đang nói gì.

Atile'i rất trân quý cây sáo biết nói của cậu, vì đó là món quà mà Rasula đã tặng cậu. Bình rượu kiki'a đã mất, may mà sáo biết nói vẫn còn đây, nhờ cậu nắm chặt nó trong tay. Sáo biết nói lớn chừng 10 phân, là một loại nhạc cụ thổi hơi nằm ngang, được khoét vài cái lỗ trên thân một loài thực vật thân gỗ nào đó. Điểm khác biệt với sáo là lỗ

của nó được khoét hai hàng. Do thể tích nhỏ, thậm chí Atile'i không cần dùng đến tay cũng vẫn có thể ngậm trên miệng mà thoải.

Có lẽ bản thân Alice cũng có năng khiếu ngôn ngữ, nên sau vài tháng, hầu như cô đã hiểu được ba, bốn phần mười những từ dùng cơ bản của Atile'i. Đương nhiên nói vẫn còn rất khó khăn, dù gì thì nguyên tắc phát âm của hai loại ngôn ngữ cũng khác nhau hoàn toàn. Alice chuyển dần từ sử dụng hoàn toàn ngôn ngữ của mình sang cách xen lẫn tiếng Wayo Wayo vào, điều này cũng khiến cho Atile'i càng lúc càng cảm thấy yên tâm. Cậu vốn biết người phụ nữ này không có ác ý đối với mình, nhưng chủ yếu là nhờ tác dụng an ủi của ngôn ngữ. Dù sao đi nữa, cậu luôn có cảm giác, không chắc chừng cả đời này cũng không còn cơ hội nghe người khác nói tiếng Wayo Wayo nữa, sẽ chết trong thế giới đầy ắp những điều kỳ dị và lạ lẫm này. Mà lúc này vẫn còn có thể nghe một người nói lắt nhắt tiếng Wayo Wayo, Atile'i cảm thấy hạnh phúc vô cùng.

Nhiều lúc chỉ nhìn vào những biểu cảm của Atile'i, Alice khó phán đoán được là cậu có đang nghe hay hiểu không. Cậu thường dỗi mắt ra đằng xa, lăm bằm một mình, sau đó cô mới biết được những câu ngắn ngủn ấy có nghĩa là: "Rồi cá sẽ đến."

Rồi cá sẽ đến, mưa cũng sẽ đến. Những năm gần đây hòn đảo nhiều mưa hơn thấy rõ, và mưa mỗi năm một kịch liệt hơn. Vào những ngày mưa Alice rất dễ nhớ Toto, nhìn vào ánh mắt của Atile'i trông ra đằng xa, Alice cũng rất dễ nhớ Toto. Atile'i lớn hơn Toto khoảng chừng năm sáu tuổi, vì cậu bảo rằng mình ra biển sau khi trải qua một trăm tám mươi lần mặt trăng sinh ra và chết đi, tuy không thể xác định được cậu đã phiêu dạt trên biển bao lâu, nhưng trên khuôn mặt màu nâu hạt dẻ đậm vẻ hốc hác gầy gò ấy nhiều lúc vẫn lộ ra nét trẻ con.

Có thể nói là ngoài việc tìm thấy Ohiyo ra, Alice còn tìm được người mà cô chịu bày tỏ nỗi nhớ nhung Toto của cô. Hoặc cũng có thể do Atile'i vốn dĩ nghe không hiểu hết những tiểu tiết Alice nói, nên cô càng dễ dàng thổ lộ nhiều hơn. Alice biết, tuy mọi người chung quanh không nói, nhưng họ nghe Alice nói về Toto thì cũng đã đi từ đồng tình, nhẫn nại, đến phiến toái và chán ghét rồi. Hễ thấy cô, họ bèn bảo mình cảnh giác, cô ấy lại xuất hiện rồi.

Có lẽ ngôn ngữ đã làm cho câu chuyện có vẻ xa cách, nhưng Atile'i nhạy cảm vẫn biết được, người phụ nữ này đang nhớ nhung con trai mình. Không còn nghi ngờ gì nữa, không cần hiểu được nội dung câu chuyện, cậu cũng có thể cảm giác được điều này. Có một lần Alice kể cho cậu nghe chuyện khi Toto còn ở đây, cậu nhớ một câu của thầy Quản biển nói, thế là cậu bèn kể lại cho Alice nghe:

"Ina'e kasi ka mona'e lulala, i'a sudoma."

Alice hiểu *mona'e* có nghĩa là biển, *lulala* là hoa, *sudoma* là bãi biển, Alice đã học được mấy từ vựng này, nhưng không hiểu được nghĩa của cả câu ấy. Cô hỏi cặn hỏi kỹ Atile'i hàm ý của nguyên cả câu, mất không ít thời gian, cô mới cảm giác rằng có lẽ mình cũng đã hiểu được cả câu. Câu ấy có thể hiểu như thế này:

Không một bờ biển của hòn đảo nào có thể giữ chặt được con sóng.

Câu cách ngôn, châm ngôn này, chắc như đinh đóng cột, cho dù có nghiệm chứng khoa học thì cũng được xem là chân lý. Sóng không thể nào ở lại trên bãi biển được, châm ngôn và sàm ngôn lúc nào cũng chỉ cách nhau một vạch kẻ, Alice nghĩ vậy.

"Chỉ có cá voi mới ở lại trên bãi biển," Atile'i nói. Người Wayo Wayo cho rằng, vì những người không thể nào ra biển đánh bắt được mà cá voi đã tự sát. Sinh vật dưới biển tự sát bằng đất liền, linh hồn sẽ bay lên mây; sinh vật trên đất liền tự sát bằng biển khơi, linh hồn sẽ biến thành con sứa. Đây là quy tắc cõi linh hồn do đám hồn ma con trai thứ trên biển đã bảo với cậu.

"Cái chết đôi khi là một dạng yêu sách, đôi khi chỉ là cáo biệt, nó không bao giờ nợ nần bất cứ ai. Giống như biển thì sâu, ngày thì dài, rốt cuộc rồi thì *salikaba* (Alice đã nhớ được nó có nghĩa là linh hồn) cũng sẽ phản bội thể xác mà thôi."

Có lẽ do không thể dịch trực nghĩa của tiếng Wayo Wayo, Alice luôn cảm thấy rằng những lời mà Atile'i trẻ tuổi nói ra lai láng thi vị, đầy ắp sự phi thực, tô điểm cho những nỗi khổ mà con người phải trải qua bỗng trở nên đẹp lạ. Một đứa trẻ ở độ tuổi này như Atile'i nhẽ ra không nên nói ra những lời như thế. Nhưng mặt khác, Alice cũng nghĩ đến tất cả những điều mà Atile'i trải qua trên biển, hơn hẳn tất cả những gì mà cả đời cô trải qua. Có lẽ trong cơ thể của Atile'i trẻ tuổi, có một linh hồn phức tạp hơn cô nhiều.

Alice bắt đầu đưa Atile'i đi lấy nước vào buổi sáng sớm, Atile'i tỏ ra vô cùng hiếu kỳ với tất cả những gì trên đường núi. Khi trông thấy dòng thác tuôn tràn nước suối, cậu đột nhiên quỳ xuống, nước mắt lưng tròng. Cậu nói đây là điều mà cả đời thầy Quản biển khẩn nguyện: "Nếu như trên đảo có một dòng suối mãnh liệt như thế này thì tốt biết mấy, biển lớn đến thế, nhưng nước thì không uống được, đó là sự trừng phạt của Kabang đối với chúng tôi."

Alice muốn nói với cậu, không ai có thể trừng phạt được ai cả. Cô giải thích một lúc lâu, nhưng từ đầu cho đến cuối vẫn không biết rằng Atile'i có hiểu ý của cô không.

Ngoài việc đi lấy nước ra, Alice còn phải đi hái rau dại. Do thường đến Sisid Thứ bảy, mà hằng ngày Hafay đều hái các loại rau dại người Ami thường ăn để làm nguyên

liệu cho các món ăn của quán, nên lâu dần rồi cô cũng học được đôi chút. Ví dụ như món *kakurot* (khổ qua núi) ăn với món cá hấp, *sukuy* (gấc) có thể nấu canh với ốc sên dễ dàng kiếm được ở bất cứ đâu, chua me đất có thể muối làm món ăn kèm, ruột còng mây vàng rất thích hợp để nấu canh, khoai mì thì có thể dùng thay cơm được. Hafay cũng chỉ cho Alice có thể lấy lá cau để làm đĩa ăn. Sau khi cho nước và nguyên liệu vào đĩa thì lấy một hòn đá nướng đến nóng rồi bỏ vào đĩa. Cô ấy bảo món này gọi là lẩu đá cục của người Ami.

Khả năng nhận biết thực vật của Atile'i rất nổi bật, thường thì chỉ sau một lần Alice hái, Atile'i đã có thể lựa chính xác theo. Không bao lâu, Atile'i đã có thể thay Alice lên núi hái rau. Có khi mới sáng thức dậy, Alice phát hiện rổ rau đã có đủ lượng rau dại cho một ngày rồi. Alice không cưỡng được đã cho cậu xem sách minh họa, và Atile'i cũng vô cùng hứng thú với những bức vẽ như thật được vẽ trong loại sách này. Cậu vừa ghi nhớ tên của những loài sinh vật, đồng thời cũng mỗi lúc một quen thuộc với một loại ngôn ngữ khác. Ban đầu chỉ là rau dại và dược thảo mà họ hái về dùng, không lâu sau hầu như Atile'i cũng biết hết tất cả các loài chim, côn trùng, bò sát. Chỉ cần nhìn qua, cậu đã có thể quay lại bảo với Alice rằng, đằng trước có ba con cu luồng, mười một con họa mi đất ngực luốc Đài Loan, bảy mươi chín con vành khuyên Nhật Bản, còn có một con cú vọ mỏ vàng đang nhắm mắt. Uhm, còn có thêm một con rắn lạch đầu hoa.

Cậu cũng nhanh chóng biết được rau dớn và ráng song quần lá rộng là loài rau dại không độc có mặt ở khắp nơi, có thể vừa hái vừa ăn. Không lâu, vết thương trên bắp chuối của Atile'i đã hoàn toàn lành lặn, vết lở bên mép miệng cũng đã đỡ hơn nhiều rồi. Cậu hái trái sa kê và dâu tằm về dự trữ, và đào đất làm thành hầm chứa, duy trì độ ẩm và nhiệt độ thấp cho trái cây. Điều này khiến cho Alice vô cùng ngạc nhiên, về vấn đề đấu tranh sinh tồn, Atile'i hơn xa cô. Nhiều khi, cô nghĩ rằng núi vốn đã quen biết Atile'i từ lâu rồi thì phải, cậu vừa đi vừa thò tay ngắt nụ hoa để hút lấy sương đọng, tự nhiên như loài họa mi trong núi thò chiếc mỏ rửa dâu tằm ăn vậy.

Thỉnh thoảng Alice lái xe xuống núi một mình để mua đồ, tiện thể cũng hẹn gặp Dahu, Umav và Hafay. Những lúc này cô đều thấy ngôi nhà trên biển như thể hoàn toàn bị hủy hoại, hầu như bị chìm lút xuống biển, và bờ biển dài vô tận, đã được dọn dẹp những mấy tháng trời mà vẫn còn lộn xộn xà ngầu. Thông qua Dahu và Hafay cô biết được một vài tin tức mới có liên quan đến vực xoáy rác, biết được rằng gần đây các nhà báo đặt cho nó một cái tên mới là "xúp đặc rác nguyên thủy," nghe như một món ăn.

Có một lần xuống núi, Alice xem một talk show ở quán ăn tự chọn. Một phóng viên nổi tiếng lắm chuyện nói rằng từng có người thấy một người đen lùn bơi lên bờ biển

từ món xúp rác ấy, chạy lên rừng và mất dạng. "Không tin chúng ta thử lên núi lòng súc xem," phóng viên nói với vẻ dứt khoát.

"Nói nhảm." Chủ quán vừa xem tivi vừa nói. Alice biết rằng không phải vậy. Nhớ thực sự có người trông thấy Atile'i chạy lên núi thật thì sao? May mà Atile'i giờ cũng đã thay quần áo mà cô mua cho cậu, cũng dần biết nói tiếng Hoa, bịa ra một câu chuyện đã không còn là chuyện quá khó. Huống hồ mấy loại talk show này trước giờ đều chỉ nói chứ không làm. Mọi người cũng chỉ xem nó như là một tiết mục văn nghệ tổng hợp mà thôi, trong đó điều duy nhất không cung cấp chính là hình ảnh thật, chắc sẽ không có ai rỗi hơi đi tìm đâu nhỉ?

Hồi đầu, Dahu và Hafay cố gắng thuyết phục Alice đến sống ở bộ lạc, nhưng Alice nói trước mặt cô muốn sống ở chòi đi săn trên núi, nên họ cũng không thúc ép. Dahu sắp xếp lại tất cả những thứ trôi dạt ra từ căn nhà trên biển, đóng gói đưa cho Alice, vốn định đưa giúp cô lên núi, nhưng Alice nhất quyết không chịu, khẳng khái đến mức cảm thấy hơi khó coi, Dahu đành bỏ cuộc.

"Chòi đi săn chắc chắn là có gì đó," Dahu nói riêng với Hafay.

"Tính của Alice cậu còn chưa biết sao? Nếu như cô ấy muốn để chúng ta biết, thì sẽ cho chúng ta biết," Hafay nói. "Huống hồ, nói không chắc chừng chỉ là vì Alice vẫn đang nghĩ ngợi lung tung."

"Nói như vậy thì cũng chẳng sai..."

"Nhưng, anh không nhận thấy khí sắc của Alice trở nên tươi tắn sao? Chẳng phải cô ấy nói rằng lâu rồi đã không còn uống thứ thuốc gì đó ư? Ngược lại giờ đây tôi có cảm giác như cô ấy sẽ không còn muốn làm chuyện gì ngốc nghếch nữa rồi, do đó cho dù là gì đi nữa, ít nhất cho đến lúc này cũng có thể cho là chuyện tốt, chẳng phải sao?"

"Hi vọng là cô nói đúng."

Thực sự, mỗi lần Alice xuống núi đều nói với họ về Ohiyo như thế nào, dần dần ít nói về Toto hơn, nhưng kỳ thực thì Dahu và Hafay vẫn cảm giác được, ngoài Ohiyo ra, trong chòi đi săn còn có một người nào đó khác.

Alice tìm một nơi hẻo lánh bên đường cái, để lại một phần lớn đồ đạc của căn nhà trên biển ở trên xe, còn thứ gì không cần nữa thì vứt đi. Cô giữ lại toàn bộ sách và dụng cụ học tập của Toto, cho dù Alice biết rằng giữ lại những món đồ này cũng giống như giữ lại những món hung khí làm đau lòng mình. Cô phát hiện ra một bọc đồ đựng trong túi giấy kraft, trong đó toàn là thư từ mà Jakobsen viết cho cô.

Hẹn hò, sống chung mãi cho đến sau khi kết hôn, Alice biết rằng vì cô mà Jakobsen đã đi đến một giới hạn cực độ nào đó, nhưng chỉ là Alice không chịu nhận mình thua, buông tay để anh cứ thế mà ra đi. Có một lần cô cứ ngỡ rằng Jakobsen sẽ không bao giờ quay trở lại. Lúc đó Toto vừa mới bị một trận cảm, vừa mới khỏi thì Jakobsen nói với cô rằng anh chuẩn bị leo ngọn Kilimanjaro. Suốt cả ngày Alice chẳng mở miệng nói một lời nào. Sau bữa tối trong khi đang lau chén đĩa, Jakobsen lên đến bên cạnh.

"Em đang giận à?"

"Không. Chẳng có gì đáng giận hết."

"Anh biết là em đang giận. Tuyến Umbwe không có gì khó khăn cả, tụi anh có hướng dẫn viên chuyên nghiệp."

"Khó hay không khó thì liên quan gì, mà có hướng dẫn viên hay không cũng chả liên quan gì cả, anh không hiểu được à?" Ngữ khí của Alice bỗng chốc cộc cằn hẳn lên.

"Anh không hiểu được cái mẹ gì nữa."

"Không hiểu được nghĩa là không hiểu được, anh cứ đi làm những việc mà anh muốn, anh cứ đi làm những việc mẹ gì mà anh muốn đi!"

Alice biết mình trở nên cố chấp, nhưng cô có lý do để cố chấp, một lý do mà tạm thời cô không có đủ dũng khí để đối diện. Sau khi Jakobsen bỏ đi một thời gian, Alice đoán là anh ấy có thể rất muốn ra đi như thế này, tiếp tục những cuộc thám hiểm núi non, biển khơi và cả tình dục nữa. Hai tuần sau Alice nhận được một tấm ảnh chụp sông băng ở núi Kilimanjaro do Jakobsen gửi về, sau lưng chỉ chút những con chữ như thể được in theo phong chữ tiếng Anh cổ vậy. Jakobsen trong những dòng chữ không có chút gì giận dữ, mà đầy ắp yêu thương:

Không có em cuộc sống của anh chỉ là một dải băng tuyết thô lương, bằng phẳng và xám xịt. Những ngày không có em anh mơ hồ như một con bướm được phóng sinh ở một nơi xa lạ, rơi vào giữa những cây cối lạ lẫm, vỗ chập chờn đôi cánh một cách yếu ớt hết sức ở độ cao chênh vênh.

Mấy câu sau rõ ràng là đã chép của Nabokov. Ý, đây chính là Jakobsen. Tình yêu thương còn sót lại chút gì của họ và Toto trở thành một sợi dây mỏng manh yếu ớt buộc chặt hai người họ với nhau. Rốt cuộc Jakobsen cũng quay trở lại. Nhưng chỉ cần đề tài câu chuyện không phải về Toto, thì hai người biến thành những xạ thủ bắn tỉa trầm mặc, mạnh ai nấy lui về hầm ẩn nấp của mình. Có lúc Alice nghĩ, cô nên sớm buông tay, để anh rời bỏ cô, người như thế này, làm sao có thể thuộc về cô được chứ?

Khi không liên lạc được với Toto và Jakobsen trong hai ngày, Alice nhất thời không nghĩ đến việc xảy ra tai nạn thì nên báo cảnh sát. Cô chỉ cảm thấy không chừng Jakobsen đơn thuần chỉ là muốn trốn chạy khỏi cô mà thôi. Để trốn chạy xa cô, thậm chí Jakobsen không ngại gì bày ra một âm mưu mất tích vụng về kém cỏi như thế này, còn nhân tiện mang luôn cả Toto của cô đi.

Những suy nghĩ ấy biến mất sau khi Dahu tìm thấy thi thể của Jakobsen. Cái chết của Jakobsen khiến cho nỗi đau thương của cô tìm được chỗ xả, nhưng cũng khiến cho tinh thần cô, vốn trong suốt những ngày qua đã chống chọi được là nhờ vào hận thù, nay tan rã hoàn toàn. Với Alice, Jakobsen vốn đã là người có thể biến mất bất kỳ lúc nào, vì thế cô đã chuẩn bị tâm lý cho điều này trong một thời gian dài, giờ đây chỉ là thời khắc ấy rốt cuộc đã đến. Nhưng còn Toto? Tại sao Toto vẫn không có một tin tức gì hết?

Dahu cùng với đội cứu nạn và pháp y đều tin rằng Jakobsen có lẽ do trượt ngã vách đá mà chết, vì toàn thân có nhiều chỗ xương gãy vụn. Nhưng tuyến đường phát hiện ra thi thể của Jakobsen hoàn toàn khác với tuyến đường mà ban đầu anh đã đăng ký với cục quản lý. Vị trí của thi thể cũng không hợp lý lắm, giống như thể bị ai đó kéo đến giấu ở trong cái hang kín. Chẳng lẽ do lực va đập, cơ thể bị hất văng lên, lại đúng ngay vào chỗ hang tối dưới đáy của một tảng đá lớn, do đó mới không bị phát hiện chăng?

Alice nghe Dahu và một vài người bạn leo núi thảo luận. Cô không biết vì sao, họ không hề nói gì về Toto vẫn còn chưa được tìm thấy, đến balo leo núi cũng không tìm thấy, họ không quan tâm gì đến Toto. Hai người quan tâm đến Toto trên thế giới này đã ra đi hết một, bỏ lại trơ trọi một mình cô. Alice nhìn thoáng qua toàn bộ thi thể teo tóp ẩn dưới lớp vải trắng, không chút do dự rồi ký ngay vào biên bản hỏa táng, tro thì rải ra biển ngay trước căn nhà trên biển. Thậm chí Alice còn không nghĩ đến việc nên thông báo với gia quyến của Jakobsen, vì vốn Jakobsen cũng không để lại bất cứ phương tiện liên lạc nào của cha mẹ anh cho cô, cho đến việc Toto ra đời, anh cũng không thông báo gì cho cha mẹ anh. Điều này khiến cô hoài nghi về việc Jakobsen vốn chỉ có một mình. Cho đến lúc cuối cùng, có lẽ Jakobsen luôn luôn chỉ có một mình. Cô đã từng yêu thương thể xác này, và cả linh hồn trong thể xác, nhưng giờ đây tất cả thành ra tro bụi.

Một đêm, Alice hỏi Atile'i về tang lễ của người Wayo Wayo.

Atile'i nói, tang lễ của người Wayo Wayo thường sẽ được cử hành vào đêm khuya, vì người Wayo Wayo tin rằng, vào thời khắc gần sáng thì linh hồn sẽ theo những ngôi sao biến thành một phần của màn đêm. Người chết sẽ chở trên thuyền nhỏ đến biên giới hải vực của đảo Wayo Wayo. Đó là ranh giới mà cho dù họ đi đánh cá cũng không

được vượt qua, vì nơi đó có một dòng chảy ngầm cực kỳ mạnh. Người thân sẽ chèo hai con thuyền, một trái và một phải áp sát vào linh thuyền, khi đến gần dòng hải lưu thì sẽ được thấy Quần biển niệm chú tống biệt. Nếu như họ trông thấy ở đằng xa có một điểm sáng vụt tắt, đó là thời điểm để buông tay, con thuyền sẽ một đi không trở lại. Lúc bấy giờ người thân phải hát vang lên, khuấy chèo quay về. Nếu như bỏ lỡ thời cơ, đôi khi sẽ khiến cho thuyền quay đầu trở lại, lúc này người thân dù ngại ngần thì cũng phải lấy đá ném vỡ đáy thuyền, để nó chìm xuống. Nếu không thì linh hồn người chết không thể yên ổn.

"Hát? Cậu đang nói là hát à? Như thế này chẳng?" Alice ngâm nga âm ừ lên một đoạn nhạc.

"Đúng vậy, hát ca."

"Cậu có từng hỏi tại sao phải làm như vậy không?"

"Vì điều này tốt cho người chết."

"Tại sao hát lại tốt cho người chết chứ?"

"Vì tổ tiên chúng tôi muốn chúng tôi hát."

"Tổ tiên muốn các cậu làm như thế có chắc chắn là điều tốt không?"

"Tổ tiên muốn chúng tôi làm vậy chắc chắn đều là tốt cả."

"Tôi hiểu rồi," Alice nói cho qua. Đột nhiên cô nghĩ bài mà vừa rồi cô ngân lên hình như là một trong những bài hát mà Jakobsen đã hát cho cô nghe tại khu trại ở Đan Mạch.

"Cô hiểu rồi." Atili'i lặng đi vài giây như có ý suy nghĩ gì đó, rồi bảo: "Biển cả chúc phúc cho cô."

Đột nhiên Alice đưa ra một quyết định, cô quyết sẽ đi một chuyến theo con đường mà hai cha con họ đã leo núi, và cậu thiếu niên trước mặt chắc chắn có thể là trợ thủ cho cô, một người bạn đồng hành trong công cuộc tìm kiếm và thám hiểm. Cô muốn mình phải đi một chuyến, xem thử nơi mà Jakobsen đã chết và Toto đã mất tích nó như thế nào, làm rõ xem mình đến chỗ ấy, trong lòng sẽ cảm thấy ra sao.

"Tôi có thể nghe lại một lần nữa bài hát ấy không?" Atili'i hỏi.

"Gì chứ?"

"Bài hát, vừa rồi cô hát ấy."

23. Người mắt kép I

KHU RỪNG TRƯỚC MẮT là khu rừng chưa từng nhìn thấy, giống như một khu rừng được viết trong sách, rồi nó biến thành một khu rừng thật. Điều này không có nghĩa là khu rừng không đủ lớn, sâu hút, yên tĩnh, không phải đâu, khu rừng vẫn to lớn, sâu hút, thần bí và yên tĩnh, chỉ có điều nó có gì đó không thật.

Người đàn ông tóc vàng có thân hình cao lớn quay đầu lại cổ vũ tinh thần một cậu bé đang theo sau rằng, "Không sao đâu, bố biết đường đến được vách đá lớn mà, bố đã leo những mấy lần rồi. Chỗ ấy tuyệt lắm, không thể tưởng tượng nổi luôn, leo tới đó thì con sẽ biết ngay thôi, mọi thứ trông sẽ hoàn toàn khác. Còn nữa, bố từng trông thấy bộ hung chân dài ở đó nữa đấy."

Bộ hung chân dài. Cậu bé có mái tóc xám tro nghĩ bụng, nhất định lần này phải nhìn thấy được. Người đàn ông mang tất cả những trang thiết bị trên lưng, để cậu bé có thể cố gắng kịp bước anh. Da cậu bé trắng muốt, mép miệng cứng cỏi, đôi mắt thoát trông màu nâu hạt dẻ, nhưng nhìn ở một góc độ khác thì lại có màu xanh dương mê hoặc. Họ bắt đầu rời khỏi trại từ sáng sớm, và đã hơn bốn tiếng mà cậu không kêu nghỉ. Người đàn ông ra sức dạy cho cậu bé điều hòa hơi thở và giữ nhịp, một trước một sau họ tiến về phía trước trên con đường nhỏ gần như chưa có một dấu vết gì. Cậu bé mà dừng bước lại, thì người đàn ông đã cảm giác được ngay.

Suốt đoạn đường, cậu bé dừng lại dọc đường ba lần, vì cậu luôn luôn chú ý quan sát xem trên mặt đất có phân của loài động vật có vú nào không, cậu muốn xem thử trong đó có bộ hung hay không. Hễ trông thấy phân thải động vật, cậu bèn lập tức dừng bước. Cậu bé gấp con bộ hung từ trong đồng phân lên, cho vào trong một cái lọ có lỗ thông hơi, nhưng không dùng dung dịch thuốc hóa học để gây mê chúng, chỉ vặn kín nắp đặt lại. "Chịu khó ở trong đó một lúc nhé." Cậu bé vỗ vỗ vào lọ, miệng không hé thành lời, chỉ là thể hiện một thần thái như muốn an ủi con bộ hung đừng hoảng loạn. "Không làm hại mày đâu." Nhưng con bộ hung rõ ràng là không hiểu, hình như nó rất hoang mang ở trong lọ ấy, sáu cái chân cứ quơ quấy liên tục, leo lên rồi tuột xuống.

Người đàn ông và cậu bé bắt đầu đổ mồ hôi, khu rừng vô cùng yên tĩnh và âm u, là một kiểu yên tĩnh thâm trầm. Hai người thay phiên nhau gộp tiếng thở hổn hển. Đúng vào lúc cậu bé cảm thấy không chừng mình nên nghỉ một chút, mắt cậu đột nhiên

sáng quắc lên, khu rừng đã kết thúc, giống như có ai đó bỗng dừng mở công tắc cho ánh sáng mặt trời rọi ra.

Khi người đàn ông và cậu bé ngược nhìn vách đá, đột nhiên cảm thấy khu rừng trở nên cực kỳ thật, còn vách đá lớn trước mặt lúc này chỉ là hư cấu. Người đàn ông đã nhìn thấy nhiều tuyệt cảnh trên thế gian, cũng đã từng leo vách đá này, nhưng ngay giờ đây vẫn bị vách đá này làm cho rung động sâu sắc. Anh thích tận hưởng cái cảm giác bị rung động bởi một cảnh tượng bất ngờ. Cậu bé thì đang tưởng tượng về những con côn trùng trong cái lọ của cậu, thì ra chúng vốn đã được sống ở một nơi như thế này, nhưng trong đầu cậu bé vẫn chưa có quá nhiều những hình dung từ, mà cậu chỉ có thể cảm nhận được nhịp tim đang tăng tốc, hết sức choáng váng.

"Chỗ này tuyệt vời nhỉ." Người đàn ông nói với cậu bé, cậu bé không phản ứng gì, cậu bé kích động đến nỗi không biết phải phản ứng thế nào, đồng thời cũng bắt đầu hoang mang không biết mình có leo lên được hay không.

"Ban đầu vốn không có vách đá này đâu, do động đất, ngọn núi mới để lộ nó ra ngoài." Người đàn ông thấy được sự do dự của cậu bé. "Hồi bố mười tuổi, ông nội dẫn bố đi lặn tự do không mang bình dưỡng khí, và ông bảo, chỉ khi nào con đến được nơi mà người khác không thể đến được, thì mới có thể thấy được những sắc thái mà người khác chưa từng thấy qua." Cậu bé gật gật đầu, mặc dù không hoàn toàn hiểu được ý nghĩa của câu nói ấy.

Cả năm nay người đàn ông chẳng hề rời khỏi đảo. Những lúc rảnh rỗi anh thường đưa cậu bé đến phòng tập leo núi để luyện tập. Anh không những trông thấy sự tiến bộ thần tốc về cơ thể và đôi tay của cậu bé, mà đến cả với những sần đá ngoài trời cậu bé cũng đều khiến cho người lớn phải hết sức kinh ngạc, cứ như thể cậu bé bẩm sinh đã nhận được sự chấp nhận của vách đá rồi vậy. Mỗi lần có ai đó khen ngợi cậu bé, người đàn ông cảm thấy vô cùng sung sướng, như thể chính mình được ngợi khen vậy, điều này có lẽ là do không ít người biết người đàn ông đều cho rằng anh ta giống như một đứa trẻ. Người đàn ông quan sát cận kề vách đá, tìm một đường leo khác với lần trước. Đó là thói quen của anh, tuyệt đối không được leo cùng một đường leo ở cùng một vách đá, cho dù là có mang theo một đứa con trai vừa tròn mười tuổi cũng vậy.

Cậu bé bắt đầu sửa soạn trang thiết bị của cậu, bày ra đầy đủ từng món từng món, thay giày leo núi, mang dây treo an toàn vào, đội mũ bảo hiểm vào. Sau khi vạch vẽ ra được tuyến đường trong đầu rồi, người đàn ông hít một hơi thật sâu, bắt đầu đạp lên vách núi.

"Hể bố móc vào đâu thì con cứ theo đó nhé! Nhìn những hòn đá mà bố leo lên, bố sẽ leo chậm rãi, lựa những hòn đá mà con có thể bắt được, hiểu chưa?"

Cậu bé gật đầu, bảo: "Bọ hung chân dài cũng leo lên được không ạ?"

Người đàn ông bị câu hỏi đột ngột của cậu bé làm ngạc nhiên, bèn suy nghĩ một lúc, nói: "Đương nhiên."

Hai người một trước một sau bắt đầu leo chậm rãi lên trên, người đàn ông nhìn vào vách đá tìm đường leo, suốt tuyến đường anh dùng chiếc móc bầu đá để làm điểm tựa bảo hộ, móc khóa leo núi vào, rồi móc dây thừng vào trong móc để gia cố an toàn, luôn luôn nhìn xuống cậu bé đang ngẩng đầu tìm đường leo lên. Thông qua dây thừng trên người, người đàn ông thoáng cảm nhận được sức mạnh và trọng lượng của cậu bé, vì vậy có được một cảm giác hạnh phúc kỳ lạ.

"Không sao đâu, con ổn mà." Người đàn ông nói nhỏ nhẹ, như sợ làm kinh động đến vách núi vậy. Cậu bé vừa ngẩng đầu nhìn lên tuyến đường phát sáng trước mặt, thỉnh thoảng còn quan sát vách núi chung quanh, cảm giác như mình đang ở một nơi kỳ lạ. Cậu suýt khóc ngất lên, nhưng không phải kiểu khóc vì sợ hãi. Không phải vậy, đây là một kiểu khóc hoàn toàn mới, mà cậu bé cũng chưa bao giờ trải qua.

Khi hoàng hôn dần buông, cuối cùng hai người cũng đã leo lên được vách núi. Người đàn ông và cậu bé đều hưng phấn hét to xuống thung lũng, tuy cậu bé bình thường không nói chuyện, nhưng tiếng hét thì cực kỳ vang dội. Từ đây nhìn xuống có thể trông thấy vòm rừng, như một mặt biển xanh rì đang nhấp nhô lay động. Tiếng hét truyền đến chóp đầu của biển cây, vài con chim núi bị làm cho kinh động, vỗ cánh bay vút lên, rồi lặn xuống một góc khác của biển.

Hai người bắt đầu hồ hởi chuẩn bị lò và dụng cụ nấu trà với thức ăn từ túi hút chân không. Bí mật chung của hai người xem như hoàn thành một nửa. Thực ra chuyến đi này vốn không phải để leo núi, mà đơn thuần là người đàn ông muốn đem một cậu bé mới tròn mười tuổi đến vách núi này để trải nghiệm. Đây cũng chính là cơ hội để mối quan hệ dần xa cách giữa hai cha con được thắt chặt lại nhờ chuyến đi được lên kế hoạch bí mật này.

Sau bữa ăn dã ngoại, người đàn ông giải thích cho cậu bé nghe về những vì sao, "Sao nhìn thấy từ đây gấp vạn lần sao nhìn thấy từ dưới đồng bằng." Người đàn ông nói: "Có lẽ con sẽ nghĩ rằng, nhưng sao lúc nào cũng ở đó, chẳng phải sao? Đúng vậy, đơn thuần chỉ là vấn đề mức độ nhìn thấy được. Mức độ nhìn thấy nghĩa là khoảng cách bao xa mà mắt chúng ta có thể thấy được. Ví dụ như, hồi trước có lần chúng ta đã đến một vùng đất ngập nước để xem chim di trú theo mùa đúng không? Bầu trời mà chúng ta nhìn thấy ở đó lơ mờ một lớp, chính là vì trong không khí có rất nhiều những hạt sương nhỏ li ti. Bố còn nhớ mẹ con nói, bây giờ ngắm sao, giống như mang một cặp kính bị hà hơi nước vào ấy."

Suốt buổi chỉ mỗi người đàn ông nói chuyện, cậu bé chẳng tiếp một lời nào, giống như thể cậu không hề tồn tại vậy. Người đàn ông thì lúc nào cũng có cảm giác hối hận vì mình đã đến hòn đảo này, nhưng anh không thể không ở lại hòn đảo này. Anh từng hy vọng rằng mình có thể trở thành một nhà thám hiểm. Lúc còn trẻ, anh từng đạp xe đạp vòng quanh Phi châu, điều khiển một chiếc thuyền buồm không động cơ vượt qua Đại Tây Dương, tham gia vào đội ultra-marathon băng ngang qua sa mạc Sahara, thậm chí còn tham gia vào một thực nghiệm giấc ngủ, ở một nơi có độ sâu hơn ba mươi mét dưới lòng đất, suốt trong vòng nửa năm. Khi bỏ theo cô vợ mà lúc đó chỉ là một cô bạn gái để đến hòn đảo này, lúc mới đầu mọi thứ đều còn rất tốt. Cô nhẫn nhịn chịu đựng việc anh bỗng dưng mất tích trong vòng nửa tháng hoặc một tháng; nhưng kể từ khi cô mang thai thì tất cả mọi thứ đều thay đổi. Nhiều lúc người đàn ông nhớ lại, lúc đó anh thực lòng thực dạ tự nguyện ở lại nhà là vì con, cất một căn nhà có thể nuôi lớn một đứa con, rồi thì căn nhà cũng được anh xây nên. Khi nhà mới hoàn thành thì tất cả mọi thứ đang ở vào giai đoạn đẹp nhất, đứa con chuẩn bị chào đời, căn nhà thì vô cùng đặc biệt, người vợ lại dịu dàng nồng hậu. Chính vào lúc này, anh lại nhận thấy rằng mình vẫn muốn rời khỏi căn nhà ấy.

Thỉnh thoảng cuống chân không chịu nổi, người đàn ông bỏ nhà leo núi, hoặc ra nước ngoài thám hiểm với bạn bè. Tuy miệng người vợ thì đồng ý, nhưng lúc nào cũng trừng phạt anh bằng sự lạnh nhạt, khi anh trở về thì cô xem anh như một người dưng xa lạ. Sau đó, anh dứt khoát lựa chọn việc lẳng lặng ra đi, lẳng lặng quay về, tuy có nhiều lúc chính anh cũng không biết là nên bước vô nhà, hay là lướt qua căn nhà. Có lẽ vì vậy, người đàn ông mới tìm đến tình dục để được an ủi. Ngoại hình của anh bảnh bao hơn người, thật dễ dàng tìm một cô gái chịu lên giường cùng anh ở Đài Loan, vài lần anh đã lên giường với cả sinh viên của vợ mình. Mặc dù anh có hối hận, nhưng chuyện này đã chế ngự cuộc sống anh đầy dã man và mãnh liệt, giống như một vết sẹo cao su đáng ghét bết chặt dưới đế giày vậy.

"Nhưng bố cảm thấy những ngôi sao được nhìn thấy từ trên núi chân thực như hồi bố còn nhỏ, như thể leo lên núi chính là được quay về ấu thơ vậy. Điều này có lẽ chính là một trong những nguyên nhân khiến bố thích leo núi." Người đàn ông nói mãi nói mãi, có vẻ như không phải đang nói cho cậu bé nghe, mà giống như là đang nói cho chính mình nghe vậy. Anh thở dài một hơi, bảo: "Có vài thứ không phải biến mất đi, chỉ là con không thấy được thôi."

Sau khi bầu trời sẫm tối, người đàn ông lấy đèn pin đi cùng với cậu bé để tìm bọ cánh cứng ở một mảnh rừng bên cạnh vách núi. Vì không mang quá nhiều trang thiết bị, anh lấy một chiếc đèn pin khác gá trên mặt đất, rọi lên chiếc áo thun trắng, làm một tấm màn thu hút côn trùng. Tuy hiệu quả không cao, chỉ quên lại vài con ngài, trong đó có một loài ngài đêm mắt ma có hoa văn là những con mắt khổng lồ. Cậu bé

mở sách minh họa điện tử phiên bản mới nhất luôn mang theo bên mình ra chỉ cho người đàn ông xem, hai người đều cảm thấy vô cùng hả hê.

"Ngày mai chúng ta sẽ leo xuống vách đá, buổi tối sẽ nghỉ lại ở khu rừng kia. Bố đoán là khu rừng kia chắc là chỗ sống của loài bọ hung chân dài. Bố có hỏi thử chuyên gia côn trùng, chẳng phải con cũng đã bắt được vài con bọ cánh cứng kẹp kìm hiếm thấy rồi đó sao? Mình có thể ở lại đó một hôm, rồi mới xuống núi. Bố sẽ đưa con xuống núi bằng mặt kia của ngọn núi, có thể đi thẳng xuống thung lũng, một tuyến đường thật lợi hại tuyệt vời đúng không? Vì đài khí tượng đưa tin rằng trời sẽ chỉ trong lành liên tục bốn ngày thôi, sau đó sẽ có mưa, nếu mưa thì thảm lắm, chúng ta phải nhanh chóng về nhà trước khi trời mưa."

Cậu bé gật gật đầu. Cậu rất ít phát biểu trong vấn đề này, nên trông cậu như lớn hơn tuổi thực. Cậu bé cầm đèn pin lên, đi đến cạnh khu dựng lều. Trước tiên cậu rọi đèn để lựa chọn cây, rồi quan sát thật kỹ một vài cây, rồi rá ánh sáng từ trên xuống dưới, rồi cuộc cũng phát hiện được năm sáu loài bọ cánh cứng kẹp kìm. Cậu biết loài bọ cánh cứng kẹp kìm nào thích loài cây nào. Cậu bắt mỗi loài một con, về lại lều, lấy bút ra ghi chép rất tỉ mỉ vị trí bắt được, chủng loại và thời gian, đồng thời đo ngay độ dài cơ thể của chúng, rồi sau đó cho vào từng cái từng cái lọ đựng côn trùng.

Sau khi chui vào trong lều không lâu sau thì cậu bé đã ngủ ngất đi. Cậu mơ thấy mình đi một mình trên con đường đầy dương xỉ ở dưới đáy của một khu rừng, đàng xa xa có đốm sáng lập lờ. Cậu đi thẳng về phía có ánh sáng, mãi cho đến khi mình đi xuống nước. Một đàn nai đập nước băng qua, chân của những con nai rất mảnh mai, mảnh đến độ như không kham nổi ánh trăng đè nặng, nhưng khi chúng nhảy lên thì rất linh hoạt, như thể nước được xem như những phím đàn. Cậu đuổi theo, đàn nai biến mất như thể biến thành cá. Đầu bên kia của vũng nước là một khu rừng, cậu bé cảm thấy sau lưng mình như có gì đó, vì có một luồng hơi ẩm ướt, như rất rất gần.

Mơ đến đây, cậu bé dần tỉnh dậy. Cậu mở mắt, phát hiện ra trời mưa, còn người đàn ông thì không ở bên cạnh. Cậu đoán có thể anh ra ngoài làm việc gì đó. Khi cậu mở giương mắt lên đợi, mưa rơi lên tấm màn che mưa bên ngoài cái lều, còn bên trong vách lều đọng nhiều giọt nước nho nhỏ, cho thấy nhiệt độ bên trong và bên ngoài lều chênh lệch rất lớn.

"Đã giảm mất hai ngày trời trong lành rồi," cậu bé nghĩ.

Mãi cho đến khi trời sáng, người đàn ông cũng không quay trở lại. Giày của người đàn ông không có ở đó, một vài thiết bị leo núi cũng biến mất. Cậu bé khoác áo mưa vào, đi

loanh quanh khu vực lân cận căn lều để tìm bóng dáng người đàn ông, nhưng chẳng tìm thấy được gì. Những đám mây mưa ở đằng xa âm u mù mịt và đen sì bao trùm toàn bộ ngọn núi, mùi của nước mưa và mùi của cỏ trộn lẫn lại với nhau. Mưa sẽ còn lớn hơn.

Cậu bé nghĩ có lẽ mình nên mở thiết bị định vị. Vào ngày thứ hai, người đàn ông bảo cậu tắt thiết bị, bảo là mình đang lên đi đến vách núi lớn này, do đó không thể để cho người khác theo dõi tung tích. Giờ thì anh đã biến mất, chỉ có mở thiết bị mới có người đến cứu cha hoặc là cứu mình. Cậu bé nghĩ thế. Nhưng cùng lúc đó cậu cũng nghĩ, cha mình là người có thể lặn tự do đến độ sâu hai trăm mét, và một mình điều khiển tàu buồm vượt Đại Tây Dương, không thể nào xảy ra chuyện được. Lỡ cha quay lại, cha sẽ rầy mình.

Nghĩ đến đó, lòng cậu có chút an tâm, quay lại khu vực trước lều, bắt đầu chuẩn bị thức ăn cho mình. Cậu không biết sử dụng dụng cụ bếp lò cắm trại để đánh lửa, tìm túi thức ăn trong balo, lựa lấy gói yến mạch. Chưa đầy hai mươi phút cậu đã xử lý xong. Thực phẩm vẫn còn đủ cho bốn ngày, nước thì có thể dùng nước mưa, và cậu cũng biết được viên khử khuẩn nước để ở chỗ nào. Không vấn đề gì, thứ duy nhất mình phải đối diện ở đây chính là sự yên tĩnh. Đúng vậy, chỉ là sự yên tĩnh mà thôi. Chỉ có một mình mình. Khó khăn ở chỗ một mình thì mình sẽ bị sợ. Chỉ cần không sợ thì tất cả đều không thành vấn đề gì.

Ngày thứ hai trôi qua trong sự chờ đợi, đến chạng vạng thì mưa trở nên kịch liệt hơn, cậu bé hầu như mất đi tầm nhìn. Vì mưa đã thấm ướt vào rất nhiều thứ, nên càng lúc càng lạnh. Một lần nữa cậu lại nghĩ về chuyện mở thiết bị định vị, nhưng rồi cũng nghĩ ngay, nếu như sáng mai cha cậu vẫn chưa quay trở lại, thì hãy mở thiết bị định vị cũng chưa muộn, "chỉ nửa ngày chứ gì." Đêm hôm đó cậu bé nằm trong lều lắng nghe nhịp tim của mình, nhưng trên thực tế thì hình như quả tim đã ở một nơi rất xa. Cậu lại nằm mơ. Giấc mơ nối tiếp giấc mơ hôm trước.

Cậu bé quay đầu lại nhìn, thì ra con nai đã ở ngay sau mình, đang gí mũi vào người cậu ngửi ngửi. Cậu xoay người lại, đụng ngay vào chiếc mũi ướt ướt của một con nai to nhất. Cậu lùi lại vài bước, con nai quay đầu chạy, chiếc đuôi lấp loáng như một con đom đóm. Cậu bé đuổi theo, phát hiện mình đang chạy dọc theo một vách núi. Con nai biến thành sơn dương, chạy vào một khu rừng giống như khu rừng mới đến đây họ đã đi qua, sau đó đột nhiên đứng sững lại ở cuối rừng. Thì ra có cả một đàn nai, và một bầy sơn dương. Cậu bé không nhận ra được con nai mà cậu đã đuổi theo là con nai nào, con sơn dương mà cậu đuổi theo là con sơn dương nào.

Cây cối, nai và sơn dương, tất cả đều nhìn cậu bé.

Một lúc sau cậu bé mới phát hiện có một người đàn ông đứng ở phía sau những con nai và sơn dương, ông ta vuốt ve nhẹ nhẹ chiếc tai của một con sơn dương trong bầy ấy. Tai của sơn dương nhọn nhọn, nhiều lông, như thể đã từng nghe nhiều bí mật.

"Cha tôi đâu?" cậu bé hỏi.

Người đàn ông hất cằm về phía trước để chỉ, cậu bé nhìn về hướng đó, phát hiện núi ở một nơi rất xa. Còn cậu thì đang đứng ở trên mép một vách đá khổng lồ, chỉ một bước là rơi vào khoảng không. Mặt biển xanh rì lúc này đang mở rộng ra ngay trước mắt, và sóng trải mênh mông bao la.



CHƯƠNG CHÍN

*Rørhavl có nghĩa là cá voi đỏ khổng lồ trên biển xanh.
Săn bắt một con cá voi có bụng màu đỏ khổng lồ trên
đại dương xanh biếc với Amundsen hấp dẫn không
thể nào kháng cự nổi.*

24. Đường bờ biển

KHI TRÔNG THẤY DÂY BỜ BIỂN ẤY, Sara cảm thấy mùi của bờ biển thối như mùi hôi miệng của ông thầy Stewart dạy môn lịch sử thực dân Anh hồi đại học, một mùi thối từ trong nội tạng thối rửa bốc ra ngoài. Lần đầu tiên Sara trông thấy một vùng biển sức cùng lực kiệt, yếu ớt và dễ tổn thương như thế này. Sức cùng lực kiệt, Sara không tìm ra được một tính từ nào hơn thế nữa.

Thực ra kể từ khi xe chạy dọc theo con đường cao tốc mới vừa được hoàn thành mấy năm trước, thì Sara đã có cảm giác như thế rồi. Cô nhìn vào bản đồ, đường cũ vốn nằm men theo vị trí giáp ranh giữa núi và biển, nhưng lộ mới thì xuyên qua quần núi đẹp đẽ nhất trên đảo, có vài nơi thậm chí còn xuyên qua không ít hang núi với kỹ thuật thi công khiến cho Detlef kinh ngạc.

Detlef cố ý chạy thật chậm. Chiếc xe con hiệu Mitsubishi này được Lý Vinh Tường cho mượn, rất tiện cho Detlef và Sara, vì họ cảm thấy càng được tự do di chuyển hơn. Con đường thỉnh thoảng sẽ vòng về ven biển, Thái Bình Dương thấp thoáng ẩn hiện ngay trước mắt, nhưng khác hoàn toàn với đại dương màu xanh biếc mong đợi. Vì rác rến trôi bập bềnh theo làn sóng, góc độ ánh sáng phản chiếu từ biển vào thay đổi không ngừng, nhiều nơi thậm chí còn xuất hiện cầu vồng, đẹp đẽ đến nỗi khiến người ta kinh ngạc. Nhưng nếu quan sát tỉ mỉ màu sắc của nước biển, thì sẽ thấy nó hiện lên một màu xám xịt như chì nặng nề, chứ không thực sự là màu xanh lam. Từ con lộ thỉnh thoảng cũng có thể trông thấy đường sắt và xe lửa. Hôm qua khi dùng cơm cùng Lý Vinh Tường thì anh ấy cũng có nhắc tới, đoạn đường ray này ban đầu ở một vài khu vực đã bị biển nạo rỗng hết. Một vài đơn vị có liên quan đang nghiên cứu định đẩy lùi nó về phía núi. E là sẽ có một số khu vực vẫn phải tiếp tục đào thông mạch núi. Nhân tiện anh cũng hỏi Detlef một vài ý kiến chuyên môn xem chỗ núi này có thể "xuyên qua" được không, và nhờ anh lưu ý dùm một chút về địa hình ở đường ven.

"Trước mắt thì vấn đề kỹ thuật e không phải là trọng điểm, có cần thiết không mới là trọng điểm. Đài Loan các cậu muốn có một hòn đảo như thế nào, đó mới là điều quan trọng," Detlef trả lời.

Detlef và Sara dừng lại ở một nơi có tên là Sùng Đức để tham quan địa điểm Thanh Thủy Đoạn Nhai. Vách đá núi hùng vĩ dựng đứng ngay trên biển, còn biển mang vô số thứ phế thải vồ lên nó. Vô số khách du lịch dừng xe ngắm nghía, không ngừng xuýt

xoa kính ngạc. Sara bị vách đá này làm cho chấn động sâu sắc, mặt khác cũng ngạc nhiên bởi những người này hầu như lơ đi chuyện bờ biển đã thành ra thế này, và coi nó như một kỳ quan để thưởng lãm. Cô mở máy tính mỏng như một tờ giấy ra, tra tìm những thông tin có liên quan đến bờ biển này.

Đến hòn đảo này mới chỉ hai ngày, và chỉ có vài ấn tượng ngắn ngủi, cô nhận thấy hình như dân trên đảo đã quen hít thở bầu không khí này rồi, giờ thì thử làm quen dần với việc nhìn thấy biển như thế này. Và cô đã từng nhìn thấy Thái Bình Dương nguyên thủy trên nhiều bức ảnh, nhưng giờ thì nó đã biến mất. Lúc này tự dưng Sara nhớ đến một loạt phim tài liệu có tên là "Biển trên thế giới" mà cha cô đã cho cô xem thời còn học tiểu học.

"Con xem này, đây là Thái Bình Dương của chúng ta, rất trắng lệt phải không?" Lúc bấy giờ Sara còn tưởng rằng biển của người Na Uy thì chỉ có biển Na Uy, mà biển Na Uy là do trời ban tặng cho người Na Uy. Giáo viên môn địa lý bảo vì nhờ có dòng hải lưu nóng Bắc Đại Tây Dương đi qua, mà biển Na Uy là vùng biển duy nhất có thể dong thuyền hàng hải suốt năm trong vùng Bắc Băng Dương. "Biển Na Uy của chúng ta." Sara vẫn nhớ rõ cách nói của giáo viên địa lý, nhưng Amundsen cha cô thì gọi tất cả biển đều là "biển của chúng ta": "Ấn Độ Dương của chúng ta", "Đại Tây Dương của chúng ta", "Thái Bình Dương của chúng ta".

Do cha của Sara trùng tên với một nhà thám hiểm là người đầu tiên khám phá Nam Cực là Amundsen, nhiều người tưởng rằng chắc do ông đam mê thám hiểm nên đã đổi tên, nhưng thường khi tự giới thiệu bản thân mình, Amundsen lại bảo rằng có lẽ vì cái tên này mà ông đam mê thám hiểm. Trong khoảng những năm 1903 đến năm 1906, nhân vật Amundsen vĩ đại có cùng tên với ông ấy, đã trở thành một nhà thám hiểm đầu tiên vượt qua Hành lang Tây Bắc bằng thuyền nhỏ một buồm, nhờ đó ông ta cũng đã phát hiện ra Cực Bắc từ. Nhưng hồi ấy Amundsen có nằm mơ cũng không thấy, sau năm 2010 do sự nóng lên toàn cầu, vùng đất đóng băng rộng lớn này đã tan rã từ từ, và thuyền có thể đi lại trên Hành lang Tây Bắc cả trong mùa đông, không còn cần phải chờ đến cái tháng mà băng tan. Điều này giống như phát hiện ra rừng mưa Amazon chỉ để rồi thấy nó càng lúc càng nhỏ lại vậy. Amundsen cha của Sara thường cho rằng may mà nhà thám hiểm Amundsen đã qua đời, không phải tận mắt chứng kiến những điều này.

Vì Amundsen cha của Sara rất yêu thích biển, vào tuổi tráng niên, ông đã từ bỏ công việc của một kiến trúc sư để đổi sang nghề đánh cá. Và do ông thường xuyên ở ngoài biển nên cuối cùng thì mẹ của Sara đã nhẫn tâm bỏ Sara lại nhà một người bạn ở cảng, rồi bỏ đi. Những ký ức về bà của Sara rất mơ hồ, cũng giống như rất nhiều người không thể nhớ được một chuyện nào đó mà lần đầu tiên họ hạ quyết tâm làm. Amundsen sau khi ly dị vợ thì hằng năm vẫn dong thuyền ra biển để đuổi bắt cá trứng,

cá tuyết, cá lóc New Zealand và cá trích, có lúc thậm chí trên đường đuổi bắt cá đã đi đến phía Tây của Bắc Đại Tây Dương. Nghe nói các ngư dân phát hiện ra Tân Lục Địa còn sớm hơn cả Columbus, nhờ vào việc đuổi bắt những đàn cá tuyết, nhưng chỉ vì ngư dân muốn bảo vệ vùng đánh bắt của mình, nên đã không muốn công khai bí mật này mà thôi.

Hầu hết bạn đi biển của Amundsen không thấy ông đau buồn về chuyện vợ mình đột ngột bỏ đi, chỉ thấy ông thường xuyên đưa Sara theo thuyền đánh cá. Tuổi thơ của Sara hầu hết đều trải qua trên biển. Nhiều năm sau, có lẽ đây là lý do quan trọng chứng minh việc cô có một năng khiếu trời cho và lòng tin để trở thành một nhà sinh thái học hải dương.

Trước đây, mỗi năm Amundsen kiên trì bắt cho được một con cá voi. Thường thì ông chỉ chọn đối thủ là loại khổng lồ như cá voi vây hoặc cá nhà táng. Đó là điều vinh dự và tôn nghiêm của ông với tư cách là một người đánh cá Na Uy. Amundsen thường nói, thông thường người ta tưởng rằng từ *Rørhavl* nghĩa là "cá voi vây" trong tiếng Na Uy chỉ loài cá voi có nếp gấp trên cơ thể, vì nhìn trên mặt chữ thì *havl* có nghĩa là "cá voi," còn *rør* có nghĩa là "nếp gấp." Nhưng Amundsen thì lại cho rằng điều này không đúng. Ông thường bảo, *rør* nghĩa là "màu đỏ" mới phải, vì khi nang bụng của cá voi vây phình ra thì sẽ xung huyết, và ửng đỏ lên. Do đó, *Rørhavl* có nghĩa là cá voi đỏ khổng lồ trên biển xanh. Săn bắt một con cá voi có bụng màu đỏ khổng lồ trên đại dương xanh biếc với Amundsen hấp dẫn không thể nào kháng cự nổi.

Tuy hành động đánh bắt cá voi của Na Uy luôn chịu áp lực không nhỏ từ phía quốc tế, nhưng Amundsen vẫn cứ làm việc của mình. Ông thường nói: "Tôi chỉ dùng lao phóng truyền thống để bắt cá voi, vừa không dùng lao phóng nổ cũng không dùng súng phóng lao, đây là một loại đấu tranh sinh tồn, chẳng lẽ cũng không được sao? Huống hồ, mỗi năm tôi chỉ bắt có một con cá voi thôi!" Amundsen sử dụng kỹ thuật bắt cá voi mà hơn một ngàn năm trước người Basque phát minh ra rồi người Na Uy cải tiến. Phương pháp đó là, khi thủy thủ đứng trên đài quan sát phát hiện dấu vết của cá voi, những tay thợ săn sẽ chia làm bốn thuyền nhỏ bao vây cá voi, đồng thời dùng lao phóng đâm xuyên vào lưng cá voi. Trên dây thừng lao cá này còn buộc một cái hồ lô khổng lồ làm cho thể lực của con cá voi tẩu thoát bị tiêu hao nhanh hơn. Đợi cho đến khi lỗ phun nước của cá voi bắt đầu phun ra máu, các thợ săn mới nhắm cho chuẩn vào vị trí hiểm yếu của cá voi và kết thúc tính mạng của sinh linh khổng lồ này.

Một số tổ chức bảo vệ môi trường cho rằng sử dụng lao phóng cá để bắt cá voi sẽ khiến cho cá voi vô cùng đau đớn, điều này rất là tàn nhẫn. Về điểm này Amundsen không thể chấp nhận được: "Tất cả sinh vật sống nào khi sắp chết đều đau khổ cả, một sinh mệnh không biết đau khổ thì sẽ không có phẩm giá. Chúng tôi tôn kính cá voi, nên không bao giờ đuổi cùng giết tận chúng, cũng không cố ý làm cho chúng cảm

thấy đau khổ. Chúng tôi đánh bắt cá voi là lấy sinh mạng của mình để đổi lấy sinh mạng của nó, có thể là tôi giết nó hoặc là nó sẽ giết tôi. Đứng ở lập trường của tôi, tôi cũng không chấp nhận những tên bắt cá voi kiểu thương nghiệp đuổi cùng giết tận kia. Đối tượng mà các người cần phải đối phó chính là *bọn họ*, chứ không phải là chúng tôi, nên phân biệt cho rõ!"

Amundsen là người nói là làm, mạnh bạo hơn người. Do thuyền ngày nay nhanh hơn nhiều so với thuyền hồi trước, Amundsen còn cố ý sử dụng loại thuyền nhỏ không động cơ. "Ít nhất là vào lúc cuối cùng, con cá voi chết dưới tay tôi chết một cách đầy phẩm giá, chúng có cơ hội lấy mạng tôi." Hồi ấy Sara còn nhỏ vẫn còn chưa hiểu biết gì, có nhiều khi ông thường nói với cô bé như thế này: "Con người là một mắt xích trong chuỗi thức ăn, nếu săn bắt tiết chế sẽ không khiến cho loài nào biến mất cả. Và người dân Scandinavia cổ đại, nhờ đánh bắt cá voi mới có thể trở thành một giống người kiên cường. Con phải biết điều này, Sara bé bỏng của ta ạ."

Bạn bè đều thấy Amundsen là một người Na Uy điển hình, vừa ngoan cường vừa lạnh nhạt. Nhưng chỉ có Sara bé bỏng mới trông thấy sự yếu đuối của Amundsen. Vào ban đêm Amundsen thường ngồi trong khoang thuyền của ông, lấy móc câu câu xuyên qua lớp da trên cánh tay mình, sau đó dùng tay kia kéo nó, vì vậy mà trên tay ông thường có những vết sẹo xộc xệch sần sùi, sẹo bò dần dần khắp cánh tay ông, mỗi lần đánh bắt trên biển ông gồng lên, thường khiến cho mọi người chung quanh phải kinh sợ vô cùng. Trong một bữa ăn sáng nào đó, Sara vô tình hỏi Amundsen tại sao lại lấy móc câu vào người mình, Amundsen lặng đi một lúc rồi trả lời: "Vì muốn cảm nhận sự cảm nhận của cá, Sara bé bỏng của ta ạ."

Nhiều năm sau, Amundsen nói sự nghiệp đánh bắt cá voi của ông sẽ đặt một dấu chấm hết khi ông năm mươi tuổi. Năm đó ông và bạn bè dong thuyền đuổi bắt một cặp cá voi vây, và đuổi đến tận Bắc Đại Tây Dương, cuối cùng giết được con cá voi đực dài 18 mét còn thì thả con cái đi, vì đã có giao ước, không giết cá cái. Nhưng khi cá cái rời khỏi, đuôi của nó quẫy về thân tàu, không những khiến cho thân tàu nứt một đường rãnh, mà còn làm toàn bộ hệ thống động cơ của thuyền bị hư hỏng. Thậm chí họ đã phải bấm bụng vứt bỏ con cá voi đực đã bị giết chết, để cơ thể khổng lồ đó cứ thế chìm xuống đáy biển. Amundsen và chúng bạn một mặt ngăn nước tràn vào một mặt để thuyền trôi tự do theo dòng hải lưu, phát tín hiệu cầu cứu. Họ thậm chí đã nhảy xuống thuyền con để chuẩn bị bỏ thuyền lớn, mãi cho đến khi có một thuyền đánh cá Canada thả lưới vận chuyển hàng hóa xuống để cứu họ đưa về Canada.

Do còn không bao lâu nữa là đến mùa đông, thế là Amundsen quyết định ở lại Canada, đồng thời nhân cơ hội đó thuê một chiếc thuyền nhỏ du hành sông Mississippi. Từ lúc còn nhỏ xem bộ phim hoạt hình *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer* được chuyển thể từ tiểu thuyết của Mark Twain, ông đã quyết ý làm điều này. Tom, và Huck, Tom và Huck, Amundsen vừa hát vừa lái thuyền dong đi, cảm thấy may mắn được làm một chuyến như thế.

Đến đầu mùa xuân khi Amundsen về tới Canada tập hợp cùng với bạn bè lấy thuyền sửa chữa, một người thủy thủ là Kent mời ông về quê anh để đánh bắt hải cẩu. Quê nhà của anh ta ở tỉnh Labrador, nổi tiếng là nơi hải cẩu Greenland sinh sản. Ở châu Âu, Amundsen cũng từng săn hải cẩu, thực ra săn hải cẩu không khó, đối với người yêu thích mạo hiểm như Amundsen thì điều này không thực sự hứng thú cho lắm, nhưng Kent cứ rủ rê thế là ông đành phải đi theo.

Mùa này những con hải cẩu Greenland đang mang thai tụ tập ở bờ biển để đẻ và cho con bú. Amundsen và Kent cùng với một vài thợ săn khác cho thuyền cập gần những tảng băng nổi, bắt đầu lên bộ tiến vào "khu băng tuyết" để săn bắt hải cẩu. Cả một vùng băng tuyết rộng lớn trông một màu xám xịt, khiến cho một người đến từ một quốc gia băng tuyết như Amundsen có một cảm giác thân thiết. Một đàn hải cẩu trông giống như một đám trẻ con đang tham gia lớp học ngoại khóa ngồi nhàn hạ ngắm cảnh trên băng, ngóng bên này trông bên kia.

Trên đường đi, Kent nói với Amundsen không ít những kiến thức về việc săn hải cẩu: "Những con hải cẩu mới sinh toàn thân trắng muốt như tuyết, do đó được gọi là 'áo trắng' (whitecoats). Sau hai tuần, lớp lông trắng tuyết ấy sẽ đổi thành màu bạc, gọi là 'dắt kết' (ragged jackets), khoảng mười chín ngày, lông trắng đổi màu hoàn toàn, thành màu xám bạc gọi là 'bít tơ' (beater). Thực ra trước đây khi mà người châu Âu còn thích mua lông thú, các quý bà thích nhất loại 'áo trắng', nhưng hiện nay chính phủ đã quy định chỉ được giết 'bít tơ'. Kỳ thực tôi vốn chẳng hiểu nó khác nhau ở điểm nào. Giết 'áo trắng' và giết 'bít tơ' chẳng phải cũng là giết một con hải cẩu hay sao!"

"Nhưng tôi không mang theo súng săn, phải cho tôi mượn một cây."

"Không thành vấn đề."

Hôm sau Kent đưa cho Amundsen một cây nhưng không phải là súng săn, mà là một chiếc gậy rất đặc biệt, độ dài xấp xỉ với gậy bóng chày, nhưng một đầu khảm một cái móc sắt.

"Cái này sử dụng như thế nào?" Amundsen hỏi với vẻ nghi ngờ.

"Đầu của hải cẩu ấy, đập vào đầu nó, *pup*, xong đời. Người thợ săn lành nghề chỉ cần một nhát là có thể đập chết ngay, sau đó lột da." Kent nói, "chúng ta thi nhau đi."

Sau khi cả đoàn người tiến vào tảng băng nổi, bọn hải cẩu cảnh giác bắt đầu sủa sảng, cả bầy lũ lượt nhảy xuống nước để tẩu thoát. Tốc độ của hải cẩu di chuyển trên băng không được nhanh, nhưng khi đã nhảy được xuống nước rồi, thì người thợ săn sẽ bó tay. Nhưng hải cẩu con chạy không được nhanh, có con bơi không giỏi, thậm chí có con còn không dám xuống nước, ngay lập tức bị thợ săn đuổi kịp và đập cho một gậy ngất ngư. Amundsen đứng một bên quan sát và phát hiện, cho dù có là một tên đàn ông vạm vỡ như ông, thì một gậy phải đánh chết con hải cẩu cũng là điều không dễ. Chủ yếu là do tảng băng hơi lắc lư, hải cẩu cũng tránh né, do đó rất khó để đánh trúng trực tiếp vào điểm yếu. Phần lớn hải cẩu đều phải ăn những mấy gậy, máu tươi ràn rụa khắp đầu, vừa la hoảng vừa lẩn trốn. Những con hải cẩu bị đánh xỉu hoặc bị thương, chịu thua, người thợ săn xoay chiếc gậy trên tay một cái, dùng chiếc móc ngược kia móc vào đầu hải cẩu, gắng sức kéo chúng về thuyền. Máu liên tục chảy xuống từ đầu nhọn của chiếc gậy, như thể chính chiếc gậy mới là thứ bị thương vậy.

Do hải cẩu không có khả năng tấn công thợ săn, suốt buổi Amundsen không thể nào xuống tay được. Đối với ông, săn cá voi, ít nhất là từ thời kỳ cổ đại, hay thậm chí với ông và đám bạn, những kẻ tin rằng săn cá voi là một phần quan trọng trong văn hóa Scandinavia, thì người thợ săn phải đổi bằng tính mạng của mình. Nhưng thứ mà ông trông thấy lúc này là một sinh vật yếu đuối đến như thế, có một đôi mắt to mà bất cứ ai ở độ tuổi ấu thơ đều có, và một tiếng khóc rên rỉ, ông thực sự không biết phải ra tay như thế nào. "Nếu dùng súng thì còn được." Lần đầu tiên Amundsen cảm thấy dùng những phương tiện khác nhau để giết chóc, cũng sẽ có những ý nghĩa khác nhau đối với người giết chóc.

Những con hải cẩu bị lôi đến bên cạnh thuyền phải được lột da cấp tốc. Người thợ săn dùng một con dao bén rọc một đường từ vết thương ở đầu, hai người hợp sức với nhau để lột chậm chậm tấm da hải cẩu giống như đang lột một cái quần jean bó sát ra, máu hải cẩu không ngừng tuôn trào ra trên mặt tảng băng trắng ngần. Bởi lẽ mí mắt cũng được lột ra một cách nguyên vẹn, nên mắt của con hải cẩu bị bỏ lại trên bề mặt băng tuyết vẫn mở trừng trừng, khiến cho Amundsen vốn đã quen với việc giết chóc vẫn có cảm giác lạnh cả sống lưng.

"Tại sao không đợi chúng chết hẳn đi rồi hãy lột da?"

"Còn sống lột mới nhanh chứ," Kent hiểu được sự nghi hoặc của ông: "Thực ra có nhiều người thợ săn bỏ đi động tác xác nhận xương hộp sọ của hải cẩu có vỡ hay không, còn tôi thì chắc chắn phải xác nhận xem hải cẩu đã chết hay chưa. Nhưng cũng không thể trách họ, động tác phải nhanh, thì tiền mới tới, chẳng phải sao?"

Lúc này, một tay thợ săn kỳ cựu tên là Alfie đã đuổi bắt được hai con hải cẩu đực, hần quơ dao cắt luôn dương vật của chúng, chứ không lột da.

Amundsen hỏi: "Ai sẽ mua dương vật của hải cẩu?"

"Da của hải cẩu trưởng thành không có giá, nhưng dương vật thì có giá đấy, người châu Á ăn. Họ tin rằng ăn vào thì khả năng chăn gối sẽ mạnh như hải cẩu. Bọn hải cẩu có trách thì hãy trách bọn ngốc nghếch đã tin vào việc ăn dương vật của hải cẩu ấy." Kent nói đùa: "Kỳ thực thì khả năng tình dục của loài hải cẩu không mạnh, ý tôi là đang so sánh với chính mình ấy."

Trên đường về, Amundsen không nói một lời nào. Ông không trách Kent, cũng chẳng trách bất cứ người thợ săn nào khác, cũng không phải tự trách mình... Ông cho rằng tín ngưỡng của mình là đúng đắn, chỉ đơn thuần là cảm giác được một phần nào đó trong cơ thể bỗng dưng trống rỗng. Kent thấy được sự day dứt, thương hại và chất vấn trong mắt của Amundsen, cũng cảm giác được sự tự chất vấn tận đáy lòng của mình hồi mấy năm trước lại hiện về. Kent né tránh ánh mắt của Amundsen, vỗ vai ông bạn cũ, bảo rằng: "Cuộc sống của những thợ săn này chẳng nhẹ nhàng gì, lợi nhuận của việc làm cái nghề này chỉ đến mức đủ ăn, tiền đều bị bọn thương gia môi giới ăn cả. Họ chỉ biết săn hải cẩu, không để họ săn hải cẩu, có một số người thực sự không thể sống nổi."

Lúc này, tại một nơi nào đó trong đáy lòng Amundsen, có hơi lay động một chút.

Mấy tháng sau, Amundsen về đến Na Uy. Khi ăn món cá muối mà Sara chuẩn bị cho ông, Amundsen nhìn phần đầu cá không còn con mắt nên lồm vào, tự dưng ánh mắt của bọn hải cẩu gầy gò như đám học sinh tiểu học ấy lại hiện về rành rành. Amundsen nhận thấy không chỉ việc giết hải cẩu mới đánh một đòn nặng trĩu vào tâm hồn ông, mà chính là *phương cách* giết hải cẩu. Chuyện mà nhân loại phải giết chóc để sinh tồn là điều không thể thay đổi được, cũng giống như việc người Inuit giết hải cẩu để mưu sinh, là một chuyện không thiện không ác. Nhưng hiện nay giết hải cẩu không chỉ để mưu sinh, quan trọng hơn rõ ràng người thợ săn có thể lực cũng như năng lực để xác nhận được hải cẩu có chịu đau đớn hay không, nhưng họ lại không một chút động lòng. Cần phải được trải qua một giai đoạn tôi luyện rất dài mới có thể khiến cho lòng họ biến thành đá như vậy. Khi săn bắt để kiếm thức ăn cho cuộc sống, lòng của người thợ săn không phải là đá, họ sẽ vô cùng biết ơn con mồi, và mắt của người nhà đang ánh lên mong đợi họ trở về. Nhưng cuộc đi săn hải cẩu mà Amundsen trông thấy không mang tính chất như vậy, mọi thứ đã thay đổi.

Thế là trên bàn ăn, trước những dao nĩa, Amundsen đã thuật lại toàn bộ cuộc đi săn hải cẩu ấy với Sara.

"Cha cảm thấy việc này là sai phải không? Thừa cha?"

"Cha không biết. Hiện nay thì hải cẩu vẫn còn rất nhiều, cũng giống như thời kỳ mà cá voi vẫn còn rất nhiều trong quá khứ, loài người không có một chút thương cảm nào cho cảnh ngộ của chúng. Họ cho rằng cá voi là loại xài bữa không tiếc. Nhiều khi họ giết đi một loạt cá voi, nhưng rốt cuộc chỉ lấy mỗi mỡ cá, còn lại thì vất bỏ đi không màng. Thế rồi cũng đến một ngày, cá voi trên biển càng lúc càng ít. Nhưng, gần đây cha bắt đầu cảm thấy, cho dù cá voi hay hải cẩu có giết thế nào cũng không hết, thì loài người chỉ nên lấy đi một số lượng đủ để nuôi sống chính mình là được rồi."

"Do đó cha cảm thấy rằng...?"

"Suốt những ngày này, lúc nào cha cũng suy nghĩ, đây không phải là chuyện một chủng loài có thể tiếp tục tồn tại hay không, mà là tại sao ngoài số lượng đủ dùng ấy, lúc nào chúng ta cũng lấy nhiều hơn một chút?"

"À đúng rồi, dương vật của hải cẩu sẽ được bán đi đâu chứ?" Lúc đó Sara chăm chú nghĩ về những dương vật mà mình đã từng nhìn thấy, hai của bạn học, một của một người bạn mà hồi đi làm thêm cô quen được. Cô cũng từng nắm lấy dương vật của họ, cảm giác âm ẩm, khiến cho người ta có cảm giác như có một sinh vật sống nào ở trong đó vậy.

"Trung Quốc, Hong Kong, hoặc Đài Loan." Amundsen khuấy cái trứng chưa chín hẳn trong đĩa của mình, bảo: "Sara, phần lớn lòng dạ của đám bạn đánh cá của cha vẫn chưa hoàn toàn biến thành đá, không ít người đều bởi cuộc sống thúc ép. Nhưng bọn chủ lớn của những công ty chưa từng bước chân tới hiện trường săn bắn, mà chỉ biết ngồi trong phòng sưởi ấm thu tiền kia, tim của họ mới không hề biết đổ một giọt máu nào."

Sara nhớ như in sự đau thương mang đậm chất nghệ sĩ lúc ấy của Amundsen, chưa bao giờ Sara nhìn thấy được nét mặt như vậy trên bất kỳ khuôn mặt của một loài động vật nào khác. Mắt Amundsen nhấp nháy không ngừng, như thể ông có một đôi mắt kép vậy. "Sara, cha sẽ bỏ thân phận thợ săn trên biển của cha. Sara, đã đến lúc rồi, cha nghĩ là cha nên từ bỏ thân phận thợ săn trên biển của cha. Cha phải thử thay đổi một vài thứ gì đó, nếu không thì cha sẽ cảm thấy cha sống một cuộc đời thật vô nghĩa."

Amundsen thực hiện lời hứa của ông. Năm ấy ông đã bán con thuyền đi, đồng thời tham gia vào một tổ chức quốc tế phản đối giết hại hải cẩu, một lần nữa quay trở lại Canada, chuyên tâm vận động. Tại Na Uy ông cũng tham gia phản đối hành động đánh bắt cá voi mang tính chất thương mại. Kể từ đó Amundsen trở thành cơn đau đầu lớn cho nhiều người cả hai bên bờ đại dương.

Khi Sara nhìn thấy biển mà cha cô vẫn luôn gọi là "Thái Bình Dương *của chúng ta*," trong lòng cô cảm thấy phần chấn vô vãn.

Tuy rằng bãi biển đã được *tạm thời* dọn dẹp, nhưng mỗi lần thủy triều dâng, thì lại xua rác từ vực xoáy rác ấy vào bờ, như thể đảo rác ấy thực sự muốn hợp lại thành một với hòn đảo mà cô đang đứng lúc này đây.

Do có việc riêng của mình, ban đầu Lý Vinh Tường muốn giới thiệu một người bạn học cũ đang giảng dạy tại Đại học D. tiếp đón Detlef và Sara, nhưng anh cho rằng một người bạn mà anh quen được khi leo núi sẽ thích hợp hơn. "Anh ấy tên là Dahu, là một người dân tộc bản địa. Đến Đài Loan, mà nhất là đến miền Đông, thì đương nhiên một người dân bản địa mới là một người hướng dẫn tốt."

Xe vừa băng qua chiếc cầu lớn của dòng suối cuối cùng, ngay lập tức họ trông thấy một người tuổi tầm ngoài bốn mươi, da ngăm đen, đầu buộc một chiếc khăn đỏ đang vẫy tay chào họ. Sara liếc thấy ánh mắt u hoài của anh, và cô thấy rất thiện cảm với người đàn ông có dáng không cao này, cảm thấy động tác của anh không phải kiểu ra vẻ.

"Xin chào, chúng tôi là Sara và Detlef."

"Tôi là Dahu." Dahu giúp họ lái xe, sau khi xe chạy độ khoảng nửa tiếng đồng hồ, họ đã đến tuyến đường bờ biển khu vực lân cận căn nhà trên biển.

Tình trạng biển nhìn thấy ở đây không giống như lúc nãy, do vịnh biển ở đây có hơi cong vòng cung, thả mắt trông ra xa, hình như không thấy rõ được đầu tận cùng của vực xoáy rác.

"Giờ thì các anh sẽ xử lý sao?"

"Trước tiên chúng tôi sẽ phân loại rác. Một xưởng sản xuất giấy từ phế thải gần đây đã thiết lập năm hồ phân giải, phần rác có thể phân giải được sẽ được ưu tiên xử lý. Loại rác còn giá trị sẽ được đưa đến nơi khác tiếp tục phân loại tái chế, còn những sinh vật bắt được mà còn sống, sẽ được đưa đến một trường đại học gần đây để các chuyên gia tiến hành nghiên cứu." Dahu nói: "Anh thấy chúng tôi chia ra làm chín trạm công tác, nhưng, thật ra mà nói, nhân lực vô cùng thiếu thốn."

"Những người vốn ở trong thành phố này thì sao?"

"Có không ít người Pangcah, uhm, người Ami ở đây tự xưng mình là Pangcah, phần lớn họ đều góp sức vào công việc phục hồi nguyên trạng. Tôi rất lo sợ bờ biển này sẽ hổng hóc vĩnh viễn, bãi cá cũng tiêu luôn, văn hóa biển của người Pangcah cũng sẽ điêu tàn đi một phần nào đó. Đối với người Hán mà nói, họ cho rằng ô nhiễm biển chỉ

đồng nghĩa với việc không có tiền mà thôi, nhưng đối với người Pangcah, biển chính là tổ tiên của họ, có rất nhiều thần thoại có liên quan đến biển, không có tổ tiên, còn làm người thế nào được nữa chứ?"

"Anh là người Pangcah à?"

"Không, tôi là người Bunun," Dahu nói, "Nghĩa của từ *Bunun* có nghĩa là *con người thực thụ*."

Sara hiểu hoàn toàn, các tộc người ở khắp nơi trên thế giới, nguyên thủy đều cho rằng chỉ có mình mới là *con người thực thụ*.

Bữa tối, họ đến nhà Dahu dùng bữa. Trong nhà có một cô gái nhỏ, và một người đàn bà. Cô gái nhỏ chính là cô con gái của Dahu tên là Umav, một cái tên thật dễ thương. Nhưng anh không giới thiệu người đàn bà có phải là vợ anh hay không, chỉ giới thiệu cô ấy tên là Hafay. Nhưng Sara thì cảm giác có vẻ như không phải vậy, mối quan hệ của Hafay và Dahu giống như của cô và Detlef hơn, nhưng cũng không thực sự giống lắm, giống như một luận văn chưa làm rõ được chủ đề. Nghe nói bữa tối là những món ăn chủ yếu bằng rau rừng mà người Pangcah thường ăn, không có hải sản. Umav và Hafay không biết nói tiếng Anh, do đó hầu hết đều do Dahu nói chuyện.

"Tuy là những thứ chúng tôi ăn không thể thiếu hải sản, nhưng giờ thì không có, mọi người đều đã biết đấy."

"Không sao cả, một bữa ăn thịnh soạn và tuyệt vời. Nói cho cùng, sau này cũng chẳng biết là có còn được ăn hải sản nữa hay không, nhân lúc này mau chóng trở thành loài động vật ăn chay đi có lẽ sẽ tốt hơn đó," Detlef vừa cười vừa nói, mọi người cũng ngượng ngịu cười theo.

Hòn đảo này đã bắt đầu phải bồi thường lại bởi những nợ nần của nó, Sara nghĩ.

25. Đường núi

TRONG ĐÊM HÔM ẤY, sau khi tỉnh dậy Alice bèn mang theo đèn pin xuống núi. Trời vẫn mưa lất phất. Hôm ấy là ngày thứ mười tám mưa liên tục suốt trong tháng này, nghe nói một vài đoạn đường cái và đường sắt của Đài Đông hoàn toàn bị chìm xuống biển, còn một vài thôn xóm duyên hải bị sụp lún nghiêm trọng nhất ở Bình Đông, thì đã tàn cư cả rồi.

Tuy rằng đường không thực sự sáng sủa, nhưng Alice đi với tốc độ không phải là chậm. Cô nhận thấy mình dần dần không còn sợ núi nữa, cô bắt đầu quen thuộc từng con đường mòn xuống núi, tốc độ sinh trưởng mỗi một gốc cây và cỏ dại. Thì ra là vậy, núi là một thứ thế này đây, không khác con người, hiểu được nó rồi thì không còn sợ sệt nữa. Nhưng cho dù là như thế, thì mãi mãi chúng ta cũng không thể nào biết được nó đang nghĩ gì. Chúng ta không biết được một người sẽ làm ra chuyện gì chút nữa đây, thì chúng ta cũng không thể biết được một ngọn núi sẽ làm ra chuyện gì chút nữa đây, cô nghĩ.

Đến bờ biển, Alice đứng trên đường bờ biển đã từng rất quen thuộc nhưng giờ đây bỗng trở nên lạ lẫm vô cùng này, lòng rối bời. Khu vực này là nơi tập trung khá nhiều người sống, do đó đã được dọn dẹp hoàn thành sơ bộ. Nhưng nước biển thì lưu động, còn hải vực mệnh mông của đảo rác thì lớn hơn nhiều so với diện tích của Đài Loan, do đó đợt sóng rác thứ hai lại lấp đầy những chỗ trống mà ta có thể trông thấy được. Căn nhà trên biển giờ cách ranh nước lúc triều dâng cao nhất xa đến tận năm mươi mét, ranh nước triều dâng cao nhất ấy giờ đây đã lên đến mấp mé đường lộ, còn nước biển với rác thì bao bọc bốn phía chung quanh ngôi nhà. Lúc này là lúc thủy triều bắt đầu rút đi, Alice cởi chiếc áo thun ra, cho vào túi chống thấm nước, mặc đồ bơi vào, đi xuống biển bằng con dốc bên đường chưa bị sạt lở.

Ban đầu nước chỉ sâu độ khoảng gần bắp chuối, nhưng không bao lâu thì đã sâu lút đầu, nước biển đã sâu hơn chiều cao của một người. Cơ thể của Alice tê cứng trong nước biển lạnh cóng một lúc, rồi dần giãn ra.

Trong đêm tối, nước biển có một màu đen như mực chưa từng thấy bao giờ. Ánh đèn đường chạy lặn dần theo sóng biển, như những đường phát sáng lấp lánh đan dệt một thứ gì mà con người không thể hiểu được. Alice đeo kính lặn, mang bình lặn mini vào rồi lặn xuống biển. Các thứ nhựa ở trước mắt trôi nổi trong biển bằng muôn hình

vạn trạng, qua ánh sáng đèn pin trên đầu, cảm giác như rất là dày đặc, như những sinh vật ở một thế giới khác mà trước đây chưa từng thấy.

Bơi gần đến căn nhà trên biển, Alice nhận thấy nước biển lên đến gần hai phần ba của lầu một. Hết thấy cửa kính đều đã vỡ, một mặt vách tường cũng sụp lở hết một mảng lớn, căn chính đã sụp quá nửa, từ dưới biển có thể nhìn thấy cảnh tượng trong nhà. Alice "lặn" vào nhà qua lỗ hổng, dựa vào ký ức để bơi vào phòng mình, mở cửa phòng. Do áp suất nước nên cửa phòng có hơi nặng, may mà phía dưới cửa đã xuất hiện lỗ vỡ, do đó vẫn còn có thể đẩy ra được. Alice bơi ra hành lang, cửa phòng Toto cũng đã mở rộng, các thứ rác rến theo con nước trôi vào, còn đồ đạc trong phòng thì bị guồng trôi ra, hoặc ẩn giữa những rác rến. Cô ngẩng đầu lên nhìn, tám bản đồ được vẽ trên trần nhà ấy vẫn còn. Tám bản đồ núi mà Jakobsen và Toto vẽ vẫn còn, ở đó có một tuyến đường núi mà Alice không biết.

Trong thời gian gần đây, mấy lần Alice muốn Dahu nói cho cô biết địa điểm tìm thấy thi thể của Jakobsen, Dahu đều từ chối. Có lẽ Dahu và cục cảnh sát đã có những thỏa hiệp âm thầm gì đó với nhau, cảnh sát cũng chỉ nói tên ngọn núi mà thôi, từ chối nói ra địa điểm chính xác, chỉ có người tìm thấy thi thể mới biết.

"Cũng đâu phải chúng tôi vác anh ta xuống đâu," một nhân viên cảnh sát béo ú phụ trách vụ án này nói.

Hồi mới ban đầu, khi Jakobsen và Toto vừa mất tích, Alice từng bất chấp tất cả đòi đội tìm kiếm và cứu nạn đưa cô theo lên núi, do đó cô biết được tuyến đường leo núi mà Jakobsen đã đăng ký. Nhưng tuyến đường mà Dahu tìm thấy thi thể của Jakobsen, rõ ràng là khác với tuyến đường mà anh ấy đã đăng ký. Tuy rằng hai ngọn núi liền nhau, nhưng rõ ràng là giấy phép leo núi mà Jakobsen xin không phải là giấy phép leo ngọn núi ấy, thế thì tại sao anh ấy lại chết ở ngọn núi đó chứ?

Mãi cho đến một ngày, Alice ngồi viết lách ở chòi đi săn, đột nhiên nhớ lại trần nhà trong phòng của Toto.

Lúc này đây Alice đang ở ngay dưới trần nhà ấy, quan sát tám bản đồ. Mới đầu vẫn có chút mơ hồ, nhưng gần đây cô đã nghiên cứu qua quá nhiều bản đồ, không lâu sau thì cô đã phát hiện ra tuyến đường. Đúng như những gì cô dự đoán, Jakobsen... có lẽ là Jakobsen và Toto đã lén âm mưu với nhau một tuyến đường mà cô không biết. Họ đã không đi theo tuyến đường mà ban đầu họ đăng ký, và đội tìm kiếm và cứu nạn đã ngốc nghếch cứ tìm theo tuyến đường mà họ đăng ký với đơn vị quản lý. Trên thực tế, họ đã đi theo tuyến đường được vẽ trên trần nhà. Alice xem đi rồi xem lại, như thế nhìn thấy cổng, đường sá, bầu trời, đá cục và nguồn nước suối nho nhỏ, và mưa.

Nước biển. Tuyến đường núi.

Alice lên bờ từ dưới lớp nước biển dày đặc như một giấc ngủ, và khi đứng trở lại trên đất liền, cô cảm giác như mình là một con cá voi cô đơn và lén lút lên bờ: Lòng Alice vỡ nát như đá trên bãi, khóa chặt như một con sò chết.

Đêm hôm sau, Alice sử dụng một máy chiếu 3D ở ngoài chòi sắn, rọi bản đồ Đài Loan lên một tấm giấy trắng dán trên vách. Cô bảo với Atile'i, đây được gọi là bản đồ. "Chỗ mà chúng ta đang sống, hay bất cứ một nơi nào khác, đều có thể vẽ ra trên những tấm bản đồ như thế này, và dùng bản đồ, thì có thể bảo cho người ta đi đến một nơi nào khác như thế nào. Đến một nơi xa lạ, ta cũng dễ dàng tìm được đường." Alice nhìn ánh mắt ngơ ngác của Atile'i: "Nếu như cậu biết xem bản đồ."

Alice lấy bút laser chỉ vào vị trí của Đài Loan trên bản đồ, nói: "Hiện tại chúng ta đang ở trên đảo này. Cậu có thể chỉ ra được hòn đảo mà từ đó cậu đã đến không, hả? Đảo Wayo Wayo ấy?" Atile'i chỉ lặng lẽ mỉm cười.

"Không phải, đất, chỗ này." Atile'i chỉ xuống đất, bốc một nắm đất: "Không phải, ở đó."

"Atile'i, cậu không hiểu rồi. Bản đồ vẽ thu nhỏ lại mảnh đất của chúng ta lên giấy kia kìa, thế giới đều ở trên bề mặt này, không nhiều hơn thứ gì mà cũng không ít hơn chút nào." Alice cảm thấy rằng mình nói những lời này có hơi sai sai, nhưng không sao, dù sao thì Atile'i cũng chẳng hiểu được hết.

"Biển cũng có thể trở thành bản đồ?"

"Được chứ, có cái được gọi là hải đồ như vậy." Alice chỉ vào một điểm nào đó trên Nam Thái Bình Dương, "Tôi đoán, đảo Wayo Wayo chắc ở gần đâu đây."

Alice chuyển sang chiếu một tấm bản đồ khác, đó là một phần của dãy núi Trung Ương Đài Loan, vẽ đầy những đường đồng mức và những tuyến đường gấp khúc. Bên trên có một tuyến đường màu đỏ, đó là tuyến đường trên trần nhà mà cô vẽ lại nhờ vào ghi nhớ, tuyến đường núi mà Jakobsen và Toto thực sự đã đi.

"Chúng ta đang ở đây, tôi muốn đi đến đây. Cậu hiểu không? Tôi muốn đến đây." Alice dùng bút laser liên tục chỉ ra tuyến đường ấy, cho đến khi Atile'i gật đầu tỏ vẻ đã hiểu.

"Cậu," Alice chỉ vào Atile'i: "Có chịu đi với tôi không? Đi với tôi."

"Xa không?"

"Chắc là không gần." Một con ngài lớn bỗng đứng từ đâu bay lại, đậu trên tấm bản đồ, giống như một cái dấu, một ký hiệu, một đoạn thêm vào, trùng con mắt trên cánh của nó nhìn vào Alice.

"Nó?" Atile'i chỉ vào Ohiyo.

"Ohiyo sẽ đợi chúng ta quay trở lại, đúng không nào, Ohiyo, mi sẽ ở đây, ở chung quanh đây đợi tụi này quay về đúng không? Hay là mi muốn đến ở chỗ của Dahu?" Ohiyo kêu lên vài tiếng ngọt ngào dịu dàng, để phản đối, rõ ràng là nó muốn tự do quanh quất trên núi.

Alice bỏ một khoảng thời gian đi đến thư viện chăm chỉ tìm đọc tất cả những ghi chép có liên quan đến tuyến đường này, mua tất cả mọi thứ dụng cụ mà cô cho rằng có thể sẽ cần đến, đồng thời mua cho Atile'i một chiếc balo, và mua một cái lều. Khác với cái lều mà Atile'i vốn ngủ, đây là loại lều thông khí siêu nhẹ kiểu mới nhất. Nhờ thiết kế đáng thôn và hệ thống thông khí, một dòng khí ẩn có thể hình thành bên ngoài lều, giảm được trọng lực của nước mưa đổ xuống, và duy trì sự khô ráo trong lều. Lý do mà cô muốn Atile'i đi theo, một là cô không biết có thể gửi cậu cho ai được, hai là cô biết rằng mình cần phải dựa vào đứa trẻ này, cô không thể tồn tại một mình ở trên núi được. Cô ích kỷ nghĩ thầm, đứa trẻ này đã vượt qua bao cạm bẫy chết chóc trên đại dương, chắc chắn cậu sẽ giúp cô đến được nơi có chấm đỏ trên bản đồ.

Nơi có chấm đỏ làm dấu ấy là một vách đá lớn. Cô đã hỏi người trong hội leo núi chuyên nghiệp, đó là tuyến đường mà rất ít người đi, vì ở đó chỉ có một vách đá lớn, và là một vách đá được hình thành bởi một trận động đất, không được ổn định cho lắm, do đó có thể rất nguy hiểm. Nó vừa không phải là tuyến đường vượt núi buộc phải băng qua, cũng không phải là trạm tam giác để leo lên đỉnh.

"Cô này, nếu như cô không leo vách đá, thì đi đến đó chẳng có ý nghĩa gì cả," một người hướng dẫn của câu lạc bộ leo núi nói.

Alice chọn một ngày có khả năng là trời nắng trong đợt nắng ráo liên tục cơ hồ là duy nhất trong ba tháng tới để xuất phát. Chuyên gia khí tượng cho rằng lần nắng ráo liên tục này nếu may mắn có thể kéo dài từ năm đến sáu ngày.

Hôm xuất phát, Alice và Atile'i một trước một sau đi trên con đường lên núi. Cô cố ý đi một con đường mà trên bản đồ không vẽ, nghe nói con đường này có thể tránh được trạm tuần tra, vòng qua một bộ lạc người bản địa và một nhà máy điện nằm bên mé trái của một con suối. Đó là một bộ lạc người Sakizaya mà mấy năm gần đây hay được đưa tin. Mấy năm vừa qua núi liên tục sạt lở khiến cho kế hoạch thu hút khách du lịch đã dần đi vào quỹ đạo của họ không thể không ngưng lại nhiều lần. Nhưng con

đường thung lũng hướng về dãy núi Trung Ương này lại là tuyến đường mà nhiều người leo núi độc hành yêu thích và lựa chọn.

Ngày hôm sau họ đã đi sâu vào đường núi, sát với thung lũng và vực sâu. Đây là địa thế thường gặp của dãy núi miền Đông hòn đảo, dốc đứng đã bị dòng nước ăn mòn thành một thung lũng sâu. Tuy rằng Atile'i và Alice đã sống một thời gian trong chòi đi săn, nhưng họ vẫn chưa từng được chứng kiến một ngọn núi như thế này. Đã mấy lần khi trông thấy những đám sương mù biến đổi, cậu bèn chấp tay theo một kiểu đặc thù nào đó của người Wayo Wayo để lễ bái.

Vào tờ mờ sáng ngày thứ ba hai người vẫn tiếp tục đi, mây lặng lẽ lướt theo làn gió, phía sườn núi đổ bóng, mưa bắt đầu lất phất rơi. Mưa che kín cả thế núi, đến nỗi nhất thời hai người tưởng rằng mình đang chỉ ở một nơi ven núi nho nhỏ mà thôi. Sau giờ trưa thì nắng to dần, dãy núi ở đằng xa dần hiện lên rõ hơn. Những tia sáng rọi ra từ bên rìa những đám mây, chiếu sáng đường sống núi, nhưng một lớp sương mù rả thấp đã chụp lên trên thung lũng, đến nỗi chóp núi ở đằng xa kia như một hòn đảo nổi trên mây. Nhìn thấy một quang cảnh như thế này, Atile'i đột nhiên có cảm giác như mình đã yêu hòn đảo này rồi, giống như cậu đã yêu đảo Wayo Wayo vậy. Cậu hỏi Alice rằng:

"Núi?" Cậu chỉ ra phía xa xa.

"Đúng vậy."

"Nhiều đến thế ư?"

"Đúng vậy."

"Có thần linh không?"

"Gì chứ?"

"Có thần linh không?"

Có thần linh không? Vô tình Alice nhớ về những câu chuyện thần thoại của người dân bản địa về núi. Nghe kể tổ tiên của người Atayal được sinh ra ở trên núi Dabajian, dân tộc Tsou từng lánh nạn hồng thủy ở núi Ngọc, người Bunun cũng có núi thiêng của riêng mình. Hầu như tất cả người dân bản địa không thể sống mà không có những truyện thần thoại về núi. Những ngọn núi này không hẳn là thần linh của họ, mà là nơi sanh ra nguồn gốc của họ, cũng chính là nơi lánh nạn của họ thì đúng hơn. Còn về tín ngưỡng của người Đài Loan, tuy rất ít khi đề cập trực tiếp đến núi, nhưng tín ngưỡng thờ thần thổ địa có mặt ở khắp nơi. Nói đơn giản hơn, ở một mức độ nào đó, hay tại một thời điểm nào đó, những ngọn núi này thực sự có thần linh. Alice nhớ mấy năm trở lại đây, hề có bão là xảy ra sạt lở đất đá, nhiều khi còn vùi lấp cả một bộ lạc người dân bản địa, nhiều khi nuốt chửng cả xe cộ, nhiều khi phá hỏng đường làm cô lập cả một ngôi làng... Do đó không ít người nhắc đến việc cần thiết phải quay về với tự nhiên,

tôn trọng tự nhiên, thậm chí là có những khẩu hiệu như "Hãy kính bái sơn thần trở lại." Nhưng có lẽ đã quá trễ rồi chẳng, cho dù là thực sự có thần linh chắc cũng đã bỏ đi từ lâu rồi, Alice nghĩ.

"Ngày xưa thì có. Tôi nghĩ là giờ không còn nữa đâu."

"Biển Wayo Wayo, có thần linh, núi thấp lè tè, cũng có thần linh," Atilè'i nói với vẻ rất nghiêm túc.

Thần núi của đảo Wayo Wayo là Yayaku không giống với Kabang, ngài là một vị thần bị trừng phạt. Người Wayo Wayo cho rằng ngoài Kabang ra, còn có nhiều vị thần sức kém hơn thần Kabang, các ngài ấy cai quản những vận mệnh ở những thế giới khác nhau. Nguyên nhân khiến cho Yayaku bị trừng phạt là, khi Kabang quyết ý diệt chủng một loài cá voi đã dám mạo phạm ngài, thì Yayaku dám ra tay cứu giúp. Ngài sáng tạo ra một loại cỏ biển cao như một ngọn núi, để cho loài cá voi khổng lồ hơn bất cứ thứ gì ấy lẫn trốn ở trong đó, và dặn dò chúng không được xuất hiện, mãi cho đến khi Kabang nguôi giận. Vì có một con cá voi bé bỏng bơi ra khỏi rừng cỏ biển ấy nô đùa, cuối cùng đã bị Kabang phát hiện, thế là cơn thịnh nộ của ngài đã giáng phạt. Nhưng ngay lúc đó Kabang cũng biết được mình bỗng bột giết tiệt sự sống của một chủng loài là không thích đáng, thế là ngài đã dừng ý chỉ diệt chủng loài cá voi khổng lồ ấy lại.

Nhưng Kabang vẫn nghĩ về việc phải xử phạt Yayaku như thế nào hòng lấy lại sự uy nghiêm. Sau khi Kabang ban cho người Wayo Wayo hòn đảo này, thì đá trên đảo vẫn biến thành cát, mà cát thì sẽ bị gió thổi bay, cũng sẽ bị nước biển guồng đi, nếu cứ như thế thì hòn đảo sẽ càng lúc càng bị thu nhỏ. Thế là Kabang quyết định cho Yayaku biến thành một con chim nhỏ, hằng ngày phải đi tha số cát đã bị gió cuốn đi hay bị biển mang đi kia trở về. Vì gió và sóng không bao giờ biết mệt mỏi, nên Yayaku cũng vĩnh viễn không bao giờ có thể nghỉ ngơi. Nhưng nhờ chăm chỉ, khi thần biển và thần gió lơ là không cố hết sức, Yayaku đã chất nên một ngọn núi trên đảo Wayo Wayo. Có ngọn núi này, dân đảo mới có thể có được một số lượng cây nhất định, mà không còn phải sợ đảo Wayo Wayo biến mất. Đó là lý do tại sao người dân đảo Wayo Wayo đã tôn Yayaku lên làm một vị thần núi.

"Cho nên thần núi của các cậu là một con chim à?"

"Đúng vậy."

"Loài chim làm thần núi nghe có vẻ dễ thương ha!" Alice nhìn cậu thiếu niên trước mặt, tuy cô không thể hiểu hết hoàn toàn ý nghĩa câu nói của cậu, nhưng ngôn ngữ vốn không chỉ đơn thuần là ngôn ngữ. Ánh mắt, động tác của cậu, kể cả ngữ điệu và âm lượng, thực chất chính là một người kể chuyện có năng khiếu trời phú. Cơ thể cậu

được bào, mài nhẵn, khoan xuyên và tôi luyện, như thể có một loại ma thuật, khiến cho người khác tin tưởng vào câu chuyện mà cơ thể ấy nói ra, cho dù nó có hoang đường, kỳ quái hay khó tin đến mức nào đi nữa, thì tất cả đều như đã từng xảy ra, sống động một cách đương nhiên.

"Dễ thương? Không, Yayaku không có cảm xúc, ngài ấy lạnh lẽo lắm."

Họ tiếp tục dò dẫm đường đi, và sáng sớm ngày thứ tư khi vừa dậy, họ đã có thể thấy được xa xa những chóp núi mà Alice đã đọc thuộc lòng trên bản đồ. Cô biết rằng mình đã đến gần "rừng rậm" trên bản đồ. Chỉ có điều lúc này thì thể lực của Alice có hơi không đủ, thế là họ vừa đi vừa nghỉ lại nhiều lần, tiện thể Alice dạy cho Atile'i xem bản đồ. Sử dụng một loại ký hiệu để tượng trưng cho một sự vật gì đó trong tự nhiên là điểm quan trọng nhất của bản đồ, điểm này Atile'i làm quen một cách nhanh chóng. Sau đó là phân biệt phương hướng và vị trí để bộ não có thể kết hợp hình ảnh thực tế với vị trí của nó trên bản đồ, về mặt này thì năng lực của Atile'i càng vượt xa Alice. Điều duy nhất mà cậu không hiểu được chính là vấn đề tỷ lệ. Rõ ràng một vùng biển rộng lớn như thế này, sao có thể được thay thế bằng một tấm bản đồ nhỏ xíu như vậy chứ?

Họ nhóm lửa để nấu thức ăn. Alice mang theo rất nhiều túi thực phẩm hút chân không, chỉ cần hâm nóng là có thể ăn. Món mà tối nay ăn chính là mì Ý sốt pesto, còn có cà phê nóng. Thời gian trở lại đây, dạ dày của Atile'i đã dần thích ứng với thực phẩm trên đảo.

"À mà này, trên biển cậu thường ăn thứ gì nhất?" Alice hỏi.

"Cá."

"Bắt như thế nào?"

"Tôi dùng một thứ gọi là gesi gesi để làm súng bắn cá, lấy vỏ con hàu để làm móc câu."

"Ăn sống à?"

"Uhm?"

"Không dùng lửa sao?"

"Lửa, không có."

"Không có lửa à, đúng rồi, đốt lửa trên biển cũng là điều khó lắm. À này, người Wayo Wayo có chữ viết không?"

"Chữ? Giống cái này à?"

"Uhm!"

"Chữ, không có. Thầy Quản đất nói, lời nói là tất cả."

"Không có chữ viết là điều đáng tiếc, rất nhiều thứ phải nhờ vào chữ viết mới có thể diễn đạt được."

"Không cần đâu. Đảo Wayo Wayo, không có chữ viết, cũng vậy thôi."

"Không có chữ viết sao mà làm thơ chứ?" Câu này thì Atile'i không hiểu được, thế là cậu không tiếp lời.

"Phải rồi, tôi quên là cậu từng nói, mặt trăng gọi là gì?"

"*Nalusa*."

"Oh, *kaga mi yiwa Nalusa*," Alice nói câu này bằng tiếng Wayo Wayo.

"Hôm nay có trăng," Atile'i nói câu này bằng tiếng Hoa.

"À, đúng rồi, tiếng Hoa của cậu tiến bộ rồi đó, hôm nay có trăng. À nè, tôi lại quên, thế mặt trời gọi như thế nào?"

"*Yigasa*."

"*Yigasa*," Alice lặp lại.

"*Yigasa* tự mình phát sáng, còn *Nalusa* thì mượn ánh sáng của người khác," Atile'i không nén được nói ra lời của một bài đồng dao Wayo Wayo.

"*Yigasa* tự mình phát sáng, còn *Nalusa* thì mượn ánh sáng của người khác." Alice nói, "Ày da, câu này chính là thơ còn gì." Nhưng Atile'i cũng vẫn không hiểu thơ có nghĩa là gì.

Tối hôm ấy, hai người vừa mới đi ngủ không bao lâu, Atile'i bỗng tỉnh dậy, cậu vội vàng kéo Alice dậy và lấy tay bịt miệng cô lại ra dấu cho Alice không được lên tiếng, và ra hiệu rời khỏi đó bằng cửa khác của cái lều. Atile'i cảm nhận được điều gì đó, mặc dù Alice cảm thấy trước mắt mình chỉ là một màn đêm tịch liêu. Lúc này máu và nhịp tim của Alice cũng còn rất chậm rãi, và vì vẫn chưa ngủ đủ giấc, đôi chân của cô vẫn còn trong giấc mơ, nhưng Atile'i thì lại tỉnh táo lạ thường, đôi mắt dán chặt vào bóng đêm.

Không bao lâu, từ chỗ bóng cây có một cái bóng tách ra, cái bóng tiến dần về phía trước, trông có vẻ như đang do dự nhưng kỳ thực là vô cùng quyết tâm. Khi nó tiến đến gần cái lều, Alice như thể vừa bị tát một thùng nước từ trong mộng, toàn thân đều tỉnh dậy:

"Gấu!"

Con gấu ngẩng đầu đứng hai chân dậy nhìn về hướng có tiếng nói, thò chiếc mũi dài ra ngửi ngửi, tư thế đã để lộ toàn bộ hình bán nguyệt trên ngực nó, cơ thể như một bầu trời đen ngòm khổng lồ. Mũi của nó bị mùi phát ra từ trong lều hấp dẫn, do đó sau một hồi do dự, nó vạch toạc lều ra, lật tung đồng thực phẩm của Alice và Atile'i vung vãi ra đất, sau đó ném thữ từng món từng món.

Alice và Atile'i đều cố gắng hết sức để kiểm chế hơi thở của mình. Alice định thừa cơ rời khỏi đó, nhưng Atile'i thì cho rằng ở nguyên vị trí là tốt nhất, đôi tay cậu giữ chặt lấy Alice. Đối với Atile'i, trước mắt cậu là một động vật đẹp hùng vĩ, cảnh giác và cứng cỏi, đẹp đẽ như tất cả loài động vật mà cậu đã từng nhìn thấy. Trên đảo Wayo Wayo không có loài động vật hùng vĩ như thế này, Atile'i tự dưng bị mê hoặc.

Khi sắc trời vừa hơi rạng, con gấu lại đứng dậy, giẫm nát cái lều, thò cái mũi dài ra mà ngửi ngửi, trông cao hơn hẳn một người đàn ông trưởng thành. Giờ đây Alice nắm chặt tay Atile'i, tay cô lạnh như băng, như thể sương. Con gấu chậm chậm trở vào trong khu rừng, khu rừng lại mở ra, tiếp nhận cái bóng quay trở lại.

Con gấu không phát ra âm thanh gì cả, không gây hấn, cũng không truy đuổi, chỉ là lật tìm những thứ mà nó muốn tìm, sau đó quay trở lại khu rừng. Nhưng Alice và Atile'i đều có cảm giác như thể vừa trải qua một cuộc sinh tử. Họ ngửi được một mùi cổ xưa, như núi, nhưng lại không giống núi, một hơi thở đặc trưng của linh hồn. Nếu cần thiết, nó cũng có thể lấy mạng họ như thường.

Lúc này, Atile'i mới quay người lại nói với Alice một cách vô cùng thận trọng rằng:

"Rõ ràng là có thần linh!"

26. Người mắt kép II

KHI TỈNH DẬY, người đàn ông cảm thấy một cơn đau nhức mình không ngờ tới. Anh vừa mới mơ một giấc mơ, trong mơ anh thử mò mẫm như mù leo xuống vách đá trong bóng đêm của đêm đen tuyệt đối. Do màn đêm đen đặc, anh chỉ cảm nhận từng số cơ của vách đá bằng tế bào của toàn cơ thể mình, cảm giác như lần đầu tiên anh đi vào bên trong vợ mình, cô và anh đều có cảm giác run bầy âm ỉ, giống như đang bỏ sung một thứ gì đó cho linh hồn mình.

Leo xuống được độ hai phần ba đường, móng tay anh bắt đầu đau buốt, ngón chân tê cứng vì bám riết quá độ, và bởi không quấn khăn headband, nên mồ hôi đã rịn chảy khiến mắt anh rất buốt. Nhưng khi sinh lý càng chịu áp lực, thì tâm lý lại càng có khoái cảm, đây là điều mà người chưa từng tham gia vào hoạt động này không thể nào hiểu nổi. Người đàn ông hít thở sâu rồi lại hít thở sâu, cho đến khi lòng tin đã dần quay trở lại các đầu ngón tay.

Rồi đúng khoảnh khắc ấy, ngón tay tuột khỏi vách đá. Tựa như anh bỗng chốc đổi vị trí, trông thấy mình không ngừng thu nhỏ lại, sương mây tinh tú trên bầu trời đều đã biến mất tầm dạng, mọi thứ ở chung quanh đã tan biến, trong bóng tối, chỉ còn lại hư không.

Thì ra là một giấc mơ. Người đàn ông khe khẽ thận trọng chui ra khỏi lều không một tiếng động, đi đến bên cạnh vách đá. Vách đá thực sự bên ngoài không tuyệt đối tối đen như trong mơ, lá cây, tấm lưng của loài ếch *Rhacophorus*, nơi thân cỏ uốn cong, giọt nước trên hõm lá... được ánh trăng rọi sáng lấp lánh, những sự vật phát ra ánh sáng leo lét này khiến cho vách đá trông càng trở nên tăm tối.

Sao mình không thử leo xuống xem thế nào? Người đàn ông tự hỏi. Không được, con mình đang ở trong lều, có chuyện gì thì nguy.

Sao mình không thử leo xuống xem thế nào? Không được.

Sao mình không mò mẫm leo thử xem sao? Không được!

Tại sao không thử leo xuống bằng tay không, không cần mang dụng cụ gì xem sao chứ?

Câu hỏi này càng lúc càng có sức hấp dẫn lớn đối với anh, thúc đẩy máu trong người anh chảy. Bỗng dưng vào một thời khắc nào đó người đàn ông đứng phắt dậy, thất túi đựng phấn leo núi vào hông, thay giày leo vách đá, bắt đầu từ từ leo xuống

mỏm đá nhìn thấy được ở trước mắt. Giờ đây không gì có thể ngăn chặn được anh leo xuống.

Vách đá trong bóng tối như một con dao, cũng giống như một cái bóng, không dễ dàng nắm bắt được. Người đàn ông hầu như đã dùng hết sức lực cùng mọi cảm quan trên khắp cơ thể mình, mới leo xuống được năm mét. Quay đầu lại vẫn còn kịp. Nhưng người đàn ông không quay đầu lại... nên bảo là, không quay trở lại phía trên. Anh tiếp tục leo xuống, lấy mũi chân dò thử trước, sau đó đặt một phần trọng lượng của cơ thể lên đó, cố gắng duy trì nguyên tắc một điểm động ba điểm bất động, không để cho vai bên nào hoặc ngón tay nào chịu một trọng lượng vượt quá khả năng chịu đựng của nó. Nếu như ta có thể nhìn rõ mọi thứ trong bóng tối, thì chắc chắn sẽ trầm trở người đàn ông thực sự là một người leo vách đá vô cùng cự phách. Anh gan dạ và cẩn trọng, cơ thể được rèn luyện chất lừ, đồng thời tràn đầy tự tin như loài khỉ.

Chính ngay lúc này, người đàn ông phát hiện ra trên vách núi có hơi thở của một người khác, cách anh không xa mấy.

Khi người leo vách đá chú tâm, có thể nghe thấy được những âm thanh cực kỳ khẽ. Ngón tay dút vào bùn, hay đầu ngón tay trượt qua mảng rêu, nơi nào đó trong bụng đang tiêu hóa thức ăn, sức truyền tới được mũi bàn chân, tất cả mọi thứ này đều có âm thanh. Nhưng lúc này thứ mà người đàn ông nghe được rõ ràng chính là âm thanh hít thở của một người leo vách đá.

Có một người nào đó cũng đang mò mẫm leo xuống chăng? Ở cùng một vách đá sao?

Tiếng hít thở ấy khiến cho suy nghĩ háo thắng của anh đột nhiên nổi dậy, không kìm được anh bèn tăng tốc. Trong bóng tối, như thể có hai người đang không nhường nhau, đối phương cũng tăng tốc động tác, động tác được truyền qua tiếng hít thở, và tiếng khe khẽ của quần áo thỉnh thoảng cọ vào nhau phát ra như đưa tin. Ai nhanh hơn ai một bước, ai tìm được nhanh hơn ai mỏm đá nhô ra tiếp theo để chân có thể đạp lên trong bóng tối, hai người đều biết rất rõ.

Chính trong thời khắc đó, người đàn ông phát hiện ra giấc mơ như được tái hiện thực sự.

Mũi bàn chân anh bất cẩn bị trượt, động tác bỗng chốc gấp rút hơn, lực tuột xuống khiến cho tay trái của anh đồng thời cũng tuột khỏi vách đá trong khoảng một phần trăm giây. Vốn dĩ với tốc độ phản xạ của người đàn ông mà nói, thì anh chắc chắn có thể bám lại vách núi được, nhưng xui xẻo là, trong bóng tối chẳng biết một con bọ cánh cứng khổng lồ hay gì đó đã bay va phải sống mũi của anh, khiến người đàn ông choáng

váng đi một lúc, sức lực cũng giảm đi khoảng một phần trăm giây, tức thì anh trượt rơi xuống. Trong bóng tối, người đàn ông thấy mình không ngừng thu nhỏ lại, sương mây tinh tú trên bầu trời đều đã biến mất tăm mất dạng, mọi thứ ở chung quanh đã tan biến, chỉ còn lại hư không.

Mũ bảo hiểm vỡ nứt một bên, cơn đau của người đàn ông rất kịch liệt, như thể từng khúc xương trên cơ thể đều bị gãy rụn rộp rền. Đây không phải mơ. Một cơn mưa chết tiệt rơi xuống, mưa hẳn là đang rơi trên đám cỏ mà anh nằm lên, nhưng chẳng biết vì sao, người đàn ông có cảm giác là tiếng mưa như đang rơi xuống hồ sâu thẳm.

Mắt chỉ còn có thể mở hé hé, cảnh tượng trước mắt hiện lên với vẻ mơ hồ, người đàn ông chỉ thấy được một cái bóng đang ngồi xổm bên cạnh anh, nói: "Xương gãy hết ráo." Người đàn ông nghe tiếng nói của hắn thì không thể nhận ra được hắn có phải là người đàn ông đã mò mẫm leo xuống trong bóng tối vừa rồi hay không, nhưng qua hơi thở thì anh xác nhận là đúng.

"Tôi chết rồi à?"

"Ừ, không khác mấy, trượt ngã ở chỗ như thế này, đợi cho đến lúc có ai đó phát hiện ra người, thì người cũng chết mất đất rồi."

Người đàn ông cảm thấy quái đản, vì nghe trong lời hắn nói, không có nghĩa là người đang ở trước mặt có ý muốn cứu anh.

"Người có thể giúp tôi không?"

"Không được, ta không được giúp bất cứ ai." Câu trả lời của hắn không có chút cảm xúc, không chút do dự, dứt khoát chắc nịch.

Tuy người thì đau buốt, nhưng ý thức của người đàn ông thì lại rất tỉnh táo, tầm nhìn của anh cũng dần rõ lại. Lúc này, anh trông thấy người kia đang nhìn mình. Anh phát hiện khi nhìn vào người kia, không giống như đang nhìn một người, mà giống như đang nhìn vào chính mình hơn. Người đàn ông một lần nữa khép mắt lại, nhưng nhận thấy rằng đôi mắt của hắn vẫn lớn vồn hiện ra, một đôi mắt vô cùng kỳ lạ và đặc biệt. Như có vô số làn sóng hồ lăn tăn, liên tiếp tạo thành một mặt hồ lai láng sóng.

"Đôi mắt của người đàn ông này... sao nhìn cứ như là một đôi mắt kép? Sao lại có người có đôi mắt kép chứ? Là do mình nhìn nhầm chăng?" Người đàn ông thầm nghĩ trong lòng. Người mắt kép không có ý muốn giúp đỡ người đàn ông, cũng không có ý muốn bỏ đi, chỉ ngồi yên ở đó mà nhìn anh.

Rồi, không biết tại vì sao, người đàn ông cảm thấy cơn buồn ngủ trùm phủ lên thân mình không thể nào kháng cự nổi, anh bắt đầu ngáp. Ban đầu là nửa phút một lần, sau đó là mười lăm giây một lần, mười giây một lần, năm giây một lần, cuối cùng

thì cái ngáp này liên tục cái ngáp kia, khiến anh liên tục chảy nước mắt. Tiếp theo, người đàn ông chìm vào giấc ngủ mê man.

Không biết thời gian trôi qua bao lâu, người đàn ông tỉnh dậy, cảm thấy toàn thân đau buốt vô ngần, nhưng rốt cuộc cũng đã ngồi dậy được, rồi sau đó đứng dậy, cũng có thể nói là cử động đi lại không có vấn đề gì cả, nhưng mỗi khi cử động thì chỗ bị thương sẽ nhói lên một cơn đau thấu tim, như thể cơ thể này chỉ còn lại nỗi tuyệt vọng u ám. Người đàn ông phát hiện người mất kếp vẫn còn đó, anh đành phải cầu cứu hần một lần nữa:

"Người không cứu tôi cũng không sao, nhưng con trai tôi đang ở trên kia, phía trên vách đá ấy, cầu xin người hãy cứu lấy nó."

"Ta không được giúp bất cứ ai." Câu trả lời của hần không có chút cảm xúc, không chút do dự, dứt khoát chắc nịch: "Huống hồ, trên đó không có bất cứ người nào."

"Nói bậy! Con trai tôi đang ở trên đó! Tôi mặc xác người là ai, nhưng làm ơn, làm ơn đi, tôi cầu xin người mà, nhất định người phải cứu nó!" Chẳng biết hơi sức từ đâu đến, người đàn ông hét to lên.

"Người biết mà," người mất kếp nhìn anh, vô số những con mắt nho nhỏ nhấp nháy liên hồi. Đôi mắt ấy như một dòng chảy ngầm ở dưới biển sâu, nó sẽ hút chặt lấy ta, kéo ta đi, chìm đắm ta. "Ở trên đó vốn dĩ không có bất cứ ai. Vốn dĩ không có."



Con nhộng trên tay người mắt kép cửa quây rất dữ tợn, giống như một thiên hà đau khổ đang sắp sửa được hình thành. Mắt của hãn phát sáng lấp lánh, như thể trong đó thực sự có chứa thạch anh vậy. Nhưng nhìn kỹ hơn thì sẽ biết được nó không phải phát sáng lấp lánh thật sự, mà là vài con mắt đơn đang rỏ xuống những giọt nước mắt vô cùng nhỏ, còn khó quan sát hơn cả đầu kim.

Hang động trong rừng

SAU BỮA TỐI UỐNG QUÁ NHIỀU RƯỢU KAVALAN, người nào người nấy đều rơi vào trạng thái hân hoan và mê mẩn, do đó khi Umav nói, "Tối nay mình vào Giáo đường rừng rậm ngủ đi," Dahu, Hafay, Anu, thậm chí là Detlef và Sara cho dù nghe không hiểu gì cả, đều hồ hởi tỏ ý tán thành.

Đứng trước cửa thiên đường, mỗi người đều lấy đèn pin trên tay rọi sáng ở nhiều góc khác nhau lên hai gốc cây xanh khổng lồ này. Cửa thiên đường là cái tên do Anu đặt. Gió thổi qua khu rừng trong đêm khuya, cú mèo trên cây, tiếng con mang reeves vọng lại từ phía núi xa xa, cùng với tiếng gáy của côn trùng gần đó, và tiếng sữa thi thoảng của Mặt Trăng và Đá Cuội, đan xen thành một tiết tấu âm thanh phức tạp có gần có xa. Đối với hai người không có chút nhận thức gì về Giáo đường rừng rậm như Detlef và Sara thì họ vốn tưởng rằng đây chỉ là một chuyến tản bộ thông thả trong đêm, nào ngờ lại đến một cánh rừng nguyên sinh như thế này, đột nhiên thấy hơi ngơ ngác.

Lúc này, Anu vốn trông có vẻ đã say rượu bèn tiến ra phía trước nhóm, cầu nguyện với ngôi nhà thờ tổ ở bên cạnh. Đối với người hoàn toàn không hiểu tiếng Bunun, thì nó giống như tiếng những khúc cây va vào nhau, là một loại ngôn ngữ của cây cối, vừa nặng nề vừa cứng nhắc. Anu lấy hũ rượu và một cái ly rượu nhỏ giắt bên eo ra, sau khi cầu nguyện với ngôi nhà thờ tổ xong thì rải rượu xuống đất, rồi rót một ly rượu nữa, đưa cho từng người một, mỗi người cầu nguyện bằng ngôn ngữ của mình, mỗi người nhấp một hớp nhỏ rượu *kavalan*. Thế là Dahu nắm tay Umav cùng nhau cầu nguyện bằng tiếng Bunun, Hafay cầu nguyện bằng tiếng Ami, Detlef cầu nguyện bằng tiếng Đức còn Sara thì bằng tiếng Na Uy.

"Không vấn đề gì, rừng rậm nghe hiểu hết," Anu lập tức trở về với cá tính thích đùa của mình, khiến cho bầu không khí vốn có chút nghiêm mặc thư giãn ra.

"Vì có thể có anh hai chị hai ở đây, do đó khi đi cần phải lấy gậy xua xua vào đám cỏ bên đường." Anu khẽ giọng lại, nói: "Anh hai chị hai có nghĩa là rắn độc, không được phép nói từ 'rắn', thế là bất kính." Thế rồi giọng ông trở lại âm lượng ban đầu: "Mọi người đi theo tôi, không được dùng đèn pin rọi vào mắt người khác, lắng nghe tiếng bước chân của người trước và đi theo." Dahu dịch lại lời của Anu ra tiếng Anh cho Detlef và Sara.

Con đường mà Anu dắt mọi người đi chính là đường mà ông thường đi săn. Hồi ông còn trẻ, có nhà đầu tư để ý miếng đất này để xây tháp hài cốt. Để giữ lại khu rừng nơi người Bunun thường săn bắt, ông thử vay ngân hàng mua lại. Nào ngờ nợ nần và bản tính không giỏi quản lý tiền bạc đã làm ông khốn khổ, nhiều lần ông muốn bán bỏ đi. Sau đó may thay có bạn bè ở bộ lạc khác và một vài bạn bè người Hán giúp đỡ, Anu mới chống chọi được. Mấy năm gần đây nó trở thành một điểm du lịch cho nhiều du khách muốn trải nghiệm văn hóa Bunun. Mấy năm trước đây đứa con trai út của ông tên là Lian trong một lần vào rừng kiểm tra hệ thống nước, có lẽ là quên cầu nguyện với linh tổ, hoặc giả không đủ thành ý khi cầu nguyện, một nhánh cây si to bị bão quật gãy trước đó, đúng lúc cậu đi ngang bỗng rơi xuống đất. Chạng vạng ngày hôm ấy, Lian được tìm thấy, và đã không còn thở nữa. Anu đã ly dị vợ từ lâu, một mình Anu nuôi con trai lớn, vì thế mỗi ngày ông đều đi một lượt khu rừng, để cho nỗi đau thương của mình được an tĩnh dần trong khu rừng. Anu không hề trách móc khu rừng, ông cho rằng rừng chỉ thực hiện trách nhiệm của nó, sinh trưởng, đổ lá và chết đi, hoặc là đúng lúc bẻ gãy một nhánh cây để đè chết một thiếu niên người Bunun.

Một Anu như thế đó, khi trông về khu rừng cây si trước mắt, có cảm giác khó tỏ cho người bên cạnh hiểu được. Ông luôn cho rằng một chùm rễ buông xuống đất của một cây si nào đó, chính là hóa thân của đứa con trai ông, do đó càng khiến cho lòng cương quyết canh giữ mảnh rừng này của ông trở nên kiên định. Khi làm hướng dẫn viên cho du khách đến tham quan sinh thái, ông đều yêu cầu họ thử một lần dùng một loại giác quan của mình để cảm nhận khu rừng. Nhắm mắt lại rồi rẫm rễ cây, nằm vắt trên một cái cây mà ngửi một ngọn nắm đại, nếm thử mùi vị của lá tần bì, nghe thử tiếng kêu của một loài chim nào đó để liệu xem nó bao xa... Như thế bảo mọi người làm những điều này, thì nhất định một số người nào đó có thể ngửi thấy, sờ thấy, nghe thấy, hoặc là cảm nhận được linh hồn của con trai ông. Đối với ông, Lian như đang sống với một hình thức nào đó vậy.

Anu đưa mọi người tới trước mặt một tảng đá lớn, rễ già của thân cây trên đá bám chặt, dưới tảng đá có một cái hang nhỏ, đó là nơi mà người Bunun khi đi săn gặp phải mưa thì có thể vào đó trú. Dahu vốn cũng là một hướng dẫn viên, Umav và Hafay cũng đến đây vài lần. Anu nói: "Hang đá đã nhận biết chúng ta, chỉ có hai vị khách là chưa quen thôi," do đó ông yêu cầu Detlef và Sara chui vào trong hang đá "cho nó nhận diện một chút."

Hang động có thể chứa vừa hai người lớn, Detlef và Sara thì phải chịu chen chặt một chút vì cao. Dahu kể lại câu chuyện vui về chiều cao của người Bunun, nếu ai vượt quá một mét bảy mươi đồng nghĩa với tàn tật, bảo rằng chiều cao của Detlef mập mé một mét chín mươi thế này, có nghĩa là tàn tật rất nghiêm trọng. Người với chiều cao

như thế này rất dễ bị dây leo quật ngã hoặc quấn chặt trong rừng nhiệt đới, tốc độ chạy thì sẽ chậm hơn rất nhiều.

"Thực ra, trong rừng chỗ nào cũng có những hang động như thế này, có cái bằng đá, có cái là do nước mưa gội đất đá ra. Đặc biệt là hang cây, hoặc là hang đá, nếu nằm ở trên núi cao hơn một chút, thường sẽ là hang gấu ngủ, thì không được nấp vào trong đấy. Con gấu mà về đúng lúc đó là tiêu đời." Anu nói: "Chúng nó sẽ tóm ta ra cục cảnh sát."

Nói rồi bỗng phá lên cười một trận, Anu để cho họ nghỉ trong khoảng thời gian cháy nửa liều thuốc, rồi mới dẫn họ chuyển qua một nơi khác. Tại chỗ ấy ông đã buộc một sợi dây thừng ở dưới thân cây, có thể dùng sợi dây ấy leo lên đến lưng chừng thân cây cao khoảng hai tầng rưỡi lầu. Do mưa liên tục rơi, nên mặt đất trơn ướt, Anu liên tục nhắc nhở mọi người nên cẩn thận chú ý một chút.

Anu rất thích hai người ngoại quốc không hề làm giá này, tuy Detlef xuất thân học viện, nhưng có vẻ như là một người đã từng trải sự đời, cũng không thể hiện cái danh giá giáo sư đại học của mình ra để tỏ vẻ. Còn Sara là một người mạnh dạn thường thức. Khi Anu rót cho cô cốc rượu đầu tiên thì cô bèn nốc một hơi uống cạn, lập tức ông liền có cảm giác rằng giao thiệp với cô gái này hoàn toàn không thành vấn đề.

"Mặc cho mùi rượu, một người cầm lấy cốc là dốc cạn, thì có thể là bạn bè." Hồi còn là một thiếu niên, cha của Anu nói với ông như vậy.

Do gần đó không có đèn đóm gì cả, Anu muốn để cho hai người họ cảm nhận khu rừng trong đêm, nên đã đề nghị mọi người tắt đèn pin trên tay, mọi người theo phương thức nắm lấy tay nhau hoặc lắng nghe tiếng thở rồi đi theo người phía trước mặt.

Cũng vì vậy, mà nhất thời không ai chú ý đến, Hafay là người bị rớt lại ở đằng sau, và một mình cô chui vào trong hang động.

Hôm ấy lần đầu tiên Umav đưa Hafay đi vào Giáo đường rừng rậm, tim cô đã nện thình thịch, cảm giác như đã tìm được một thứ gì đó có thể dung chứa được mình. Kể từ đó về sau, khi không có ai để ý, Hafay thường xuyên lẻn vào rừng một mình, sau đó chui vào trong hang đá này, như loài gấu ngủ đông, không phải suy nghĩ gì.

Tuy là người bản địa, nhưng hầu như Hafay toàn sống ở thành thị, cho dù có quay về miền Đông, thì phần lớn thời gian cô vẫn sống ở khu vực trung tâm. Sau khi mở Sisid Thứ bảy, không ít bạn bè người Ami đã ngỏ lời rằng cô có thể gia nhập vào cộng đồng bộ lạc của họ, để sống cùng với họ. Nhưng sau vài lần tham gia, cho dù người trong bộ lạc có nhiệt tình với cô đến thế nào, cho dù là đang nhảy múa, Hafay cũng chỉ có mỗi một cảm giác mình là người ngoài cuộc. Thậm chí có nhiều khi đi vào bộ lạc, cô

còn bắt gặp những người khách lúc trước. Do đó, để tránh sự ngại ngùng, Hafay bắt đầu lẩn tránh cuộc sống của bộ lạc.

Nhưng khi lần đầu tiên đi vào Giáo đường rừng rậm, mùi của rễ cây và cỏ xanh, bầu không khí ẩm thấp đều khiến cho Hafay cảm thấy khoan khoái dễ chịu. Cô thích cây si vì muốn chống đỡ thân mình mà tự mọc ra từng nhánh từng nhánh rễ phụ trong không trung, cuối cùng rồi vẫn kết hợp được với đất một lần nữa, biến thành một hình thái sinh tồn bằng rễ chống đỡ cả cây. Điều thích hơn nữa đó là thân những cây già đầy những vết sẹo, vết nứt sẽ được tự thân cây tiết ra nhựa se kín và chữa lành. Tựa như mọi đau khổ đều có thể qua đi.

Nếu Ina còn sống, chắc hẳn bà sẽ thích nơi này.

Do không nghe lời của các chị em khuyên bảo nên Ina mới chết đó thôi. Sau khi cuộc sống ổn định lại, Ina lại yêu một người khác, tưởng rằng mọi người khác trên thế gian này đều giống như lão Liao, và yêu mình theo một cách khác. Khi Hafay nhận được cuộc điện thoại của một dì ở tiệm gọi tới, cô đã không hề thấy kích động gì lắm, có lẽ khi tận mắt thấy Ina lặn xuống suối, rồi vớt được xác của lão Liao lên, cô đã nhìn thấy trước được cái chết của Ina rồi. Nhưng lần này Ina chết dưới đáy nước thật, giống như cảnh tượng lặp đi lặp lại vô số lần trong giấc mơ của Hafay, mái tóc dài của Ina xòa ra như một bông hoa màu đen, và rốt cuộc Ina không bao giờ nổi lên nữa.

Các chị em trong tiệm mát xa nói hôm ấy Ina của Hafay đã ra ngoài với anh Hùng, nhưng không ai biết anh Hùng là ai. Chỉ biết hình như hẳn là bạn trai mới quen của Ina, cũng không ai biết Ina vì sao mà chết. Điều duy nhất có thể xác định được là, tiền trong tài khoản của Ina đã rút rỗng từ rất lâu, người rút tiền chính thực là cô, do đó phía cảnh sát không thể tiếp tục điều tra truy cứu. May mà bà có mở một tài khoản khác để dành cho Hafay, nên cuộc sống của Hafay mới không đến nỗi phải bắt đầu từ con số không.

Lúc này nhân bóng tối, Hafay tạm thời trốn vào trong hang đá này, cảm thấy thật dễ chịu. Bóng tối ở đây không giống với bóng tối trong mấy căn phòng nhỏ mát xa hồi xưa. Tuy là một cái hang nho nhỏ, nhưng lại có thể cách âm với bên ngoài, vì vậy khi mới chui vào ta có cảm giác ù tai, đồng thời nghe thấy tiếng nhịp tim của mình đang đập. Hôm nay Hafay uống không ít, cô chỉ cần một mình ở lại trong hang một chút thôi, cô cần phải đút mưa một lúc.

Khi dẫn mọi người leo lên lưng chừng cây si cổ thụ ấy, Dahu đã phát hiện thiếu mất Hafay. Nhưng anh đoán chắc có lẽ cô tạm thời muốn chui vào hang, chuyện này anh cũng từng làm. Cái hang ấy có sức hấp dẫn như vậy đó, khiến cho người khác muốn

chui vào xem thử. Anh quyết định giữ im lặng, không đến làm phiền cô. Khu rừng đang làm gì cô ấy, anh không cần thiết phải nhúng tay vào.

Còn Anu thì đang kể cho hai người bạn ngoại quốc câu chuyện về *Vavakalun*. Khoảng hai mươi năm trở lại đây, có lẽ ít nhất ông đã kể câu chuyện này hơn một ngàn lần. Nhưng mỗi một lần kể, Anu đều cố gắng kể bằng tâm trạng của lần đầu tiên.

"Vì trước đây người Bunun thường dùng đá và cây để làm dấu đất, tổ tiên của chúng tôi thường chọn những cây to để làm ranh giới phân biệt với vùng đất của người khác. Sau một thời gian, yeahh, điều này thật kỳ lạ, đường ranh giới đất ấy hình như biết di chuyển vậy, hình như dần dần không còn như ban đầu. Một khi ta chú ý thì sẽ phát hiện ra thôi. Thì ra sau khi cây si kia lớn lên, rễ phụ của nó sẽ mọc dài xuống đất, nhiều khi cây mẹ chết rồi, rễ phụ lại biến thành một cây mới. Người trong tộc lâu lâu không đến đó lại tưởng rằng cây mới kia chính là cây cũ. Do đó chúng tôi gọi nó là *Vavakalun*, có nghĩa là cây biết đi."

Anu muốn Detlef và Sara sờ vào rễ cây, xem xem có thể "nghe thấy" tiếng cây hút nước, hay là một cái cây đang biến thành hai cái cây không. Hai người ngoan ngoãn sờ vào cây. Đối với họ mà nói, một cái cây như thế này quả nhiên là mới lạ, vì ở các nước Bắc Âu rất hiếm khi trông thấy một gốc cây với hình thù đan xen kết rễ với nhau như thế này.

Trong bóng tối, Detlef rờ rẫm hệ rễ bám siết lên tảng đá, đột nhiên nghĩ tới, có ngày rễ cây sẽ làm tảng đá nứt toạc. Rễ cắm vào trong tảng đá chắc cũng sẽ phát ra âm thanh, còn lúc tảng đá nứt toạc ra, nói không chừng cũng sẽ phát ra một âm thanh rất lớn. Với cương vị kỹ sư, lẽ dĩ nhiên Detlef tự tin vào chuyên môn của mình, nhưng chưa bao giờ anh hiểu được sức mạnh của tự nhiên, vượt trội hơn sức mạnh của anh rất nhiều, có thể làm được gì, như lúc này đây. Có quá nhiều lực tác dụng mà một kỹ sư nhỏ mọn không thể nào tính toán vào được, ví dụ như ngay lúc này đây có một con kiến xén lá đang bò trên mu bàn tay của anh.

Detlef tìm ánh mắt của Sara trong bóng tối, và đôi bên nhìn vào mắt nhau trong một lúc.

Suốt đoạn đường đến đây, bước trên con đường đi săn tối om này không khó khăn gì, nhưng nó lại là một phong cảnh nhiệt đới rõ ràng chi tiết, từ đầu đến cuối Detlef luôn chú ý đến những âm thanh khê khàng. Detlef thường nói anh không có sở trường gì ngoài thánh lực, đó là một năng khiếu trời cho của anh. Anh sinh ra trong một gia đình có giáo dục, cha là giám đốc công ty, mẹ là giáo viên trung học cơ sở, và con một như anh có một sự nghiệp học hành vô cùng thuận lợi. Do thánh lực nhạy bén lạ kỳ, hồi nhỏ điều anh thích làm nhất là đặt tai lên một vật trống không như không phát ra một

âm thanh nào cả, sau đó tìm mọi cách "moi" ra những âm thanh tinh vi thực sự phát ra từ trong đó. Có một lần nửa đêm anh lén dậy, đào tung ổ kiến trong vườn hoa, sâu đến hai mét đất. Sáng sớm hôm sau cha mẹ anh vô cùng kinh ngạc phát hiện một hố lớn trong vườn, còn Detlef thì bùn đất bám đầy người. Nhưng họ không rầy la gì anh cả, cứ để mặc cho anh đào hết chỗ này rồi bới tới chỗ khác. Điều đó tạo cho cậu bé Detlef một thói quen, hễ đến nơi nào, cậu sẽ ngồi xồm xuống sờ sờ lên đất, hoặc là rờ rờ lên vách núi.

Detlef còn nhớ hồi mình mười chín tuổi tham quan một trường công nghiệp, khi trông thấy mô hình máy đào hầm mà Charles Wilson đã thiết kế vào năm 1956, anh liền có cảm giác như bị cỗ máy này mê hoặc một cách sâu sắc. Máy đào hầm âm thầm cho Detlef một sức mạnh, một ẩn dụ có thể đi sâu vào mọi thứ, nói đúng hơn thì nó chính là một cỗ máy hoàn mỹ trong mắt anh. Thế là anh theo học tất cả những học phần có liên quan đến địa chất học và cơ khí. Đối với anh, kiến thức của hai môn đó đều như nhau cả, chính là "hiểu rõ nguyên lý, đột phá khó khăn, nắm bắt trọng tâm."

Detlef làm nên tên tuổi nhờ vào việc cải tiến máy đào hầm của Wilson, danh dự và uy tín của anh cũng vì thế mà nổi lên trong giới. Nhưng ấn tượng sâu sắc nhất của anh vẫn là những chuyện đã xảy ra lúc anh tham gia vào công trình đào đường hầm xuyên núi ở hòn đảo này.

Khi tất cả mọi người còn ở trong hang động, thì âm thanh đó rốt cuộc là âm thanh gì chứ? Trải qua bao nhiêu năm tháng, anh giữ mãi một tâm trạng ấy, mang một niềm nghi hoặc không thể nào có được lời giải đáp. Sau khi quen biết Sara, Detlef mới bắt đầu suy nghĩ, có lẽ đâu cần phải khoan xuyên qua mỗi một âm thanh mà mình không hiểu được, có nhiều âm thanh, chỉ có thể lưu giữ được nguyên vẹn trong tình trạng không bị khoan xuyên qua.

Còn vừa rồi lúc Detlef và Sara chen chúc vào trong cái hang nhỏ xíu kia, vai anh kề sát vai cô, khiến cho anh có cảm giác như đang ở trong một giấc mơ. Anh cảm thấy anh có thể nghe được âm thanh của cả quả núi phía sau hang động nho nhỏ này.

Một khu rừng sống, một ngọn núi sống, và một ngọn núi sắp sửa bị khoan xuyên vào trong lòng, âm thanh mà chúng phát ra thực sự là khác nhau. Detlef thò tay nắm lấy tay của Sara, anh muốn truyền đạt cho cô biết suy nghĩ này.

Còn bàn tay không còn lại của Sara lúc này đang sờ sẫm rễ cây và tự hỏi không biết một người thám hiểm ở khắp nơi như Amundsen cha mình đã từng thấy một khu rừng nhiệt đới như thế này chưa? Không biết lần dong thuyền trên Mississippi, ông có từng xuôi theo dòng sông như thế này, thẳng đến phương Nam ấm áp, rồi trông thấy những thân cây giống như cô đang thấy lúc này?

Thực ra Sara không hề nhìn thấy xác cha. Khi cô nhận được thông báo, thì bạn bè của Amundsen đã hỏa thiêu "Amundsen của họ" rồi. Ông chết ngay trên vùng băng ông yêu thích nhất, chỉ có điều nó ở Canada.

Không thể nói Sara không có oán giận gì với Amundsen. Ít nhất vào thời kỳ thiếu nữ, một quãng thời gian rất dài, cô đã cho rằng tình thương mà Amundsen dành cho biển, cho cá, cho cá voi, thậm chí sau này là cho hải cẩu còn nhiều hơn nhiều so với tình thương ông dành cho cô. Vì mẹ cô bỏ đi, một Sara vẫn còn là đứa trẻ bị vút vào một thế giới sắc mùi nam tính. Mắt cô nhìn thấy sự giết chóc mà chỉ có nam giới mới hăng máu lên được, và cuộc rượt đuổi hầu như không mệt mỏi của họ. Chính vì thế lúc nào cô cũng nhìn mọi thứ này với vẻ chán chường. Và Amundsen chưa bao giờ cho cô một lời an ủi khi cô không thích ứng với cuộc sống trên biển, ông để mặc cho cô chịu hết thảy mọi giày vò của biển cả. Và biển cả thì chia cắt tuyệt đối cô và mẹ mình. Cho dù cô có muốn đi tìm mẹ, thì cũng chẳng dễ dàng gì để có thể trở lại đất liền. Cách trừng phạt duy nhất mà cô có thể làm với cha là trong khi ông nói chuyện, thì cô chỉ ngoảnh đầu nhìn ra biển.

Năm cô mười lăm tuổi, rốt cuộc cha cô cũng chấp nhận cho cô bắt đầu sống trên đất liền, từ đó Sara bắt đầu xa cách cha cô, người dưới biển kẻ trên bờ. Lúc nào ông cũng ở trên biển, còn cô thì hết ngày lại đêm vui đầu trong phòng nghiên cứu bên bờ biển để bổ túc những kiến thức khoa học của mình, và làm quen lại với đại dương mênh mông rộng lớn ấy, một đại dương chưa bao giờ trả tự do cho cô. Mãi cho đến khi cô bước vào lĩnh vực nghiên cứu hải dương, cô mới nhận thấy rằng mình hiểu biển hơn nhiều so với bạn học, những kiến thức mà giáo sư giảng dạy trên lớp, chẳng qua chỉ là cung cấp cho cô một gói lý thuyết về những kinh nghiệm trước đây, để cho cô bắt đầu ngưỡng tượng lại những kinh nghiệm từng trải trên biển trước tuổi thanh xuân của mình. Có nhiều lúc trong khi cô đang suy nghĩ về một vài vấn đề sinh thái hải dương, thì hình như cô nghe văng vẳng tiếng cha cô đang ở khoang thuyền cất cao giọng nói.

Amundsen luôn luôn chuyển tiền vào tài khoản cho Sara vào một thời điểm cố định, nhưng lại rất ít khi gửi cho cô những tấm bưu thiếp đơn giản. Còn Sara thì nhanh chóng đạt được tiếng tăm lừng lẫy trong giới học thuật, trong khi phần lớn học giả đều dựa dẫm vào phía chính phủ, cô trở thành ngọn giáo tri thức của các tổ chức phản đối, luôn luôn mạnh dạn đâm xuyên vào những hành vi tội ác của chính phủ hoặc các nhà tư bản được che đậy bởi danh nghĩa bảo vệ môi trường, và những chiêu bài chống đỡ của tri thức giả tạo. Những đề tài nghiên cứu về việc khai thác mỏ dầu ở cực địa, khai thác băng cháy, cho đến những vấn đề mượn danh nghĩa nghiên cứu để lăm bắt cá voi, đều vũng vàng tới nơi tới chốn của cô, khiến cho những học giả ủng hộ các nhà tư bản

phải rút lui. Khi hầu hết mọi người đều dùng tính từ "quyết liệt" để miêu tả Sara, chỉ có mỗi cá nhân Sara mới hiểu được những gút mắc trong ký ức nào đó của cô.

Khi lần đầu tiên Amundsen cha của Sara được phát hiện, thợ săn còn nhầm tưởng đó là một con hải cẩu trưởng thành bị lột da. Phần đầu của ông rõ ràng là bị chiếc gậy gỗ dùng để săn hải cẩu đập mạnh nhiều lần, do đó hầu như không thể nhận diện được ngũ quan, rằng không còn một cái nào dính lại trên nướu. Do cách mấy ngày sau ông mới được phát hiện, cánh tay và ổ bụng của ông, có lẽ bị đám hải cẩu lên bờ sau đó chia nhau ăn mất, cả bộ phận sinh dục cũng không còn.

Những năm cuối đời Amundsen cũng như con gái mình nổi tiếng bởi sự quyết liệt trong giới vận động bảo vệ môi trường. Ông từng lấy thuyền để chặn một con thuyền ngụy trang bằng danh nghĩa nghiên cứu khoa học để đánh bắt cá voi ở Nam Cực tận bảy ngày ròng, cho đến khi thuyền của ông bị đục vỡ và mất sức chuyển động. Ông cũng từng vi phạm pháp luật để giơ súng lên uy hiếp thợ săn hải cẩu, cho đến khi họ tạm thời chịu rút lui, còn ông thì cắm trại trên băng tuyết cả mùa đông, không chịu lui, cho đến khi bị bắt vì tội đe dọa người khác. Những năm cuối đời, tóc ông trắng xóa cả đầu, mặt đầy những vết sẹo do bị băng cắt, râu mọc đầy những tinh thể muối, cứng như xương cá voi. Vì căn bệnh tim nặng làm khổ, nên nhiều khi cặp chân mày cứ nghiêng lại, làm cho người ta cứ tưởng rằng ông luôn sống trong đau khổ. Nhưng chỉ có mỗi lão già Amundsen mới hiểu được cuộc đời mình duy nhất lúc này mới cảm thấy hài lòng nhất.

Bạn bè Amundsen đặc biệt vì ông mà gửi thư mời cho lễ truy điệu ông cho bọn cá voi Minke, cá voi vây, cá voi Sei, cá tuyết, hải cẩu Greenland... Đương nhiên hết thầy bọn chúng đều vắng mặt, nhưng con gái ông là Sara thì có mặt. Một người bạn già của Amundsen mà cô gọi là chú Hank, đưa cho Sara di vật của ông. Một cây súng săn, một cái lao săn cá voi, một ống dòm, và những món quà sinh nhật mà sau này ông không kịp gửi cho Sara mỗi năm. Món quà nào cũng đều như nhau, một hộp thủy tinh nho nhỏ được đậy kín, đựng nước biển xanh biêng biếc, trong đó chỉ chứa một con thuyền được điêu khắc bằng xấp xỉ vôn vện 3cm. Trên chiếc thuyền có một cô gái nhỏ, trên chiếc áo váy nho nhỏ trước ngực có viết Sara. Phía dưới đáy hộp, Amundsen dùng nét chữ đặc biệt của mình, giống như những con sóng nghiêng nghiêng đổ đổ, viết những dòng "Thái Bình Dương **của chúng ta**", "Ấn Độ Dương **của chúng ta**", "Biển Bắc Cực **của chúng ta**", "Biển Na Uy **của chúng ta**"... ba chữ "của chúng ta" đều được tô đậm, phía sau đều có ghi chú ngày tháng.

"Phía dưới chính là bộ lạc của chúng tôi." Anu dẫn mọi người đi xuyên qua một cánh rừng khác, mãi cho đến rìa núi, trước mắt bỗngưng mở ra một phong cảnh rộng lớn

bao la. Bộ lạc ở lưng chừng núi vẫn còn có một vài ánh đèn, và dòng suối Laku Laku ở đằng xa rọi lại ánh sáng leo lét, nhấp nha nhấp nháy. "Đây chính là bộ lạc của chúng tôi, và núi là thánh địa của chúng tôi, cũng chính là tử lạnh của chúng tôi."

Lúc này Umav cũng vừa phát hiện Hafay vắng mặt, vội vã quay đầu lại xem thử có ai đó đang đi theo trong bóng tối. Umav kéo tay Dahu, tỏ ý muốn quay lại tìm Hafay. Dahu nhìn ánh mắt của cô con gái trong bóng tối, đột nhiên phát hiện ánh mắt của con gái tự bao giờ đã không còn là ánh mắt của một con chim nhỏ bị thương.

"Chốc nữa thì Hafay sẽ tự mình xuất hiện mà, đừng làm phiền cô ấy," anh cúi người xuống, nói khe khẽ với cô con gái.

"Tối nay, nếu như các vị không chê bai thì chúng ta sẽ ở trong ngôi nhà truyền thống của người Bunun. Chính là hai ngôi nhà được làm từ tre trúc và đá cục đằng kia. Có thể đối với các vị, thì không thoải mái gì lắm, nhưng đây là khách sạn năm sao trên núi, ở trong đó, các vị sẽ nghe được âm thanh của núi phát ra trong đêm." Sau khi được Dahu phiên dịch, Detlef và Sara đều tỏ ý không thành vấn đề. Đã từng ở trên tàu viễn dương, Sara tin rằng không có nơi nào làm cô không thể chịu được.

Anu vẫn chỉ tay vào bộ lạc và nói trong cơn say rượu, "Chúng tôi gọi chỗ này là *Sazasa*, có nghĩa rằng đây là một vùng đất mà mía có thể mọc rất cao, và động vật biết nhảy nhót, con người sẽ sống rất thoải mái." Anu chỉ vào một chóp núi đầu này, rồi quay lại, rồi chỉ vào ngọn núi ở hướng khác. "Cha của tôi nói, chúng tôi bị người Nhật Bản buộc phải rời xa phía núi kia vốn là của chúng tôi, qua sống ở phía bên cạnh dòng suối này, dựa dẫm vào ngọn núi bên này. Nhưng tình cờ sao lại đưa chúng tôi tới gần với biển hơn. Hồi còn nhỏ, cha tôi dẫn theo tôi đi săn, chính là đi từ con đường đi săn của ngọn núi ấy thẳng lên trên, đi mãi đi mãi, sau cùng thì đi qua phía biển. Cha tôi nói, biển và núi không nhau, biển có thể dọn sạch hết mọi thứ, kể cả bên ngoài của chúng ta, lẫn bên trong của chúng ta.

"Chỉ có điều biển giờ đây đã có chút gì đó không còn giống với trước kia," Anu nói.

28.

Hang động dưới vách đá

DO LIÊN TỤC ĐI BỘ mấy ngày mệt nhọc, cuối cùng Alice cũng nhiễm cảm, toàn thân run lẩy bẩy. Thuốc trong túi cấp cứu không phát huy được tác dụng, chỉ khiến cho Alice rơi vào trạng thái sốt cao và lạnh run, thỉnh thoảng hôn mê mất ý thức. Thế là Atile'i đành phải dựa vào tri thức mà mình đã học được từ trong sách minh họa, hái vài loại thảo dược. Do phải tiết kiệm chỗ gas còn lại, Atile'i nhặt củi khô để nhóm lửa, cố gắng nấu thành nước thuốc cho Alice uống. Alice uống xong thuốc, tinh thần có phần phục hồi được một chút.

"Núi sẽ chữa lành cho cô," Atile'i nói với Alice.

Alice vẫn cương quyết tận dụng nửa ngày nắng ráo cuối cùng, để đi qua khu rừng, tận mắt nhìn thấy vách đá. Có lẽ do sự ngăn cách của ngôn ngữ, có lẽ là cậu cảm nhận được sự cương quyết của Alice, Atile'i có thân hình của một thanh niên cường tráng quyết định công người phụ nữ yếu đuối nhưng cứng như đá này băng qua khu rừng.

Khu rừng có độ cao tầm trung so với mặt nước biển điển hình này, tầng đáy của nó phủ đầy từng lớp từng lớp lá rơi tích tụ dần theo năm tháng. Tất cả những thân cây vừa thẳng lại vừa cao, mỗi một thân cây đều có cái bóng thuộc về của riêng mình. Atile'i dẫm lên nó, cảm giác như thể dẫm lên đầu những ngọn sóng, điều này làm cậu không sao thôi nghĩ về đảo Gesi Gesi, và tất cả những gì trên đảo Wayo Wayo. Đặc biệt là Rasula.

Lúc này hai tay Atile'i ôm chặt kẹp chặt hai chân của Alice, không thể kiềm chế được, thế là cậu đã cương cứng.

Atile'i nhớ bình rượu *kiki'a* của Rasula, nhớ ánh mắt và tiếng rên ư ử trong đêm cuối cùng với cô, và mùi cơ thể của cô, cơ thể mềm mại của cô, khác hoàn toàn với Alice đang cồng trên lưng, nhưng cũng lại rất giống.

Trong khoảng thời gian này, tuy hoàn toàn không có người dạy dỗ cậu, nhưng Atile'i cũng dần hiểu ra một số chuyện nào đó một cách tự nhiên. Cậu biết được vì sao người Wayo Wayo đã quy định cái luật lệ mà vào "đêm trước" khi con trai thứ rời khỏi đảo, những cô thiếu nữ có quyền lôi họ vào trong bụi cỏ, vì đó là cơ hội giữ lại một hạt giống Wayo Wayo cho người con trai thứ.

Nếu như một cô gái nào đó mang đứa con của cậu, thì cậu hy vọng đó chính là Rasula. Atile'i biết rằng một cô gái trên đảo Wayo Wayo mang thai thì đó là mang thai, chẳng có ai sẽ đi soi mói xem đó là giọt máu của ai. Phái nữ trên đảo Wayo Wayo cũng không có tuổi, họ chỉ có năm họ sanh đứa con đầu lòng, năm họ sanh đứa con thứ hai. Cũng vì vậy mà vài phụ nữ đảo Wayo Wayo không biết phải trả lời làm sao khi được hỏi tuổi, vì họ không mang thai. Phụ nữ không mang thai thì không có những đánh dấu về tuổi tác, thông thường họ không nhận được sự che chở của người thân. Cậu hy vọng rằng Rasula có thể mang thai, như vậy thì ít nhất cũng còn có một người có thể chăm sóc cho cô ấy, tuy cậu biết rằng người đó sẽ là anh trai mình Nale'ida. Nale'ida sẽ chịu trách nhiệm mắc dây giá phơi cá của Rasula. Đó là quy tắc của người Wayo Wayo, cũng chính là luật pháp của đảo Wayo Wayo.

Tuy cậu không thể xác nhận rằng Rasula có mang thai không, nhưng thường lại nghe thấy một âm thanh khe khẽ trước khi sắp sửa bước vào giấc mơ. Nhưng giờ đây cậu đang ở trên một hòn đảo khác, cách đảo Wayo Wayo không biết là bao xa, mà cậu cũng không thể xác định được âm thanh khe khẽ ấy đến từ nơi nào.

Nghĩ đến đây, mỗi bước chân của Atile'i đều như dẫm vào nơi sâu thẳm của khu rừng, khó thể nhoi người ra.

Alice ở trên lưng của thiếu niên Atile'i, bỗng cảm nhận được một sự an ủi ngỡ ngàng, giống như Jakobsen rút cuộc cũng quay trở lại, cuối cùng cũng đền trả lại cho cô một sự an ủi. Vì vậy Alice đã ôm chặt lấy tấm lưng của người thiếu niên này.

Alice biết, cuộc sống của cô và Atile'i trong những ngày này có vẻ rất ổn định, nhưng kỳ thực sẽ có thay đổi bất cứ lúc nào. Họ không thể ở mãi trong căn chòi đi săn đó, chòi đi săn lỏng lẻo lắm, bão đến là sẽ thổi bay ngay, và Atile'i cũng không thể bị giấu mãi trên núi. Cô phải giúp Atile'i quyết định một vài chuyện, kể cả việc có nên để cho cậu làm quen với người khác, ít nhất thì sẽ bắt đầu từ Dahu và Hafay. Có thể cậu sẽ trở thành bạn như anh em với Umav. Alice nghĩ. Rồi, nói không chừng thời gian dần lâu, từ một người Wayo Wayo thì Atile'i sẽ trở thành người Đài Loan.

Nhưng Alice có khó khăn của mình. Trong khoảng thời gian này, thoát trông cô lúc nào cũng rất an nhiên hái rau và lây lất qua ngày, sáng tác, nhưng cô giận mình chỉ có thể sống trong những con chữ, giận mình sống trong một thế giới mà cô chỉ đối thoại với chính mình.

Có lẽ cô cần phải đến vách núi đá ấy một lần, Alice nghĩ.

Khi được Atile'i công bằng qua khu rừng trời lên hụp xuống này, đột nhiên Alice nhớ ra vài năm trước, có một lần đi lấy nước, cô và Jakobsen bắt được một con bọ cánh cứng sừng hươu có đôi sừng hươu rất đẹp. Cô vui mừng khôn xiết mang về làm tiêu bản, định dành cho Toto một sự ngạc nhiên trong ngày sinh nhật cậu bé. Alice dùng

ê-te làm nó hôn mê, sau đó lấy kim côn trùng số ba xuyên đâm qua lớp giáp cứng của nó, gắn chặt vào hộp tiêu bản cỡ nhỏ. Trong đó cũng đã có một con bọ kẹp kim Đài Loan lớn, một con bọ kẹp kim trong núi sâu. Còn con bọ cánh cứng sừng hươu là thành viên mới này quả thực rất bắt mắt, thực sự như một con nai rõ từng chi tiết. Một con bọ cánh cứng kẹp kim đẹp tuyệt vời.

Trong một đêm khuya, cô không ngủ được, bèn kéo học tử ra lấy giấy định viết một thứ gì đó, thì bỗng giật mình, hất tung cả học tử lên.

Thì ra ba cặp chân của con bọ cánh cứng sừng hươu đã bị kim dính côn trùng đâm xuyên qua vẫn đang ngo ngoe chầm chậm, như thể nó đang bơi trong hồ bơi. Có lẽ là do lượng thuốc ê-te quá thấp, con bọ kẹp kim có sức sống mãnh liệt này chỉ tạm thời bị hôn mê, sau đó thì sống lại. Hai con bọ bên cạnh bị kim côn trùng ghim cứng và im thin thít vào hộp tiêu bản, còn con nai nhỏ này không ngừng chồi đạp trong không trung, nhưng không đi được đến đâu cả.

Loài côn trùng có cảm giác đau đớn không? Có lẽ khi người thân của chúng mất tích thì chúng vẫn không hề hay biết gì, nhưng khi kim côn trùng số ba đâm xuyên qua, thì liệu chúng vẫn vô tri vô giác như chúng ta nghĩ chăng?

Atile'i công Alice đi trong rừng. Hai người đều đang nhớ về những hồi ức, cơ thể mỗi người phát ra một mùi khác nhau. Những động vật có khứu giác đặc biệt ở trong rừng đều đã phát hiện. Lá cây vừa ẩm ướt vừa dày đặc không hề phát ra âm thanh gì, nhưng những chiếc lá mới sẽ phát ra tiếng, như tiếng xương của ai đó vỡ vụn vậy. Và mỗi một bước chân ta đi là một tiếng nứt vỡ. Lúc này mưa từ từ rơi xuống, Atile'i ngẩng đầu lên trông, cảm giác như nhìn thấy tới tận đầu kia của giọt mưa vậy.

Trước khi màn đêm buông xuống, rốt cuộc họ cũng đã đi qua khu rừng, đến trước vách núi đá. Nó trông như một tấm vách ngăn, một sinh linh khổng lồ, tất cả những ngọn gió trên thế gian này đều phải dừng lại trước nó, khu rừng chỉ có thể ngẩng đầu dõi trông lên.

Atile'i đặt Alice xuống, lau khuôn mặt đầm đìa mồ hôi và bóng nhẫy của mình. Alice lột chiếc áo mưa toàn thân bên ngoài áo gió ra, đội mũ đi mưa lên, để mình được gói gọn trong một thế giới có màu vàng nho nhỏ. Lúc này bỗng dưng cô bình tĩnh không thể nào ngờ được. Thì ra là ở đây, cô nghĩ. Thì ra là ở chỗ này.

Do trời đã chập tối, cái lều đã bị con gấu dẫm nát, Alice và Atile'i bị buộc phải ở lại trên núi thêm một đêm nữa. Họ tìm chung quanh đó một chỗ có thể trú mưa được, cuối cùng cũng tìm được một cái lỗ hổng ở dưới vách đá. Cái lỗ hổng không quá sâu, nhưng nếu cúi thấp người, thì ít nhất cũng có thể chứa được vài người trú trong ấy.

Trong hang thì một đầu cao một đầu thấp, đầu thấp hình như ăn thông với một cái hang khác, vì không có ánh sáng, Alice nhìn không rõ. Alice nhớ lại lời của người trong hội leo núi đã nói với cô, vách đá vốn không tồn tại, do động đất, mới nứt trượt qua một lớp, hình thành một tấm vách đứng.

Sau khi núi nứt, thì tấm vách mới lộ ra. Đây là điểm cuối cùng của tấm bản đồ, có phải là nơi mà Dahu đã tìm ra thì thể của Jakobsen không?

Alice nhìn cảnh tượng Atile'i nhóm lửa nấu trà, trong ánh sáng lập lờ chớp nhoáng, bóng của cậu nhiều lúc to lớn như Jakobsen, nhiều lúc như Toto. Cô sờ vào cái bóng của Atile'i phủ kín cả tảng đá lồi vào dưới vách đá to, lăm bầm: "Thì ra anh ở đây." Lúc này ý thức của cô sáng tỏ, cô biết rõ tất cả chỉ là cái bóng. Cho dù là cái bóng của cái bóng cũng được, cho dù là cái bóng cũng không sao.

Atile'i nhóm xong lửa, ngồi một bên nhìn ra mưa bên ngoài. Trận mưa đột nhiên trở nên lớn kinh hồn, và nước mưa chảy vào, về phía thấp hơn trong hang đá, rồi biến mất, phát ra tiếng róc rách. Cứ như thế trong hang động có một dòng sông dài khôn xiết, chảy thẳng tới lòng núi.

"Hôm nay thời tiết trên biển như thế nào?" đột nhiên Atile'i hỏi bằng giọng rất bình thản.

Alice ngớ người đi một lúc, nói bằng giọng khẽ khàng như tiếng giọt mưa rơi: "Rất trong lành."

29.

Người mắt kép III

NGƯỜI ĐÀN ÔNG NGỒI TRÊN MẶT ĐẤT, cảm giác đau nhức khiến anh phải nằm xuống lại. Anh không biết được do buồn rầu hay cảm xúc gì khác, đột nhiên ngáp một cái thật lớn, như thể thế giới này nhàm chán lắm vậy, thà mãi mãi không bao giờ tỉnh dậy.

Sau khi ngáp, người đàn ông phát hiện, cảm giác đau nhức trên cơ thể giảm đi một chút. Thế là người đàn ông không phải kìm nén lại sự thèm ngáp nữa, cơn ngáp từng cơn từng cơn nối tiếp nhau, giống như đang xếp hàng, đợi cho đến lượt mình được người đàn ông tổng ra, chưa đến một phút, mà đã ngáp những mười ba cái.

"Cũng không đau lắm như mình tưởng đúng không?"

Người đàn ông biết rằng phần lớn xương trên người mình đều vỡ cả, vỡ thành từng mảnh nhỏ, không thể nào ráp lại được. Anh từng nhiều lần gãy xương nghiêm trọng, cảm giác ấy đã khắc ghi vào trong ký ức. Nhưng lúc này thì anh không cảm thấy đau nhức một chút nào.

"Không đau nữa, thiệt lạ kỳ." Người đàn ông nhanh chóng hiểu ra tình huống này có thể nghĩa là gì: "Vậy là, mình đã chết rồi sao?"

"Người đã ngáp bao nhiêu cái?"

"Mười lăm cái." Kỳ thực là mười ba cái, người đàn ông đếm nhầm rồi.

"Vậy thì, về mặt định nghĩa thông thường mà nói thì người đã chết rồi?"

Người đàn ông không hiểu mặt "định nghĩa thông thường" là thứ gì. Anh chống mình, gượng người dậy lần nữa, đi ra xa khỏi vách đá, vội vàng nhìn lên trên, "Nhưng con trai tôi vẫn còn ở trên đó."

Người mắt kép lắc đầu, cảm thấy bức mình vì hình như hẳn không hiểu nổi người đàn ông này, bảo: "Nó không có trên đó. Đương nhiên cũng có thể nói là nó ở trên đó, nhưng trên thực tế, nó không có trên đó. Người biết rõ ràng mà."

Tôi không biết, tôi biết, tôi không biết, tôi biết, tôi không biết, tôi biết, tôi không biết, tôi biết... Người đàn ông nổi giận lánh khỏi người mắt kép, cứ mặc xác mà thử leo lên trên, nhưng nhận thấy mình không còn sức lực. Giống như anh vẫn tồn tại, nhưng không thể điều khiển cơ thể mình như mong muốn, nói một cách cụ thể, chính là anh

không thể nào leo lên vách núi, mà hình như chỉ có thể di chuyển một cách có hạn trên mặt bằng, biến thành người phẳng. Thì ra là vậy, chết chính là như thế này.

"Người không lên được đâu." Người mắt kép nói một cách chắc chắn, không có cảm xúc, không chút do dự, dứt khoát và chắc nịch.

Người đàn ông biết người mắt kép nói đúng, anh không lên được đâu, thế là anh thở dài, một tiếng thở dài sâu thẳm và lạnh lẽo, khiến cho cây cối ở chung quanh như đọng lại một lớp sương. Nhưng lúc này anh đang lo lắng cho con trai mình, vô cùng sốt ruột, thế là anh bèn thử lại lần nữa rồi lại một lần nữa.

Người mắt kép cũng không ngăn anh lại, chỉ đợi cho anh một nhào rồi ngồi phịch xuống đất. Người đàn ông tuyệt vọng nhìn người mắt kép, giống như dùng hết mọi cầu khẩn hy vọng nhận được sự giúp đỡ của hắn ta, nhưng chỉ nhìn thấy được đôi mắt kép của người mắt kép như một tổ hợp sắp xếp biến hóa thoăn thoắt vậy, liên tục nhảy nhót biến ảo. Mỗi khoảnh khắc cảnh tượng trong một con mắt đơn hoàn toàn không giống với khoảnh khắc cảnh tượng trước đó. Nhìn tỉ mỉ vào, tinh thần của người đàn ông tự dưng bị mỗi bề mặt của một con mắt đơn hút chặt vào, có lẽ là núi lửa ở đáy biển nào đó đang phun trào, có lẽ giống như mắt của con chim cắt đang bay dõi nhìn, có lẽ chỉ là cảnh tượng một chiếc lá lung lay sắp rụng. Mỗi một con mắt đơn ấy như thể đang phát một thước phim nào đó vậy.

Người mắt kép chỉ xuống đất, nói: "Ngồi xuống nói chuyện chút đi, được không? Nếu như người không gấp."

Nếu như tôi đã chết, thì còn có chuyện gì gấp gáp được nữa chứ? Người đàn ông ngồi xuống với vẻ bất lực.

"Người có biết trong ký ức có những thứ như thế nào không?"

Người đàn ông bị câu hỏi đột ngột này làm cho bối rối. "Chính là những chuyện đã ghi nhớ, chẳng phải sao?"

"Đúng vậy. Ta giải thích đơn giản một chút thế này đi. Nói chung, ký ức của nhân loại có thể chia làm hai loại lớn, ký ức mang tính trần thuật và ký ức mang tính phi trần thuật. Ký ức mang tính trần thuật là loại ký ức có thể được kể ra, ví dụ như có thể dùng ngôn ngữ hay chữ viết. Còn ký ức mang tính phi trần thuật, nói không được chuẩn xác cho lắm, kiểu như các người gọi nó là tiềm thức vậy. Chính là những ký ức mà có thể là đến chủ thể cũng không biết mình đã ghi nhớ. Nhưng không phải nói là không thể kể ra, mà thông thường thì không được kể ra, vì có thể đến cả bản thân mình còn không biết. Như thế người có hiểu được không?"

Người đàn ông gật đầu, không hiểu là tại sao mình phải ngồi đây và nghe những lời này.

"Uhm. Hai loại ký ức này, lại có thể chia làm ba loại hình thái cơ bản là ký ức sự kiện, ký ức sự thực, và ký ức quen thuộc." Người mắt kép nói, "Người còn nhớ việc con trai người mãi đến ba tuổi vẫn còn chưa biết nói không? Có một hôm khi cậu bé đang xem những tiêu bản, đột nhiên nói lên một câu, chẳng phải sao?"

Người đàn ông gật đầu, nhưng lòng đầy nghi hoặc, tại sao người này lại biết được những chuyện nhỏ nhặt như thế chứ? Ý nghĩ này vừa trỗi dậy, anh bỗng phát hiện ra mình không thể xác định được thời điểm của sự việc này, rốt cuộc là vào lúc con anh ba tuổi, hay là bốn tuổi, nói chung, không thể quá năm tuổi.

"Đó chính là một sự kiện, sự kiện này người có thể kể nó ra, do đó nó chính là loại ký ức sự kiện có thể trần thuật. Ngoài ra, người có nhớ được sinh nhật của vợ người, con trai người không?"

"Đương nhiên là nhớ chứ."

"Uhm, đó chính là ký ức sự thực. Cho dù người có quên đi, cũng còn có thể kiểm tra lại được, trên chứng minh thư có hết, cho dù là có nhớ sai cũng có một cái nhớ sai, chẳng phải sao? Về cơ bản nếu không bị làm sai, ngày sinh của vợ và con trai người, cho dù là ở đâu thì cũng đăng ký như nhau, vì đó là sự thật, người khác sẽ khẳng định chuyện đó bằng một phương thức nào đó, và trong thế giới mà con người xây dựng nên, thông thường đều có thể kiểm tra được những sự kiện đó. Nói như thế này người có thể hiểu được không?" Người đàn ông gật đầu.

"Nhưng ký ức sự kiện khác nhau, những chi tiết nhỏ nhặt mà người nhớ được, chắc chắn sẽ khác với những gì mà vợ người nhớ được. Đúng không? Nói ví dụ, khi người và vợ người gặp nhau lần đầu tiên, rốt cuộc là người đã nói những gì với cô ấy ở trong rừng? Có rất nhiều lần, hai người đã tán gẫu đến mức xem chút nữa là cãi nhau, đúng không? Đối với cùng một ký ức sự kiện của một sự kiện, những phần mà hai người nhớ được cũng không hề giống nhau."

Người đàn ông cúi đầu ngẫm nghĩ một lúc. "Có thể hiểu được. Vậy thì, ký ức quen thuộc là thứ gì chứ?"

"Người đã leo qua vách đá ấy mấy lần rồi đúng không? Nếu như buộc người phải ngẩng đầu nhìn lên, người có thể vạch ra hạo hạo vài đường leo lên chứ?"

Chắc là được thôi. Người đàn ông nghĩ, nhưng lại không chắc chắn cho lắm. Người đàn ông nhớ lại cận kề tình hình leo lên vách đá, với người leo núi có kinh nghiệm thì chỉ cần leo lên một mỏm đá hai lần, trong lúc leo lên trong đầu chắc chắn sẽ xuất hiện những chi tiết của lần leo vừa rồi.

Giống như thể tiếp lời những ý nghĩ trong đầu của người đàn ông, người mất kép nói: "Đúng chứ. Chỉ cần những đầu ngón tay bắt lên một cục đá nào, thì ta sẽ nhớ lại mang máng, nhưng bình thường có cố gắng nhớ đến cỡ nào cũng không thể nhớ ra. Nhiều khi trong lúc leo, thậm chí cục đá ấy có chỗ nào đó hõm xuống, đều hiện ra trong đầu. Đúng không?"

Người đàn ông nhìn người mất kép với vẻ vô cùng ngạc nhiên.

"Bộ não của con người sẽ đan kết những ký ức đó lại với nhau trong một trạng thái không hay biết, có nhiều khi, đến cả mình còn không biết mình đã nhớ những chuyện gì. Nếu như người leo vách đá đó một trăm lần, thì có lẽ người cũng chẳng cần cố ý ghi nhớ mỗi một viên đá cũng như chỗ gá chân, cơ thể sẽ tự khắc nhớ điều đó. Cho dù lần sau nữa, có ai đó dời một viên đá nào đó đi, cơ thể người cũng sẽ mách bảo cho người."

Người đàn ông nhìn vào mắt của người mất kép, hình như anh nhìn thấy một cảnh tượng quen thuộc trong một con mắt đơn cực kỳ nhỏ của người mất kép. Nhưng nhìn chung, so ra thì mắt và đầu của người đàn ông không lớn hơn người bình thường, những con mắt đơn trên mắt kép ấy ít nhất cũng có đến vài vạn con, mỗi một con mắt đơn nhỏ li ti, nhỏ đến mức mắt thường hình như không thể xác định được sự tồn tại của nó. Vậy sao mình có thể chắc chắn được cảnh tượng ấy chứ? Người đàn ông hỏi mình.

"Nói về ký ức, con người cũng chẳng khác gì những loài động vật khác. Không hề đùa cợt một chút nào đâu nhé, chắc là người không tin, nhưng kỳ thực đến loài thỏ biển cũng có ký ức. Người nghiên cứu ký ức nổi tiếng, Eric Richard Kandel, đã bắt đầu nghiên cứu từ loài thỏ biển. Ông ta rất may mắn sống sót trong 'đêm thủy tinh' khi mà Đức Quốc Xã bắt đầu tàn sát người Do Thái một cách có hệ thống, nhờ đó mà ông có cơ hội nghiên cứu ký ức. Về một phương diện nào đó, có lẽ vì Kandel biết rất rõ về cái gọi là khắc sâu ký ức, nên mới không ngừng thúc đẩy mình nghiên cứu ký ức." Người mất kép nói: "Có lẽ thỏ biển không hoàn toàn có ký ức sự kiện và ký ức sự thực, nhưng với loài động vật có não bộ phát triển như con người, kỳ thực đều có ký ức sự kiện, ký ức sự thật và ký ức quen thuộc. Loài chim di trú theo mùa nhớ được bờ biển, loài cá voi nhớ được con thuyền đã từng để lại vết chĩa đâm trên người nó, còn loài hải cẩu bị truy sát nếu như thoát được đại nạn chết chóc ấy, thì nó cũng vẫn nhớ được loài sinh vật đã khoác chiếc áo khoác, tay cầm một cái gậy, không gạt người đâu, nhớ mãi không bao giờ quên. Nhưng, chỉ có loài người mới phát minh ra được công cụ ghi chép ký ức."

Người mất kép thò tay lấy cây bút cắm trên ống quần của hắn ra, cây bút gãy làm hai, nhưng rõ ràng là còn viết được.

"Viết."

Lúc này từ xa xa đột nhiên nổ ra vài tiếng sấm ngấm, mây đen ở đằng xa dần kéo đến bao phủ, thời tiết thay đổi.

"Sấm vừa mới đánh, đó là sự thực, chúng ta đang nói chuyện, đó là sự thực, nhưng nếu không có ai dùng chữ viết để ghi chép quá trình vừa rồi lại, vậy thì chỉ có mỗi hai chúng ta mới có thể tìm được chứng cứ sấm vừa mới đánh trong ký ức sự kiện, ký ức sự thật và ký ức quen thuộc của mỗi người chúng ta. Nhưng một khi đã dùng chữ viết để tái hiện lại những ký ức này, người sẽ nhận ra, có nhiều thứ mà não bộ của người đàn dẹt ra, để thêm thắt vào trong ký ức sự kiện. Do đó, thế giới mà chữ viết tái hiện ra ấy, nó càng có xu hướng giống với cái mà các người gọi là 'giới tự nhiên'. Nó là một sinh thể sống."

Người mắt kép tiện tay thò vào trong một cây khô đã đổ, moi ra một thứ trắng trắng múp múp, giống như ấu trùng của một loài giáp xác, như thể đang làm ảo thuật.

"Thế giới mà con người có thể cảm nhận được quá phiến diện, quá hạn hẹp... Nhiều khi, các người sẽ cố ý, quá cố ý, ghi nhớ những chuyện mà mình muốn nhớ. Có nhiều thứ thoát trông giống như ký ức sự thực, kỳ thực đã nhồi nhét thêm những sự tưởng tượng rất hư cấu. Thậm chí, có nhiều chuyện còn chưa hề xảy ra trên thế giới này, cũng có thể tái hiện bằng sức tưởng tượng trong não bộ của con người, sống động như thật. Nhiều người có vấn đề bệnh tật về não bộ, thậm chí họ còn có thể tưởng một sự vật nào đó trong thực tế thành ra một sự vật khác, giống như có một người coi đầu của vợ mình là cái mũ."

Ánh mắt của người mắt kép nhìn ra xa. Thật kỳ lạ, cách nhìn tập trung của mắt kép khác với hai mắt của người bình thường. Quả nhiên người đàn ông cũng có thể nhận biết được rằng hẳn ta đang nhìn ra đằng xa. "Cũng như vậy, giống như điều ta vừa nói, chẳng phải chỉ có loài người mới có năng lực ký ức, đương nhiên cũng chẳng phải chỉ có loài người mới có năng lực hư cấu. Nhưng, chỉ có loài người mới có khả năng đem hết thảy những gì trong bộ não của mình ra để biến nó thành chữ viết, đây là điều chắc chắn. Giống như ấu trùng trên tay ta đây, sẽ không bao giờ có thể kể lại ký ức của nó vào thời kỳ là nhộng."

Người đàn ông phát hiện ấu trùng trên tay hẳn ta chẳng biết từ lúc nào đã hóa thành một con nhộng màu nâu nhạt.

"Do đó, ý của người là..." người đàn ông đắn đo chưa thể mở lời. Anh rơi vào trạng thái mơ hồ, có lẽ là một trạng thái mà ai vừa mới chết cũng đều trải qua.

"Con trai người sống nhờ vào sự viết lách của vợ người." Người mắt kép nhìn chằm chằm vào người đàn ông và bảo rằng: "Người còn nhớ mùa hè năm ấy không? Con rấn ấy? Buổi chiều ấy? Có những tồn tại đã không tồn tại từ lâu rồi. Vợ của người viết nhật ký mỗi ngày, làm những chuyện mà chỉ con trai người mới làm, mua những thứ mà

con trai người lớn hơn một chút mới cần dùng tới. Cô ấy đọc những sách minh họa mà cô nghĩ con trai người lớn hơn một chút sẽ cảm thấy hứng thú; ra khu dã ngoại để thu thập tiêu bản, rồi sau đó đem quyền sở hữu tiêu bản ấy gửi lại cho con trai người. Còn những người ở chung quanh các người vì muốn bảo vệ cô ấy, hay nói đúng hơn là bảo vệ não của cô ấy, thế là trong khoảng thời gian này đều giả vờ làm theo ký ức của cô ấy... ít nhất là những ký ức mà cô ấy chịu thừa nhận. Cũng vì thế, vợ và con trai người, giữa hai đầu sinh và tử, cộng sinh với nhau bằng một hình thức nào đó."

Người đàn ông cảm thấy một luồng điện chớp động ngay trước mắt mình, rồi lập tức biến mất. Có ai đó đã tắt bóng đèn sinh mệnh của anh, có ai đó đã dập tắt thứ gì đó.

"Con trai người kỳ thực chỉ tồn tại trong những trang viết và hoạt động sống của cô ấy. Các người là những người chịu đựng, cũng chính là người sáng tạo những ký ức bị thương."

Người đàn ông thở dài, rõ ràng có một thứ gì đó rời khỏi cơ thể của anh. "Thế thì, sự tồn tại sau đó của con trai tôi chẳng có chút ý nghĩa nào ư?"

"Không phải là như vậy, không phải như vậy. Ít nhất thì trong khoảng thời gian nào đó, một cách âm thầm, nó đã sống giữa người và vợ người không đúng sao? Nó sống, như một sợi xích. Nó chẳng chết theo định nghĩa thông thường, chỉ là không còn sống nữa. Chẳng có một sinh vật nào khác có thể chia sẻ được loại cảm xúc này. Nhờ chữ viết mà các người cùng trải nghiệm một loại cảm xúc?"

Người mắt kép nhìn vào mắt của người đàn ông, mắt của người đàn ông chuyển dần từ trạng thái sáng hấp háy, sang mờ dần. Đó là tín hiệu của cái ngập mười bốn rưỡi.

"Nhưng rồi sẽ có một ngày, ký ức và tưởng tượng sẽ được sắp xếp phân loại riêng rẽ, cũng giống như sóng biển bao giờ cũng muốn ra đi. Vì nếu không làm thế thì con người sẽ không thể nào sống được." Người mắt kép nói, "Đó là cái giá phải trả cho việc so với phần lớn sinh vật không có khả năng dùng chữ viết để cất giữ ký ức, con người là loài duy nhất có thể viết."

Người đàn ông nhận thấy con nhộng trên tay của người mắt kép bắt đầu cựa quậy ngo ngoe, như thể bị nhốt trong đó rất đau khổ, và muốn kết thúc sự đau khổ này vậy.

"Nói thật, ta chẳng hề ngưỡng mộ cũng chẳng phải đặc biệt khâm phục gì cái năng lực này của các người cả. Vì thông thường con người cũng chẳng hề để ý gì đến ký ức của loài sinh vật khác. Sự tồn tại của các người tùy tiện hủy hoại ký ức tồn tại của loài khác, cũng hủy hoại luôn cả ký ức của chính mình. Không sinh mệnh nào có thể tồn tại mà không có sinh mệnh khác, mà không có ký ức sinh thái của các loài sinh vật sống khác, ký ức về môi trường sống của chúng. Loài người tưởng rằng mình có thể

sống không cần dựa dẫm vào ký ức của sinh mệnh loài khác, tưởng rằng hoa nở muôn màu là vì đôi mắt của các người, tưởng rằng heo rừng tồn tại là để cung cấp thịt, tưởng rằng con cá cắn câu là vì con người, tưởng rằng chỉ có mình mới có thể đau buồn, tưởng rằng một hòn đá rơi xuống thung lũng thì chẳng có ý nghĩa gì, tưởng rằng một chú nai cúi đầu uống nước không nói lên điều gì... Trên thực tế, bất cứ động tác nhỏ nhặt nào của bất cứ loài sinh vật nào, cũng đều gây ra một sự biến động trong hệ sinh thái." Người mắt kép thở một hơi dài thượt:

"Nhưng, đó chính là nguyên nhân tại sao các người làm người."

"Còn người là ai?" Người đàn ông nhả ra câu nói này bằng nửa hơi ngáp cuối cùng, như thể có hàng trăm hàng ngàn giọng hòa tấu với nhau.

"Ta là ai ư? Ta là ai ư?" Con nhộng trên tay người mắt kép tựa quạ rất dữ tợn, giống như một thiên hà đau khổ đang sắp sửa được hình thành. Mắt của hắn phát sáng lấp lánh, như thể trong đó thực sự có chứa thạch anh vậy. Nhưng nhìn kỹ hơn thì sẽ biết được nó không phải phát sáng lấp lánh thật sự, mà là vài con mắt đơn đang rò xuống những giọt nước mắt vô cùng nhỏ, còn khó quan sát hơn cả đầu kim.

"Chỉ có thể quan sát chứ không thể can thiệp, chính là lý do duy nhất mà ta tồn tại." Người mắt kép chỉ vào mắt mình mà nói.



Con cá voi quẫy đuôi đau đớn khiến bãi cát lồm xuống nhiều lỗ hõm khổng lồ, đập cái đầu to lớn lên cát biển, như thể muốn tống khứ ký ức ra khỏi bộ não. Âm thanh vừa nặng nề, đờn điệu và tuyệt vọng của chiếc đầu cá voi nện liên tiếp xuống cát vang xuyên qua đầu kia của ngọn núi, khiến cho ngực của người dân thôn quê đang cày bừa phải nhói lên.

30. Người mất kép IV

CẬU BÉ quyết tâm leo xuống vách núi đá.

Cậu bé thắt dây bảo hộ, chậm chậm leo xuống. Do nhẹ cân, ban đầu cậu bé không cảm giác được sức nặng của cơ thể mình, nhưng sau đó không lâu, cậu bé bắt đầu cảm thấy sức lực của mình đang vơi mất. Cậu chưa từng nghĩ trọng lượng của cơ thể mình lại nặng đến như vậy. Cậu bé nhìn lên trên, trước mắt mình là một vách đá không cùng không tận. Cậu phải lấy vai để quẹt mồ hôi đang chảy xuống, không thì đôi mắt màu nâu khi nhìn ở một góc độ nào đó có chút màu xanh nước biển của cậu bị mồ hôi làm rát.

Leo xuống chừng một nửa, cậu bé hụt chân, trượt xuống nhanh gấp một lúc. Tuy rất hốt hoảng, nhưng cũng vô cùng may mắn, cậu đã bám trở lại được vách đá. Nhưng lúc này thể lực của cậu bé đã cạn kiệt, cậu không còn sức để leo xuống, cũng không còn sức để leo lên. Hồi ban đầu cơ thể vẫn còn nóng, mồ hôi đổ đầm đìa, nhưng cơ thể đứng yên nhanh chóng cảm nhận được ngọn gió. Cậu run bật lên vì lạnh.

Bị rơi vào hoàn cảnh tiến thoái lưỡng nan như thế này, cậu bé nhận thấy thính lực của mình nhạy bén hơn thường ngày. Ngoài âm thanh của gió, lá rơi và tiếng vỗ cánh của côn trùng ra, hình như cậu còn nghe được tiếng của cha mình đang nói chuyện với một người đàn ông nào đó khác. Phần lớn cuộc đối thoại cậu bé nghe không hiểu, nhưng khi cậu nghe thấy đoạn "nó chẳng chết theo định nghĩa thông thường, chỉ là không còn sống nữa," đột nhiên cậu bé cảm thấy cơ thể mình nhẹ nhõm hơn, không, nên nói là cảm giác về trọng lượng trước đó bỗng mất đi.

Cậu nghiêng đầu, như thể đang suy nghĩ điều gì đó, quyết định không leo xuống nữa, mà bắt đầu leo ngược trở lên trên vách đá. Không hiểu lý do gì khiến cậu đột ngột có một suy nghĩ bất chợt như thế này, khi bắt đầu leo lên, cậu cảm giác như mình là một sợi lông chim, chính giữa rỗng không.

Cậu bé leo lên vách đá, chui vào trong lều, mở balo của mình ra, trong đó có một ngăn chuyên dùng để chứa những cái lọ thu thập côn trùng sưu tập. Cậu bé đem từng cái lọ ra một, đi ra khỏi lều, mở từng cái ra, đổ hết bọ cánh cứng đang bị hốt hoảng nên giả chết ra ngoài. Mới ban đầu chúng vẫn còn hoảng sợ nên sáu chân co quắp, nằm chết trân không nhúc nhích trên mặt đất. Cậu lật từng con từng con một trở lại ngay ngắn. Vài phút sau, vài con bọ cánh cứng bò thập thò một đoạn ngắn, rồi giương đôi

cánh cứng ra, để lộ những chiếc cánh mỏng như thể vô hình dưới lớp cánh cứng, phần phật bay khỏi nơi đó.

Phần phật, phần phật, phần phật...

Cậu bé đứng trước vách đá, trong tầm nhìn của đôi mắt đẹp long lanh của cậu, bọn bọ cánh cứng vừa mới bay đi giờ chỉ còn là những chấm nhỏ. Nhưng hình dạng đôi cánh cứng vẫn có thể nhìn thấy được thấp thoáng. Bọn côn trùng đẹp quá. Cậu bé nói như thể đang hát. Lúc này, một con bọ cánh cứng rất lớn, trên đôi cánh có những đốm màu xanh lá cây và màu vàng đẹp mê hồn đậu trên một tảng đá trước mặt cậu. Bọ hung chân dài! Một con bọ hung chân dài đực! Cậu bé hét lên vì thích thú.

Trông đôi chân dài của nó kìa! Trông đôi cánh cứng khổng lồ của nó kìa!

Rồi kể từ lúc đó, cậu cảm thấy mọi thứ bắt đầu mơ hồ, không phải mơ hồ theo ý nghĩa ngôn ngữ thông thường, mà là một sự mơ hồ loài người khó có thể hiểu được. Như thể cậu đang biến thành một chiếc lá, một con côn trùng, một tiếng chim hót, một giọt nước, hay là một mảnh rêu phong, thậm chí là một hòn đá.

Phần phật, phần phật, phần phật...

Tựa như trong cảnh tượng ấy, chưa từng có một cậu bé đã leo lên vách đá. Còn tất cả mọi phong cảnh, bị hút trở lại vào trong con mắt đơn nhỏ hơn cả đầu kim của người mất kép. Tất cả mọi phong cảnh chỉ còn tồn tại trong ký ức.

The Road of Rising Sun

DAHU GỌI VÀO CHIẾC ĐIỆN THOẠI mà anh đưa cho Alice mãi không được. Thế là vào buổi sáng sớm hôm tỉnh dậy ở Giáo đường rừng rậm, anh quyết định lái xe một mình đến bờ biển gần ngôi nhà trên biển, anh phải xác nhận được rằng Alice không sao cả. Đến bờ biển, chỉ trông thấy đội tình nguyện bờ biển đã bắt đầu công việc dọn dẹp vệ sinh của ngày, không biết là do ảo ảnh hay hiện thực là như vậy, anh cảm thấy căn nhà trên biển hình như đã lún sâu hơn một chút. Anh thấy phía trước ngôi nhà trên biển hình như có một đôi nam nữ tựa như mẹ con, nhìn về phía ngôi nhà chỉ chỗ chỗ. Dahu bước tới hỏi thăm thử, thì ra là người vợ góa của nhà văn Kee đã mất.

"Mẹ tôi chỉ muốn nhìn lại mảnh đất trước kia, tiện thể cũng muốn xem coi giáo sư cũng ổn chứ," con trai của nhà văn nói.

"Để được an toàn, cô ấy đã dọn khỏi nơi này rồi," Dahu nói.

Người vợ góa của nhà văn nói bằng giọng như thể tiếc nuối vô hạn, "Hồi trước chúng tôi thường vừa trồng rau vừa ngắm biển ở đây, không thể ngờ rằng có một ngày lại chìm xuống biển như thế."

Dahu quyết định lên chòi đi săn một chuyến, cho dù Alice có giận dữ cũng không màng. Sau khi tới chòi săn, anh hoàn toàn xác nhận rằng còn có một người khác ở đó. Vì ngoài chòi săn còn dựng một cái lều, và căn chòi chính còn dựng thêm một cái mái cố định. Ngoài ra, anh cũng phát hiện được một nơi như là hầm dự trữ thực phẩm vậy, đồng thời trong lều bữa bãi đầy các loại sách và tranh vẽ. Có một số tranh thoát nhìn là biết ngay không phải do Alice vẽ, đầy ắp tính hoang dã và có sức tưởng tượng phi thường. Sau đó anh phát hiện được nguyên nhân tại sao điện thoại gọi mãi không được, vì Alice vốn không hề mang theo điện thoại. Điện thoại được dùng vào việc dẫn những bức tranh đó, đồng thời ở trạng thái tắt nguồn. Dahu vốn định đem điện thoại đi, nhưng nghĩ lại một hồi, chỉ đặt tấm pin năng lượng mặt trời của điện thoại ở nơi hướng về mặt trời, mở chức năng phát tín hiệu, đồng thời để lại một tấm giấy ghi chú. Dahu nghĩ, như thế này khi Alice về, thì có thể liên lạc được. Còn một khi Alice cầm lấy điện thoại và đi đến nơi nào, thì anh cũng có thể theo dõi và biết được.

Nhưng, Dahu cũng quyết tâm nhóm một đội tìm kiếm và cứu nạn sau khi xuống núi, lên núi tìm kiếm Alice. Cho dù anh không biết rằng Alice có cần cứu viện hay không, nhưng chuẩn bị tinh thần cho tình huống xấu nhất, đó là kinh nghiệm của anh ở ngoài hoang dã.

Còn trong lúc này, Atile'i đang cõng Alice xuống núi. Alice đã trông thấy Dahu đang đi lên núi từ xa, do đó bảo Atile'i đặt cô xuống, để tránh bị Dahu phát hiện. Họ lánh mặt cho đến khi Dahu đi khỏi, Atile'i mới cõng Alice yếu như sên về đến chòi săn. Lúc này việc đầu tiên mà Alice làm là mở nguồn điện thoại lên, gọi cho Dahu.

"Cô về rồi à! Tôi vừa mới đến chòi săn, không thấy cô, đang định nhóm một đội tìm kiếm cứu nạn lên núi đây," giọng của Dahu ngập tràn sự vui mừng và ngạc nhiên.

"Không sao, không sao hết. Không cần phải nhóm đội gì cả."

"Có phải có ai đó đang ở cùng với cô đúng không? Mấy hôm nay cô đi đâu vậy?"

"Uhm". Alice trả lời lửng lơ không rõ. "Giờ thôi không nói nữa nhé, có lẽ sau này tôi sẽ giải thích lại với anh sau."

Sau khi tắt máy, Alice đi loanh quanh tìm Ohiyo, thì phát hiện nó đang ngủ trong cái giỏ cỏ mà Atile'i kết, hai chân trước che mắt, toàn thân co quắp lại thành một viên tròn tuyệt đẹp, như thể tất cả mọi thứ đều không làm kinh động nó được.

Nhìn Ohiyo đang ngủ say, không biết vì sao, Alice bỗng dưng thấy thôi thúc phải viết lách, và không muốn chần chờ một giây phút nào. Alice về hiên viết của cô, đem sổ ghi chép ra, tiếp tục thiên tiểu thuyết mà cô viết mãi không xong, bắt đầu chép lại những gì xảy ra trong những ngày gần đây.

Atile'i không thể im lặng bảo: "Cô bệnh, tại sao, không nghỉ ngơi?"

"Tôi muốn viết một vài thứ."

"Viết gì?"

"Viết lại những chuyện hình như đã từng xảy ra, nhưng cũng là những chuyện vốn không xảy ra," Alice nói.

Kể từ sau cái đêm ở trong ngôi nhà người Bunun trong Giáo đường rừng rậm, Sara ở lại trong bộ lạc. Sáng nào cô cũng dậy sớm, đến những bờ biển ở những khu vực khác nhau để quan sát, ghi chép, lên ý tưởng cho nghiên cứu. Detlef đóng vai trò là tài xế của cô, thỉnh thoảng cũng đi săn cùng với những người trong bộ lạc hoặc xuống ruộng để trồng hạt kê và cao lương. Hai người họ càng ngày càng quen thuộc bờ biển này, cũng càng ngày càng buồn rầu. Mỗi ngày Sara đo nhiệt độ nước biển của vài khu vực một cách kiên trì và đều đặn, phát hiện ra nó đã cao hơn những ghi chép trước đây của hòn đảo khoảng 1,6 độ.

"Điều này có nghĩa là, tương lai lượng mưa rất có thể sẽ tiếp tục tăng cao," Sara nói với Detlef.

"Còn tình trạng ô nhiễm của nước biển thì sao?"

"Tệ lắm, chỉ có một vài động vật không xương sống mới miễn cưỡng sống ở đó. Lượng ôxy hòa tan trong nước cũng giảm xuống thấp, những đồ vật bằng nhựa bị phơi dưới ánh nắng mặt trời sẽ tiếp tục tiết chất độc vào nước biển, giống như có một mù phù thủy hạ độc bất kể ngày kể đêm. Anh xem này, nước biển đã đổi màu rồi đó."

Detlef nhìn sang, đúng là mặt biển chỗ đỏ chỗ vàng. "Tảo đã phủ khắp các chỗ cạn."

Tiếp xúc trong một thời gian khiến cho Detlef và Sara yêu hòn đảo. Nhưng lúc này, họ cũng phát hiện đám cư dân rất lạc quan sống ở nơi tương đối nghèo nàn này đã mất đi quyền lợi được đi biển.

Sau khi xác nhận Alice an toàn vô sự, Dahu bèn tiếp tục vui đầu vào việc làm sạch bờ biển và công việc của Giáo đường rừng rậm cùng với Anu. Dahu gọi điện thì Alice cũng nghe máy, chỉ là không mở cuộc gọi có hình ảnh. Đi ngang qua ngôi nhà trên biển thỉnh thoảng anh cũng thấy Alice xuống núi đi lại, vài lần còn gặp cả Detlef và Sara ở đó. Sara cảm thấy vô cùng hiếu kỳ đối với ngôi nhà bị chìm xuống biển này, và người phụ nữ sống trong căn chòi săn trên núi. Tuy ngoài mặt Alice chấp nhận tất cả mọi giao tiếp, nhưng có một cánh cửa sổ hầu như khép chặt mãi mãi. Cho dù Dahu có thử tìm hiểu như thế nào, cô một mực không chịu nói người còn lại ở trong chòi săn là ai. "Cho tôi chút thời gian," Alice nói.

Hafay thì cung cấp cà phê *salama* cho bạn bè trong bộ lạc và những du khách đến tham quan, còn Umav thì phụ trách kể cho du khách nghe tất cả mọi câu chuyện của người Ami và người Bunun. Umav cảm nhận được niềm vui trong việc kể chuyện, vì thế ngày càng trở thành một thiếu nữ. Cô để tóc mái, lấy chun cột tóc lên, để lộ ra hai nốt ruồi trên dái tai.

Cứ như thế, mùa đông đi qua.

Mùa xuân mới vừa tới, Detlef được mời đi giảng ở một trường đại học, do đó phải về nước cùng Sara. Vào một buổi tối mấy người họ ngồi lại với nhau để tán gẫu, Hafay đề nghị chọn một lúc nào đó đưa Detlef và Sara xuống phía Nam, "Sara vẫn còn chưa thấy được biển ở dưới phía Nam, thật tiếc." Kế hoạch nhanh chóng hình thành. Họ quyết định đi về phía Nam, và Dahu và Anu mỗi người lái một chiếc xe. Họ cũng rủ thêm Alice, nhưng Alice vẫn từ chối như thường lệ.

"Chưa đến lúc, thì hạt kê sẽ không nảy mầm đâu," Hafay an ủi Dahu.

Khi xe đi qua đầu làng của bộ lạc, Dahu hạ kính cửa sổ xuống, hỏi một người già đang ngồi chồm hổm bên vệ đường bằng tiếng Bunun rằng:

"*Mikua dihanin?*" (Thời tiết như thế nào?)

"*Na hudanan.*" (Sẽ mưa.) Người già đáp.

Thực ra suốt từ năm ngoái mưa vẫn không ngừng rơi trên hòn đảo, nhiều hơn cả dự đoán của các nhà khí tượng. Mưa như thế là thời tiết duy nhất vậy, bất luận là mưa phùn lất phất triền miên, hay là đôi lúc có mưa nắng, những trận mưa do mây đen kéo đến mịt mù sau giờ trưa, cho đến những trận mưa lớn đột ngột kéo đến không thể nào cảnh giác, cả hòn đảo rơi vào tình trạng như sắp sửa bị chìm xuống nước. Có không biết bao nhiêu tin tức về lũ lụt, sạt lở đất đá và hậu quả của chúng là sự suy sụp kinh tế. Và tình trạng này đã diễn ra liên tục hơn một năm, khiến cho tỷ lệ người dân đi bỏ phiếu không đến 50% trong cuộc bầu cử hồi cuối năm ngoái. Dân đảo đã không còn tin tưởng bất cứ nhân vật chính trị nào có thể dẫn dắt họ ra khỏi tình trạng khốn đốn như thế này.

"Làm gì có chuyện một con cá thòi lòi sẽ dẫn dắt một bầy cá thòi lòi ra khỏi đồng bùn được chứ?" Người bạn tên Ming với suy nghĩ đầy ắp bi quan của Alice đã viết như thế ở một bài viết được đăng trên báo.

Và cuối cùng vào một buổi sáng sớm nọ, Alice hoàn tất sửa chữa truyện của cô, gồm một truyện ngắn và một truyện dài. Atile'i đã học được hai chữ "truyện" này một cách lơ mờ, sau lưng mỗi một sự vật mà cậu không thể hiểu được trên đảo Gesi Gesi đều có một câu chuyện. Khi Alice nói cho Atile'i về việc cô đã viết xong truyện của mình, Atile'i hỏi:

"Tên gì chứ?"

"Truyện dài hay truyện ngắn?"

"Truyện dài."

"Người mất kếp."

"Truyện ngắn."

"Cũng là 'Người mất kếp'."

Chiều hôm ấy, Atile'i kiên quyết đưa Alice đến một nơi. Ban đầu Alice vô cùng ngạc nhiên, vì cô vẫn chưa muốn để lộ Atile'i với xã hội, tránh làm tổn hại cho cậu. Khi ra gần tới đường bờ biển, Atile'i đến một con đường rừng vẫn chưa rõ lối đi, dẫn Alice

chui vào trong một góc rừng. Góc rừng ấy có lẽ vốn dĩ là một con dốc, nhưng gần đây vì sự thay đổi địa hình, đã đột nhiên trở nên giáp biển. Ven góc rừng chất đầy muồn vùn thứ rác chưa được dọn dẹp (e là cũng sẽ chẳng có ai sẽ đến đây mà dọn dẹp). Atile'i vén một tấm buồm lớn trông như rác rến, trong đó có một thứ khiến cho Alice vô cùng kinh ngạc.

Đó là một con thuyền.

Thì ra trong khoảng thời gian này, nhân lúc trời tối, khi mà Alice đã ngủ, Atile'i chạy đến đây, âm thầm làm một con thuyền. Nhưng lần này không phải là *talawaka*, mà là một con thuyền được làm bằng nhiều thứ cây trên rừng, kết hợp với một số rác tái chế nhặt được bên bờ biển. Alice cảm thấy kết cấu cơ bản của con thuyền này rất giống với chiếc *tatala* của dân tộc Tao, chỉ có điều phía trên còn có thêm một cái lều che mưa. Khi được hỏi, Atile'i nói: "Nhìn con thuyền trong sách, tôi học làm."

Người thiếu niên ngay trước mặt cô, chỉ cần dựa vào một vài công cụ đơn sơ, vài tấm hình trong một quyển sách, tạo nên một chiếc *tatala* thoát nhìn như thật?

"Tôi biết xem sách." Đó là sự thật. Bắt đầu từ khi còn ở trên đảo Gesi Gesi, Atile'i đã từng xem nhiều quyển sách, cho dù từ đầu đến cuối cậu không hiểu được những chữ viết ở trên ấy, thì cậu cũng xem sách bằng một cách khác.

Alice hy vọng Atile'i sẽ ở lại, nhưng cậu không đưa ra một câu trả lời chắc chắn, Alice hiểu thế có nghĩa là cậu kiên quyết ra đi.

"Tôi nghe được tiếng của Rasula, rất nhỏ, nhưng đêm nào cũng nghe thấy," Atile'i nói. "Vốn dĩ hình như có đến hai âm thanh, nhưng gần đây, chỉ còn có một. Người Wayo Wayo, thích hợp với biển, tôi, đi tìm Rasula."

Họ lặng lẽ về chòi săn, bước chân nặng nề. Đêm hôm ấy cả hai không ai ngủ hết. Sáng sớm hôm sau, Alice đã chuẩn bị hết tất cả mọi thứ mà cô nghĩ người đi biển nên mang theo, toàn bộ gồm hai thùng lớn. Atile'i cười, lướt lại hành lý chỉ còn mỗi một thùng. Nhưng cậu lại xin Alice một đồng bút lớn.

"Nếu như chết sớm, linh hồn của tôi, có thể không thể rời khỏi. Còn nếu còn lâu lắm mới chết, tôi có thể, vẽ hình lên người." Cậu cởi chiếc áo khoác mà Alice đã mua cho cậu ra, và Alice thấy ngực, lưng, bụng, và thậm chí cả phần lưng mà cậu phải vịn tay ra sau để với tới, đều phủ kín những câu chuyện về quãng thời gian họ đã ở cùng với nhau: có Ohiyo, có những dòng suối ngày mưa chảy ra biển, có chim ở trên núi, thậm chí còn có Toto. Cậu vẽ hình ảnh bé tí ti của Toto trên một vách đá khổng lồ vô cùng vô tận, vách đá trải từ mộng lên đến tận xương bả vai cậu. Alice không nghĩ nổi bằng cách nào mà cậu có thể vẽ được như thế.

Alice không ngăn nổi mình thò tay sờ cơ thể trẻ trung ngăm đen, sắp sửa đi gặp cái chết một lần nữa. Nước mắt cô ràn rụa tuôn như thể một mùa mưa không thể nào xua đuổi được.

Còn xe của Dahu và Anu, chở Detlef và Sara, Hafay và Umav, đi về phía Nam. Họ nhìn thấy biển đã tràn qua địa hình vốn là bãi đá, nhìn thấy biển ở cảng khẩu lớn đã buộc cả bộ lạc phải di chuyển vào phía trong đất liền, như thể họ đang đi tuần ra Thái Bình Dương và xem xét từng nơi từng nơi vậy. Và họ chứng kiến đại dương này ném trả trở lại những thứ rác mà loài người đã ném xuống nó như thế nào, và núi đã vùi lấp những nơi mà loài người trước đây đã từng đào ra và tưởng rằng nó sẽ là đường lộ vĩnh viễn như thế nào.

Dahu sắp sửa lái đến một đường tình lộ mà mười mấy năm trước chính phủ đã quyết tâm thông lộ. Lúc bấy giờ những chính khách địa phương tuyên bố rằng vì muốn cải thiện giao thông cục bộ vùng sâu vùng xa, và hoàn thành quốc lộ khắp đảo, mới phải đào mở con đường này. Sau đó người ta mới biết rõ rằng đường này chuyên dùng để vận chuyển chất thải hạt nhân đến đổ ở những thôn nhỏ, vốn không phải được xây nên vì lợi ích giao thông của người dân nông thôn gì cả.

Đêm hôm trước, họ nghỉ lại và ăn cơm trong một tiệm mì ở thôn nhỏ ven biển, Anu gọi một phát hai trăm cái sủi cảo. Dahu nói về con đường mà sáng sớm ngày mai mình sẽ đi đến: "Hồi còn trẻ tôi đã từng đi đến đó, nhưng hồi đó đường quốc lộ vẫn chưa được mở thông. Chúng ta không cần phải đi quốc lộ, tôi sẽ dẫn quý vị đi đường cũ, con đường đó đi dọc bờ biển, men theo chân núi, có thể nhìn thấy một bờ biển tuyệt đẹp không thể tưởng tượng nổi. Hồi xưa thật là xưa, nó là con đường cổ mà dân bản địa của đầu kia ngọn núi qua lại với người dân bản địa của đầu này ngọn núi. Tôi nghĩ là chúng ta nên xuất phát vào giữa khuya, để kịp nhìn thấy mặt trời mọc."

Lúc bấy giờ, tivi trong tiệm mì nhỏ kia đang phát một talkshow nói không ngừng nghỉ. Chủ đề nói chuyện tối nay chính là việc trôi dạt trên biển và châu thổ thần bí. Trong đó có một đoạn nhắc đến, khoảng hai mươi năm trước, cá đánh bắt ở vịnh Mexico bị giảm một lượng lớn do công ty khai thác dầu khí đã gây ra ô nhiễm, và nửa năm trước có một thuyền đánh bắt mực đã cứu một cô gái da ngăm đen và mái tóc hung đỏ. Cô gái trông có lẽ đã trôi dạt trên biển ít nhất phải một tháng ròng. Sức khỏe cô rất yếu, nhờ sự nỗ lực cấp cứu của các y bác sĩ thì cô đã tỉnh lại trong khoảng vài phút. Sau khi tỉnh dậy cô gái lẩm bẩm một mình những tiếng yếu ớt: "Atile'i! Atile'i!" Theo suy đoán của một vài chuyên gia ngôn ngữ học, đây rất có thể là một từ mang ý cầu cứu trong ngôn ngữ của cô. Cô gái dựa vào hệ thống duy trì sự sống bên ngoài cơ

thể, lại hôn mê trong một khoảng thời gian, nhưng vẫn không chết thật sự, mãi cho đến sau khi bác sĩ mổ bụng lấy thai nhi ra, thì sóng não cô mới ngừng hoạt động.

"Thật là một kỳ tích." Hafay và Dahu đều nhận ra người dẫn chương trình có đôi chân dài và trang điểm rất đậm ấy chính xác là Lily. Người phát thanh viên của đài truyền hình này sau sự kiện biển lần rồi đã bị đổi, không biết tại sao cô ấy lại được thăng lên làm phát thanh viên chính. Tin tức tiếp tục đưa, tuy thai nhi có khiếm khuyết bẩm sinh, nhưng sức sống thì rất mãnh liệt. Điều đáng tiếc duy nhất là hai chân của thai nhi dính liền nhau, như đuôi cá voi và cá heo.

Sara nhờ Dahu dịch tin tức ấy lại cho cô nghe. Tất cả mọi người xem được dòng tin tức ấy, đều không biết nên thương xót hay là vui mừng cho đứa trẻ ấy. Umav nói, "Hai chân dính liền lại với nhau mới tốt, rất dễ bơi."

Đài khí tượng đưa tin chắc chắn không phải tin tốt lành, vì cơn bão sớm nhất trong năm nay, vào đầu tháng Ba đã hình thành ở phương xa, rất có khả năng sẽ đi thẳng tới miền Đông của hòn đảo. Các chuyên gia dự đoán, lúc đó vực xoáy rác sẽ bị mưa gió đánh vỡ, và bủa vây chung quanh hòn đảo. Ngoài ra hệ mây của cơn bão này rất hoàn chỉnh, và sẽ mang lại một lượng mưa đáng kể.

Nửa đêm đó, cả đoàn Dahu đã lên đường. Giữa đêm tối, khắp trong xe là tiếng mọi người nói chuyện rôm rả bằng những ngôn ngữ khác nhau. Không lâu sau đó, vì nhìn không rõ tình trạng đường ở trước mặt, Dahu phải chậm chậm dừng xe lại.

"Không nhìn thấy đường," Dahu nói.

Đường sá biến mất rồi.

Lúc này do sương khói mù mịt, họ không trông thấy rõ hình dạng của vầng mặt trời đang ngoi lên từ mặt biển, và rồi khoảng không gian được đèn pha rọi vào dần dần sáng tỏ. Lúc này họ mới phát hiện, nơi vốn là đường sá, thì nay nước biển đã nhấn chìm nó hoàn toàn. Chắc nơi này hẻo lánh quá nên chả ai đưa tin, hoặc họ đã không để ý đến tin tức này, phần mềm chỉ đường cũng không cập nhật những dữ liệu này. Dù sao thì, con đường vốn dĩ là dư thừa, rất ít người sử dụng, chuyên dùng để vận chuyển chất thải hạt nhân này, đã lặng lẽ bị chìm xuống biển như thế đấy.

Cứ như thể con đường cố tình lao thẳng xuống biển vậy. Đứng ở cuối con đường, cả đoàn người trông ra xa xa, tận cùng là Thái Bình Dương âm u mênh mông, và mặt trời mọc yếu ớt.

Dahu, Hafay, Umav, Anu, Detlef và Sara đều xuống xe, đứng trước mép con đường thông thẳng ra biển này, không nói nổi một lời nào. Còn đại dương ở đằng xa vẫn kiên định đưa đến từng đợt từng đợt sóng biển.

Xuất phát sớm hơn phái đoàn Dahu một chút, Alice cùng với Atile'i đi vào khu rừng kia, đẩy chiếc thuyền của cậu từ từ xuống biển. Alice nghiêng đầu nhìn Atile'i và nghĩ, tất cả chuyện này, rốt cuộc thật không, hay do ảo giác của cô thêu dệt ra? Có thật là suốt thời gian qua cô đã sống cùng một cậu thanh niên đến từ đồng rác trên Thái Bình Dương không?

Biển khơi trong bóng đêm thật mơ hồ, như một tấm ảnh cũ lốm đốm thô ráp, như thể rốt cuộc thì người ta cũng có thể nắm bắt được sự vật gì đó trong mơ hư không. Alice ngồi lên thuyền của Atile'i, cả hai trông ra xa chìm đắm trong suy nghĩ riêng. Thời gian lặng lẽ trôi qua, Atile'i cũng chẳng hề có ý bơi mái chèo. Mãi cho đến khi có một đàn hải âu bay qua trước mắt họ, Atile'i mới mở miệng nói:

"Alice, cô có thể cầu nguyện giúp tôi được không?"

"Đương nhiên. Nhưng tôi nên cầu nguyện ai đây?"

"Ai cũng được. Kabang, hay là thần linh của các cô, hoặc là đại dương."

"Cầu nguyện có hiệu quả không?"

"Có lẽ không. Thầy Quản biển... cha của tôi từng nói, khi đối mặt với biển cả, chúng ta không thể biết được nó sẽ mang đi thứ gì, hay đột nhiên cho chúng ta thứ gì, đó chính là lý do buộc chúng ta phải cầu nguyện." Phần sau của câu nói này, Atile'i nói bằng tiếng Wayo Wayo, do đó Alice không thể nắm bắt được hết toàn bộ ý nghĩa của câu nói.

Dahu và tất cả mọi người đều ngồi xuống, như thể tận cùng của con đường này chính là bãi biển vậy. Họ không muốn rời khỏi đó sớm quá, cho dù chắn chắn trước mặt đã không còn đường để đi. Dahu huyền thuyên kể lại chuyện nhiều năm trước đây anh đã đi trên con đường cũ này. Anh nói mãi cho đến khi tiếng càng lúc càng nhỏ lại, cuối cùng đến chính anh cũng không còn nghe thấy mình đang nói gì nữa. Umav đá vào nước biển, Sara đóng nước biển ngay trước mặt mình vào một cái lọ đựng mẫu thử, Detlef cầm máy ảnh ghi hình, còn Anu thì lột quần áo trên người ra, nhảy xuống biển và bơi.

Dahu nhận thấy hôm nay Hafay không mang ủng, mà mang một đôi giày xăng-đan, để lộ ngón chân thứ sáu của cô ra ngoài. Anh cảm thấy ngón chân thừa ra ấy trông giống như hạt kê vừa mới nảy mầm, vô cùng đáng yêu.

Còn Hafay bắt đầu hát. Khi cô vừa mở miệng, tất cả mọi người đều dừng lại, hình như đến sóng biển cũng ngưng vỗ bờ. Thế giới chỉ còn lại mỗi tiếng hát.

Ban đầu cô hát một bài bằng tiếng Ami, rồi hát một bài do cô tự sáng tác, tiếp theo, cô hát một bài tiếng Anh xưa. Đó chính là bài hát mà cô học được từ trong CD mà anh chàng kia đã tặng cho cô, Hafay có thể học thuộc ca từ của tất cả các bài hát trên chiếc CD ấy, cho dù cô hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa của chúng.

Oh, where have you been, my blue-eyed son?

(Ô, con đã đi đâu, đứa con trai có đôi mắt màu xanh lam của ta?)

Oh, where have you been, my darling young one?

(Ồ, người đã đi đâu, cậu thiếu niên yêu dấu của ta?)

I've stumbled on the side of twelve misty mountains,

(Ta đã bước chân qua mười hai ngọn núi cao miên man sương khói,)

I've walked and I've crawled on six crooked highways,

(Ta đã đi qua và cũng đã leo qua sáu con đường cao tốc quanh co,)

I've stepped in the middle of seven sad forests,

(Ta dẫm vào chính giữa của bảy khu rừng bi thương,)

I've been out in front of a dozen dead oceans,

(Ta đã từng đối mặt với mười hai vùng biển chết,)

I've been ten thousand miles in the mouth of a graveyard

(Ta đã chui vào đủ một vạn dặm của một huyệt mộ mở toang miệng,)

And it's a hard, and it's a hard, it's a hard, and it's a hard,

(Và lúc này, một trận mưa to, một trận mưa to, một trận mưa to, một trận mưa to,)

And it's a hard rain's a-gonna fall.

(Một trận mưa to đang trút xuống.)

Oh, what did you see, my blue-eyed son?

(Ồ, con đã nhìn thấy gì, đứa con trai có đôi mắt màu xanh lam của ta?)

Oh, what did you see, my darling young one?

(Ồ, người đã nhìn thấy gì, cậu thiếu niên yêu dấu của ta?)

I saw a newborn baby with wild wolves all around it,

(Tôi thấy một đứa bé sơ sinh bị một bầy sói vây xé,)

I saw a highway of diamonds with nobody on it,

(Tôi thấy một công lộ được khoét đá mà thành, trên đó không có một ai,)

I saw a black branch with blood that kept drippin',

(Tôi trông thấy một nhánh cây đen nhánh, máu rỏ xuống liên tục,)

*I saw a room full of men with their hammers a-bleedin,
(Tôi trông thấy một căn phòng đầy người, tay cầm búa rỏ máu,)*

*I saw a white ladder all covered with water,
(Tôi nhìn thấy một cái thang màu trắng bị chìm dưới nước,)*

*I saw ten thousand talkers whose tongues were all broken,
(Tôi trông thấy một vạn người diễn thuyết, lưỡi họ thảy đều gãy cả,)*

*I saw guns and sharp swords in the hands of yong children,
(Tôi nhìn thấy những đứa trẻ tay cầm súng và gươm bén,)*

*And it's a hard, and it's a hard, it's a hard, it's a hard,
(Và một trận mưa to, một trận mưa to lắm, một trận mưa to, một trận mưa to,)*

*And it's a hard rain's a-gonna fall.
(Một trận mưa to đang trút xuống.)*

Đây là một bài hát từ rất lâu. Nhưng, cho đến cả Dahu là người đã từng nghe Hafay hát nhiều bài hát, cũng cảm thấy tiếng hát của cô như lấp thứ gì đó vào trong cơ thể có chút rỗng toang của mình; cho đến cả Anu, nghe không hiểu một câu nào, cũng cảm thấy như mình phải chịu trách nhiệm cho niềm bi thương trong tiếng ca ấy vậy; cho dù cả Detlef, người đã từng thực sự vào đến tận lòng núi, cũng cảm thấy có một hang sâu thẳm xuất hiện sau khi có thứ gì đó bị đào rỗng, có lấp thế nào cũng không thể đầy được; cho dù một cô gái bé bỏng chưa từng thực sự trải qua sự đời như Umav cũng cảm thấy có một cơn mưa to sắp sửa đến.

Sara bị chấn động bởi tiếng hát của Hafay, mái tóc hung đỏ của cô bay phấp phới, như một lá cờ. Hạt mưa trong tiếng hát của Hafay như thể vì gió mạnh quá nên vỡ vụn tan tành, do đó trận mưa xem ra còn dữ tợn hơn thực tế rất nhiều. Sara và Hafay trao cho nhau ánh mắt, rồi hát tiếp với nhau, Hafay hát bè cho Sara:

*And what did you hear, my blue-eyed son?
(Con nghe gì, hỡi đứa con trai có đôi mắt màu xanh lam của ta?)*

*And what did you hear, my darling yong one?
(Và người nghe gì, cậu thiếu niên yêu dấu của ta?)*

*I heard the sound of a thunder, it roared out a warnin',
(Tôi nghe tiếng sấm nổ ì ùng cảnh cáo,)*

*I heard the roar of a wave that could drown the whole world,
(Nghe thấy một con sóng lớn đủ để chìm chết cả thế giới,)*

I heard one thundred drummers whose hands were a-blazin',
(Hàng trăm người đánh trống tay chớp nhoáng ánh điện,)

I heard ten thousand whisperin' an nobody listenin',
(Tôi nghe thấy hàng vạn tiếng thầm thì mà chẳng ai lắng nghe,)

I heard one person starve, I heard many people loughin',
(Có người nhịn đói một mình, nhưng rất nhiều người đang cười nhạo,)

I heard the song of a poet who died in the gutter,
(Tôi nghe thấy tiếng hát của một nhà thơ chết trong một con kênh,)

I heard the sound of a clown who cried in the alley,
(Nghe thấy tiếng một anh hề đang khóc trong hẻm nhỏ,)

And it's a hard, and it's a hard, it's a hard, it's a hard,
(Và một trận mưa to, ồ một trận mưa to lắm, một trận mưa to, một trận mưa to
kìa)

And it's a hard rain's a-gonna fall.
(Một trận mưa to kéo đến ngay trước mắt.)

Oh, who did you meet, my blue-eyed son?
(Ồ, con đã gặp ai, đứa con trai có đôi mắt màu xanh lam của ta?)

Who did you meet, my darling young one?
(Người đã gặp ai, cậu thiếu niên yêu dấu của ta?)

I met a young child beside a dead pony,
(Tôi gặp một đứa bé thơ dựa vào một con ngựa nhỏ đã chết,)

I met a white man who walked a black dog,
(Tôi gặp một người da trắng dắt một con chó đen,)

I met a young woman whose body was burning,
(Tôi gặp một phụ nữ trẻ với cơ thể đang bốc cháy,)

I met a young girl, she gave me a rainbow,
(Tôi gặp một cô gái, cô ấy đưa cho tôi một chiếc cầu vồng,)

I met one man who was wounded in love,
(Tôi gặp một cậu con trai thương tích bởi tình yêu,)

I met another man who was wounded with hatred,
(Một người khác thương tích bởi lòng thù hận,)

*And it's a hard, it's a hard, it's a hard, it's a hard,
(Và một trận mưa to, mưa to lắm, mưa to, mưa rất to,)*

*And it's a hard rain's a-gonna fall.
(Một trận mưa to đang trút xuống.)*

Và giờ đây người dân đảo Wayo Wayo đang sắp sửa tỉnh dậy, cảm thấy tối qua gió hết sức lớn. Thực ra thì gió ở đảo Wayo Wayo vào ban đêm rất lớn, chỉ là người dân đảo không biết mà thôi, trong mấy trăm năm gần đây, mỗi đêm đảo Wayo Wayo di chuyển về phía Bắc 0,0001 độ dài của một con giun đất, thu nhỏ lại một khoảng bằng cỡ diện tích một bàn tay. Nhưng vào sáng sớm hôm nay, một đội thuyền âm thầm từ một hải vực nào đó nhìn ra một hải vực ở phía đằng xa, như đội hình hành hình, lặng lẽ xếp hàng, tất cả mọi thủy thủ đều đứng ở vị trí của mình, nhìn ra đằng xa. Không bao lâu sau một tia sáng vụt bắn lên bầu trời, bay ngang khoảng vài ngàn cây số, rồi bẻ cua ào thẳng xuống biển, người dân đảo Wayo Wayo vừa mới tỉnh dậy những tưởng là một ngôi sao khổng lồ vừa rơi xuống đại dương.

Tia sáng chìm sâu xuống đáy biển, không ngừng chui xuống nơi sâu thẳm trong rãnh đại dương, ở đó có đại dương màu xanh lam và những loài sinh vật quái đản như đến từ ngoài không gian mà loài người chưa từng nhìn thấy. Đột nhiên, cả đại dương đều nghe thấy một âm thanh khủng khiếp chưa bao giờ nghe qua, giống như có một sinh linh khổng lồ nào đó đang rời khỏi đại dương. Một vết rạch cực đại xuất hiện ở chỗ sâu gần rãnh đại dương, chấn động lan ra phía hai bên rãnh đại dương, một lực mạnh trước đây chưa từng thấy làm sóng thần nổi lên. Sóng thần ý chí kiên cường, như một cái bào khổng lồ không gì sánh được, xô một vực xoáy rác khác trên đại dương đập vào đảo Wayo Wayo, trong thời gian ba phút ba mươi hai giây, lửa tắt thảy những sinh mệnh và những vật không có sinh mệnh trên hòn đảo nhỏ này xuống đáy biển.

Trên đảo chỉ có thầy Quản biển và thầy Quản đất đã tiên tri được sự kiện này. Một ngày trước họ đã cầu nguyện, nhưng không nghe thấy Kabang phản ứng.

"Tại sao Kabang không phản ứng?" Thầy Quản đất thảo luận với thầy Quản biển.

"Tôi nghĩ ngài sẽ không phản ứng."

"Chúng ta có nên cảnh báo cho dân đảo không?"

"Cảnh báo có tác dụng gì không?"

Hai người lặng đi một lúc. Thầy Quản đất nói lầm bầm: "Tôi mong muốn được biết lý do của Kabang, tôi mong muốn được biết lý do của Kabang." Những nếp nhăn trên mặt khiến cho tất cả thủy ngữ quan của ông như bị rơi vào trong một hang động.

"Ông cũng biết, Kabang làm bất cứ việc gì cũng không cần có lý do. Cho dù Wayo Wayo chỉ lẳng lặng sống ở một góc của thế giới," thầy Quản biển nói.

"Cho dù Wayo Wayo chỉ lẳng lặng sống ở một góc của thế giới." Như một giọng bè, họ lặp lại câu nói ấy: "Cho dù Wayo Wayo chỉ lẳng lặng sống ở một góc của thế giới."

Khi sóng thần khổng lồ mang theo các loại rác rến ập đến, hai người họ một người day mặt về phía biển, một người day lưng về phía biển, chia nhau ngồi ở hai rìa hòn đảo, mở to mắt nhìn tất cả mọi thứ diễn ra. Hốc mắt của thầy Quản biển do ráng sức quá độ, nên đã chảy máu. Hai tay thầy Quản đất nắm chặt đất, đến nỗi các khớp ngón tay đều vỡ nát. Cơ thể họ bị sóng to đánh ập, phút chốc rách toang, cho dù ý chí kiên cường, họ vẫn không thể nhịn nổi đành phải hét lên đầy đau đớn. Nhà cửa, tường vò sò, *talawaka*, những đôi mắt tuyệt đẹp, những đôi tay chai sần khốn khổ, những mái tóc bám đầy muối biển và tất cả những câu chuyện về biển ở trên đảo phút chốc bị hủy diệt.

Cùng thời gian đó, bấy cả nhà táng do những linh hồn con trai thú đảo Wayo Wayo hóa thành, hình như nghe thấy sự mách bảo gì đó, lẳng lẽ xếp hàng đầu đuôi lại với nhau, vây chặm vây, rẽ sóng bơi về một hướng nào đó. Chúng bơi không ngừng nghỉ cả ngày lẫn đêm, ban đêm cũng không ngừng nghỉ mà hóa thành linh hồn. Bấy cả xuyên qua đường chí tuyến Nam, xuyên qua ba con mắt bão vừa mới hình thành, xuyên qua vùng biển giá lạnh và vùng biển ấm áp, hướng thẳng về lục địa.

Vào một buổi sáng trong lành một tuần sau đó, ở Valparaíso thuộc phía Nam của Chile, người ta phát hiện vài trăm xác cá nhà táng mắc cạn trên bờ biển, ánh mắt chúng tuyệt vọng, da khô nứt nẻ, gân xương đã bị trọng lượng của cơ thể mình đè nát, trên đầu chảy xuống hai dòng lệ mà vốn dĩ loài cá voi không bao giờ biết khóc. Dân trong thôn dự định nhân lúc thủy triều dâng cao sẽ đẩy một số xác cá voi trở lại biển, nhưng cá voi đã trôi lại bờ biển với một thái độ cố chấp và tuyệt vọng.

Các chuyên gia về cá voi cá heo ở khắp nơi trên thế giới đã có mặt trong thời gian ngắn nhất, vì cả đám cá nhà táng này toàn là con đực, đây là chuyện tương đối kỳ lạ. Điều càng khiến người ta kinh ngạc là còn có con to đến hai mươi mét. Đây là điều chưa từng thấy qua những ghi chép trong vài năm trở lại đây, vì chuyên gia cho biết, từ rất lâu do tình trạng đánh bắt quá độ mà hệ sinh dục của đám cá nhà táng đã trưởng thành sớm, nên kích thước cơ thể chúng bị thu nhỏ đáng kể. Vốn dĩ họ cho rằng, trên thế giới đã không còn loài cá nhà táng khổng lồ thực sự.

Cho đến cuối đời, những chuyên gia đã tập trung trên bờ biển đó đều chỉ kể đi kể lại một câu chuyện, đó chính là tận mắt chứng kiến cái chết của một bầy sinh vật khổng lồ. Máu chảy ra lênh láng từ trong miệng to đùng của cá voi, lỗ mũi phía trước bên trái ở đầu phun ra một lượng lớn mùi tanh thối. Con cá voi quẫy đuôi đau đớn

khiến bãi cát lồm xướng nhiều lỗ hõm khổng lồ, đập cái đầu to lớn lên cát biển, như thể muốn tống khứ ký ức ra khỏi bộ não. Âm thanh vừa nặng nề, đơn điệu và tuyệt vọng của chiếc đầu cá voi nện liên tiếp xuống cát vang xuyên qua đầu kia của ngọn núi, khiến cho ngực của người dân thôn quê đang cày bừa phải nhói lên.

Mặc dù ngoài tiếng nện xuống mặt đất, bầy cá voi mắc cạn hầu như không phát ra âm thanh gì khác nữa, nhưng về sau khi thuật lại câu chuyện thì tất cả các chuyên gia đều tuyên bố rằng họ đã nghe thấy tiếng kêu của cá voi trong thời khắc chúng mắc cạn. Về sau cho dù họ có mô phỏng lại bằng tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Mông Cổ, tiếng Galicia, tiếng Dhivehi, thậm chí là một thiên tài ngôn ngữ sử dụng từ ngữ Manx và Eyak thì cũng không thể nào phát ra âm thanh chính xác... yết hầu của họ như thể bị hóc phải một chiếc xương cá, đau đớn vô cùng.

Còn Valparaíso run rẩy như một con cá voi bị thương, mà lúc này, một con cá voi, một con cá voi, một con cá voi, một con cá voi, một con cá voi... đã ngừng thở trên bãi biển. Một số con cá voi ngừng thở sớm hơn, dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt đã căng dần ra, thối rữa, rồi đột nhiên con này tiếp nối con kia nổ tung. Nội tạng bay vèo ra trong bầu không khí ẩm ướt và nặng nề, như mưa rải xuống những chuyên gia, ngư dân, những đứa trẻ đến để nhặt xương cá voi. Một mùi hôi thối mà trước đây chưa hề ngửi qua khiến họ choáng váng xây xẩm, hoặc sụp xuống một góc ỏi mưa không ngừng.

Cho đến khi họ lấy lại được tinh thần, thì tất cả bọn cá đã chết ngum, các chuyên gia thống kê số lượng xác cá, tổng cộng là ba trăm sáu mươi lăm con. Một học giả về cá voi và cá heo tuổi quá bảy mươi đến từ Thụy Điển là Andreas quỳ xuống đất khóc rống lên, cho đến chết. Tiếng khóc trước lúc chết của ông đã làm kinh động tấm lòng của tất cả những người có mặt ở đó, vì vậy họ đã lần lượt khóc theo thành tiếng, nước mắt rỏ xuống bãi cát, rồi bị nước biển lúc triều dâng không lâu sau đó mang đi.

Lượng muối trong nước biển, cũng không vì thế mà tăng thêm chút nào.

Đảo Wayo Wayo bị sóng thần nuốt mất đúng lúc mặt trời mọc. Atile'i day lưng về phía đảo, miệng ngậm chiếc sáo biết nói mà thổi lên, bơi vào vực xoáy rác vụn nát không buồn quay đầu nhìn lại. Giai điệu sáo vừa mềm mại dịu dàng không hiểu nổi, vừa cay đắng không thể diễn tả bằng lời. Sau khi đưa tiễn Atile'i đi rồi, Alice bơi lên nóc của ngôi nhà trên biển, đứng trên một tấm pin năng lượng mặt trời đã vỡ, ngóng tìm Atile'i. Phải mất một lúc lâu cô mới tìm thấy chiếc thuyền của Atile'i, vì mũi thuyền và chiếc lều che mưa của Atile'i đều sử dụng nguyên liệu từ vực xoáy rác để làm, nên con thuyền đã dễ dàng ẩn trong biển rác. Còn hình bóng của Atile'i đã nhỏ như thể một chú chim biển. Không lâu sau, Alice bắt đầu hát, có lẽ là hát cho Atile'i nghe, cũng có

thể là hát cho chính mình nghe, đó là một bài trong những bài hát mà vào cái đêm đầu tiên gặp gỡ Jakobsen, Jakobsen đã nhìn ra biển và hát. Cô vẫn còn nhớ anh vừa kể chuyện xung đột về quyền lợi biển dẫn đến cuộc chiến Đan Mạch và Thụy Điển năm 1808 đến năm 1809, vừa giới thiệu những khẩu súng pháo ở khu camping Charlottenlund Fort, chính là di tích lưu lại được của thời đó.

"Trước đây vào lúc mà bờ biển thực sự trải qua chiến tranh ấy, những khẩu súng pháo cũng thực sự nổ pháo, binh sĩ cũng thực sự chết tại bãi biển này, thuyền đắm tại vùng biển mà chúng ta có thể nhìn ra từ chỗ này. Đây không phải là khẩu đại pháo trang trí đâu nhé." Anh khoe rằng mình đã từng ở trong một hang động sâu dưới lòng đất ba mươi mấy mét, dong thuyền một buổi qua đại dương, trước mắt đang chuẩn bị thử sức leo vách núi. Sau đó họ đã làm tình, dương vật của Jakobsen như một ngọn đuốc đốt sâu trong cơ thể cô, trong túp lều nho nhỏ, thế giới mà Alice nhìn thấy qua đôi vai của Jakobsen như thể đang bùng lóe lên. Trong một khoảnh khắc cô nhìn vào đôi mắt màu xanh dương nhạt của anh mà cảm giác như thấy được một triệu thế giới.

Oh, what'll you do now, my blue-eyed son?

(Ồ, giờ đây con định làm gì, hồi đứa con trai có đôi mắt màu xanh lam của ta?)

Oh, what'll you do now, my darling young one?

(Ồ, giờ đây người định làm gì, cậu thiếu niên yêu dấu của ta?)

I'm a-goin' back out 'fore the rain starts a-fallin',

(Tôi muốn rời khỏi đây trước khi mưa lớn đổ xuống,)

I'll walk to the depths of the deepest black forest,

(Tôi muốn đi vào nơi sâu thẳm của khu rừng sâu nhất đen tối nhất,)

Then I'll stand on the ocean until I start sinkin',

(Sau đó tôi sẽ đứng giữa biển khơi mãi cho đến khi chìm xuống,)

But I'll know my song well before I start singin',

(Trước khi tôi mở miệng hát lên một bài ca, tôi sẽ học thuộc lòng khúc hát,)

And it's a hard, it's a hard, it's a hard, it's a hard,

(Và một trận mưa to, mưa to, mưa to, mưa to lắm,)

It's a hard rain's a-gonna fall.

(Một trận mưa to đang trút xuống.)

"Biển chúc phúc cho cậu," Alice nói bằng giọng nhỏ hơn cả đầu nhọn của một cây kim. Cậu thiếu niên ra đi, vào biển cả. Và lúc này, thời tiết trên biển chẳng một chút trong lành, mây mưa tụ ở đằng xa, một trận mưa bão mà ngay cả những người dân

đảo đã từng nhìn thấy vô số trận mưa bão, cũng sẽ chưa bao giờ chứng kiến, sắp sửa kéo đến.

Alice bơi trở lại bờ, những người dọn dẹp bờ biển đến sớm trông thấy cô ướt sũng cả người, nên chạy đến hỏi han quan tâm, nhưng Alice tự mình đi đến con đường về chòi săn. Cô cúi đầu đi thẳng một mạch, không muốn để cho họ nhìn thấy rõ mặt. Lúc này cô một thân một mình đi trên con đường về hướng ven rừng vừa không có tình yêu cũng không có sự thương cảm: ở đó lần đầu tiên cô gặp Atila, cũng chính là con đường mòn mà nhiều năm trước đây cô đi lấy nước cùng với Jakobsen. Cô bước đi lặng lẽ, những giọt sương đọng trên những nhành cỏ thấm từ từ đến những ngón chân trong đôi giày thể thao, dần dần thấm đến mi mắt cô. Bỗng nhiên, Alice cảm thấy có một thứ gì đó mềm mại đang cạ sát vào chân cô.

Ohiyo, là Ohiyo.

Alice cảm thấy vui mừng vì mình vẫn còn có đối tượng để có thể kêu gọi như thế này. Alice không để ý tự bao giờ, Ohiyo đã biến thành một con mèo lớn đẹp đẽ. Cô phải làm gì đó với con vật bé bỏng vẫn còn sống này.

Con mèo ngẩng cái đầu nho nhỏ và vô cùng mảnh mai lên, mở đôi mắt một con màu xanh lam, một con màu nâu, đáp lại tiếng gọi của cô, và nhìn cô.

Mục Lục

Chương một	9
1. Hang động.....	10
2. Đêm cuối của Atile'i	11
3. Đêm cuối của Alice	17
 Chương hai	26
4. Hòn đảo của Atile'i.....	27
5. Ngôi nhà của Alice	39
 Chương ba.....	53
6. Sisid Thứ bảy của Hafay.....	54
7. Ohiyo của Alice	61
 Chương bốn.....	72
8. Rasula, Rasula. Con muốn ra biển thật sao?	73
9. Hafay, Hafay, chúng ta xuống hạ du	79
10. Dahu, Dahu, nên đi theo đường nào để lên núi?	87
 Chương năm	97
11. Vực xoáy trên biển.....	98
12. Hòn đảo khác.....	112
 Chương sáu	115
13. Atile'i	116
14. Alice.....	124

15. Dahu.....	127
16. Hafay.....	131
Chương bảy	137
17. Câu chuyện về đảo của Atile'i	138
18. Câu chuyện về đảo của Alice.....	146
19. Câu chuyện về đảo của Dahu	155
20. Câu chuyện về đảo của Hafay	162
Chương tám	167
21. Xuyên qua núi	168
22. Cơn bão sắp đến.....	180
23. Người mất kép I	188
Chương chín	195
24. Đường bờ biển.....	196
25. Đường núi.....	206
26. Người mất kép II.....	215
Chương mười.....	219
27. Hang động trong rừng.....	220
28. Hang động dưới vách đá	229
29. Người mất kép III	233
Chương mười một.....	240
30. Người mất kép IV	241
31. The Road of Rising Sun.....	243